BỘ 3 • SỐ 28 • THÁNG TÁM 1991

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tuổi trẻ Việt ở Đông Âu:
Phải dựng lại nước Việt tự do !

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

CÓ BÁN CÁC LOẠI GIẤY SỐ

California Lottery LOTTO

California Lottery DECCO

Little Lotto

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

Hiện nay chỉ có chợ Little Saigon làm thẻ hội viên cho khách hàng
MIỄN PHÍ. *Chụp hình ngay, bọc nhựa Gởi tận nhà.*

Mua tận gốc, bán tận ngọn! Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất!
Chỉ có tại chợ LITTLE SAIGON!!!

MỘT NGƯỜI NÓI, NGÀN NGƯỜI NGHE, TRĂM NGÀN NGƯỜI ĐẾN!

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 BOLSA AVE. ● WESTMINSTER, CA 92683 ● TEL: (714) 531-7272

ONE STOP TRAVEL

9211 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683 (Trong khu Chợ 99)

Phone: (714) 373-8373 **Fax: 373-8377**

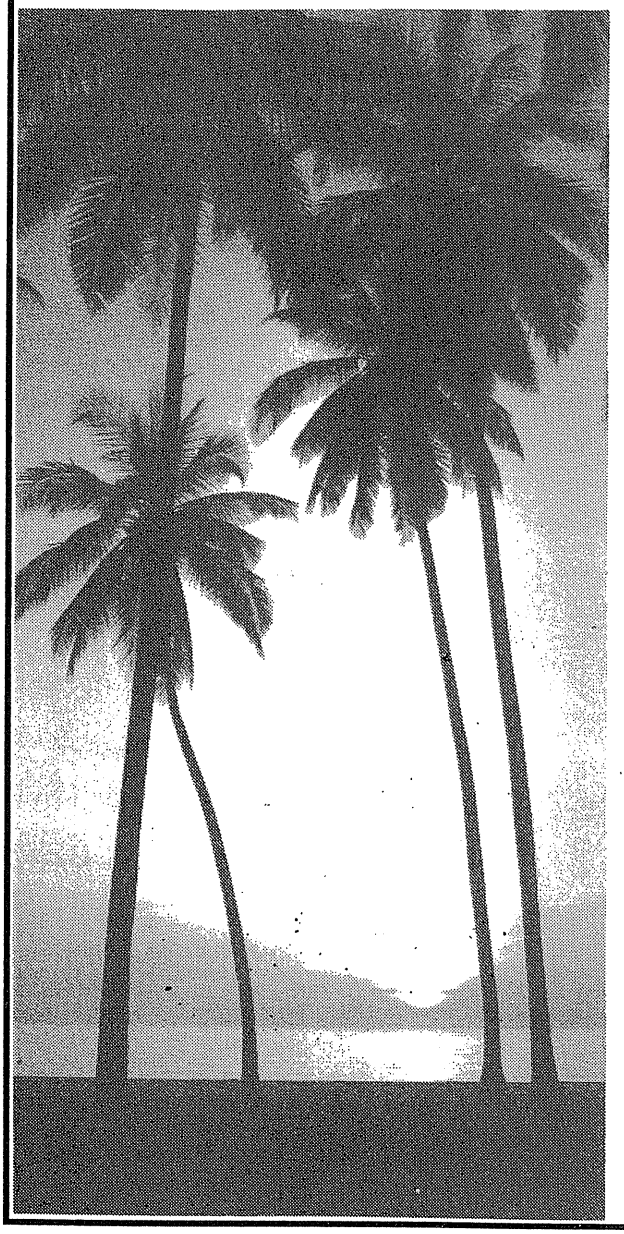

- **Bán vé máy bay quốc nội, quốc ngoại.**
- **Làm Visa xuất nhập cảnh, passport, Re-Entry Permit.**
- **Thuê khách sạn, xe du lịch.**
- **Tổ chức Tours**
- **Du lịch Việt Nam và tất cả các dịch vụ Việt Nam.**
- **Bảo đảm đi và về đúng hẹn.**

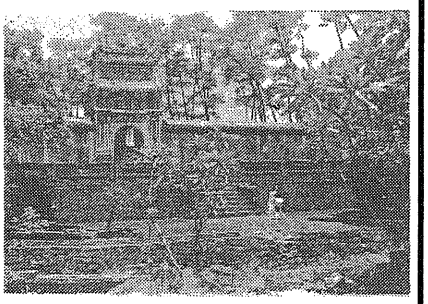

- **Chúng tôi cần nhiều đại lý các tiểu bang cho tất cả các dịch vụ về Việt Nam và agent bán vé máy bay.**
- **Chúng tôi là đại diện chính thức cho những hãng Hàng không Quốc tế.**

malaysia AIRLINES
ENCHANTMENT WHEREVER YOU FLY

Philippine Airlines

Thai
Thai Airways International Limited

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* Mme Lê Tất Luyện
15 Place Souham
75013 Paris - France
* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **BỈ**
* Đông Sơn Center
1369 Chée De Wavre
B. 1160 Bruxelles
Belgium

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon Bookshop
17 Penny Arcade
Cabramatta N.S.W 2166
Australia
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại **NHẬT BẢN:**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:
* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006
* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
301 A S.Capitol Ave. #8
San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 520-8013

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:
* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd
San Jose, CA 95113
Tel: (408) 292-2788

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:
* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT 14891 Moran St. Westminster, CA 92683 Điện thoại (714) 892-9414

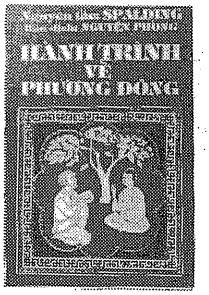

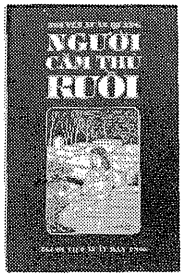

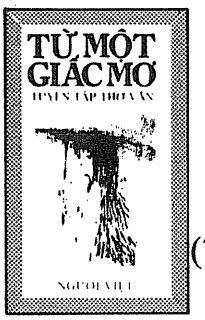

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

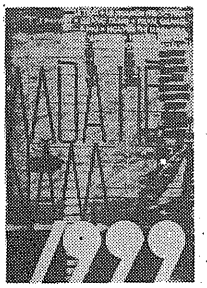

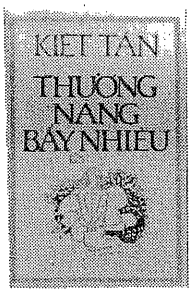

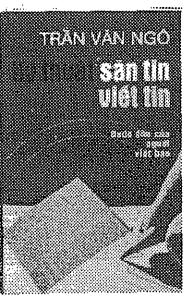

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng thư ký
Nguyễn Xuân Hoàng
Giám đốc trị sự
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhãn danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Những ngày cuối tháng Bảy, trước khi số báo này lên khuôn, nhiều tin tức thời sự nóng bỏng liên quan đến tình hình Việt Nam diễn ra dồn dập.

Vấn đề hoà bình Cam Bốt, vấn đề MIA-POW (người Mỹ mất tích và tù binh Mỹ ở VN) đang được hâm nóng, kể cả vấn đề trả tự do cho những người tù chính trị hiện còn bị CSVN giam giữ trong các nhà tù cải tạo... là những vấn đề tiên khởi để Hoa Kỳ tiến tới việc thiết lập bang giao với Hà Nội. Phụ tá ngoại trưởng Hoa Kỳ Richard Solomon đã gặp gỡ thứ trưởng ngoại giao Lê Mai của Hà Nội vào cuối tháng Bảy và các vấn đề trên đã được phía Hoa Kỳ nhắc lại.

Trong số báo này, ngoài các mục thường xuyên, Thế Kỷ 21 *gửi đến bạn đọc một số bài viết của những người trẻ tuổi Việt Nam ở Đông Âu gồm một số sáng tác và bình luận của các thanh niên Việt Nam hiện sống tại các quốc gia này. Qua đó đồng bào ở hải ngoại và ở trong nước hiểu rõ hơn tâm tư và hoàn cảnh của một lớp người có thể là sức mạnh lớn lao trong việc xây dựng lại quê hương.*

Cũng trong số báo này, Thế Kỷ 21 *mời bạn đọc hồi tưởng của Vương Văn Bắc về giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, truyện ngắn mới nhất của nhà văn trẻ Trần Vũ, một bài điểm sách của Hoàng Thụy An (về cuốn sách Bồ Đề Đạt Ma Thiền Quán Luận của ông Vũ Thế Ngọc), một cách trình bày Thời Sự mới và sau cùng là bài tường trình của Nguyễn Xuân Hoàng về chuyến đi vòng qua các trại tị nạn Đông Nam Á.*

TK21

Tranh bìa
Khánh Trường

Trình bày:
Nguyễn Thị Hợp
và Nguyễn Đồng

Hí họa:
Gúc và Vẹt

MỤC LỤC

DỰ ÁN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

9 HÀ DƯƠNG DỰC
Thử viết một chữ
cho Từ Điển Bách Khoa

TUỔI TRẺ VIỆT Ở ĐÔNG ÂU

14 THẾ KỶ 21 *giới thiệu*
Lửa tự do đang nhóm
15 N.N *ghi nhanh*
Dậy mà đi trên đường phố Praha
16 LAN ANH
Chiến tranh và suy nghĩ của tôi
17 TTLKNVNT TIỆP KHẮC
Tuyên bố
18 LÊ TUẤN
Quyền làm người
20 TRẦN NGỌC TUẤN
Đất nước của tôi ơi!
21 TRẦN THẮNG
Quovadis, Việt Nam
22 DIỄN ĐÀN
Đại hội 7: cơ hội cuối cùng bị lỡ.
Sự tan rã bắt đầu
24 ĐINH QUANG ANH THÁI
Đời sống công nhân Việt Nam ở Tiệp Khắc

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

27 VƯƠNG VĂN BẮC
Tưởng nhớ Nguyễn Ngọc Huy
31 VÕ PHIẾN
Đối thoại về tả cảnh
34 TRẦN VŨ
Cái chết sau quá khứ
46 CUNG TIỄN
Âm nhạc hiện đại:
Một sơ đồ tổng quát *(Tiếp theo và hết)*
52 NGUYỄN THUYẾT PHONG
Sáng tác: nhận định
về ý niệm và thể loại *(Tiếp theo và hết)*
56 THỤY KHUÊ
Nói chuyện với Thế Giang

59 NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Tường trình về chuyến đi
các trại tị nạn Đông Nam Á

THƠ: CAO DAO, Khoảnh Khắc/40.
DƯƠNG KIỀN, Hỏi Trời/45.
LÊ BI, Năm bài thơ ngắn/58.
HÍ HOẠ: Vẹt -- Gúc

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

30 VƯƠNG HỮU CÔNG TỬ
Chữ và nghĩa: một phụ nữ chuyên nghiệp... Người Việt
TK21

63 **Vòng chân trời văn học nghệ thuật**
Dương Kiền ra mắt Mùa Gặt Giữa Hư Vô ở Quận Cam * Giáo sư Nguyễn Trung Quân nói chuyện về ảnh hưởng của Phật Giáo trong văn học dân gian Việt Nam * Nhật báo Người Việt tổ chức Lớp Báo Chí Hè 91 * Những buổi họp mặt giữa người viết và người đọc * Nhà văn Isaac Singer qua đời.

68 HOÀNG THỤY AN
Đọc Bồ Đề Đạt Ma
Tuyệt Quán Luận của Vũ Thế Ngọc

75 TK21
Thời sự trong tháng: Nội dung và chi tiết

84 TK21
Sách báo trong tháng: Mùa gặt giữa hư vô, Dương Kiền * Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản, Nguyễn Hưng Quốc * Ngày Quanh Quẩn, Trần Long Hồ * Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802, Tạ Chí Đại Trường * Tuyển tập, Các cây viết Quốc Gia Hành Chánh, Ngô Đình Hoa * Lá Số Tử Vi 6 Lãnh Tụ Thế Giới, Vũ Công Lý...

86 TK21
Mục lục chỉ dẫn Thế Kỷ 21
từ số 25 đến số 27

TRAO ĐỔI

Một đổi mới hết sức bức thiết: cải thiện cuộc sống vật chất cho giáo viên

BẰNG VŨ

Sự thực rõ như ban ngày: đại chúng đánh giá một chế độ chính trị tùy theo chế độ này đánh giá giáo dục.

Chủ nghĩa cộng sản đánh giá giáo dục như thế nào? Chỉ 13 ngày trước khi Sài Gòn sụp đổ, Khmer Đỏ tràn vào Phnom Penh. Một trong những hành động đầu tiên của họ là bắt con cái gọi cha mẹ mình là *đồng chí*. Rõ ràng là họ đề cao đảng viên của họ lên nấc thang chóp bu trong xã hội Kampuchea. Cộng sản Việt Nam cũng chẳng khá hơn. *Thày giáo* nào không đi theo Đảng được gọi là *thằng*, phần tử theo Đảng được "nâng" lên làm *đồng chí*.

Khổng giáo có điểm tích cực là đánh giá cao giáo viên. Người dạy học được đặt lên một nấc thang cao hơn bậc làm cha mẹ: *quân, sư, phụ* (vua, thày giáo, rồi mới đến cha). Trong nhiều gia đình Việt Nam, người cha thích con cái gọi mình là *thày*, hơn là "ba" hay "bố." Ta có thể nói không ngoa truyền thống Việt Nam coi trọng giáo dục, và giáo dục truyền thống thực sự đã ảnh hưởng quan trọng tới đứa bé còn măng sữa khi nó bập bẹ học nói tiếng *thày, cùng lúc với khi nó bú giòng sữa mẹ*.

Văn minh Âu Mỹ có điểm tích cực hơn Khổng giáo ở chỗ họ cho người phụ nữ không những *quyền được học*, lại còn *quyền được dạy học*. Hai chữ *cô giáo* đã trở thành danh từ quý trọng, thân thương, trải qua biết bao nhiêu thế hệ học sinh Việt Nam. Hai chữ *thày-cô* không khỏi gợi ra trong tâm thức những ai đã cắp sách vở tới trường những mẫu giá trị gần như tuyệt đối, tột đỉnh.

Nhưng đôn người dạy học lên nấc thang chót vót trong xã hội đủ chưa? Ta xưa đã có câu: "Sĩ, Nông, Công, Thương; hết gạo chạy rông, nhất Nông, nhì Sĩ." Có thể nói rằng ta tôn quý *thày-cô* của ta, khi ta hầu như cưỡng bức họ vào những việc làm không phù hợp chút nào với nghề nghiệp họ, chẳng hạn như đạp xe xích lô?

Đông Tây có điểm tương đồng lớn ở chỗ đánh giá rất cao nghề dạy học. Trong một cuộc thăm dò dư luận trong nhiều nước gần đây, dân chúng đã đánh giá người dạy học -- ở cấp đại học -- vào hàng thứ hai, và người đạp xe xích lô vào hàng thứ mười, như sau:

1. Bác sĩ
2. Giáo viên đại học
3. Thẩm phán toà án
4. Kỹ sư
5. Luật sư
6. Thợ hớt tóc
7. Thợ rèn
8. Người cuốc thuê cày mướn
9. Thợ giày
10. Người đạp xe xích lô.

Ta để *thày-cô* của ta tuột dốc từ nấc cao chót vót trong xã hội xuống hạng bét được chăng?

Nhiều công trình nghiên cứu quốc tế cho biết một số nhà chính trị khi thắng phiếu có khuynh hướng cắt giảm tiền lương và phụ cấp của các nhà giáo, làm cho nền giáo dục trong nước họ suy thoái trầm trọng. Thổ nhĩ kỳ có thể coi là trường hợp điển hình. Ataturk đã được nhiều người ví như Minh Trị Thiên Hoàng nước Nhật, vì chính ông đã lái quốc gia Thổ vào quỹ đạo Duy Tân chỉ trong vòng 15 năm (1923-1938). Điểm đổi mới nổi bật nhất của Ataturk là lấy các *thày cô* làm trụ cột trong chương trình Duy Tân toàn bộ quốc gia Thổ. Chỉ học sinh ưu tú mới được tuyển chọn vào các trường Sư phạm. Uy tín giáo chức được nâng cao, không những bằng diễn từ trang trọng, mà còn cả về phụ cấp vật chất, lương bổng, học bổng, rất phân minh, cụ thể. Nhưng sau khi Ataturk mất, các nhà chính trị khác đã nhảy vào sân khấu giáo dục Thổ. Thời đại hoàng kim của các *thày-cô* chấm dứt, với hậu quả trầm trọng là trong hai thập niên 1960-1980, chương trình Duy Tân tại Thổ ngừng trệ, giáo viên bắt buộc làm việc quá mức, tiện nghi vật chất không hiện đại, đồng lương kém, không được bảo đảm về an ninh xã hội, lại cũng không có cơ hội để trau giồi về chuyên môn nghề nghiệp của mình. *

BẰNG VŨ
Los Angeles, 10-7-91

* Theo K.B. Murray (1988), "Profile of the new generation of teachers in the Turkish educational system" được đăng trong tạp chí *International Review of Education*, 34 (1): 5-15.

THỬ VIẾT MỘT CHỮ CHO TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

HÀ DƯƠNG DỰC

Bàn về việc soạn TĐBK là một việc bàn dài hạn và lý thú vì liên quan tới nhiều người, nhiều lãnh vực hiểu biết, nhiều vấn đề...

-- viết dài hay ngắn, viết từng chữ hay từng đề mục chính.

-- có những chữ phải viết, có những chữ có thể dịch được, nên dịch hay viết? hay tổng hợp cả hai?

-- chọn danh từ làm sao? Đặt danh từ mới như thế nào?

-- lập cơ cấu để làm việc (Hội văn hóa bất vụ lợi) bầu bán? chọn người trách nhiệm?

-- chia các ban (khoa học, toán học, vật lý học, phân tâm học, chỉnh hình học, sử học, địa lý học, văn học, nhạc học, điện toán học, không gian học...) cũng có thể có cả vài chục ban...

-- sự liên lạc giữa các ban để trao đổi bổ túc cho nhau như thế nào?

-- thu thập tài liệu ở khắp nơi làm sao?

-- trao đổi tài liệu ra sao?

-- việc lập trung tâm điện toán và nền dữ kiện ra làm sao? Ai có thể liên lạc để viết ai có thể đọc? Ai có thể đọc và sửa các chữ ở trong máy điện toán.

-- in ra sao? bản quyền ra sao?

-- Tiền bạc ở đâu?

Nếu có một hội có đủ uy tín (?), nếu đã có một số nhà bác học có đủ uy tín đức độ (?) hay nếu có một tỷ phú bỏ tiền ra để cho một số vị đó làm việc thì những vấn đề trên sẽ được bàn luận kỹ và công việc tiến triển nhanh. Nhưng hiện nay những điều kiện vừa kể không có, nhất là nhiều vấn đề phải bàn và càng bàn càng kéo dài thì giờ không chừng 5, 10 năm nữa chưa xong việc bàn.

Vì vậy và vì những lý do:

-- chúng ta hiện có nhiều người hiểu biết nhiều ngành nhưng ở xa xôi khó mà tụ tập để bàn luận.

-- Sợ rằng người bàn thì nhiều người viết thì ít.

-- Nếu không thúc giục giới trẻ bây giờ viết (cỡ tuổi 30-40) thì ít lâu nữa e rằng giới trẻ học kỹ thuật sẽ quên tiếng Việt rất nhiều, càng để lâu càng khó...

Chúng tôi xin đề nghị một cách thức làm việc như sau:

1) Trước hết cổ động để tất cả mọi người có khả năng ai cũng viết. Mỗi người một vài chữ cho TĐBK.

2) Sau một năm chúng ta hy vọng có một số người viết được một số chữ. Lúc đó họp lại những người có viết, chúng ta có thể lập được một hội bất vụ lợi và in được một tập nhỏ.

3) Từ hội bất vụ lợi và tập sách nhỏ đó chúng ta có thể kiếm được một số tiền nhỏ cho công việc làm tiếp.

4) Từ nay tới đó hy vọng các bạn bên điện toán viết xong thảo chương (program) cho một nền dữ kiện (data base) để chúng ta có thể đi tới việc liên lạc và viết qua một màng lưới điện toán.

Chúng tôi xin góp ngay một chữ, xin nói ngay đây là một thí nghiệm để quý vị coi, việc sửa đổi chắc chắn sẽ phải có trước khi chữ viết của chúng tôi được hân hạnh in vào TĐBK (cũng có thể bỏ đi luôn và viết cách khác, đó để tùy ủy ban biên soạn sau này) chữ chúng tôi viết thử, một phần do phỏng dịch trong TĐBK của Mỹ (không phải TĐBK của Anh là bộ Britanica encyclopedia). Một phần liên quan tới Việt Nam chúng tôi thâu tóm tài liệu trong sử Việt Nam của Trần Trọng Kim và làng xóm của Nguyễn Toan Ánh và một phần nhỏ, rất nhỏ, do hiểu biết của chúng tôi.

-- Chữ chúng tôi thử viết là chữ DÂN CHỦ

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ VÀ NGHĨA CHỮ

Chế độ chính trị dân chủ đã có từ 500 năm trước tây lịch ở Hy Lạp. Chữ dân chủ được dịch từ chữ democracy. Chữ democracy thoát thai từ chữ Hy Lạp, Demos là dân chúng, Kratos là làm chủ, có thẩm quyền.

Chế độ dân chủ là chế độ chính trị mà người dân làm chủ, người dân có thẩm quyền định đoạt các luật lệ và chính sách của chính phủ. Chế độ chính trị như vậy đã có ở thành phố Athens, Hy Lạp, và các thành phố chung quanh đó. Chế độ dân chủ thời đó là chế độ dân chủ trực tiếp có nghĩa là người dân có quyền và có bổn phận trực tiếp (không qua các đại diện) tham gia vào công việc biểu quyết các đạo luật quy định chính sách của chính phủ. Thời đó chưa có quan niệm phân quyền... Các nhà chính trị hay các học giả chính trị thời cổ Hy Lạp đã nhận thấy rằng độc tài là hình thức xấu xa nhất của tổ chức chính quyền.

Tuy nhiên dân chủ thời cổ Hy Lạp chỉ có nghĩa là dân chủ với đàn ông mà thôi. Đàn bà và nô lệ không được hưởng quyền công dân. Người La mã

thời cổ cũng đã có tư tưởng dân chủ nhưng không thực hành được như ở Athens. Các nhà tư tưởng La Mã độc đáo nhất là đã đưa ra được ý niệm: "Quyền lực chính trị là do sự thỏa thuận của dân chúng mà có."

Nhà tư tưởng Cicero nghĩ rằng dân chúng có những quyền đương nhiên (naturals) mà nhà cầm quyền ở xứ nào cũng phải tôn trọng. Ông còn cho rằng có những luật phổ thông của lý luận thông thường ràng buộc dân chúng và chính quyền.

Thời trung cổ ở Âu Châu đạo Gia tô bắt đầu phát triển. Đạo này đưa ý niệm mọi người bình đẳng trước Đấng Sáng Tạo (God) và giảng dạy tinh thần dân chủ trong cộng đồng. Đạo Gia Tô còn đưa ra khái niệm mọi người dân đều sống trong hai nước: nước của thường dân và nước của Đấng Sáng Tạo. Và cho rằng không một nước nào có quyền bắt dân chúng trung thành tuyệt đối vì người dân còn phải vâng theo lời Đấng Sáng Tạo và những lời giảng dạy của Người (commandments). Sự mâu thuẫn giữa hai thế lực Đạo và quốc gia đã tạo nên một căn bản lập hiến cho những chính quyền thời đó. Chính quyền, tổ chức xã hội thời đó ở Âu Châu được gọi là chế độ phong kiến (Feudalism). Chế độ này công nhận một số quyền của tư nhân và có hệ thống tòa án để bảo vệ quyền đó (từ 400 năm trước tây lịch tới khoảng 1300).

Thời phục hưng từ 1300 tới 1500 ở Âu Châu, vì vấn đề văn hóa và kinh tế phát triển, nên dân chúng bắt đầu đòi hỏi tự do trong mọi lãnh vực của đời sống. Khi nhà truyền giáo Martin Luther lập ra chi nhánh đạo Tin Lành, để phản đối chống lại đạo Gia Tô La Mã và không còn công nhận nhà thờ, hay các linh mục là trung gian giữa Đấng Sáng Tạo (God) và người, thì có một số các nhà thờ đạo Tin Lành hồi đó đã được tổ chức dưới hình thức dân chủ. Trong thế kỷ 15 thì cả đạo Gia Tô La Mã và Đạo Tin Lành đều chống đối các quyền cai trị tuyệt đối của nhà vua.

Dân chủ tại Anh

Năm 1215 các nhà quý tộc Anh bắt buộc vua John phải ký điều ước Magna Carta. Đây là văn kiện căn bản về tự do của con người ở Anh, và sau này được dùng để cấm đoán việc bắt người không đúng luật, và người bị bắt phải được xét xử trước tòa án; không được thu thuế nếu người thọ thuế không có đại diện để bênh vực quyền lợi cho họ. Tuy bắt đầu khá sớm, (lúc đó Việt Nam đang ở cuối thời kỳ củng cố xong nền độc lập), nhưng nền dân chủ của Anh cũng trải qua nhiều giai đoạn tranh đấu giữa nhà cầm quyền và dân chúng trong đó có cả nội chiến từ 1644 mãi tới 1688 mới yên. Sau cuộc cách mạng 1688 nghị viện ở Anh mới được coi là cơ quan có thẩm quyền tối cao. Nhà triết học của cuộc cách mạng, John Locke đã đưa ra quan niệm rằng quyền hành chính trị thuộc về dân chúng và bổn phận chính của chính quyền là bảo vệ tính mạng, tự do và tài sản của dân chúng. Tới 1689 Anh mới có tu chính án dân quyền (Bill of Rights) và thực tế tới 1927 thì tất cả mọi công dân, không kể nam nữ, mới được quyền đi bầu. Như vậy nền dân chủ của Anh phải mất trên 700 năm mới phát triển được như ngày nay.

Sự đóng góp vào vấn đề dân chủ của nước Pháp

Mãi tới thế kỷ 17 ở Pháp mới có các nhà tư tưởng quan trọng nói về vấn đề dân chủ, đó là Montesquieu, Voltaire và Jean Jacques Rousseau. Sách vở truyền bá tư tưởng của các vị này đã đưa tới cách mạng 1789 ở Pháp.

Montesquieu biện luận rằng muốn có tự do chính trị thì phải có sự phân quyền giữa hành pháp, tư pháp và lập pháp. Voltaire chống lại việc nhà cầm quyền vi phạm quyền và tự do của dân chúng. Rousseau thì cho rằng người dân chỉ có bổn phận theo nhà cầm quyền đã được chọn lựa hợp pháp mà thôi. Cuộc cách mạng ở Pháp cũng đưa ra quan niệm tự do bình đẳng và bác ái. Cuộc cách mạng ở Pháp đã có ảnh hưởng rất lớn tới Âu Châu, nhưng cuộc cách mạng này đã qua hai năm rất đẫm máu và lại đưa tới chế độ quân chủ của Napoléon vào ngày 9 tháng Mười Một năm 1799.

Dân chủ ở Mỹ

Dân chủ ở Mỹ bắt nguồn từ khi người Anh di cư sang châu Mỹ, mang theo tinh thần dân chủ của họ. Từ 1620, những người này đã nói luật lệ phải công bằng và bình đẳng. Nhưng mãi tới 1775 những người ở châu Mỹ nổi lên dành độc lập và tới 1787 mới thành lập nước Mỹ và có hiến pháp, sau đó được bổ túc bằng 12 điều khoản trong một bản văn gọi là tu chính án dân quyền (bill of rights).

Tuy vậy nền dân chủ của Mỹ cũng trải qua nhiều giai đoạn tranh đấu gay go và người phụ nữ Mỹ cũng chỉ được quyền đi bầu từ năm 1920, và người da đen ở Mỹ tuy được gọi là tự do từ thời Lincoln nhưng mãi tới trước đệ nhị thế chiến còn bị kỳ thị và không được vào tiệm ăn hay đi xe bus chung với người da trắng ở một vài tiểu bang miền Nam. Phải đợi tới sau đệ nhị thế chiến những kỳ thị đó mới chấm dứt.

Dân chủ ở Việt Nam và Trung Hoa

Nếu nói rằng dân chủ bắt đầu với quan niệm chính quyền do dân mà có (Anh thế kỷ mười lăm, Pháp thế kỷ mười bảy) thì phải nói rằng Trung Hoa đã đi trước Âu Châu rất lâu. Từ thời Khổng

Tử đã có câu "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh". Vậy mà đến nay Trung Hoa vẫn còn là nước lạc hậu về kinh tế và dân chúng còn phải sống dưới một chế độ rất độc tài.

Ở Việt Nam, sinh hoạt dân chủ đầu tiên có ghi trong sử sách là Hội Nghị Diên Hồng (1284-1285), đời Trần Nhân Tông, để bàn việc nên hòa hay chiến với quân nhà Nguyên.

Còn sinh hoạt dân chủ khác được kể tới nhiều nhất là sinh hoạt làng xã ở Việt Nam. Trước hết viên chức làng xã ở Việt Nam do dân bầu chứ không do Vua quan chỉ định. Sau đó mỗi làng đều có cơ sở để họp việc làng đó, là cái Đình Làng. Mỗi khi có việc cần làm, cần bàn luận, thì có nhân viên truyền tin đi thông báo cho cả làng biết để đi họp. Đó là Mõ làng đã nổi tiếng trong bài thơ của vua Lê Thánh Tông. Dân làng ai cũng có quyền họp và có ý kiến. Đặc biệt là sinh hoạt như vừa kể còn tồn tại tới thời kỳ sau khi Pháp đô hộ. Sinh hoạt làng xã Việt Nam, xem ra, trên nguyên tắc, không khác gì sinh hoạt của các thị xã người Mỹ hiện nay.

Sau đệ nhị thế chiến, đời sống dân chủ là một đời sống trong đó xã hội công nhận sự bình đẳng và nhân cách của tất cả mọi người không kể nam nữ, tôn giáo, dòng dõi, sắc dân hay địa vị xã hội. Đời sống dân chủ là đời sống người dân có tự do, tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do kinh doanh, tự do lập đảng. Chính quyền dân chủ giúp đỡ để người dân có cơ hội phát triển khả năng của mình tới mức tối đa. (Xin xem thêm các chữ: triết học, triết lý cộng sản...)

Theo nghĩa chính trị, chế độ chính trị dân chủ là chế độ trong đó người dân trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào công việc quản trị quốc gia. Trực tiếp tham gia là hình thức dân chủ từ thời cổ Hy Lạp, ngày nay các chế độ chính trị dân chủ đều dưới hình thức gián tiếp trong đó người dân bầu ra đại diện của mình để người đại diện lo việc lập pháp, hành pháp và tư pháp. Việc bầu cử bao giờ cũng là phổ thông đầu phiếu và kín, để tránh việc người dân bị chính quyền làm áp lực bắt buộc bầu cho một nhân vật nào đó. Ứng cử, tranh cử và bầu cử phải tự do, công bình, thì chính thể mới có thể nói là một chính thể tự do dân chủ. Chế độ chính trị dân chủ đã được Tổng Thống Mỹ Lincoln định nghĩa rất đúng trong ít chữ đó là chính quyền do dân, bởi dân và vì dân.

Điều kiện của chế độ dân chủ

Muốn có một chế độ dân chủ theo nghĩa kể trên dĩ nhiên một quốc gia cần có hiến pháp và luật pháp. Cần có sự phân quyền giữa hành pháp, tư pháp và lập pháp. Và các bản văn hiến pháp, luật pháp phải được soạn thảo bởi đại diện của dân chúng được bầu ra trong một cuộc bầu cử có tự do, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do kinh doanh, tự do lập đảng... Như vậy là muốn có chế độ dân chủ thì trước hết người dân phải tích cực tham gia vào công việc chính trị (bầu cử, ứng cử). Tất cả những điều đó cũng mới chỉ là những điều kiện cần nhưng chưa phải là điều kiện đủ để có một chế độ dân chủ. (Xin xem chữ - Hiến pháp, luật pháp, quốc hội, đảng chính trị).

Người ta thường nói chế độ dân chủ là chế độ đa số. Đa số định luật lệ và thiểu số phải tuân theo. Sở dĩ là chế độ đa số vì người ta tin rằng đa số quyết định thì ít sai lầm hơn là quyết định của một nhóm nhỏ (chế độ độc tài gia đình trị hay đảng trị hay quân phiệt) nhưng nói như vậy không có nghĩa là đa số muốn làm gì thì làm, đa số vẫn phải tôn trọng quyền của thiểu số, phải sẵn sàng nghe tiếng nói của thiểu số và chấp nhận việc nhóm thiểu số truyền bá tư tưởng của họ để mong trở thành đa số trong phạm vi luật lệ. Hơn nữa còn có một số quyền thiêng liêng như tín ngưỡng, ngôn luận, thì dầu là đại đa số tuyệt đối cũng không có quyền cấm đoán một thiểu số nhỏ.

Từ điểm trên chúng ta có thể diễn giải ra một điều kiện là ngôn ngữ và đối thoại trong xã hội dân chủ. Phải có đối thoại giữa tất cả mọi người mới có xã hội dân chủ và sự đối thoại phải được đặt trên căn bản tự do, thành tín và tương kính. Sự đối thoại không thể có tính cách dùng lời lẽ lắt léo, quá khích, để che lấp lẽ phải. Người đối thoại phải có tinh thần phục thiện, có lòng thành thật. Sinh hoạt đối thoại còn cần phải chấp nhận một số quy tắc đã thỏa thuận, một số nghĩa chữ đã thông dụng và, trừ một vài trường hợp đặc biệt, thì không nên đặt ra những chữ không được định nghĩa rõ ràng, hay dư thừa, hay có tính cách tránh né sự thật.

Điều kiện khác mà xã hội dân chủ Âu Mỹ nói tới nhiều là xã hội cần có một tầng lớp trung lưu đông đảo. Sở dĩ Âu Mỹ nói tới điều kiện này vì kinh nghiệm so sánh nền dân chủ của họ với nền dân chủ ở các nước chậm tiến về kinh tế, các nước mới có nền dân chủ. Các nước sau này nhiều khi tự xưng là dân chủ, vì có đủ mọi cơ cấu cần thiết của một chế độ dân chủ, nhưng thực tế nền dân chủ đó rất giới hạn. Muốn có dân chủ thực sự người dân cần luôn luôn để ý tới công việc làm của người cầm quyền, cần phản đối, chỉ trích để nhà cầm quyền không dám lợi dụng chức vụ làm điều sai quấy để đi đến thối nát và độc tài.

Công việc giám sát chính quyền đó chỉ có giới trung lưu mới làm được, người nghèo không có phương tiện, không có thì giờ, không có hiểu biết đủ để làm, người giàu thì phần đông dễ a dua với quyền lực để trục lợi. Nếu đem điều kiện nầy vào xã hội nông nghiệp hay xã hội chưa có kỹ nghệ phát triển như ở Việt Nam thì chúng ta thấy quả là khó vì xã hội Việt Nam hiện nay (1991) chưa có tầng lớp trung lưu đông đảo.

Nhưng nếu phân tích điều kiện trên theo một

lối nhìn khác thì chúng ta thấy cũng có thể có được ở xã hội mới phát triển. Điều kiện trung lưu đông đảo trên căn bản là điều kiện có giới dám chỉ trích chính quyền, có giới làm cái thắng để hãm lòng tham danh vọng và quyền lợi của nhà cầm quyền. Giới đó nếu không ở từng lớp trung lưu thì phải ở các đoàn thể, các tổ chức, trước hết là các đảng phái. Các đảng phái phải có sinh hoạt dân chủ từ ngay trong cơ cấu đảng để sau đó đóng vai trò đối lập xây dựng nếu không được nắm chính quyền (đối lập xây dựng chính là vai trò phản đối việc làm sai và ủng hộ việc làm đúng).

Sau các đảng phái chính trị thì có các hội đoàn chuyên nghiệp như hội bác sĩ, hội luật sư, hội thương gia hội kỹ sư các ngành. Tất cả các đoàn thể kể trên vừa phải có sinh hoạt dân chủ ngay trong cơ cấu nội bộ, giúp đỡ đoàn viên phát triển, có những chế tài đối với đoàn viên làm sai tôn chỉ nghề nghiệp, giúp đỡ dân chúng chống lại nhà cầm quyền hay đoàn viên làm sai, và giúp chính phủ tuân thủ đúng sinh hoạt dân chủ.

Vai trò đó của các đảng phái, tổ chức, hội đoàn ở các nước có tầng lớp trung lưu đông đảo thì nhẹ nhàng hơn ở những nước chưa có tầng lớp dân chúng đó.

Có một điều kiện nữa ít nghe nói tới nhưng cũng phải đề cập là điều kiện can đảm của mỗi người dân. Xã hội dân chủ tự do kinh doanh là một xã hội luôn luôn thay đổi, đầy bất trắc, và chính quyền ở đâu cũng vậy, luôn luôn có khuynh hướng nắm giữ quyền hành, sử dụng quyền hành theo ý mình; vì thế người dân phải can đảm chấp nhận bất trắc về kinh tế và phải can đảm phản đối chính quyền khi cần.

Sự can đảm đó là sự can đảm thường trực trong tâm tư, can đảm theo đuổi một lý tưởng sống. Từ khi mới lớn, can đảm bàn luận với bố mẹ, lớn lên trong gia đình, can đảm nghe và chấp nhận điều phải con cái nói hay vợ chồng nói. Ra ngoài xã hội, can đảm chỉ trích bạn bè và nghe bạn bè chỉ trích, can đảm chỉ trích chính phủ và ủng hộ chính phủ nếu chính phủ làm đúng.

Can đảm từ bỏ quyền lợi cá nhân nếu quyền lợi đó đi ngược lại quyền lợi chung và can đảm chấp nhận tất cả mọi người mặc dầu quyền lợi của họ có khác biệt với mình hay với đám đông.

Ngoài những điều kiện kể trên chúng ta còn nghe nói tới các điều kiện như học vấn, sự thông tin rộng rãi, sự năng động của xã hội (xã hội không phân biệt giai cấp)...

Xin chấm dứt viết về chữ dân chủ ở đây.

Quý vị đã thấy chúng tôi chọn một chữ viết tương đối dễ, vì không có vấn đề đặt thêm chữ, như bên khoa học và phần lớn là lược dịch.

Tuy vậy, một chữ quen thuộc như chữ Dân Chủ cũng đã chiếm cỡ 3000 chữ, và đây là viết cho trình độ trung học mà thôi.

Xin nhắc lại: đây là một chữ viết thử để chúng ta có một khái niệm về từ mục (entries) trong Từ Điển Bách Khoa.

Chân thành mong mỏi quí vị đóng góp. Chúng tôi tin tưởng chỉ cần mỗi người một vài chữ trong thời gian năm năm, chúng ta có thể in bộ TĐBK đầu tiên của Việt Nam, để đánh dấu ngày 20 năm đi tìm tự do.

HÀ DƯƠNG DỰC

Gúc '91 THẾ KỶ 21

ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KỲ VII

TUỔI TRẺ VIỆT Ở ĐÔNG ÂU

LỬA TỰ DO ĐANG NHÓM

THẾ KỶ 21 giới thiệu

Cách mạng nhung ở Tiệp Khắc. Bức tường ô nhục sụp đổ ở Berlin. Cuối năm 1989 một ngọn lửa đã bùng lên trong số lưu học sinh và công nhân xuất khẩu của Việt Nam ở Đông Âu. Bắt đầu, phải nói đến sinh viên VN ở Praha, thủ đô Tiệp Khắc. Họ đã tham dự phong trào vùng dậy của sinh viên và công nhân Tiệp Khắc. Họ kêu gọi công nhân VN hưởng ứng các cuộc đình công của công nhân T.K. Từ đó, họ tự động phát hành các bản tin, tiến đến các tờ báo, thành lập các tổ chức của Sinh viên, Thanh niên và Công nhân.

Ở Tiệp Khắc, các tờ báo nổi bật là *Điểm Tin Báo Chí* (Plzen), *Diễn Đàn* (Praha), *Thời Mới* (Ostrava), *Tuổi Trẻ* (Praha), và nhiều bản tin khác. Lúc đầu, các bản tin trên chú trọng đến mục đích thông tin, nên đã dịch, trích đăng, và tóm tắt các tin tức, bình luận về thời sự quốc tế, lấy từ các báo chí tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga và Tiệp. Sau đó, các bản tin đã dần dần tiến đến hình thức báo chí, có mục bình luận, thơ, văn. Từ hình thức thô sơ, đánh máy, bỏ dấu bằng tay, các tờ báo như *Diễn Đàn, Điểm Tin Báo Chí* đã dùng máy điện toán nhỏ (personal computer) để viết, như các báo tiếng Việt ở hải ngoại.

Sau Tiệp Khắc, phong trào báo chí đã lan rộng. Thanh niên, sinh viên và công nhân Việt Nam ở các nước Đông Âu khác không chịu thua. Cho đến nay chúng ta có tờ *Tiếng Nói* (ở Bungary), *Diễn Đàn Việt Nam, Cánh Én, Tin Tổng Hợp* (Đức), và nhiều bản tin nhỏ khác, chưa phổ biến rộng rãi.

Về mặt tổ chức, người Việt Nam ở Tiệp Khắc cũng dẫn đầu trong việc thành lập "Trung Tâm Liên Kết Người Việt Nam tại Tiệp Khắc," do S.V. Trương Tiến Dũng trách nhiệm. Một hội "Kiều Dân Việt Tiệp" cũng thành hình để những người Việt đã kết hôn với người Tiệp hỗ trợ cho công nhân và sinh viên VN hữu hiệu hơn.

Để phản ứng lại các phong trào trên, sứ quán CSVN ở các nước Đông Âu đã dùng các thủ đoạn đe dọa, dụ dỗ, lung lạc, nhưng hoàn toàn thất bại. Tòa Đại sứ CSVN ở Praha được tăng cường với một thiếu tá công an phản gián và các "công an văn hoá" (chữ của anh chị em Tiệp). Đồng thời CSVN cho thành lập các hội mới, như "hội Văn Hóa VN," làm báo như báo *Quê Hương*, với mục đích cạnh tranh. Nhưng họ hoàn toàn thất bại, các lối chụp mũ, phỉ báng trắng trợn của họ đối với các phong trào thanh niên VN ở Tiệp nghe đã chán tai.

Đồng bào ở các xứ Đông Âu cũng đoàn kết chặt chẽ. Khi nghe tin cảnh sát Bun ga ri tấn công vào nhà tập thể của công nhân VN, anh chị em ở Praha đã biểu tình phản đối trước sứ quán Bun ga ri.

Những cuộc hội thảo ở Plzen, Praha đã tập trung đông đảo các đại diện thanh niên VN từ Đức, Hung, Ba Lan, Bun ga ri v.v., cùng với người VN từ các nước Tây Âu và Bắc Mỹ. Đây là dấu hiệu của sự đoàn kết, tình tương thân, tương trợ giữa các người VN yêu quê hương, yêu tự do. Trước năm 1989 họ có thể không nhìn nhận lẫn nhau, nhưng nay họ đã bắt đầu kết hợp vì một mục tiêu chung: lật đổ chế độ Cộng Sản, xây dựng tự do, dân chủ, mang lại ấm no cho đồng bào.

Sau đây *Thế Kỷ 21* trích đăng một số bài bình luận và sáng tác của các bạn thanh niên từ Đông Âu để đồng bào ở hải ngoại và ở trong nước hiểu rõ hơn tâm tư và hoàn cảnh của một lớp người có thể sẽ là sức mạnh lớn lao trong việc xây dựng lại đất nước sau này.

TK 21

Sinh viên, công nhân biểu tình trước toà đại sứ CSVN ở Praha. Ảnh chụp ngày 29 tháng Chín 1990.

"DẬY MÀ ĐI" TRÊN ĐƯỜNG PHỐ PRAHA

N.N.

Quảng trường Tăng, 9h30 sáng 15-6-1991

Nắng ấm. Khi tôi đến, các phóng viên báo chí, truyền hình đã có mặt từ sớm. Lác đác một vài mái đầu đen. Gương mặt họ thoáng một chút bồi hồi, một chút lo lắng. Với đa số chúng tôi, đây là lần "xuống đường" đầu tiên trong đời. Tôi nhận ra Jachym Topol, nhà báo trẻ của tờ Respekt từng làm xôn xao dư luận Tiệp Khắc bằng những bài viết về cộng đồng Việt Nam đang hươ tay, hươ chân giới thiệu với các đồng nghiệp về phong trào báo chí của sinh viên Việt Nam. Dòng người đổ về quảng trường ngày càng đông, các phóng viên đã tranh thủ làm vài cuộc phỏng vấn chớp nhoáng. Các bạn Plzen đến trên một chiếc xe bus căng đầy biểu ngữ bên các cửa sổ. Chúng tôi chia nhau những biểu ngữ cầm tay, đeo vào cổ, bằng ba thứ tiếng Việt, Tiệp, Anh: "Tự do báo chí," "Tự do cho Dương Thu Hương," "Tự do cho Nguyễn Chí Thiện," "Hãy để chúng tôi quyết định lấy vận mệnh của mình," "Hãy đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi đảng phái," "Hãy nối vòng tay lớn Việt Nam," "Tôi yêu Việt Nam nhưng không yêu chủ nghĩa xã hội"... Một tấm băng lớn với dòng chữ "Tự do và dân chủ thực sự cho Việt Nam" được căng trước đoàn người. Một cô sinh viên đeo kính cận dúi vào tay tôi mẫu giấy với lời bài hát Dậy Mà Đi và Nối Vòng Tay Lớn của Trịnh Công Sơn.

10h sáng: cuộc tuần hành

Sau khi các bạn trong ban tổ chức (ĐTBC - Plzen, Diễn Đàn -- Praha, Thời Mới -- Ostrava & Zlín, TTLKNVN tại Tiệp Khắc) nói về lý do của cuộc tuần hành và một số điều cần thiết, cuộc tuần hành về Đại sứ quán Việt Nam bắt đầu. Chúng tôi đi và hát. Buổi sáng ấy, bài hát Dậy Mà Đi đã vang lên từ lồng ngực của một trăm người trẻ trên đường phố Praha. "Bao nhiêu năm qua dân ta sống không nhà. Bao nhiêu năm qua dân ta chết xa nhà. Dậy mà đi, dậy mà đi, dậy mà đi hỡi đồng bào ơi!," một cảm giác lạ lùng cứ vây lấy tôi. Tôi đã tin trong giây phút ấy vào bản thân, vào bạn bè và vào thế hệ mình nhiều lần hơn. Tôi bỗng nhớ đến thư một bạn đọc gửi cho Dương Thu Hương qua Diễn Đàn một ngày trước đó:

"Chị Hương thân mến!

Ngày mai chúng tôi sẽ xuống đường để phản đối việc bắt giữ chị... Chị đã bị bắt, cho dù đến tận hôm nay, chúng tôi, những người vẫn được mệnh danh là "nhân dân," không một ai ký tên ủng hộ việc giam cầm chị. Tôi tự hỏi người ta đối

Chiến tranh và suy nghĩ của tôi

LAN ANH

Chiến tranh đã kết thúc, người Cộng sản đã thực hiện được ước vọng của mình là áp đặt nền chuyên chính vô sản lên toàn cõi Việt Nam. Người Mỹ đã thua cuộc và bỏ chạy, họ đã để mất miền Nam với chế độ Việt Nam Cộng hòa mà họ đã có công tạo dựng. Tấn bi kịch của những người lính Việt Nam Cộng Hòa và gia đình của họ sau cuộc chiến tranh hoàn toàn đen tối, hoặc họ phải tìm lấy cho mình một cuộc sống tự do nơi đất khách quê người với hy vọng mong manh là thoát khỏi cái chết trên những con thuyền nhỏ bé vượt khơi hoặc họ phải nộp mình trong những ngục tù Cộng sản.

... Chiến tranh đã qua đi, vết thương dân tộc tưởng chừng đã dịu bớt nhưng nó vẫn âm ỉ và lan rộng tới từng tế bào trên cơ thể vốn đã tan rã của dân tộc Việt Nam sau mấy chục năm chiến tranh đau thương và sau mười lăm năm "sai lầm" của giới cầm quyền cộng sản. Chẳng phải mất thì giờ bàn cãi về sự sụp đổ tất yếu của Chủ nghĩa Cộng Sản (CNCS) ở Việt Nam, xét những cá nhân mà máu của họ sẽ mãi mãi đến như cái cần thiết của dân tộc VN lúc này là tìm cách đưa dân tộc đến hạnh phúc, ấm no, tự do dân chủ. Cay đắng lắm rồi cái chủ nghĩa Mác Lê đã kéo tụt nền văn minh nhân loại, bần cùng hoá dân tộc VN ta thành dân tộc nghèo đói và khổ đau nhất thế giới. Nhục nhã làm rơi nền tự do cộng hoà mà sự độc tài và tham nhũng đã dẫn dần đến thảm họa 1975 mà hàng triệu người dân vô tội đã phải gánh chịu chính sách trả thù của những người thắng trận. Hãy đến với người dân nước Việt bằng tấm lòng yêu thương, bằng sự rung động của chính trái tim mình, hãy dẹp bỏ loại chủ nghĩa sang bên lề lịch sử và đặt giá trị con người lên trên hết. Chiến tranh đau thương với hàng triệu người ngã xuống đã qua đủ nỗi thống khổ, đừng để vành khăn tang kéo dài thêm mãi nữa. Hãy nghĩ tới người dân nước Việt với ý thức xây dựng một tương lai tươi sáng hơn cho dân tộc.

(Diễn Đàn số 14, 30-1-91)

xử với chị như thế nào? Như một người đã hiến cả tuổi thanh xuân cho đất nước trong những ngày khói lửa, hay như một kẻ phản bội? Nhưng chị phản bội ai cơ chứ? Đối với chúng tôi, những người dân Việt Nam, chị là hiện thân cho lẽ phải và lòng chính trực. Chúng tôi yêu quí chị. Tôi vẫn hỏi bắt giữ chị người ta có nghĩ đến hàng triệu người đã ngã xuống trong cuộc chiến vừa qua? Những người đó nếu sống lại họ sẽ nói gì khi người ta bắt một đồng đội của mình, một người trong tay không có một tấc sắt, không có một thế lực nào che chở, một người chỉ có trái tim yêu tha thiết công bằng và sự thật. Ngày mai chúng tôi sẽ xuống đường để phản đối việc giam cầm chị, phản đối việc nhân danh những người dân Việt Nam vô tội để làm những điều vô luân và bạo ngược." (*)

Một cô bé khoảng bốn tuổi mà mẹ có lẽ là người Tiệp, được bố để ngồi trên vai. Bố nó là người hát Dậy Mà Đi say sưa nhất. Vẻ mặt nó rạng rỡ như đi hội. Tôi thầm mong rằng trong đời nó, nó chỉ hát lại bài hát của bố như một kỷ niệm. Trong đoàn người tiến về Đại sứ quán hôm ấy có cả những sinh viên Lào. Họ cũng mang biểu ngữ, bằng tiếng Việt, kêu gọi tự do cho Việt Nam. Một cô bạn người láng giềng nói với tôi: "Nếu Việt Nam được tự do, Lào cũng sẽ tự do!" Là một người Việt, phút chốc ấy tôi đã hổ thẹn.

10h30 sáng: Sứ quán Việt Nam

Khi chúng tôi đến gần số 6 Holecková, tôi nhận ra những hàng barie bảo vệ Sứ quán của cảnh sát. Một thoáng im lặng, rồi những bài hát của Trịnh Công Sơn lại vang lên, mạnh hơn, rắn rỏi, dứt khoát. Bản kiến nghị gửi cho Đại hội VII được đọc trước đoàn tuần hành. Một nhà văn lên nói về vụ bắt Dương Thu Hương và việc đàn áp văn nghệ sĩ đương thời. Tôi bỗng để ý một chị đứng tách khỏi đoàn người, hai mắt đỏ hoe. Về sau, tôi được biết đó là một sinh viên Việt Nam vừa từ Nga sang và tình cờ chứng kiến cuộc tuần hành của chúng tôi. Thế hệ chúng tôi để bước lại với nhau cần phải vượt qua quá nhiều khoảng cách. Những khoảng cách mà lịch sử và cha anh đã để lại, đã vô tình hay cố ý dựng lên, nhưng những giọt nước mắt của chị gây cho tôi niềm tin rằng mỗi khoảng cách đều có thể vượt qua.

11h sáng: bên trong sứ quán

(Một đoạn đối thoại giữa đoàn người biểu tình và nhân viên sứ quán CSVN. "Ông tham tán" của Sứ quán trả lời quanh co, hứa ẩu, và kết án các người biểu tình phạm kỷ luật)

Trong suốt thời gian đàm phán với ông tham tán, tôi vẫn nghe bài Dậy Mà Đi từ bên ngoài

BẢN TUYÊN BỐ CỦA TRUNG TÂM LIÊN KẾT NGƯỜI VIỆT NAM, TIỆP KHẮC

Bản tuyên bố này có thể coi là cương lĩnh của Trung Tâm Liên Kết Người Việt Nam (TTLKNVN) tại Tiệp Khắc, đòi hỏi Cộng Sản từ bỏ độc quyền cai trị, đòi hỏi các quyền tự do căn bản, theo tinh thần Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc.

Ngày 10-12-1948, Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua quyết định số 217/III về bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và đã chỉ rõ:

"Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc xem bản Tuyên ngôn này như là mục đích chung của tất cả các dân tộc, tất cả các Quốc gia để mọi người, mọi tổ chức xã hội luôn có nó trong ý nghĩa để cố gắng tuyên truyền giáo dục cho mọi người lòng kính trọng những quyền và sự tự do của người khác, để từng bước bằng những biện pháp hiệu quả trong đất nước mình hoặc trên trường Quốc tế, tôn trọng và bảo vệ nó trong nhân dân của các nước thành viên, cũng như tất cả mọi nơi trên trái đất."

Chính phủ nước Cộng Hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã cam kết bằng chữ ký của mình tuân theo bản tuyên ngôn nhân quyền này.

Nhưng trong thực tế, với chế độ độc tài độc đảng, nhà nước nước Cộng Hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã luôn luôn vi phạm nghiêm trọng tới những quyền tự do cơ bản của con người.

Vì lẽ đó chúng tôi yêu cầu:

1) Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải hủy bỏ điều 4 trong Hiến pháp quy định về vai trò lãnh đạo độc quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam, điều 2 về chuyên chính vô sản, điều 6 về nguyên tắc tập trung dân chủ. Chính những điều quy định này đã đưa chế độ tại Việt Nam thành một chế độ độc tài, phản lại những quyền tự do tối thiểu của con người.

2) Phải tổ chức bầu cử tự do dưới sự kiểm soát Quốc tế để nhân dân Việt Nam được tự do lựa chọn người đại diện cho mình.

3) Phải lập tức hủy bỏ những điều luật vô lý cấm người dân tự do đi lại, hủy bỏ chế độ hộ khẩu và công an trị. Chấp nhận tự do lập hội, tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do tư tưởng.

Chỉ có như vậy nhân dân Việt mới có thể được hưởng những quyền mà Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền nêu ra bình đẳng như mọi người trên thế giới.

16 giờ ngày 15-12-1990

Trung tâm liên kết
Người Việt Nam tại Tiệp Khắc

vọng qua tường bê-tông của Sứ quán -- người đại diện nói thêm..."

Cuộc biểu tình còn kéo dài khoảng 30 phút nữa nhưng Sứ quán nhất định không ra. Dù vậy cuộc tuần hành đã đạt được mục đích chính của mình: đưa kiến nghị về cho Đại hội Đảng lần thứ VII sẽ nhóm họp ngày 24-6-1991, qua Sứ quán Việt Nam.

Tất cả các biểu ngữ được gắn lại trên những barie xung quanh Sứ quán. Tôi ngoảnh lại, từ xa giữa những hàng biểu ngữ tôi vẫn nhận ra cái gạch chéo trên hình búa liềm, có lẽ hàng chữ li ti bên dưới là: "Tôi yêu Việt Nam nhưng không yêu chủ nghĩa xã hội." Bên lề đường đối diện, Jachym Topol vừa đi vừa tập hát Dậy Mà Đi với sự hướng dẫn của cô sinh viên kính cận.

Tối hôm đó trên các buổi thời sự của chương trình truyền hình trung ương Tiệp Khắc, hình ảnh cuộc tuần hành đã được phát đi.

Ngày thứ hai đầu tuần, trên tất cả các nhật báo.

Bây giờ khi viết những dòng này tôi vẫn không hết hy vọng là một người đồng bào nào đó của tôi ở quê nhà vừa biết rằng chúng tôi đã hát Dậy Mà Đi trên một đường phố ở Praha.

Praha, cuối tháng 6, 1991

N.N.

Diễn Đàn số 21, ngày 26/6/91

(*) Trích thư bạn Nguyễn Thanh Hải, Loncná n/des. 14/6/1991

QUYỀN CON NGƯỜI

LÊ TUẤN

LTS: Bài Quyền Con Người *của Lê Tuấn, từ Bun ga ri, nêu lên những vi phạm nhân quyền của CSVN. Chúng tôi lược bỏ một số đoạn, để bài ngắn hơn cho phù hợp khuôn khổ trang báo.*

Ở Bungari này, chúng tôi là những người bị tuyên án. Có thể án giết người. Khi tôi cần một gói thuốc lá, đổi ở Casa để trả tiền, cô bán hàng xinh đẹp người Bun bảo: "Việt Nam hả, bọn giết người, không bán." Bạn tôi sắp hàng chờ mua bóng điện, gần hai tiếng đồng hồ mới đến lượt, những tưởng bở, nhưng người bán hàng bảo: "Việt Nam hả, bọn ăn cắp, không bán." Lần này chúng tôi bị kết án tội ăn cắp và cứ thế, cứ thế. Đimitrov ba lần bị kết án, còn chúng tôi thì vô số, vô số lần. Một toà án vô hình, nhưng tội lỗi vô tận,và dường như chúng tôi bị cả xã hội Bun kết án. Có lẽ những điều tương tự cũng được nói với "các nhà đại diện Việt Nam" nhưng họ may mắn nặng tai nên không cảm được cái nhục ghê gớm đó.

Trên đất nước này, có bao nhiêu người vô tội Việt Nam đã bị nhục mạ, bị đánh đập dã man, thậm chí một số người đã bị thiệt mạng. Làm gì có khái niệm nhân quyền cho người Việt Nam. Tôi nghĩ rằng một khi trong nhà mình, mình sống mãi trong nề nếp gia trưởng thì khi đi ra ngoài mình vẫn phải gánh chịu hậu quả của quan niệm ấy. Cũng tương tự như dọc đường đi, con trẻ bị đánh kêu cứu cha nhưng người cha gia trưởng bảo: "Mày hỗn, cho người ta đánh, người ta dậy cho," những tiếng kêu cứu tội nghiệp của chúng ta hoá ra lạc lõng và vô nghĩa ở đây.

Gần đây một số bài báo của một vài tác giả người Bun dường như chỉ là một sự cảnh tỉnh với dân tộc họ rằng: "Hãy coi chừng, một mai Việt Nam phát triển, quan hệ giữa hai dân tộc liệu sẽ thế nào."

Họ toàn toàn không có ý thức nhắc nhở về nhân quyền, rằng một số người Bun đã đang vi phạm nhân quyền, rằng quyền của người Việt Nam đang bị vi phạm, rằng sự ký kết "mua bán nô lệ và đem con bỏ chợ" của chính phủ Việt Nam và sự đầy ải nô lệ của Bungari là sự chà đạp nhân quyền không chấp nhận nổi. Thực ra người Bungari cũng chưa có văn hóa về nhân quyền và chúng ta phải gánh chịu phần man rợ nhất của họ.

Chúng ta đau đớn với hai tiếng nhân quyền. Nhưng thử hỏi mỗi người Việt Nam xem họ đã từng nếm mùi nhân quyền chưa? Nhân quyền là cái gì? Quyền của ai? Quyền cho ai?

Trong ý thức, không ít người hiểu rằng nhân quyền là quyền của con người: không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị hay những quan điểm khác, không phân biệt quốc tịch và nguồn gốc xã hội, của cải và vị trí xã hội; Nhân quyền là quyền làm người của tất cả mọi người, trong đó có các quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Nhưng trong đời sống xã hội Việt Nam, người ta rất sợ nhắc đến hai tiếng nhân quyền, dường như đó là một cái gì "phạm thượng" hoặc thậm chí "phạm pháp." Và người Việt Nam xa ngại vô biên với khái niệm này.

Công ước quốc tế về nhân quyền trong các điều khoản thường nhấn mạnh trước hết các từ "mỗi cá nhân" "mỗi người" hay "tất cả..." Những điều này hoàn toàn lạ lắm ở Việt Nam. Ở Việt Nam ai biết đến điều này, ai nhắc đến điều này người ta bịt mũi và kêu: "sặc mùi tiểu tư sản."

...

Ngày 24-9-1982 đại diện chính quyền Hà Nội đã thò tay ký vào công ước quốc tế về quyền con người của Liên Hiệp Quốc. Họ có tự biết rằng họ đã, đang và sẽ vi phạm hầu hết các điều luật quốc tế về nhân quyền một cách thô bạo, có chiến lược với những luận điệu léo lái nực cười. Sự xảo trá ấy chẳng khó khăn gì mà người ta không nhìn thấy. Ví như "công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội và tự do biểu tình phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân." Ví như "không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của nhà nuớc và nhân dân" (điều 67 hiến pháp). Những điều này chẳng khác gì tên cai ngục bảo người tù: "Vào đây! Trong xà lim này mày được tự do" và đóng sầm cửa ngục lại.

Trong một tài liệu gọi là "Nêu cao tính chiến đấu, chống lại mọi hoạt động phá hoại về tư tưởng" lưu hành nội bộ của Đảng Cộng sản VN họ đã gào đến lạc giọng lã "chúng vu khống vi phạm nhân quyền, đàn áp văn nghệ sĩ, trí thức." (trang 2). Tôi đọc và nghiệm thấy một điều: Cái gì Đảng bảo là sai lầm, là xuyên tạc, là vu khống thì hóa ra lại phù hợp với tư duy và hoàn toàn có thật

trong thực tế Việt Nam. Ví như Đảng phê phán một tài liệu đang bị cấm ở Việt Nam "Dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ" (hay: "thử giải bài toán logic xã hội" mọi điều rắc rối bắt đầu từ đâu") của Hà Sĩ Phu. Đảng phê phán gay gắt 8 nghịch lý mà tác giả nêu...

Đảng ta ra sức chèo lái cho nhận thức của nhân dân đi theo lối mòn tư duy mà Đảng vạch ra, cấm đoán thông tin, bưng bít mọi sự thật. Và trên thực tế đây là sự vi phạm nhân quyền thô bạo nhân danh Chủ nghĩa Xã hội (CNXH,) một cái thây ma đang tự hoại, nhân danh nhân dân, dù nhân dân độ lượng và nhân ái không hề can dự vào tội ác mà chỉ là nạn nhân của tội ác mà thôi.

Đảng CSVN đã vi phạm nhân quyền một cách ngang nhiên. Trong tài liệu nói trên, Đảng ngang nhiên công bố "Chỉ trong hai ngày 4 và 5 tháng Sáu năm 1990 ở thành phố HCM đã phát hiện 439 tài liệu có nội dung xấu về chính trị từ Pháp và Mỹ gởi về cho nhiều cá nhân và cơ quan đóng trên địa bàn thành phố (trang 2)."

"Phát hiện" bằng cách gì? Lại là thư từ cá nhân? Phát hiện như thế nào? Phải nói là đã rình mò, đã đọc trộm thư từ, đã vi phạm điều 12 của công ước quốc tế về quyền con người ("không ai có thể bị can thiệp tùy tiện vào đời sống riêng, gia đình, nhà ở, liên lạc thư tín, không ai có thể bị xúc phạm đến danh dự"). Công ước này chính phủ Việt Nam đã ký và cam kết thực hiện.

Cũng trong tài liệu trên Đảng viết "Với những chiến công đó, cả dân tộc vô cùng phấn khởi và tự hào,cả loài người tiến bộ khâm phục Việt Nam ta. Thế mà có người Việt Nam được chế độ nuôi dưỡng lại đưa ra những luận điệu sai trái, thù địch như vậy. Những người dân bình thường có thể hỏi: con người đó thích sống cuộc đời nô lệ hay thích là công dân một nước tự do" (trang 11). Hãy đem câu hỏi này cho các thuyền nhân ở các trại tị nạn xem, có lẽ họ sẽ biếu... một cái tát hay khinh bỉ hơn, họ sẽ nhổ vào mặt người hỏi. Hỏi luật sư Ngô Bá Thành, người đại diện cho Hà Nội tại khoá họp thứ 39 của UB Nhân Quyền LHQ ở Giơ ne vơ, câu trả lời là "Đã ra lệnh cho các cơ quan hànhchính địa phương vùng duyên hải và biên giới kiểm soát để cấm đoán việc ra đi" (trích nguyên văn bài tường thuật của báo Quê Mẹ số 112 trang 10). Đối chiếu với điều 13, khoản 1 "mỗi người được tự do đi lại và chọn nơi sinh sống trong phạm vi mỗi quốc gia," khoản 2 -- "mỗi người có quyền rời bỏ bất cứ đất nước nào, kể cả đất nước mình và có quyền trở lại đất nước mình") của Công ước quốc tế về nhân quyền, chính quyền Việt Nam nghĩ sao? Công ước này chính phủ Việt Nam đã ký và cam kết thực hiện.

Sự chà đạp lên quyền con người được mặc cái áo mỹ miều: đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, tập trung dân chủ... Thực chất của đấu tranh giai cấp là gì qua cải cách ruộng đất 1956, qua hợp tác hóa nông nghiệp 1958, qua cải tạo tư sản 1976...

Gần đây Đảng CS Việt Nam ý thức rất rõ vai trò của truyền thông đại chúng. "Quán triệt các nghị quyết hội nghị 6, 7, 8 của BCH Trung Ương Đảng về công tác tư tưởng, các cơ quan thông tin đại chúng, các ngành văn hoá, văn nghệ, tăng cường hơn nữa tính chiến đấu, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng và bảo vệ thành quả cách mạng" (trang 27)... "Tại một số cuộc hội thảo có người đả kích Đảng mà những đảng viên có mặt ở đó không lên tiếng phê phán, đấu tranh. Có cán bộ phụ trách báo, đài do thiếu cảnh giác đã để lọt những bài có nội dung xấu lên báo, đài mà mình phụ trách" (trang 28) "tiến hành kiểm điểm, giáo dục những đảng viên có quan điểm và hành động sai trái như đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, và có đảng đối lập, hoặc tuyên truyền cho các khuynh hướng tự do, dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan vô chính phủ. Đối với những cán bộ đảng viên do quan điểm sai lầm về đa nguyên chính trị, dân chủ cực đoan, đả kích CHXH, bác bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ, đòi xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng thì cần kiểm điểm sâu sắc, không chỉ về quan điểm mà cả về ý thức tổ chức kỷ luật, thể hiện ở phát ngôn, viết báo, viết sách, đi tuyên truyền, vận động, lập tổ chức... Đối với những cán bộ, đảng viên chống đối về chính trị... thì đưa ra xử lý trước pháp luật" (trang 29). "Đòi hỏi tăng cường công tác quản lý của nhà nước đối với báo chí, xuất bản... Tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu đối với cán bộ phụ trách báo chí, xuất bản là trung thành với Đảng và nhân dân, có tinh thần chiến đấu cách mạng, có quan điểm đúng..." (trang 30) "cần kiên quyết ngăn chặn những cuộc hội thảo có ý đồ xấu, không cho phép những câu lạc bộ lợi dụng hình thức sinh hoạt hợp pháp để vu khống, đả kích Đảng ta, chế độ ta, hoặc để tập hợp lực lượng nhen nhóm tổ chức phản động, kích động lật đổ (trang 30)."

Trong những chủ trương đường lối này có một phần trăm miligram nào đó nhân quyền không? Đối chiếu với Công ước quốc tế về nhân quyền:

- Điều 18: Mọi người đều có quyền tự do tư duy, tình cảm và tín ngưỡng.
- Điều 19: Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng và tự do thể hiện tư tưởng này (tự do này bao gồm quyền được tự do theo đuổi các tư tưởng, những niềm tin cũng như quyền được tin, thu nhận và loan truyền thông tin tư tưởng thông qua mọi phương tiện không phụ thuộc vào biên giới quốc gia).
- Điều 20: Mọi người đều có quyền tự do hội họp và lập hội.

Chính quyền Hà Nội nghĩ gì? Công ước này chính phủ Việt Nam đã ký và cam kết thực hiện.

LÊ TUẤN

ĐẤT NƯỚC CỦA TÔI ƠI!

TRẦN NGỌC TUẤN

Tiếng đàn bầu như cứa vào đêm.
Dòng âm thanh đưa tôi ngược về bên bờ Tổ quốc
Đêm làm nỗi nhớ đầy thêm
Trang giấy trắng cùng tôi thức trắng.
Đất nước của tôi:
- Khập khiễng đi tìm hạnh phúc
Với tôi đất nước không trừu tượng,
Là nhịp đập trong tim mỗi sắc hồng cầu.
Cho tôi sống để mà thương đất nước.
Đất nước của tôi ơi!
Ai soi gương và tự ngắm mình?
Ai ngạo nghễ cho mình là tất cả.
Tự phong anh hùng và ngợi ca nhiều quá
Máu bao người đã đổ xuống vì ai?
Đất nước có ngủ đâu.
Mẹ bạc tóc đợi chờ hy vọng
Đứa con cuối cùng ra trận.
Mẹ mong về với mẹ một đêm thôi.
Hóa vọng phu bao người vợ đợi chồng
Khăn tang trắng trên mái đầu cô phụ
Đứa con lớn lên không bao giờ biết bố
Gió lùa vào vách đất khói hương bay.
Đất nước lắm chua cay
Nước mắt, mồ hôi, máu chảy
Lá cờ ơi! Xin đừng kiêu hãnh mãi
Đỏ quá rồi mong đừng có đỏ thêm
Đất nước vẫn còn rên
Điều oan trái gõ nhà quan cửa đóng
Công lý cùn không chém được thằng gian
Đất nước vẫn lầm than
Dân bế tắc nên tìm vào cõi Phật
Tìm vào ca dao cổ tích
Thầm mong bụt hiện về.
Thật phẫn uất mọi bề
Đất nước tôi quằn quại
Đất nước thét lên cho triệu người nghe thấy
Nỗi đau này vì ai?
Và tại sao đất nước tôi yêu
(Yêu say đắm,cồn cào, thương nghẹn thở)
Có những đứa con phải rời xa xứ sở
Nhờ rủi may trên một con thuyền
Tiếng đàn bầu nức nở trong đêm.
Như đánh thức mọi tấm lòng dân Việt
Không thể mỉm cười (dẫu quá khứ có một thời oanh liệt)
Giọt lệ lăn trung thực chẳng giấu mình
Đất nước của tôi ơi!
Xin thức trọn đêm nay cùng trang giấy
Nghe nhân bản trong tim tôi trỗi dậy
Quì xuống bên người hôn lên mọi niềm đau.

Praha 4

QUO VADIS, VIỆT NAM?

TRẦN THẮNG

Người ta lớn bởi vì ngươi cúi xuống
Hỡi nhân dân, hãy đứng thẳng lên!
(J.P. Marat)

Những tín hiệu của Tự Do từ châu Âu cách mạng
Đã đến với người chưa, ơi Tổ Quốc xa vời
Như đứa con xa nhà, mẹ trên giường bệnh
Tôi gọi tên Người, đất Việt nhớ thương ơi!

Căn bệnh nào đang ngự trị đất nước tôi,
Liều thuốc nào cho nỗi đau dày vò hành hạ?
Giá của cuộc thử nghiệm dân tộc tôi phải trả
Thế này đây, vé vào cửa thiên đường!

Ôi! Còn tội lỗi nào tệ hại hơn
Đem lý thuyết cũ mòn,
Tín ngưỡng của một nhóm người, áp đặt lên dân tộc
Chỉ có hy sinh, còn chỗ nào cho hạnh phúc?
Giữa thế kỷ 20, ơi Tổ Quốc
Bấy nhiêu năm, Người cười được bao lần?

Ơi Trời Phật từ bi và Chúa lòng lành
Hãy tha thứ cho chúng tôi, lũ người có tội
Bởi chúng tôi đã khoanh tay cam chịu
để cái ác nhân danh cái thiện hoành hành, ngự trị,
giỡ trò.

Bởi chúng tôi đã sinh con đẻ cái
Khi mảnh đất nghèo này còn vắng bóng tự do
Xin đừng để chúng tôi bị biến thành những kẻ vô thần
cuồng tín

Từ cao siêu rơi xuống vực tầm thường
Giữa tăm tối đói nghèo chẳng còn biết đến
Quyền con người, sự thật, tình thương...

Đi về đâu, Tổ Quốc của Nguyễn Trãi, Quang Trung
Đâu những Cao Bá Quát, Nguyễn Hữu Cầu... thuở trước
Chẳng lẽ cứ nhắm mắt để đưa tay dẫn bước
Người đang về đâu, Tổ Quốc của tôi ơi!

Đất nước ơi, đã đến lúc phải lựa chọn rồi,
Lần này phải tự mình, và không được sai lầm nữa
Nhân loại đang sống những phút giờ lịch sử
Còn chúng ta đang ở chân cầu
Và không được quyền chần chừ, bỏ lỡ
Vì chẳng còn chỗ dành cho những nàng Kiều
hay những Mị Châu!

Tiệp Khắc, 12-90
Một năm Cách Mạng Nhung

(Trích **Điểm Tin Báo Chí** số 24, 15-01-1991)

ĐẠI HỘI 7 CỦA ĐẢNG CSVN

CƠ HỘI CUỐI CÙNG BỊ LỠ - SỰ TAN RÃ BẮT ĐẦU

DIỄN ĐÀN

(Bài này viết trước Đại hội 7 của đảng CSVN, là xã luận của báo Diễn Đàn. Các câu in nghiêng do TK 21)

Đối với các nước cộng sản, Đại hội của đảng cầm quyền là một sự kiện trọng đại. Vận mệnh quốc gia, số phận của hàng triệu con người phụ thuộc vào quyết định của một nhóm người tại đại hội đó. Quốc gia sẽ phát triển hay ngừng trệ, xã hội sẽ ổn định hay khủng hoảng, những dự đoán chính xác có thể tìm thấy ngay sau đại hội.

Thông thường, những biến cố ngoạn mục xuất hiện cùng với một lãnh tụ tài năng. Trong lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô chẳng hạn, sau khi Khơrusốp công bố những sự thật về Stalin, thần tượng này bị sụp đổ. Thời kỳ xét lại của Đảng Cộng sản Liên Xô chấm dứt sau khi Bregiênhép lên ngôi. Từ khi Gorbachev cùng với "tư duy mới," Perestrojka và Glasnost xuất hiện, đường lối chính trị của Đảng cộng sản Liên Xô đã thay đổi hoàn toàn, cũng vì vậy cục diện chính trường thế giới xoay vần như không tưởng. Những lãnh tụ tài năng thực ra chỉ đại diện cho một luồng tư tưởng trong đảng, nhưng ngược lại vai trò, thế đứng của họ tác động vào đảng rất nhiều.

Nhìn lại số biến cố trong Đảng cộng sản Việt Nam: Trong những năm đầu tiên, khi Luận cương Trần Phú, lấy đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản làm chủ đạo, thắng Chánh cương Nguyễn Ái Quốc, lấy đại đoàn kết dân tộc làm chủ đạo, Đảng Cộng sản Đông Dương đã đi theo đường lối cực tả của Quốc tế cộng sản do Stalin lũng đoạn. Sai lầm đầu tiên là Xô viết Nghệ tĩnh. Từ hội nghị 8, Ban chấp hành trung ương tại Pắc bó, cộng sản Việt Nam chịu sự lãnh đạo hoàn toàn của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh với sự nhạy bén về thời cuộc đã khéo léo giành được ngọn cờ giải phóng dân tộc về tay những người cộng sản. Mặt trận Việt Nam đã tập trung nhiều thành phần giai cấp, tôn giáo..., được sự ủng hộ của cả những người không thích cộng sản. Dưới sự lãnh đạo tài ba của Hồ Chí Minh, Đảng cộng sản Việt Nam đã giành được chủ động trên chính trường, đẩy những người quốc gia về phía ngoại quốc. Trải qua bao cơn biến động, Đảng CS Việt Nam phải thay tên đổi dạng, nhưng chủ trương XHCN và giải phóng dân tộc vẫn được duy trì. Chân tướng CS cực tả đôi khi được bộc lộ rõ như trong cải cách ruộng đất, một biện pháp dã man để cộng sản giành độc quyền hoàn toàn ở Bắc Việt Nam.

Sau năm 1975, toàn Việt Nam đã về tay CS. Năm 1976, Đại hội IV họp trong men say chiến thắng và hào hứng muốn nhanh chóng nhảy cóc qua tư bản chủ nghĩa để xây dựng XHCN. Đáng lẽ ra, sau khi đất nước thống nhất, Đảng CS Việt Nam phải có đường lối phù hợp cho thời kỳ mới. Nhưng điều đó không xảy ra, theo logic của kẻ chiến thắng: họ không có sai lầm. Sự hiếu chiến và hiếu thắng đã dẫn đến vũng lầy Campuchea. Thói quen làm kinh tế trong thời chiến đã dẫn đến những món nợ quốc tế khổng lồ. Cải tạo tư sản, hợp tác hóa nông nghiệp, chính sách vùng kinh tế mới, sự đầu tư bừa bãi vào công nghiệp nặng..., đã đưa đất nước đến cuộc khủng hoảng trầm trọng.

Sự thất bại mới dạy cho người cộng sản khôn hơn. Năm 1986, Đại hội VI họp trong tinh thần cởi mở dân chủ hơn trước. Nhiều phê phán gay gắt xuất hiện theo tinh thần dám "nhìn thẳng vào sự thật, nói thẳng sự thật." Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng bí thư. Quả là Linh đã có nhiều điều kiện thuận lợi để làm tốt hơn cái "Đổi mới" của ông. Sau nhiều năm bị đè nén, ức hiếp, phong trào "những việc cần làm ngay" của N.V.L đã phần nào xóa nhẹ đi phần uất của quần chúng. Nguyễn Văn Linh cũng giành được cảm tình của văn nghệ sĩ, trí thức qua hô hào cởi trói. Về kinh tế, nhờ thành phố HCM, nơi Linh đã làm Bí thư thành ủy, đứng vững trong khi khắp nơi khủng hoảng, chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Linh đã được chấp nhận. Ba chương trình kinh tế lớn: lương thực thực

phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu từng được Mátxcơva khen là sát thực tế. Những biện pháp chống lạm phát bước đầu có hiệu quả. So với các nước XHCN trong Hội đồng tương trợ kinh tế, Việt Nam là một trong những nước đầu tiên tiến hành cải cách kinh tế. Nguyễn Văn Linh còn được báo chí phương Tây gọi âu yếm là Gorbi của Hà Nội. Nếu như không có biến cố ở các nước Đông Âu, Đảng CS Việt Nam sẽ còn tiếp tục đi cà nhắc trên con đường đổi mới: chỉ đổi mới kinh tế, kiên quyết không cải cách chính trị. Có lẽ sau khi chứng kiến cảnh dân Đông Đức chạy ào ào qua Tây Đức, trong thời gian dự quốc khánh CHDC Đức, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn của CS Đông Âu, Nguyễn Văn Linh đã rầu phát ốm. Tại những lần phát biểu sau, Linh vẫn thường như mê sảng: chúng tôi kiên quyết chống đa nguyên, sứ mệnh của lịch sử, của dân tộc đã giao cho Đảng CS Việt Nam vai trò lãnh đạo.

Liệu Đảng CS có thể lãnh đạo đến vĩnh viễn hay ít nhất đến khi các vị lãnh đạo già nua qua đời theo ý nguyện của họ? Hãy nhìn qua quang cảnh kinh tế, xã hội Việt Nam trước Đại hội VII: hàng loạt nhà máy, xí nghiệp bị phá sản, con số thất nghiệp ngày càng tăng. Hàng loạt vụ lừa lọc buôn bán, những vụ tín dụng vỡ nợ đã làm cho nền kinh tế càng mất thăng bằng. Lạm phát lại cao. Viện trợ Liên Xô giảm từ xấp xỉ 2 tỷ đô la hàng năm xuống còn 110 triệu đô la cho năm 1991. Tổng kết ba chương trình kinh tế: nhân dân nhiều nơi vẫn đói, hàng ngoại tràn ngập bóp chết hàng nội, thị trường xuất khẩu quen thuộc ở Đông Âu bị mất. Việt Nam vẫn chìm sâu trong cuộc khủng hoảng toàn diện.

Đại hội VII lần này là cơ hội cuối cùng cho Đảng cộng sản Việt Nam. Đảng CS sẽ tiến hành cải cách thực sự cho theo kịp trào lưu dân chủ trên thế giới hay sẽ bị trào lưu này nhấn chìm. Cuộc đấu tranh giữa phe cấp tiến và phe bảo thủ trong Đảng dường như đã nghiêng về thắng lợi của phe bảo thủ. Trần Xuân Bách bị khai trừ khỏi Bộ Chính Trị (BCT.) Cùng với sự thanh lọc trong Đảng, những nhân vật cấp tiến như Bùi Tín, Dương Thu Hương... bị khai trừ. Cương lĩnh chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000 chứa đầy những lý luận giáo điều của phe bảo thủ. Qua cung cách bầu đại biểu đi dự Đại hội: tiêu chuẩn đại biểu phải là những người có lập trường chính trị vững vàng, tức là phải kiên quyết chống đa nguyên. Đại hội Đảng lần này sẽ không hứa hẹn những biến đổi lớn.

Nguyễn Văn Linh sẽ ở lại hay sẽ ra đi? Gần đây, ông ta mới sang Liên Xô gặp Gorbachov. Theo các nhà quan sát, cuộc hội đàm đã không thành công. Việc ông Linh ở lại hay không, không quan trọng. Nhà sử học Nguyễn Khắc Viện đã đề nghị những đồng chí già nên tự ý rút lui, đòi Đảng phải trao lại quyền hành cho các cơ quan dân cử. Hoàng Minh Chính, nguyên Viện trưởng Viện nghiên cứu Mác-Lênin cũng yêu cầu từ bỏ CNXH trừu tượng, không tưởng. Việc thay đổi chỗ giữa các thành viên trong BCT không có ý nghĩa, vì theo như nhà văn Dương Thu Hương đã nhận xét: không có gương mặt nào là BCT xứng đáng cả. Khi những người có trình độ, có tư tưởng mạnh mẽ, đáng lẽ ra phải là động lực đổi mới trong Đảng thì lại đẩy ra đối lập, phản động, *Đảng CS Việt Nam đang đi vào ngõ cụt và tan rã.* Đại hội VII lần này có lẽ là đại hội cuối cùng mà mọi người phải quan tâm.

Bắt Dương Thu Hương, nhà văn nữ được đông đảo quần chúng mến mộ, phải chăng *Đảng CS Việt Nam đã cùng quẫn dám thách thức lương tâm của toàn dân tộc.* Việc này làm chúng ta liên tưởng tới những phản ứng của đảng CS Tiệp Khắc trước cách mạng nhung, khi họ đàn áp sinh viên, những người mang hoa và biểu ngữ chọi với súng và dùi cui cảnh sát. Trong những tờ truyền đơn đầu tiên dán khắp nơi, có ghi: Đảng CS đã bộc lộ rõ nguyên hình độc tài phát xít,... Cuộc đàn áp dã man ngày 17-11-1989 đã thách thức tất cả những người có lương tâm... Chúng ta liên tưởng đến phản ứng cùng quẫn của Ceaucescu khi ra lệnh bắn vào đoàn biểu tình ở Rumani. Thái độ thiếu bình tĩnh của lãnh đạo CS Việt Nam được thấy như trong bài của Tổng cục trưởng Tổng cục phản gián trả lời TTX Việt Nam (xem Tập san Quê Hương số 5/1991 của Đại sứ quán Việt Nam tại Tiệp Khắc). Ông đã so sánh rằng những tuyên ngôn, kêu gọi của các hội đoàn người Việt tại hải ngoại chỉ là "những tiếng chó sủa dưới đêm trăng." Phải chăng ông ta đã mất trí, mất hết cả lịch sự tối thiểu của một người đứng đắn. Và lạ lùng thay, vì lý do gì? Bí mật quốc gia? Tại sao không thấy tờ tập san đưa tên vị Tổng cục trưởng nọ? Nấp sau đội ngũ cảnh sát, an ninh khổng lồ, lãnh đạo Việt Nam cũng đã run sợ?

Ngày 15-6-1991, những công nhân, sinh viên Việt Nam đã xuống đường biểu tình trước sứ quán Việt Nam tại Praha. "Bao nhiêu năm qua dân ta sống không nhà. Bao nhiêu năm qua dân ta chết xa nhà. Dậy mà đi, dậy mà đi, hỡi đồng bào ơi!..." Sẽ đến ngày họ được tự do hát vang ở Hà Nội, Sài Gòn, trên quê hương yêu dấu của họ. Dân tộc Việt Nam với sức sống sinh tồn mãnh liệt không thể để Đảng CS dẫn đến chỗ diệt vong. Nam nhi Việt Nam không thể chịu nhục làm ngơ để CS bắt nhà văn nữ bất khuất. Đến một ngày người Việt Nam sẽ nói như người Đông Đức. Đời chúng tôi chỉ có một lần, chúng tôi không muốn làm vật thí nghiệm cho các ông nữa.

Đảng CS Việt Nam tất yếu sẽ tan rã. Điều quan trọng bây giờ là làm sao sự tan rã của nó không gây thêm đau thương cho dân tộc. Một tí biến chuyển nhỏ tiến bộ vẫn có thể mong chờ ở Đại hội VII.

Trích Diễn Đàn (số 21 ngày 26-6-1991)

ĐỜI SỐNG CÔNG NHÂN VIỆT NAM Ở TIỆP KHẮC

ĐINH QUANG ANH THÁI

Đây là những đoạn trích trong bài phỏng vấn do Đinh Quang Anh Thái, tạp chí Người Dân *ở California thực hiện. Tuy bài báo được thực hiện từ một năm qua, chúng ta có thể thấy, qua các câu trả lời, hình ảnh về cuộc sống cơ cực của đồng bào ta đi "xuất khẩu lao động" và sinh viên ở nhà máy tại Plzen, Tiệp Khắc.*

Xin các anh cho biết một cách tổng quát về tình trạng nhà tập thể.

Theo em, một người đã sống lâu năm ở đây, nghĩa là 16 năm ở Tiệp, em nghĩ rằng trong những người nước ngoài làm việc ở Tiệp Khắc, ví dụ như người VN, Cuba, Ba Lan, Mông Cổ và một số các người nước khác, thì ở đây, cái lực lượng quan trọng nhất mà người Tiệp Khắc mướn vào làm việc là người Việt Nam. Đối với hiệp định giữa Tiệp Khắc và Ba Lan, nó có khác với hiệp định giữa Cuba, Việt Nam với Tiệp Khắc. Tiệp Khắc và Ba Lan dựa trên cơ sở các hãng Ba Lan ký kết trực tiếp với các hãng của Tiệp Khắc cho nên về khoản lương bổng, về tất cả các điều kiện sinh hoạt, cũng như các điều khoản khác, nó thuận tiện hơn rất nhiều so với hiệp định dành cho người VN. Chả hạn người Ba Lan có tiêu chuẩn lương bổng khác. Riêng về Việt Nam và Cuba thì sang có tính chất trả nợ. Thí dụ Tiệp Khắc xuất sang Cuba hay VN một cái đầu tàu hỏa hay là dăm ba cái máy tiện, máy phay, máy bào hay vài chục tuộc bin thì các nước này có trách nhiệm trả nợ bằng các mặt hàng như mía đường cà phê chè hoặc là mành mành vân vân. Thế nhưng mà do điều kiện không có, hoặc là trả bằng cách ấy quá lâu, cho nên muốn có tiền để trả nợ, người ta phải gửi người sang để trả nợ mà người ta gọi là lực lượng lao động. Riêng đối với người VN ở đây thì có thể chia ra làm nhiều thành phần: sang Tiệp Khắc để làm việc và học tập thì có học sinh học nghề, vừa học vừa làm, lao động, thực tập sinh, sinh viên và nghiên cứu sinh. Thế là sáu thành phần. Sáu thành phần được dựa trên hai bộ phận quản lý. Quản lý học sinh học nghề và lưu học sinh đấy là một bộ phận. Bộ phận thứ hai gọi là quản lý lao động. Ban quản lý lao động thì quản lý những người lao động hay quản lý những người gọi là thực tập sinh Việt Nam sang đây. Thực tế đối với những người lao động thì hiệp định thường thường là bốn năm. Đối với học sinh thì học ba năm, sau đó làm trả nợ cái ba năm trước đã học. Và đối với sinh viên thì đây là một hiệp định có tính cách giúp đỡ giữa chính phủ cũ của Tiệp Khắc với chính phủ VN, tức là thay vì viện trợ cho VN thì họ nhận lực lượng sinh viên này, một năm khoảng bao nhiêu người đấy sang đây học tập, tức là không có tiền. Đối với lực lượng lao động và thực tập sinh vừa học vừa làm thì hiệp định ký rất dở cho nên người VN thường thường bị thua thiệt, nhất là người lao động ở dưới các cơ xưởng, tiếng tăm không biết hiệp định không hiểu mấy thành ra chỉ biết đi làm lấy đồng tiền mà không để ý đến tất cả những cái chung quanh cuộc sống. Họ bị chèn áp bằng nhiều hình thức nhưng sứ quán cũng không quan tâm đến nơi đến chốn. Sứ quán thì cũng có nhiều thành phần chẳng hạn như cán bộ vụ, đội trưởng phiên dịch và ngoài ra họ còn thành lập những phân đoàn, chi đoàn, chi bộ vân vân hay là công đoàn nữa. Gọi là có sứ quán nhưng mà thực tế không chu đáo, không được đến nơi đến chốn cho nên người VN rất bị thiệt thòi nhất là cái hiệp định gửi hàng về nước. Một anh lao động VN có thể làm được một khoản tiền trong tháng nhưng chỉ được gửi 50% về nước thôi, còn 50% kệ, anh muốn làm gì anh làm chứ anh không được phép gửi. Mà trong 50% họ cho phép gửi thì họ lại cũng giới hạn một số các mặt hàng thành ra người VN, nhiều khi không biết lựa chọn cái gì. Thường thì mua chọn những mặt hàng trong nước có thể bán ra tiền nên hầu hết anh chị em

VN đổ xô vào mua một số mặt hàng mà chính những người dân Tiệp ở đây họ cũng không được vui lòng lắm. Ví dụ anh chị em VN từ trước đến nay thường để ý đến Baigaita, xe đạp, máy khâu...

Bagaita là...

Bagaita là xe máy gần như cái Mobylette hay cái Peugeot của Pháp, còn xe đạp thì là Favorit, loại máy khâu cũ, loại xa tanh đen, phụ tùng xe đạp. Một số mặt hàng khác chả hạn như xà phòng, thuốc đánh răng, vải vóc linh tinh. Phải chọn và tính làm sao mua bên Tiệp này với giá thật rẻ đem về VN bán với giá thật đắt cho được VN ưa chuộng. Và chính vì vậy tất cả người VN đổ dồn vào một số mặt hàng. Cũng vì vậy mà họ ra cửa hàng tranh nhau mua, đến khi người Tiệp ra không mua được. Hay thí dụ có hạn về phép, anh chị em VN phải tính làm sao để mang hàng nhẹ cân vì mỗi người về phép được mang 20 cân không trả tiền, 20 cân phải trả tiền, tức là 40 cân thì phảilàm sao mang được nhiều hàng nhất và nhẹ nhất. Hàng nhẹ nhất ví dụ khăn mặt, mùi xoa chẳng hạn. Khăn mặt mùi xoa thì lại phải chọn nhiều loại nhưng chỉ chọn cái loại hai koruna tám (24 koruna bằng 1 đô la Mỹ) một cái. Thế nên muốn mua 100, 500 cái khăn mùi xoa để gởi về nhà nhằm bán được hai ba chỉ, tất cả đều đổ dồn ra các cửa hiệu để mua một chủng loại khăn ấy. Thành ra nhiều khi người Tiệp ra cửa hàng thấy không còn ngăn nào còn cái khăn chủng loại ấy nữa. Thế thì người ta nhiều khi rất là không bằng lòng. Hơn nữa cái tình trạng người VN ở đây. Chả hạn em là người phiên dịch cho toà án, thường xuyên phải đi giải quyết những vụ buôn bán, đánh nhau. Buôn bán thì người VN mình quen thói trong nước, nói là vô chính phủ thì không đúng nhưng họ đã quen với cách quản lý không đâu ra đâu cả thành ra họ buôn một cách rất là vô tổ chức. Thành ra ở đây ngồi đầu đường xó chợ cũng có, buôn ngoại tệ "cứng" (đô la Mỹ) cũng có, "trấn" hàng cũng có.

Trấn hàng là sao?

Đi lấy những mặt hàng hiếm như em kể gọi là trấn hàng. Ấy nó dùng những cái từ như thế. Hay là thí dụ đi bán ngoài đường hay là đi bán cả những đồ lấy được của nhà máy bán cho nhau. Nhiều khi báo Tiệp cũng đăng lên, em bản thân đã ra toà giải quyết những vụ như thế thành ra nhiều khi thấy nó không được vui vẻ gì.

Anh cho biết đồng lương căn bản của một người đi lao động bên này là bao nhiêu?

Nếu tính trung bình trên toàn Tiệp thì lương của người Việt Nam tại Tiệp Khắc khoảng 1800 corum. So với cách đây độ khoảng một năm trước, thì mức lương này còn sống có thể tạm. Nói chung là ngoài chuyện ăn uống ra, họ còn có thể tiết kiệm mua được gần một cái xe đạp nữa, chả hạn cái xe đạp Etca, trừ những người hút thuốc uống bia. Thí dụ đối với những người thực tập sinh, ăn mất khoảng 1000, ở mất 50 vì nhà họ ở là nhà tập thể, họ còn dư được 750 koruna, như vậy là họ còn thiếu độ 300 corun thì được một cái xe đạp.

Có thể cho là một tháng rưỡi tiết kiệm thì mua được cái xe?

Nói là một tháng rưỡi hay hai tháng cũng được.

Cái xe đó về VN bán được bao nhiêu?

Cái xe ấy rất được giá bởi vì nói riêng về Tiệp Khắc thì mặt hàng xe đạp là sản phẩm cực kỳ tốt. Chuyện mua xe cũng rất phức tạp. Em đang nói giá mua trong nhà nước quốc doanh, giá bên ngoài thì khác. Khi mà không mua được cái giá ấy trong nhà nước thì anh phải mua lại của một người VN mua được của nhà nước. Họ bán giá ấy lên gấp hai hoặc gấp rưỡi tùy cái, thành xe đạp lên rất là cao. Về Việt Nam có thể bán được hai chỉ vàng. Lương của công nhân ở VN tính trung bình là 45,000 một tháng mà một chỉ là 200,000. Có thể tính họ phải không ăn, không uống, không mặc trong hai tháng mới mua nổi một xe đạp Tiệp. Nó có cái mâu thuẫn thế này: Năm ngoái em về VN, em xem cái cảnh cô em gái không được đi làm bởi vì cơ quan của cô ấy không có việc. Đã không được hưởng lương thì chớ, nhưng lại phải nộp tiền cho nhà nước mỗi tháng 49,000 bởi vì cô ấy đi ra bán hàng để kiếm sống. Ở nhà nhưng phải nộp bằng số lương cô ấy nhận hàng tháng với tiêu chuẩn gửi con vào nhà trẻ chẳng hạn. Đáng lẽ thất nghiệp người ta được nhận tiền phải không ạ. Đấy, đã không được nhận lại còn phải nộp thêm tiền cho nhà nước. Cái ấy là cái đoạn rất vô lý.

* * *

(lược bỏ ít đoạn)

Về tương lai Việt Nam, các bạn trẻ ở Plzen cho ý kiến như sau:

Tôi hy vọng rằng do việc làm này của chúng tôi (tức việc làm báo, ra bản tin) thì dân trí người VN sẽ được tăng lên. Khi mà dân ta có dân trí cao thì sẽ tránh được những hiện tượng có thể nói là khi, ở nước ta có sự thay đổi thì tránh được những cuộc đổ máu vô ích. Nếu một khi dân trí VN không được nâng cao thì khi có sự thay đổi, tôi nghĩ là những người nông dân không có sự hiểu biết sẽ sẵn sàng lôi những người cộng sản ra tra tấn hoặc làm những việc tương tự như người

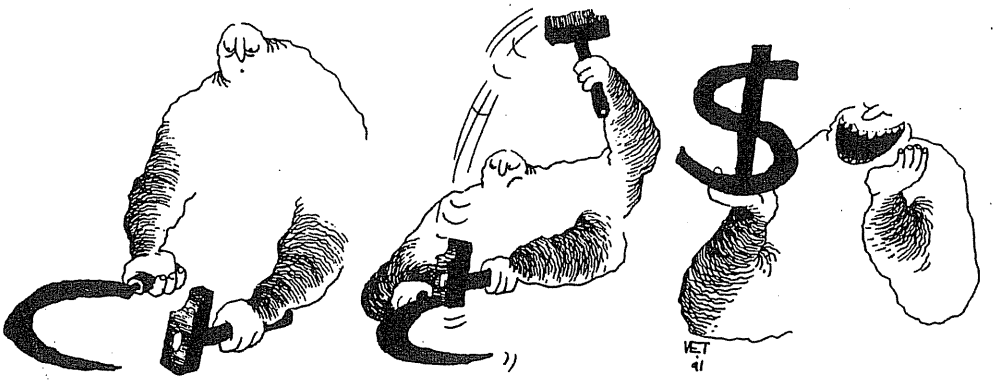

cộng sản trước đây đã làm với các chính phủ, các cấp chính trị khác ở miền Nam năm 75.

Như vậy thì anh nghĩ trong tương lai sẽ có sự thay đổi tại VN?

Sự thay đổi này có người ước đoán là trong vòng hai năm, có người ước đoán là trong vòng năm năm, có người ước đoán là sẽ xảy ra ngay bây giờ. Chúng tôi cũng rất hy vọng là sẽ có một sự thay đổi bầu không khí chính trị kinh tế VN. Bởi vì với sự đổi mới của đảng mà chỉ đổi mới về mặt kinh tế thì không thể nào đưa VN ra khỏi vũng lầy thê thảm hiện nay. Việt Nam hiện nay là một trong những nước đau khổ nhất trên thế giới.

Nếu có sự thay đổi chính trị anh có nghĩ rằng nó sẽ xảy ra như tại các nước Đông Âu, nghĩa là xóa bỏ cái chế độ cộng sản?

Cái việc này rất khó có thể đoán trước, bởi vì các nước Đông Âu thì chính phủ cộng sản được dựng lên bởi Hồng quân Liên Xô sau chiến tranh thứ II. Ở những nước này đảng cộng sản không có một lịch sử lâu đời. Trong thời kỳ đen tối của những nước này, những người CS ở đây hoàn toàn không dấn dắt dân tộc họ cho nên trong suốt bao nhiêu năm ở đây người dân hoàn toàn không ưa gì những người cộng sản. Hiện nay khi nhìn thấy những người cộng sản chỉ nói tốt mà không làm tốt, đã đưa đất nước họ tới vực thẳm thì họ đứng dậy làm cách mạng. Ở VN thì vấn đề khó hơn bởi vì người cộng sản VN trong những năm xa xưa chống lại thực dân Pháp vân vân thì họ là những người đầu tiên đứng lên và ở VN có thể nói, hiện nay, những sự mù quáng của đảng viên, của nhân dân đối với đảng còn nhiều. Cái lòng tin này có người cống hiến suốt cuộc đời của người ta 60 năm, 70 năm cho nên nếu có một cuộc thay đổi chính trị mà không còn những người cộng sản thì tôi nghĩ rất khó có thể xảy ra, bởi vì những người này cống hiến suốt cuộc đời cho một mục tiêu thì đến khi già rồi rất khó mà người ta có thể từ bỏ nó để trở về với hai bàn tay trắng. Thế cho nên tôi nghĩ nếu có một sự thay đổi về chính trị ở VN, nếu dân trí người VN không được đưa lên cao thì sẽ xảy ra những cuộc đổ máu.

ĐINH QUANG ANH THÁI

(Thế Kỷ 21 trân trọng cảm ơn bạn Đinh Quang Anh Thái và tạp chí Người Dân *đã cung cấp và cho phép trích đăng bài phỏng vấn trên)*

Hình chụp trước Buckingham Palace, Luân Đôn (Anh), một ngày tháng 6 năm 1973. Từ phải qua trái: Nguyễn Ngọc Huy, Vương Văn Bắc, một nhân viên phái đoàn VNCH tại hội nghị La Celle Saint Cloud và ký giả Đạm Phong.

TƯỞNG NHỚ NGUYỄN NGỌC HUY

VƯƠNG VĂN BẮC

Tuổi càng cao, càng thấy thời gian trôi mau: vừa mới hôm nào, tôi đến chùa Linh Sơn vùng ngoại ô Paris dự đám tang Nguyễn Ngọc Huy, vậy mà đã sắp tròn một năm! Nhân ngày giỗ đầu của anh sắp đến, tôi viết bài này, không phải để cân nhắc sự nghiệp hay phê bình tư tưởng chính trị của Nguyễn Ngọc Huy, mà chỉ để ghi lại một vài kỷ niệm riêng tư, như thắp một nén hương tưởng niệm người bạn quá cố.

Tôi quen Nguyễn Ngọc Huy từ năm 1954. Vào thời ấy, hiệp định Genève vừa ký kết và tôi mới di cư vào Nam, tuy có ghi tên vào danh biểu luật sư đoàn Sàigòn để tiếp tục hành nghề nhưng vì chưa có văn phòng và thân chủ nên đành đi dậy học thêm kiếm sống. Tôi nhận dậy Việt Văn và Pháp Văn ở trường trung học tư thục Chi Lăng trong Chợ Lớn. Nguyễn Ngọc Huy cũng dậy học ở đây, nhưng có lẽ anh đã hoạt động chính trị nhiều hơn là phụ trách giảng huấn, nên ít khi tôi gặp anh ở trường. Tuy nhiên, vào mỗi cuối tháng, ban giáo sư Chi Lăng có tổ chức một bữa ăn tập thể tại quán Bẩy Hổ đường Cao Thắng trong khu Bàn Cờ. Nơi đây, những lúc trà dư tửu hậu, qua hương vị những món ăn thuần túy miền Nam, anh Huy và tôi đã trở thành tương đắc vì cùng ưa thích luận bàn chính trị và bình nghị văn thơ. Thời gian gặp gỡ này khá ngắn ngủi vì sau

vài tháng, tôi phải từ giã trường Chi Lăng để dành hết thì giờ cho nghề biện hộ, còn Nguyễn Ngọc Huy thì vì hoàn cảnh chính trị phải đi ra nước ngoài.

Chúng tôi gặp lại nhau sau chính biến ngày 1 tháng Mười Một năm 1963 (những cuộc hội ngộ và chia tay giữa chúng tôi thường tùy thuộc vào những biến cố chính trị diễn ra trên đất nước). Cùng với một số người khác, Nguyễn Ngọc Huy và tôi được các tướng lãnh chấp chính ở Sàigòn thời ấy mời tham gia ủy ban soạn thảo quy chế chính đảng: anh Huy, vì đã dự phần tích cực vào hoạt động đảng phái, còn tôi, vì đang dậy môn chính trị học ở Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Tuy tái ngộ trước một bối cảnh chính trị rối ren và sau những biến diễn đã làm chia rẽ lòng người, chúng tôi không ngần ngại nối lại tình bạn cũ và ngồi lại với nhau bàn chuyện ngày trước ngày sau. Tiếc thay, lần gặp mặt thứ hai này lại còn ngắn ngủi hơn lần thứ nhất nữa: vì đổi thay chính trị, anh Huy lại phải bôn đào ra nước ngoài.

Tuy vậy, đã có lần thứ hai tất có lần thứ ba; thời cục đã ly tán chúng tôi lại khiến cho chúng tôi có cơ hội ngồi lại với nhau lần nữa. Thật đúng là: cái thế lớn trong thiên hạ, hợp rồi tan, tan rồi hợp (viết câu này chẳng phải để khoe chữ, mà chỉ để nhớ lại một người bạn cũng như tôi ham thích tiểu thuyết Tầu!) Quả vậy, cuối năm 1968, Việt Nam Cộng Hòa bằng lòng ngồi vào bàn hội nghị với phía cộng sản để tìm cách chấm dứt chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Chính phủ cử một phái đoàn sang dự cuộc hòa đàm ở Paris, trong đó có Nguyễn Ngọc Huy và tôi. Anh Huy được chọn vì anh vừa là một lãnh tụ đảng phái quốc gia, vừa là một giáo sư chính trị học; còn tôi được chọn, có lẽ vì phái đoàn cần một thành viên có đôi chút hiểu biết về luật quốc tế.

Lần gặp mặt thứ ba này giữa Nguyễn Ngọc Huy và tôi lâu dài và xôm tụ hơn. Trong thời gian tham dự hòa đàm, chúng tôi cùng ở trong ngôi nhà số 50 đường Maillot khu Neuilly - sur - Seine với các thành viên khác của phái đoàn: chị luật sư Nguyễn Thị Vui, anh Nguyễn Xuân Phong và anh Nguyễn Phương Thiệp. Riêng anh trưởng phái đoàn Phạm Đăng Lâm có tư thất vì kiêm nhiệm chức vụ tổng lãnh sự VNCH ở Paris. Phong, Thiệp, Huy và tôi ở chung một căn phòng rộng ở tầng lầu thứ nhất, còn chị Vui vì là phụ nữ nên được ở riêng một căn nhỏ. Tầng lầu hai dành cho phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ những khi ông đến Paris thị sát phái đoàn. Khác hẳn với luận điệu tuyên truyền được đăng tải trên báo chí cộng sản thời ấy, đời sống của chúng tôi ở tòa nhà 50 đường Maillot tương đối thanh đạm và khắc khổ, không có hội hè đình đám gì cả, vì chúng tôi thừa hiểu rằng nhất cử nhất động của mình đều bị theo dõi, không những bởi tình báo cộng sản mà còn bởi cả tình báo của đồng minh và của nước chủ nhà nữa. Thật vậy, chúng tôi tình cờ biết rằng các tài xế lái xe cho phái đoàn mình đều được tuyển mộ bởi... sở Công An Pháp. Bởi thế cho nên thú tiêu khiển độc nhất của thành viên phái đoàn ở 50 Mallot (như Nguyễn Ngọc Huy đã từng thuật lại trong một tác phẩm của anh) là đọc ngấu đọc nghiến những tờ báo ở Sàigòn gửi sang, nhất là những đoạn truyện Kim Dung được đăng dần trên báo. Thời kỳ 1969-1970 là thời kỳ đăng truyện Tiếu Ngạo Giang Hồ, vì thế những cuộc tình duyện éo le của Lệnh Hồ Xung hay những trận đụng độ nẩy lửa giữa các môn phái thường là đề tài thảo luận sôi nổi của nhiều cuộc mạn đàm trong tòa biệt thự cũ kỹ này.

Để được công bằng, tôi cần thêm rằng những trao đổi trí thức của chúng tôi không phải đã không vượt quá mức mấy quyển truyện chưởng Trung Hoa. Trong phái đoàn, Nguyễn Ngọc Huy và tôi được giao phó trách nhiệm viết bản dự thảo đầu của những bài phát biểu của phái đoàn VNCH tại bàn hội nghị. Vì công việc ấy, chúng tôi phải thảo luận với nhau hàng ngày, không những để có một nhận định chung về thời sự trong nước và ngoài nước mà còn để đối chiếu quan điểm về lịch sử dân tộc và quá trình tranh chấp quốc cộng. Dự thảo do anh Huy và tôi viết xong được đem ra bàn bạc giữa tất cả các thành viên của phái đoàn để phê bình và sửa đổi, cả về hình thức lẫn về nội dung. Sau khi dự thảo phát biểu đã được tu chỉnh và dịch ra tiếng Pháp và tiếng Anh, Nguyễn Xuân Phong và tôi mang tài liệu ấy sang thảo luận với thành viên phái đoàn Mỹ (thường là Philip Habib và Robert Miller), trên nguyên tắc là để điều hợp hai bài phát biểu của hai phái đoàn đồng minh, nhưng trong thực tế là để hai bên ngăn ngừa lẫn nhau đặng tránh những bước quá trớn: Chúng tôi e ngại Hoa Kỳ quá trớn trong chiều hướng nhượng bộ, mời chào, còn Hoa Kỳ thì e ngại Việt Nam Cộng Hòa quá trớn trong chiều hướng cực đoan, quyết liệt.

Sau những buổi gặp gỡ "thân hữu" nhưng đầy căng thẳng ấy, cũng như sau những cuộc đấu khẩu kéo dài và vô bổ ở phòng hội Kléber, trí não chúng tôi hết sức mỏi mệt nên chẳng còn ai thiết bàn đến chuyện chính trị nữa. Trong căn phòng tắm chung ở lầu một chúng tôi trò chuyện huyên thiên về mọi đề mục, trừ chính trị. Nơi đây, Nguyễn Xuân Phong gội đầu, Nguyễn Phương Thiệp ngâm chân, còn Nguyễn Ngọc Huy và tôi, trong khi chờ đến lượt mình, chuyện gẫu hoài hoài về thơ phú. Tôi nói mình mê thơ Vũ Hoàng Chương, đầy rẫy những cô gái Liêu Trai và những chàng say bất đắc chí, còn Huy cho biết là anh thích thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu vì nhà thơ này "tươi" lắm (chữ của Huy). Thế là chúng tôi lại

cao hứng ngâm nga, đại khái:

Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo...

Óc yêu thơ có khi theo chúng tôi đến tận bàn hội đàm. Một bữa, sau khi đã nghe nhắc lại không biết lần thứ mấy mươi lập trường của đôi bên: Cộng sản đòi quân Mỹ phải rút nhanh, rút hết, rút không điều kiện ra khỏi miền Nam Việt Nam, đồng thời lật đổ chính quyền Sàigòn, còn bên mình đòi quân Bắc Việt phải rời khỏi miền Nam Việt Nam và phía cộng sản phải chấp nhận tổng tuyển cử thật sự dân chủ tự do để giải quyết vấn đề chính quyền... tôi viết vào một mảnh giấy nhỏ vế câu đối sau đây:

Bình bị Bíp bắt bầu

trong đó Bình chỉ Nguyễn Thị Bình, trưởng phái đoàn Việt Cộng, Bíp là Philip C. Habib, quyền trưởng phái đoàn Mỹ, còn "bầu" nhắc lại yêu sách bầu cử tự do, nhưng cũng có thể hiểu theo nghĩa khác.

Tôi đẩy mảnh giấy nhỏ ấy sang phía Nguyễn Ngọc Huy, thường thường ngồi cạnh tôi bên phía tay mặt ở bàn hội, rồi nói: "Cậu đối đi, mà nhớ để ý là tất cả các chữ đều bắt đầu bằng B đấy nhé!"

Nguyễn Ngọc Huy suy nghĩ một lúc, rồi viết vào mảnh giấy đẩy lại chỗ tôi. Vế đáp của anh như sau:

Lâm lo Lâu lấp liếm

trong đó Lâm chỉ anh đại sứ Phạm Đăng Lâm, Lâu chỉ Hà Văn Lâu, quyền trưởng phái đoàn Bắc Việt, còn "lấp liếm" là nhắc đến mánh khóe của phái đoàn cộng sản, dùng những luận điệu vu khoát hòng che lấp vấn đề thực sự, tức là sự có mặt của quân cộng sản Bắc Việt ở miền Nam Việt Nam.

Sau khi phái đoàn rời phòng hội Kléber trở về trụ sở ở đường Raymond Poincaré, đôi câu đối sốt dẻo kia được mang ra trình làng, gây được nhiều chuỗi cười ròn rã và nhiều lời bàn hóm hỉnh. Nhưng lý thú nhất đã là phản ứng của anh Phạm Đăng Lâm: "Tôi không đồng ý! Lâu nó muốn làm gì thì nó làm, mắc mớ gì đến tôi mà tôi phải lo?"...

Vì cuộc hội đàm sa lầy trong những trận khẩu chiến tiêu cực nên đến giữa năm 1970, ba thành viên ở ngoài chính quyền: chị Nguyễn Thị Vui, anh Nguyễn Ngọc Huy và tôi, rút khỏi phái đoàn để trở về nước. Ở Sàigòn, mỗi người chúng tôi bận công việc nghề nghiệp riêng nên ít gặp nhau hơn. Tuy nhiên, không vì vậy mà tình bạn giữa chúng tôi trở nên phai lạt. Trái lại, chúng tôi vẫn tìm mọi dịp để trao đổi ý kiến về biến chuyển của thời cuộc và công việc phải làm cho tương lai đất nước. Năm 1973, khi tôi làm công tác ngoại giao ở Anh Quốc, Nguyễn Ngọc Huy đã từ Pháp sang Luân Đôn thăm tôi để cho biết diễn biến và không khí tại bàn hội nghị La Celle-Saint Cloud, nơi hai phái đoàn Miền Nam Việt Nam đang thương nghị vô hiệu quả về việc chấp hành Hiệp Định Paris. Sang năm 1974, sau khi tôi trở về thủ đô Sàigòn phụ trách Bộ Ngoại Giao, Nguyễn Ngọc Huy lại mời tôi đến Học Viện Quốc Gia Hành Chánh trình bầy chính sách đối ngoại của Việt Nam Cộng Hòa, một dịp cho tôi gặp lại trò xưa bạn cũ.

Thế rồi ngày đen tối 30 tháng Tư, 1975 đã tới, khiến cho chúng tôi mỗi người sống lưu vong một nơi, Nguyễn Ngọc Huy ở Hoa Kỳ còn tôi ở Pháp. Tuy vậy, tình bạn cũ vẫn không thay đổi và những khi có dịp ghé Paris trên đường công tác,

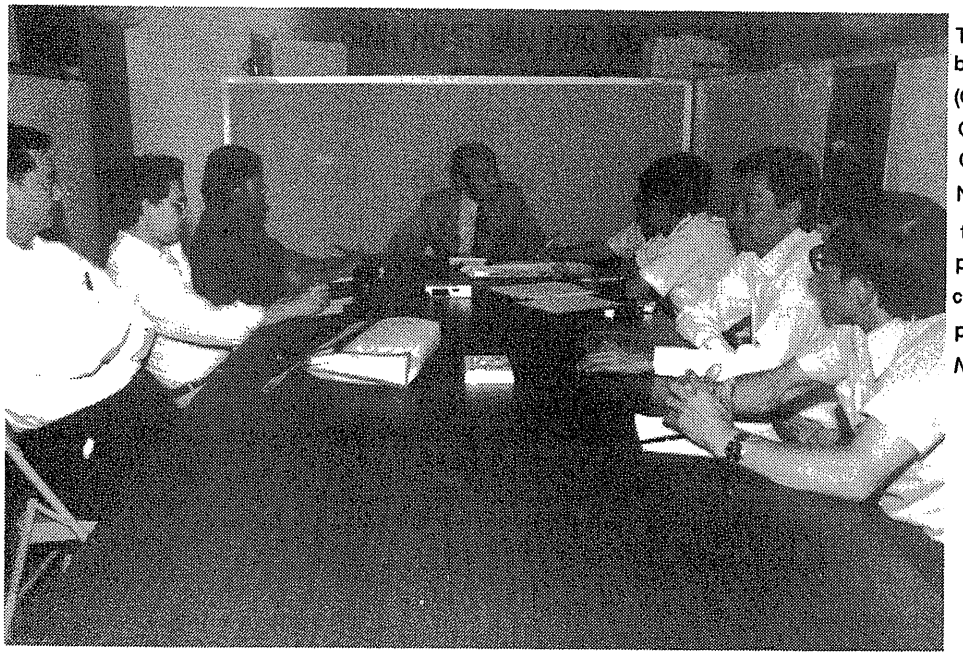

Tại toà soạn báo *Người Việt* (Quận Cam, California, 1985), GS Nguyễn Ngọc Huy (giữa) trả lời phỏng vấn của nhóm phóng viên *Người Việt*.

anh Huy thường ghé lại văn phòng tôi để thăm hỏi hàn huyên. Có khi anh thuật lại cho tôi hay những tiến triển trong công cuộc vận động của anh trên thế giới; có khi anh đem lại biếu tôi những tác phẩm mà anh đã viết, từ những khảo luận về lịch sử và luật pháp đến những phiếm luận về triết lý chính trị của Kim Dung. Trong những buổi gặp lại ấy, thường được kết thúc ở một tiệm ăn Việt hay Tầu, Nguyễn Ngọc Huy lúc nào cũng tỏ ra tích cực và lạc quan: anh không ngần ngại tiên đoán một ngày về không xa trong danh dự, tự do và dân chủ. Thấy tôi còn tất tả trong công việc mưu sinh: xem hồ sơ, tiếp thân chủ, điện thoại với đồng nghiệp... anh lắc đầu thông cảm và nhận xét: "Tôi thật may hơn anh! Tôi có con lớn đi làm và nuôi tôi, nên có nhiều thì giờ hoạt động."

Lần chót gặp lại ở Paris, tôi thấy Nguyễn Ngọc Huy đã yếu nhiều và nói một cách khó khăn. Mặc dầu vậy, anh không phàn nàn một lời nào về tình trạng sức khỏe, và câu chuyện giữa chúng tôi hoàn toàn hướng về những dấu hiệu tan rã suy sụp của khối cộng sản trên thế giới. Anh Huy nói muốn mua quyển Perestroika của Gorbachev vì anh đang viết bình luận về chủ trương này. Tôi liền đưa anh lại hiệu sách Brentano's ở đường Avenue de l'Opéra, rồi chia tay trở lại văn phòng. Tôi không biết đó là lần vĩnh biệt, nếu biết chắc tôi đã hy sinh buổi chiều làm việc ấy để trò chuyện với anh thêm một vài giờ nữa!...

Nguyễn Ngọc Huy và tôi không sinh ra ở cùng một miền đất, không học với nhau chung một thầy, không làm cùng một nghề mà cũng không cùng hoạt động trong một tổ chức. Tất cả những khác biệt ấy đã không ngăn cấm chúng tôi duy trì tình bạn trong thời gian hơn ba chục năm, qua bao nhiêu đổi thay của Lịch Sử và thăng trầm của kiếp người. Vì vậy tôi cảm thấy buồn nhiều khi anh mất.

Nguyễn Ngọc Huy nằm xuống sắp được một năm rồi; chẳng hiểu linh hồn anh có thanh thản tiêu dao miền vĩnh cửu, hay vẫn bồn chồn khắc khoải vì tiền đồ đất nước còn mịt mùng?

Paris, 27-6-1991
VƯƠNG VĂN BẮC

CHỮ VÀ NGHĨA

"Một Phụ Nữ Chuyên Nghiệp... Người Việt"

Thế Kỷ 21 số 26, tháng Sáu, 1991, ở trang 57, viết: "...Truyện kể một nhân vật nữ tên Kiều Uyên, *một phụ nữ chuyên nghiệp người Việt trong xã hội Mỹ*...".

Tác giả có lẽ đã dịch từ nhóm chữ *a professional woman* cho câu "một phụ nữ chuyên nghiệp người Việt...". Chỉ tiếc trong văn chương Việt không ai dùng chữ đó để chỉ một nữ luật sư, bác sĩ, nha sĩ... Nhưng người ta có thể dùng như sau: "Cô ta là một thợ may chuyên nghiệp.", "anh ta là một thợ hồ chuyên nghiệp.". Chính danh từ "profession", với một ý nghĩa nguyên thủy dùng để chỉ ba ngành Luật, Thần Học và Y Khoa, đã không còn được dùng một cách "chuyên nghiệp" nữa! Ngày nay chúng ta thấy Professional Engineers (như trong câu "You Need a PE licence for this job"), các Professional Corporations của các ông nha sĩ, kế toán (CPA), các chuyên viên chữa trị bệnh nhức mỏi (chiropractors), kiến trúc sư... (như nhóm chữ Thomas, Miller, Johnson, P.C., có nghĩa đây là một công ty chuyên nghiệp của ba người đứng tên trên. Và ba người đó có thể làm bất cứ một nghề nào mà tiểu bang cho phép gọi là *professional Corp.* Đây là một khuynh hướng mới do các tay "chuyên nghiệp" nghĩ ra để trả thuế ít hơn...)

Khi viết "XZY là một người đàn bà chuyên nghiệp" thì không có nghĩa gì hết.

Học Tiếng Anh thời 1930-40

Giáo sư Trần Văn Khê, nhà nhạc học lừng danh, có trí nhớ rất tốt. Trong một cuộc nói chuyện gần đây ở Canada ông đọc lại một bài lục bát; đó là bài học tiếng Anh của ông thời 1940. Xin chép ra để bạn đọc ở các nước nói tiếng Anh coi cho vui. Khi đọc lại bài này xin quý vị nhớ bỏ dấu cả tiếng Anh cho đúng luật bằng trắc của thơ lục bát:

Table anh gọi cái bàn
Book là quyển sách, *woman* đàn bà

Man ấy là con người ta
Lại còn nghĩa nữa, ấy là đàn ông

Mặt trời anh gọi là *Sun*
Ngày *Day*, đêm *Night*, *Near* gần, *Far* xa

Moon trăng, *Hat* mũ, *House* nhà
Pen ngòi bút sắt, *Ink* là mực tây

Today là cái hôm nay
Sunday Chúa Nhựt, thứ Hai *Monday*

Thứ Ba *Tuesday* khó nghe
Thứ Tư *Wednesday* dễ chê được nào

Thứ Năm *Thursday* dễ sao
Thứ Sáu *Friday* ai nào dám quên

Thứ Bẩy vần giữa đọc lên
Saturday ấy một tên dị kỳ

...

ĐỐI THOẠI VỀ TẢ CẢNH

VÕ PHIẾN

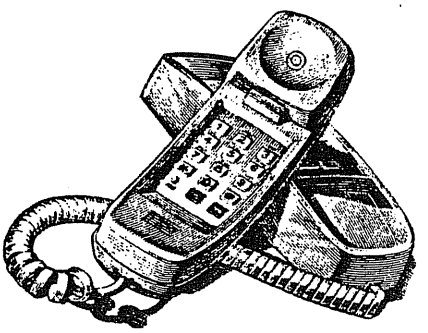

- Tiến bộ đâu chẳng thấy, đời cứ mỗi ngày mỗi tệ thêm. Chán thật.

- Ý bạn muốn bảo hạt cơm ngày nay ăn không ngon bằng đời Nghiêu Thuấn chăng, phi cơ bây giờ bay chậm hơn đời Nghiêu Thuấn chăng?

- Hừm! Người ta nói đây là nói về đường tinh thần. Về văn chương, nghệ thuật cơ.

- A! Tôi hiểu. Vậy chắc bạn cho rằng văn bây giờ không theo kịp Siêu Quát, thơ hôm nay thua thơ Lý Đỗ?

- Tôi không nói lên một cảm tưởng chung chung, vu vơ. Nên nói cái gì cụ thể, rõ ràng: Chuyện tả cảnh chẳng hạn. Ngày trước, khắp Đông Tây bao nhiêu là cây bút tả cảnh thần tình. Mãi sau này lớp Nguyễn Tuân, Hàn Mặc Tử, Thế Lữ v.v... cũng có những bức tranh tuyệt vời nói về cảnh vật thiên nhiên. Mấy chục năm gần đây mở sách ra chỉ thấy toàn những nhân vật bấu xấu lẫn nhau, chộn rộn, nhố nhăng; chẳng thấy thiên nhiên đâu nữa, chẳng có mấy cảnh vật tả ra hồn. Ui dào!

- Bạn nói năng có khẩu khí.

- Thế à?

- Vâng. Nói cứ như một nhân vật lấy lừng. Tức bà lão Chín Cân trong truyện Lỗ Tấn (1).

- Không được láo nhé. Tôi có gì sai?

- Nói chung thì đúng. Còn cái riêng, sẽ xét sau.

- Kìa! Đúng, hãy bảo là đúng. Còn khẩu khí thế nào, mặc tôi. Khi nói một chân lý, tôi có quyền tuyên bố với khẩu khí đế vương chứ ạ.

- Giá bạn có được khẩu khí đế vương! Đàng này bạn phàn nàn, cằn nhằn... Xin lỗi, bạn có phần lố...

- Lại láo! Trước sự trạng đáng phàn nàn: phải phàn nàn thôi. Bạn có gì thắc mắc về sự trạng không? Bạn có cho rằng chúng ta càng ngày tả cảnh càng hay chăng? rằng trong tác phẩm văn chương của chúng ta có nhiều thiên nhiên hơn của tiền bối chăng?

- Không.

- Tốt. Thế về sự trạng, chẳng cần chứng minh nhá. Vả lại nếu bạn không nhìn thấy sự trạng như tôi, tôi chỉ có cách chấm dứt chuyện trò, mời bạn đọc sách lạ, suy nghĩ lại thôi. Tôi không có số thống kê để chứng tỏ cái nhiều ít, tôi cũng không mời được một hội đồng giám định để quyết định cái hay dở.

- Bạn chỉ được tôi ban cho một sự may mắn. Từ sự đồng ý may mắn về sự trạng, chúng ta đi tới hai thái độ khác nhau. Bạn chê trách, phàn nàn...

- Còn bạn thì hoan hỉ? Đừng, bạn không cần phản đối. Hiện thời chưa cần biết thái độ gàn bướng của bạn là như thế nào. Bạn chê tôi, trước hãy để tôi biện minh. Theo tôi (và cũng là theo tất cả mọi người) đã kém tất nên phàn nàn. Huống hồ đây là cái kém trầm trọng: không phải chỉ là một sự kém sút về kỹ thuật, mà là một sa sút trong tâm hồn.

Tôi không cho tả cảnh là một vấn đề kỹ thuật. Ở trường thày có dạy trò những kỹ thuật căn bản về phép tả cảnh, nhưng tất nhiên không ai tin rằng cái dạy dỗ ấy có thể tạo nên những tài năng về tả cảnh. Nếu đó là cách đào tạo, lúc này những kẻ có năng khiếu kinh doanh tha hồ mở trung tâm huấn luyện thuật

tả cảnh để hốt bạc. Giật được mấy chứng chỉ về tả cảnh, thêm mấy chứng chỉ về phép tả người, thêm một mớ chứng chỉ về phép dựng truyện nữa, xong, từ trong trường bước ra tha hồ làm văn sĩ. Hoặc giả đang viết lách phăng phăng bỗng thấy có trục trặc, cứ mạnh dạn vào lớp bổ túc cẩn thận về môn tả cảnh, thế là "đổi mới" ngay. Lo quái gì.

Đàng này, không phải thế. Tả cảnh với không tả cảnh là hai trạng thái tâm hồn, là hai loại tâm hồn, hai loại người. Người không tả cảnh không phải là người không trông thấy cảnh, người yếu mắt, người cần đi bác sĩ nhãn khoa. Và theo tôi nghĩ, cũng không phải là người kém khả năng quan sát, cần được huấn luyện nữa. Không tả chẳng qua vì không thấy có gì đáng nói. Như vậy phải chứ. Như vậy là thường tình. Hễ thấy không có gì đáng nói thì không tả cảnh, thấy người không có gì đáng nói thì không tả người, thấy sự việc ở đời không có gì đáng kể thì không kể làm chi: ở đời biết bao nhiêu người vẫn như thế. Đó là phần tối đại đa số của nhân loại, cái phần không phải là văn nghệ sĩ.

Văn nghệ sĩ là phần tử không thường. Đêm đêm trăng sáng vẫn thế, Hàn Mặc Tử tự dựng lại thấy bao nhiêu là cái đáng nói, cần nói, rồi thì huyên thiên lên *(Chơi giữa mùa trăng)*. Bao người xung quanh ngày ngày vẫn vậy, vẫn đi lại trước mắt bạn bè, chẳng ai thấy gì khác lạ, bỗng dưng La Bruyère thấy ra bao nhiêu là điều cần nói, rồi huyên thiên lên *(Les caractères)*. Xã hội vẫn hoạt động trước mắt mọi người, không ai thấy có vấn đề gì, Balzac lại nhìn thấy một tấn trò đời *(La Comédie humaine)* nói mãi không dứt, Nhất Linh lại trông thấy ra vấn đề cô Loan, Hoàng Ngọc Phách lại thấy có câu chuyện Tố Tâm v.v... Những vị vừa kể tinh mắt hơn người chăng? Không. Mù mắt như Nguyễn Đình Chiểu vẫn thấy ra chuyện. Những cái ấy -- cảnh, người, sự việc -- không phải thấy bằng mắt, mà bằng tấm lòng.

- Khẩu khí bạn lâm ly ra phết.

- Tạm gác khẩu khí qua một bên đi. Tôi lấy thí dụ. Nếu con đường này cũng như mọi con đường khác thì việc gì mà quan sát, mà vác bút ra hè hụi tả nó làm chi, phải không? Tả là khi nhận ra nó có điểm đặc biệt nào đó, chẳng hạn nó... đìu hiu.

Khốn nỗi, trên mặt địa cầu chẳng có con đường nào tự nó đìu hiu cả. Đường, tự nó chỉ có đường dài đường ngắn, đường rộng đường hẹp, đường đất lở lói hay đường nhựa trơn tru... (Những cái ấy chỉ có thể đưa vào tiểu thuyết *objectal* thôi, nhưng thời của nó đã qua rồi). Không những không có con đường đìu hiu mà cũng không có khu phố đìu hiu, họa chăng chỉ có khu phố mươi lăm nhà, khu phố nghìn nhà vạn nhà, khu phố nhà tranh, khu biệt thự lầu v.v...

Tóm lại không có con đường nào, bụi cỏ nào, mùa thu hay mùa đông nào đìu hiu cả. Cảnh vật tự nó không có hồn. Đìu hiu là cái mà hồn người trao cho cảnh vật: cho khóm lá, cho mùa thu... Một khi ta chẳng có gì để trao cho cảnh vật thì nó chẳng còn gì đáng tả nữa. Tả làm chi cái cảnh: Trên trời lúc bấy giờ có đám mây to bằng sáu mươi tám lần chiếc bánh đa, màu xám tro, bên phải đậm bên trái nhạt, trôi theo hướng nam bắc, tốc độ ước chừng ba mươi lăm dặm một giờ v.v... Nếu cứ nhất định quan sát, nhất định tả cho kỳ được như tôi vừa tả, thì đọc có thấy "hay" không?

Bạn nghĩ coi: sự sa sút về tả cảnh tố cáo một cái gì lớn lao quá, thấy không? Một sa sút trong tâm hồn. Ta không còn gì để trao cho ngoại cảnh, cho thiên nhiên. Tâm hồn ta dần dần trở nên khô khắc. Tôi phàn nàn vì thế, bạn hiểu chứ?

- Tôi có hiểu. Và những điều bạn nói làm tôi phát run. Bạn bảo tối đại đa số nhân loại không có gì để trao cho cảnh vật, có phải ý bạn muốn nói họ không có... tâm hồn? - Ấy chết! Ấy chết! Tôi không biết tôi đã nói năng ra sao. Thực ra ý tôi chỉ muốn bảo là đa số thiếu cái thiết tha đối với thiên nhiên thôi. Ở đời, gần như chẳng ai là không thiết tha. Có người thiết tha với vợ con, có kẻ thiết tha của cải, có hạng thiết tha quyền lực, có những vị thiết tha với tín ngưỡng, với lý tưởng v.v... Đối với bất cứ cái gì liên hệ đến đối tượng thiết tha của họ là họ nhạy cảm. Kẻ thiết tha với tiền, hễ nghe phong phanh về chuyện có lợi lá sáng cả mắt lên, người thiết tha quyền lực thì...

- Văn nghệ sĩ là cái thiểu số thiết tha với cảnh vật...

- Không hẳn thế. Văn nghệ không phải chỉ có ngâm hoa vịnh nguyệt. Tôi nghĩ người văn nghệ sĩ yêu cả cuộc sống. Họ thích thú ngắm nghía vầng trăng, áng mây, mặt hồ, cành liễu; họ cũng say mê theo dõi hoặc mối tình ngang trái của Anna Karénine, hoặc cái tình thương con điên dại của cụ Goriot, hay những ngày đau đớn cuối cùng của Ivan Ilitch; họ lại tò mò về các diễn biến trong xã hội Nga suốt thời chiến tranh chống lại cuộc xâm lăng của Nã phá luân *(Chiến tranh và hoà bình* của Tolstoi), trong xã hội Pháp hồi tiền bán thế kỷ XIX *(Trò đời* của Balzac) v.v... Họ "mê" cuộc sống, mê dữ dội và bất vụ lợi; họ rình dò từng biểu hiện của cuộc sống dưới mọi hình thức, từng hơi thở của cuộc sống.

Cái tiếp cận của những con người như thế đối với cảnh vật là một tiếp cận nồng nàn, trong khi "thế nhân" tiếp cận hững hờ. Mọi tiếp vận nồng nàn mới khiến ta trông thấy cái đìu hiu của một con đường, trông thấy cái đáng nói đáng tả nơi cảnh vật. Ngày nay...

- Ngày nay, than ôi! bao nhiêu thiết tha vụ lợi đã xô giạt mất cái thiết tha bất vụ lợi của con người?

- Bạn không nghĩ vậy sao?

- Không.

- Thế bạn cho rằng bây giờ tình yêu thiên nhiên vẫn còn như xưa?

- Không. Tôi không dám bảo đảm thế.

- Ơ kìa! Thế bạn làm sao cắt nghĩa sự trạng mà bạn đã từng đồng ý với tôi?

- Tôi cần gì phải cắt nghĩa? Cố nhân đã cắt nghĩa bộ đội. "Xa mặt thì cách lòng." Ngày nay chúng ta xa rời thôn quê rừng núi, dồn về sống ở đô thị, làm văn nghệ ở đô thị; xa thiên nhiên, chúng ta quên nó, vậy thôi.

- Ớ tờ, có thể.

- Có thể à? Sự thực là thế, còn gì hồ nghi nữa? Ngay cùng một lúc, cùng một nước, cùng một dân tộc, hễ sống trong môi trường nào thì viết lách theo môi trường nấy. Trong thơ văn Miền Bắc sau 1945 vẫn còn hình ảnh thiên nhiên: thôn xóm, ruộng đồng, cánh cò, núi rừng, hoa cỏ v.v... Những cái ấy dàn khắp các tác phẩm văn nghệ Miền Bắc là vì trong suốt ba mươi năm chiến tranh ngoài ấy đâu còn đô thị, thậm chí các tỉnh lỵ cũng xua dân tản cư về quê để sản xuất, để tránh địch. Không những về đồng quê, nam nữ thanh niên ngoài Bắc còn bị lùa lên Trường Sơn, lên các mật khu, quanh năm mịt mù cây xanh. Trong thơ của Quang Dũng, trong văn của Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Hoàng Phủ Ngọc Tường v.v... làm sao thiếu thiên nhiên được. Trong lúc ấy, ở Miền Nam, phần lớn văn nghệ sĩ dồn về Sài Gòn, mấy ai chịu cam phận ở tỉnh lẻ, nói gì đến thôn lẻ, rừng lẻ. Thiên nhiên nào lặn lội mần mò về được Sài Gòn mà lọt nổi vào tác phẩm văn nghệ? À này, tôi nhờ bạn giúp cho một việc, liệu bạn có vui lòng?

- Lại giở quẻ gì ra đấy?

- Có gì đâu. Tôi hiểu biết nông cạn, nhưng nhờ bấm độn thấy rằng ở xứ Ba-Tây (Brésil) thiên nhiên tràn đầy nghệ phẩm; và xét tiền đồ văn hoá nước ấy, tính cho tới ngày tàn lụi của rừng rậm Amazone, thì văn nghệ Ba-Tây vẫn nhuốm màu lục. Tôi muốn nhờ bạn nghiên cứu và kiểm điểm hộ cho, xem sai đúng thế nào. Ấy, tôi bảo tả cảnh trước nhiều sau ít nói chung là đúng, "nói riêng" không đúng, là như thế.

- Hầy! Hoá ra tả cảnh kém không hẳn là con người sút kém nhỉ.

- Hơn kém gì đâu. "Thế thành thị thế thôn quê, gặp thời thế thế thời phải thế," vậy thôi. Ngày xưa trong thơ các cụ R. Burns, Wordsworth, E. Poe... có chuột, có bướm, có chim cu, chim sẻ, quà quạ, có hoa có cỏ... lung tung đủ thứ; bây giờ toàn một món trí tuệ. Mới đây, trong *East of Eden* nào rắn mối, nhện nước, ễnh ương v.v... đầy dẫy. Trong *The Grapes of wrath* cũng của J. Steinbeck, một con rùa bò khệnh khà khệnh khạng suốt cả trang sách, và cũng mới đây thôi, *Bác sĩ Jivago* của B. Pasternak thiên nhiên còn tràn ngập, nhưng rồi đến John Updike, trong cả bộ truyện về gã Rabbit có trăng nào mọc có hoa nào tàn đâu. Một chiều hướng văn minh, một xu thế đổi thay trong lối sống thôi. Hơn kém gì.

- Hầy! Theo chiều hướng này, e ta còn lâu mới bắt kịp Âu Mỹ đa. Cũng lại là chuyện hơn kém nữa! Trong văn phạm Miền Nam độ sau này đã nặng hơi hướng nếp sống đô thị, nhưng so với văn phẩm ra đời trong khung cảnh New York, Los Angeles, Paris, thì...

- Ta thua, vâng, ta thua. Xét theo lối ấy, có thế. Trong quá khứ, Á với Âu cùng nồng thắm tình yêu thiên nhiên: Huế. Chuyển sang văn minh kỹ nghệ, họ đi trước ta, họ yêu và họ ghét những kiểu xe cộ, những giọng hát tiếng kèn hộp đêm... trước ta. Chúng ta chẳng qua mới tập tành tí chút. Bây giờ bạn có còn tha thiết phục hưng tả cảnh nữa không?

- Tha thiết hay không tha thiết, chẳng có ai phục hưng được cái gì, cũng chẳng ai nhảy vọt gấp rút tới một cái gì. Dù là cảnh thiên nhiên hay cảnh đô thị, không phải ta muốn lôi chúng nó vô đâu thì lôi, muốn lôi lúc nào thì lôi. Không phải kể chuyện riết một hồi, sực nhớ chưa có cảnh bèn chạy đi "quan sát" núi đồi cẩn thận rồi tống vô sách, lại sực nhớ chưa có phòng trà ca sĩ bèn đẩy ngay vào mấy em ca-ve vài cậu da đen thổi kèn inh ỏi là xong việc. Có tiếp cận lâu dài với cảnh vật, có chung sống với nó trường kỳ mới đưa nó vào văn nghệ phẩm được. Đâu phải cứ lâu lâu đi Yellowstone hít khí hạo nhiên một phát rồi về nhà tha hồ tả cảnh.

Đối với người lớn lên ở đồng quê, tiếng sấm rền trong đêm mưa đông và kỷ niệm tang tóc nào đó là một; đối với kẻ sinh trưởng nơi thành phố tiếng còi tàu giữa khuya, tiếng xe cứu thương, tiếng xe thắng rít trên đường nhựa có thể gắn liền với một đau thương lớn trong đời, như hoà làm một. Cảnh nọ tình kia có tương quan xương thịt.

Nguyễn Du bảo: "Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng." Tôi sửa sai cụ Nguyễn một chút cho vui nhé. Giữa tình với cảnh không có tuyệt nhiên định phận tại nhân tâm, không chia đôi ranh giới minh bạch như thế. Tình cảnh thành hình trong khung cảnh nào, câu chuyện xảy ra trong khung cảnh nào thì nó cuốn luôn cảnh ấy vào văn nghệ phẩm thôi.

- Nhưng dù sống ở đâu thành thị hay thôn quê, cũng chỉ có những người nghệ sĩ, yêu cuộc sống say mê và bất vụ lợi, mới thấy có điều để nói để tả chứ...

- Danh ngôn của ai đấy nhỉ? Của tôi à? Thế thì chính thị chân lý rồi, còn hỏi gì nữa!

VÕ PHIẾN

(1) Nhân vật Cửu Cân lão thái trong truyện "*Phong ba:* hễ mở miệng là kêu: "Giá chân thị nhất đại bất như nhất đại." Ông Giản Chi (trong *Lỗ Tấn tuyển tập)* dịch: "Rõ thật mỗi đời một thêm kém sút."

CÁI CHẾT SAU QUÁ KHỨ

TRẦN VŨ

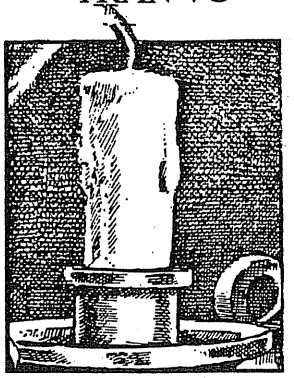

Ngày xưa, những cơn mưa đầu thu về qua đất Thuận Hóa tuyệt dữ dội. Lão Chu là người thường rủ tôi đi ngắm mưa. Lão đứng hàng giờ ở phá, ngẩng cổ, ngửa mặt thách thức cơn giận dỗi của trời đất. Mưa chúi xuống đất, mưa tấm lên đầu, mưa cắm đầy miệng lão, song lão Chu vẫn trơ trên cướp giật thức uống với thượng đế. Lão phá ra cười; tiếng cười sằng sặc lăn lộn trên sóng. Lão Chu nuôi tôi bằng tiếng cười khật khùng điên dại của lão. Nhưng dạo đó tôi còn trẻ, chưa khùng, cũng chưa dại. Tôi chỉ mới bắt đầu biết say mưa. Mà mưa ở phá đẹp kỳ ảo. Cả một vùng trắng ngần, trắng lịm, những tảng nước trắng xóa lồng lộn sa sầm xuống mặt đầm, rồi tung bắn lên quẩy với hơi sương, giăng giăng mờ mờ, chạy chạy đường vồng trên không. Mưa ở phá rầm rập, ào ạt mạnh mẽ. Bầu trời trắng lòa lòa những nước là nước...

Từ khi biết say mưa, tôi đâm biết say Ngự. Những lần theo lão Chu ra phá, Ngự đẹp man dã. Vải áo mỏ ba chảy dán, bó rịt người, thân thể Ngự nổi lửng như một nhành lúa trổ vươn trên mặt ruộng lụt nước. Ngự xõa tóc xổ tung rã rượi, chân đầm trong nước, mắt đầm trong mưa, Ngự xòe hai cánh tay mở lòng đón mưa. Những hột mưa nhỏ mà tròn mọng, Ngự bảo là đốt tay Phật, vỡ vào đâu, phúc đến ấy. Phật tấm phúc lên người Ngự. Tôi đứng ngẩn ngơ nhìn phúc của thượng đế vỡ hoa trên da thịt Ngự. Lão Chu lại rống tiếng cười sang sảng, thỏa mãn đã uống hết cơn bão mùa vào bụng. Lão trỏ ngón tay móng nhọn chỉ lên trời, rồi chỉ vào bụng hỏi: *Cuộc đời muốn cái chi?* Lần nào cũng như lần ấy, trăm lần như một, lão Chu tự giải đáp một mình. Lão gọi Ngự, vít lấy đầu cổ ướt nhẹp của Ngự, cắn vào tai Ngự, rồi run run trả lời: *Ngự là cuộc đời!* Ngự là cuộc đời; lão Chu lại cười the thé lên vì sung sướng. Mỗi lần lão Chu làm những cử chỉ khật khùng đáng ghét đó, thay vì bực tức, Ngự lại phát tiếng cười con gái đương thì ròn tan. Giọng cười của Ngự cũng như của lão Chu, bắn theo mưa, châm chích, rã rích, làm tay chân tôi bủn rủn. Vì không hẳn chỉ đơn thuần là giọng cười, mà là tiếng kêu khát vọng của một loài sinh vật thèm khát thiên nhiên, lẫn hạnh phúc của sự sống. Lão Chu ngắm Ngự, rồi nhìn tôi kiêu hãnh. Bão đã đong đầy bụng lão, bão ngập trong ruột, bão làm căng lòng dạ khác thường của lão Chu. Lão tiến lại gần hỏi tôi: *mi hiểu không?* Tôi trả lời: *Tôi hiểu, tôi hiểu...* Mưa ở Thuận Hóa cực kỳ huyền ảo.

Trời vần vần nước. Chúng tôi ở phá suốt buổi, đến khi chiều chạng vạng mới về làng. Cơn giận của thượng đế lắng dần, những cái quẩy thét sau cùng biến thành lần chớp lóe, chưa kịp xé trời đã mất hút. Dọc đường về, lão Chu lừng khừng ít nói, lão mất hẳn cái nét "xuất thần" ngoài phá. Chỉ còn Ngự rủ tôi rình nghe những váng mưa vẩy qua đình, nghe giống đấu gạo huyền trân các mụ ưa vãi ra sân, kêu lanh tanh, lách tách. Về tới nhà, lão Chu vụt đống quần áo ướt vào góc, xà ngay xuống bếp khợi tro lửa. Lửa té tát lên mặt, lửa đỏ kè đôi con mắt lão, lửa phà cả vào mồm miệng lão, bắt lấy hơi rượu cay lão đương tợp lấy tợp để, tu uống ừng ực như con vắt thèm máu. Nền nhà bằng đất, âm ẩm lạnh. Ngự thay áo trở ra than đói. Lão Chu vụt ngay bình rượu, nhào vào bắt siêu đun nước. Lão sàng sàng gạo như người làm xiếc. Lão Chu làm tất. Ngự muốn phụ lão, nhưng lão Chu đã lồng lên dằn lấy con dao trong tay Ngự. Giọng lão bực tức: *Mi là cuộc đời!* Phải Ngự chính là cuộc đời của lão Chu, và lão chẳng muốn ai đụng đến "cuộc đời" của mình, chỉ muốn cuộc đời của lão sung sướng. Ngự và tôi

đành ngồi nhìn khúc cá bơi lội thoăn thoắt giữa bàn tay lão Chu. Thớt cá bóng mú, lão Chu đem cắt khía, bầm xã bỏ vào tương kho. Cá chín, nước kho sánh mỡ, cặp mắt lão Chu sánh niềm vui, lão ngửng lên ngó Ngự cười ngây ngô. Nét mặt lão giống vẻ mặt của những đứa trẻ chóng già, mất có đuôi nheo mà tròng mắt thì khờ dại. Lão Chu kỳ quặc như vậy mà Ngự lại nói Ngự yêu lão. Tôi thù Ngự mỗi khi nghe Ngự nói yêu lão Chu.

Trời mưa đêm nhả nước đều đều, nhay nhắt từng nhịp. Tiếng mưa khuya nghe như tiếng mõ, cầu siêu cho ai văng vẳng buốt vào từng thớ thịt. Tiếng mõ là tiếng kinh kệ, nghe mà thấy buốt là bởi tâm không sạch, Ngự diễn giảng lúc kéo tôi đi nằm. Lão Chu ngó theo chằm chằm, hai con ngươi lão chăm chắp rình mò, nghi kỵ, như thể lão biết hết. Mà lão Chu tinh như quỷ. Lão đe bọn trai làng: *Thằng mô để con Ngự ốm nghén, tau giết! Tau xẻ hắn làm đôi, lóc nửa mang cho voi giày!* Lão nói là lão làm. Lão hung ác đến độ vác rựa rượt thằng Hiểm chạy băng đồng, năm ngày không dám về nhà. Mạ thằng Hiểm đang đi cầm bò trên núi phải vội vàng về lạy lão ba lạy, lão mới tha. Mà chuyện có gì đâu, thằng Hiểm chỉ mới chòng ghẹo Ngự, chưa quá hai câu. Tôi len lén thả tay, chuồi mình dưới lớp chăn đay, cho bàn tay giống con trăn trườn lên bụng Ngự. Thịt da Ngự lạnh ngắt. Ngự rùng mình bấu đùi tôi, đôi mắt Ngự, hai mắt tôi, bốn con mắt trốn cặp mắt của lão Chu đang lục lọi sắc như dao cạo. Lão Chu nhìn tôi nằm chung với Ngự khó chịu. Ý nghĩ lão biết tôi ăn nằm với Ngự, đem mổ bụng dồn trấu thả trôi sông, làm tôi run lẩy bẩy. Ngự cũng sợ, ghì lấy nan giường mây, thứ mây quý lão Chu vào tận rừng sâu đốn về uốn làm chỗ ngủ cho Ngự. Lão còn tự tay đan lát phủ lên trên, để mây khỏi ngấn lưng Ngự. Tôi với Ngự ủ nhau trên chiếc giường mây, gian díu thầm lặng trong bóng tối. Lão Chu để củi cháy suốt đêm, đỏ lòe lòe khắp nhà, như thể sợ đêm tối có ai vào đánh cắp mất "cuộc đời" của lão. Ngự chỉ được quyền mở hé một liếp cửa duy nhất để trông sao. Mà sao đêm ở Thuận Hóa những khuya không có mưa đẹp không thua chi đôi mắt Ngự. Chúng lấp lánh, chiếu tắt, nhảy nhót di động giữa cái nền trời tím lặng mà sâu hút, tưởng chừng là nhúm ngọc trai ai đem vớt ở dưới đáy biển gắn lên trời. Ngự cũng gọi hạt sao làm mất Phật. Cặp mắt Phật bà từ ái.

Ánh lửa cháy lồng lộn như lòng dạ hung dữ của lão Chu, tưởng sôi sục suốt đêm, vậy mà cũng nguôi. Tôi đợi cho lửa tắt dần, tắt dần trên khuôn mặt lão, chỉ còn soi một đốm hồng cuối cùng cháy xòe ở môi Ngự, mới dám cắn vào đó. Mưa đêm nhỏ hột tâm tích, nước nhiễu tong tỏng. Tiếng thở lão Chu khò khè, hơi thở Ngự ấm rát, mấy hàng chữ đại tử cẩn ở cột nhà xanh rờn rợn, như có chất lân tinh. Ngự nhắm nghiền mắt, để yên cho da thịt nở dưới tay tôi. Bao nhiêu lửa ở đống củi, như chảy tuôn hết cả vào trong người Ngự, căng chín, nóng bỏng giống que than đỏ rụng. Lão Chu rớt vào vực thẳm của giấc ngủ chập chờn mộng mị, không hay tôi đang uống môi Ngự ngọt lịm nước mưa. Ngự là "cuộc đời" của lão Chu, là giọt nước tinh chất, trong suốt vở trên cánh đồng tuổi trẻ bạt ngàn gió chướng trong tôi. Thời gian sống ở Thuận Hóa, mãi sau này nhớ lại, tôi vẫn còn thấy đầy những cơn mưa tầm thu, bay trĩu trĩu qua vai, làm ướt áo lão Chu, và ướt tóc Ngự.

Thuở đó, ai có sống ở làng Sình mới nghe danh lão Chu Khỏe. Lão Chu không khỏe việc đồng án, nhưng lại khỏe vẽ tranh. Mà lão Chu vẽ cực đẹp. Người ta nói lão có hoa tay. Nhìn lão miên man phóng bút khai hoa, rồng bay phụng múa, voi quỳ hổ lạy, Phật bà tố nữa núi biển sông đồi, chim lồng cá chậu. . . tôi cứ ngẩn ngơ. Lão Chu vẽ cực lẹ. Lão vẽ tuyệt nhanh, nhanh như người ta đi tướt trên giấy. Chịch: một bức hình. Rồi chịch: bức nữa. Lại "chịch", cứ thế lão "đi tả" một lúc mười mấy bức, mà bức nào cũng sắc, đường nét vun vút như roi quất. Chẳng thế mà tranh Sình của lão Chu bán chạy. Lão vẽ trên giấy mộc, rồi đem khắc in lên thếp gỗ mút. Người ta mua tranh Sình của lão để thờ, cúng bổn mạng, cúng gia tiên, cúng sao, tế lễ trời đất, lễ tạ mùa màng. Mấy năm liền ở đất Thuận Hóa được mùa, lúa cấy phơi phới trên ruộng vàng rức mắt. Nhà nông tranh nhau mua tranh Sình, thóc đổ vào chum, thóc đổ vào túi lão Chu. Người ta càng trọng lão, trọng cái thiêng liêng của tranh Sình. Được tiếng hóa cuồng. Lão Chu rủng rỉnh tiền bạc, mặc nhiên tự xem mình như một thứ thần linh. Lão nhận càn là tổ họa của làng Sình, tên chữ là Lại-Ân. Danh tiếng càng cao, lão Chu càng khó ở. Hễ ai nói động đến, dù chỉ nói khóe, nói cạnh xa xa, tức thì lão nhảy cỡn lên, rủa xả bằng cái giọng dấm đặc: ợ hơi khế chua; chưởi bới người này, xỉa xói kẻ nọ. Lão Chu quá quắt đến độ trong làng bắt đầu ghét lão. Những người xấu miệng thì bảo: *Lòng dạ hẳn dơ dáy như rươi, vẽ tranh Sình Phật mô có chứng, thôi không mua nữa.* Những kẻ độc mồm thì trù ếm: *Lão không biết nhân nghĩa, thị phi phép tắc, bữa ni trời phạt, cho sét đánh hộc máu!* Người ta muốn lão Chu chết, nhưng lão không chết, vẫn trơ trơ ra phá, đứng phơi gan thách thức thượng đế. Lão là thần linh, lão có sợ chi. Lão Chu cười rung cả người, mỗi bận ở phá về, ướt nhẹp đầu cổ, lão lại kiếm chuyện để chưởi bới, kiếm người để đay nghiến. Những khi ấy, hai con ngươi lão chạy

sòng sọc, mùi rượu tanh nồng nặc ở mồm miệng nhớm nhúa ộc ra. Vậy mà Ngự yêu lão. Mà ở làng Sinh cũng chỉ có mỗi mình Ngự là thương lão, cho nên lão Chu càng thích gọi Ngự là "cuộc đời". Một hôm hứng chí, lão Chu quyết định vẽ lại "cuộc đời" mình. Lão nắn nót vẽ truyền thần cho Ngự một bức bán thân. Ngự mặc áo Mã-Tiên, màu đỏ nghệ, ai cũng trầm trồ khen là đẹp. Có người xin hỏi mua, lão Chu nghe được, trợn mắt, thè lưỡi: *Mi dám mua cuộc đời của thần linh, tau vẽ mi ra con bòi!* Lão Chu ném chai lọ, rác rưởi đuổi khách. Ngự buồn lắm. Tôi xin Ngự bức vẽ, song Ngự không cho. Ngự nói: Ngự muốn giữ giùm cuộc đời cho lão. Tự trong thâm tâm, tôi biết Ngự rất yêu bức vẽ truyền thần đó. Còn tôi? Tôi yêu Ngự. Tôi si tình Ngự, mà sao không ai biết?

Tháng Hai, triều đình làm lễ tế đàn Nam Giao. Không hiểu vì cớ chi? Lão Chu nằng nặc đòi lên kinh thành Huế. Lão sắm sửa cho Ngự, mướn thuyền, thâu góp tiền bạc, quyết định làm một chuyến thưởng ngoạn kinh kỳ. Trời tờ mờ sáng, những hàng cây ngô đồng dọc ven làng Sinh còn chưa thức, lão Chu đã dắt díu tôi với Ngự xuống thuyền, bơi ngược khúc sông Bồ lên Bao-Vinh. Tôi với lão Chu đầm mái chèo khoẳn nước. Mặt sông trong như mặt kính, lai láng, sáng lưỡng, từ từ rạn vỡ lúc xuống rẽ nước xa bờ. Lão Chu xăng xái, chèo lấy chèo để, mặt sông dậy sóng, sóng đánh tràn khoang. Ngự la hốt hoảng, nhưng lão Chu cứ bơi dầm cười nắc nẻ. Không phải chỉ có một mình lão Chu khích động, cả tôi lẫn Ngự đều háo hức. Nắng lên, lên ối mui thuyền. Thếp nắng rạng đông đỏ bừng, dọi vào những đám mây còn đọng ở đáy sông. Ngự hò tiếp sức tôi với lão Chu. Giọng hò Nam Ai của Ngự lẳng

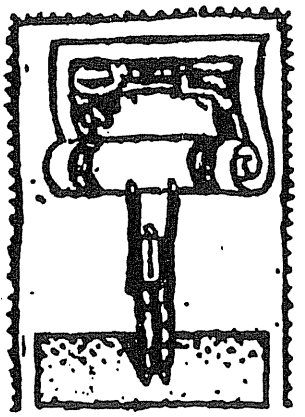

Sức mạnh trong các sáng tác của Trần Vũ -- và đôi khi cũng là cái yếu của nhà văn trẻ này -- là trí tưởng tượng tràn ngập như lũ lụt, bùng nổ như một ngọn hỏa diệm sơn sau hàng trăm năm ngủ yên.

Trần Vũ luôn luôn chọn sự khó khăn trong sáng tác. Thế giới của anh là thế giới chưa người đặt chân đến. "Miền hoang dã" trong sáng tác của Trần Vũ làm nhiều người cầm bút e ngại. Sự thật trong một tác phẩm tiểu thuyết và sự thật của thực tại có bị bó buộc ăn khớp nhau không?

Tôi yêu quý và trân trọng trí tưởng tượng phong phú của Trần Vũ.

Tôi tin anh sẽ đi xa. Rất xa.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

lơ, vọng tới cồn, váng trọng lau lách. Lão Chu đắc chí cười khanh khách. Cười chán lão vỗ đùi làm nhịp, hai vai oằn xuống, hai chân xoạc, tay vươn tới, khủy kéo về, lão đẩy mái chèo đưa thuyền trôi băng băng. Ngự hò một lúc rồi lôi truyện tàu "Tuyết Hồng Lệ Sử" của Từ Trẩm Á đọc cho tôi và lão Chu nghe. Tôi nghe truyện kể thì ít mà say giọng đọc của Ngự thì nhiều. Tôi uống từng câu, nuốt từng chữ, ngậm từng cái ngắt hơi của Ngự.

Thuyền qua Thanh Hà, qua Bao Mỹ, đến Bao Vinh, mà giọng kể của Ngự hãy còn chạy trong máu tôi rần rần. Lão Chu cấm nọc, giam thuyền. Mặt lão bỡ ngỡ nhìn mái tường thành, đang ngã bóng đồ sộ, vĩ đại, đè lên người lão. Thân thể lão Chu bẹp dí, như bị tường thành nghiến nát. Lão vụt trở nên nóng nảy, giục dã tôi với Ngự nhập vào đám người đi rước Hoàng thượng ngự đạo. Tôi nắm tay Ngự, chen trong thác người khổng lồ đi dọc sông Hương, ngang chùa Diệu Đế, ngang cổng Thượng Tứ, qua cầu phao, đổ dốc Nam Giao. Hoàng thượng từ điện Cần Chánh trong Tử Cấm Thành ngự giá lên Trai Cung, lính hầu đánh chuông thét: *Thiên tử thọ mệnh ư thiên!* Cả giòng thác người cúi rạp đầu khiếp hãi! Lúc Thiên tử đã đi qua, tôi ngửng lên còn trông thấy hai tròng mắt lão Chu thất đảm, hồn phi phách tán. Kiệu Rồng đi đến đâu, mây cuộn nước dạt, trăm họ vái lạy: *Thiên tử vạn niên, Vạn thọ vô cương, Quần phương tập khánh, Vạn bảo trình tường!* Lão Chu run lẩy bẩy, cái chức vị "thần linh" của lão xem ra nhỏ mọn, không sánh nổi với Thiên tử. Tranh Sình của lão vẽ trên giấy mộc bản thì có ra gì, so với cờ quạt, trường liễn, tàn lọng, chiêng trống, voi ngựa, long đình, ngự liễn, hoành phi, lân cầu, bảo kiếm, chung đỉnh, đĩa chạm? Người lão Chu cứ co rúm lại từng chốc, lão đã thật sự gặp thượng đế!

Tiếng trống lùng thùng chiêu hô, tiếng chiêng xướng họa, phường bát âm tấu nhạc cho đám vũ Bát Dật múa tế giao. Các ngón đàn tỳ, nhị, nguyệt, sáo, uốn éo vây lấy tôi và Ngự. Mặt lão Chu đang xám hóa đỏ bầm như gấc, tôi biết lão sắp lên cơn. Mà lão lên cơn thật. Một hai lão nhảy qua khuôn thành, đòi lên Viên Đàn, chỗ lập án thờ, nhưng quan lính đuổi lão. Lão Chu lại đòi vô Phương Đàn, xem tế khí và tế phẩm, cũng không được. Mặt lão hầm hầm, cơn giận xé ruột, cơn giận xé gan, cơn giận bức bối trong óc lão. Song lão Chu cũng biết sợ. Thượng đế ở đàn Nam Giao không chỉ làm mưa như ở phá, mà có quyền tế sống lão. Giữa rừng người đi xem tế giao, lão Chu lôi ngược tôi với Ngự. Lão xua tôi như xua tà, lão bắt Ngự về. Tội nghiệp Ngự khóc hết nước mắt, lão cứ lầm bầm chửi rủa: *"Trời sinh vua, sao còn sinh lão?* Lão muốn thọ mệnh ư thiên, quần phương tập khánh, muốn mặc áo đại triều, đi guốc cẩn, uống rượu trong chén sứ cẩn tam khí, hút thuốc trong bình điếu bằng ngà, lão muốn tất. Ngự khóc ròng rã, lão Chu quấy rầy xô đuổi. Lần đầu tiên tôi thấy lão Chu xua đuổi "cuộc đời" của chính lão.

Những ngày sống ở Thuận hóa, chỉ có mối tình của tôi với Ngự là đẹp. Mưa xuân trắng mờ mịt cánh đồng. Cả một mặt ruộng như điểm sương, trổ mai trắng, mọc rưng rức đến ngút ngàn. Ngự chạy băng đồng, ném chiếc nón Phú Cam xoay tròn trong không khí. Vải áo lụa mỡ gà của Ngự tất tả, bén nước, nhiều rây trên đất. Tôi theo vết nước tìm bắt ngự. Hai đứa chạy ra bờ ao, xem sen nở. Màu sen cánh phấn, chao chao, mặt ao chao sóng, những cánh sen dập dình nổi lửng trên cái nền rêu thẫm. Ngự hay cởi áo cho tôi cắn lưng, để rụt cổ rùng mình. Tôi thích mơn trớn Ngự dưới gốc đại, nhìn lá đại rụng xuống bụng Ngự, phập phồng lên xuống theo hơi thở Ngự. Mà thịt da Ngự thẩm thấu lạ. Mỗi bận mưa giông, cả một láng mưa, nhọn hoắt, buốt như kim quất qua mái chùa trước khi đâm xuống mặt hồ xanh ngọc, vậy mà khi gieo xuống mình Ngự, những kim mưa tan biến không để lại dấu vết. Tôi săm soi tìm dấu tích của trận bão, chỉ thấy dấu vết con gái thậm sâu giữa bụng Ngự. Tôi mê mùi hương trầm thấp trong chùa đọng ở tóc Ngự. Tôi tưởng tôi sẽ sống với Ngự suốt đời, ai ngờ lão Chu đã nghĩ khác.

Từ khi viếng kinh thành Huế trở về, lão Chu đâm khó chịu. Lão dở ngươi với cả Ngự và tôi. Lão giống kẻ thất chí, công không thành, danh không toại. Gặp ai lão cũng lải nhải: *Cuộc đời phải cao sang quyền quý?* Tôi chán lão, còn Ngự thương lão. Mưa Thuận hóa vẫn trắng mịt mờ những ruộng lúa, hương trầm tiếp tục nồng nàn trên da thịt Ngự. Chỉ có lão Chu là đổi khác.

Một sáng, tôi đang ngủ với Ngự trên giường mây, thì lão Chu xồng xộc xông vào. Lão ném bắn tôi xuống giường, lôi Ngự dậy. Lão Chu loan cái tin động trời: Lão đem Ngự tiến cung! Tôi thét: *Lão không có quyền!* Tôi thề không để lão bắt Ngự đi ở Nội. Nhưng lão Chu đã lồng lên như con báo đói mồi, lão gầm: *Mi muốn cái chi?* Lão vung tay đánh tôi. Lão nện tôi như người ta nện chó hoang. Lão Chu đánh tôi giống lúc lão vẽ tranh Sình. Chịch; một thọi. Chịch; thọi nữa. Rồi chịch; chịch; cứ thế lão thọi. Ngự òa khóc, lão Chu xoay mình xáng Ngự một bạt tai ngã chúi vào góc nhà. Tôi cố chụp thanh củi, nhưng lão Chu đã nhanh tay lấy đòn gánh phang vào đầu tôi đổ máu. Lão đánh tôi ngất liệm ngay trên nền đất. Lúc tôi tỉnh dậy, nhà đầy tiếng khóc. Tiếng

khóc của Ngự mang mang, thê thiết tủi hờn. Lão Chu đã trói nghiến tôi lại, lão buộc chân tay tôi quanh cột nhà, mình mẩy tôi còn tấm máu trận đòn ban sáng. Lão Chu thuê các mụ đến trang điểm cho Ngự, rẽ tóc giữa, đội khăn, bắt mặc áo mớ năm, đi hài, đeo kiềng. Ngự nhìn tôi ai oán, tiếng khóc Ngự tức tưởi, đặc khản, sầu thảm. Lão Chu cho mổ heo, mổ bò, giết trâu thết làng. Lão trịch trượng ra vào, trịch trượng độc thoại: *Cuộc đời muốn cái chi? — Phú quý!* Lão Chu cười ré lên thỏa mãn, giọng cười khé khắt hăng hắc như nước sôi quá độ, tiếng cười luộc bỏng tim gan tôi. Lão Chu vỗ đùi trỏ Ngự kêu: *Mi ráng hầu hạ Ngài, Ngài thương cho làm quý phi, thì tau được làm Quốc-Công!* Lão lại ré lên. Mọi người im thin thít, không đi dám phản đối. Người ta sợ lão lên chức Quốc-Công thật, vì Ngự đẹp, xứng làm quý phi cho Hoàng thượng. Triều đình đưa kiệu tới đón, phường kèn trống so dây, trổ nhạc. Tiếng Sên Tiền, Tám Âm, đàn Sến, đàn Cầm, mõ Song Lan đệm nhịp ò e. Ngự không ngớt khóc thảm. Tôi lồng lộn chửi mắng lão Chu, đào bới ba họ nhà lão, song lão Chu hung dữ dị thường, lão lấy dẻ tộng vào miệng tôi, rồi lại đánh tôi chết ngất. Hôm Ngự bị mang tiến cung, tôi với Ngự không nói được với nhau một câu vĩnh biệt.

Mấy ngày sau, được các mụ cởi trói, tôi vác dao rượt lão Chu. Tôi đã thề giết lão là tôi giết lão. Tôi bửa lão làm đôi, tôi chém lão làm năm, tôi băm lão làm tám, tôi bầm lão ra cám. Tôi cắt gân, chọc ruột, moi phèo lão Chu. Trời mưa bắn như xối, nước ruộng ngập sình, tôi vác dao lội sình đuổi lão Chu. Nước sình bắn lên mặt, cỏ lau cứa người, lão Chu chạy như gió, lão phóng mình như cáo nhẩy chuồng gà, tôi lụi dao vào lưng lão. Nhưng lão Chu né tài tình, uốn người thót bụng cong lưng tránh những mũi dao tôi không ngớt lia tới. Lão rít kìn kịt: *A! Mi giỏi! Mi đòi chém Quốc-Công? Tau thưa triều đình cùm mi!* Lão Chu vươn hai tay dài khẳng khiu chận lưỡi dao nhọn trong tay tôi, lão nắm chặt bản dao không cho tôi giật lại. Đất sình dính bê bết lên người, tôi vòng tay lấy hết sức bình sinh rút con dao phai dắt ở hông, chém bổ xuống đầu lão Chu, thớt dao xé mưa phạt xuống. Lão Chu nhanh như sét oằn người tránh, làm lưỡi dao trợt trúng vai tóe máu. Tiếng rống lão Chu nứt trời đất. Lão rú lên trong lúc máu phụt có vòi, xịt trây vào mặt mũi tôi tối tăm đỏ kè. *A! Mi giết Quốc-Công!* Lão Chu ngoác mồm trợn mắt, lão không chết, cũng không ngã, máu lênh láng tuôn ròng ròng tấm đẫm mình lão, máu chảy theo mưa xuống nước ruộng loang loang đỏ ngầu, nhưng lão Chu chẳng có vẻ gì là hề hấn, lão chỉ ngạc nhiên vì chức Quốc-Công không bảo vệ được lão. Tôi gồng tay, xía dao vào mặt lão, con dao nhọn tôi cắm vào mắt, con dao phai tôi chặt ngang bụng. Lão Chu phải chết, lão phải đền mạng cho Ngự dù mười cái mạng lão cũng không bằng một đốt ngón chân Ngự. Lão Chu vùng bỏ chạy. Lão chạy nhanh như cắt, hai đầu gối cất lên khỏi mặt ruộng phóng nước kiệu, chỉ có máu rớt lại đằng sau từng đúm, từng bệt lớn như có ai nhổ trầu. Tôi lao theo lão, mưa giăng kín trời đất, bóng lão hiện, bóng lão mất, mưa cứng như đá, mưa dầy như thép, tôi vục mặt vào bức tường mưa rượt lão Chu. Tôi đã thề giết lão là tôi giết lão, có ba đầu sáu tay lão cũng không thoát. Ai bảo lão dạy tôi điên, ai bảo lão bắt tôi khùng? Lão đem Ngự tiến cung, tôi biết yêu ai? Tôi biết ngủ với ai nữa? Thịt da Ngự, thân thể Ngự, mất môi mũi miệng tóc chân mày rái tai Ngự lão đem cho Hoàng Thượng thưởng nguyệt, tôi thù lão. Rừng mía lấp loáng, những đọt mía ròn tan hôm nào tôi cùng cắn với Ngự. Lão đã bẻ mía đứng đợi tôi ở bìa rừng. Mắt lão gườm gườm, môi lão thâm,miệng lão mím, chân lão xoạc xuống tấn, hai tay khuỳnh khuỳnh thủ thế. *Mi giỏi, mi đến đây, mi ăn nằm với con Ngự mi tưởng tau khôn biết? Con Ngự mất trinh, tau đem gả cho vua, mi còn muốn chi? Mi muốn chi? — Tôi muốn bới mả con mụ lão, sanh nhằm giờ chi mà độc địa, lòng dạ dơ dáy muối biển cũng khôn rửa được!* Tôi lao vào chém lão Chu, lão hươi quyền đỡ. Lão lấy cây mía gạt những mũi dao tôi lụi tới, lão nhảy qua, xạt lại, tiến lui tài tình, không cách chi tôi đâm được lão. Chém một lúc, tôi đuối sức, người vả mồ hôi, nhịp thở hổn hển, mất hết sức lực, lão Chu biết tôi tàn lực, cười khe khé: *Răng mi không chém tau nữa? Mi thua rồi ư? Chừ tau độp mi cho mi biết!* Lão Chu bất ngờ nhảy bổng lên khỏi mặt đất, quật gốc mía vào đầu tôi tới tấp, lão đánh văng hai con dao trên tay tôi, đè ngửa tôi ra ruộng. Tôi vùng vẫy, lão Chu nhúng đầu tôi xuống nước ruộng, tôi ngạt thở há mồm uống từng bụng nước thum thủm sền sệt đất sình, lão Chu nhấc đầu tôi lên cho thở một giây rồi lại giộng xuống mặt sình, lão la chói lói, tôi thét đẩy dụa cố vùng ra mà không được. Sình chui vào mắt, vào tai, vào lỗ mũi, tôi uống sình căng đầy ruột, mấy ngón tay lão Chu siết ở cần cổ tôi như kềm người ta siết cổ tội hình. Tôi ú ớ, lão Chu bẻ quặt tôi lên, hai tròng mắt lão trắng dã, to như hai cái thúng. Lão Chu ghé sát miệng vào mặt tôi gằn từng chữ: *Con Ngự là cuộc đời tau, tau đem hiến vua để nó được quyền quý, sung sướng. Cuộc đời tau được ở trong cung, vàng châu, gấm lụa, một bước có người hầu, hai bước có kiệu khiêng, Ngài thương cho nó làm nhất giai phi, thì nó thành bậc mẩu nghi thiên hạ. Còn mi? Mi có chi cho nó? Răng tau nói khôn đúng ư? Mi là cái thớ chi trong trời*

đất?

Lão Chu buông tôi ra, cái bóng lão dọi lên giữa rừng mưa, cái bóng thấm đẫm máu thời gian lúc lão bước đi, tan biến vào hơi nước. Tôi nằm vật ra trên mặt ruộng, thân thể đau dần bãi hoãi, song cái đau thể xác cũng chưa bằng nỗi đau linh hồn bức từng sợi gân trong người tôi. Mỗi sợi thần kinh bức làm tôi quẫy mình trào nước mắt. Lão Chu đã nói ra sự thật, tôi có gì cho Ngự? Tôi nằm cho mưa nổ xuống mình, đốp chát từng hạt thù hận. Thượng đế là ai? Khóc cho tôi hay khóc giùm Ngự? Chừng nào thì lão Chu mới biết khóc?

Mưa ở đâu xót xa cho bằng mưa ở Thuận Hóa? Mưa ở đâu?

Những cơn mưa tầm thu trở về đất Thanh Hóa lạnh tăm tăm từ sau khi Ngự đi ở Nội. Váng mưa không còn trong, mà đục. Hột mưa nặng như có tuyết, nhiễu xuống da buốt thấu xương tủy. Thời gian bỗng ngừng lại ở làng Sinh, dài thậm thượt lê thê... Mỗi khắc mưa là một niên kỷ, đợi cho hạt mưa bám ở mái rỏ xuống sân, mất hàng giờ. Mỗi giọt nước là một khối chờ đợi, thai nghén, thành hình, dâng tròn, rồi căng cứng mạch máu đầu óc đến lúc vỡ tung vào hư không vắng lặng, tẻ nhạt, trầm buồn, u uất. Ngự đằng đẳng mất biệt âm tín. Lão Chu đằng đẳng mòn mỏi đợi chiếu chỉ triều đình, ban xuống tấn phong lão làm Quốc-Công. Chiếu không đến, chỉ không về, lão Chu chỉ còn biết sống với nỗi điên khùng tạo tợn. Nhưng lão già đi trông thấy, người lão teo tộp lại chẳng khác trái ớt mất mùa, vừa dú lên, đã nhăn nheo như da mụ già. Lão giống một hình nộm cũ, Thượng đế lôi ở đáy rương mang ra giật dây, cho cử động, bắt ăn uống và cho nheo mắt ngủ gà ngủ gật, những trưa thoi thóp tàn tạ. Lão Chu tuyệt vọng đợi một tờ chiếu có đóng ấn ngà.

Vết thương tôi chém vào vai lão Chu khép miệng liền da, thì viên mụt nhọt thâm sâu giữa bụng lão lở lói. Lão Chu đau căn bệnh "cuộc đời". Lão cũng đoán lờ mờ là Ngự bị thất sủng. Nhưng lão Chu chỉ đoán, còn các mụ ở làng Sình thì bém xém sau lưng lão: *A! Con Ngự mất phụng mày ngài, mặt trái soan, vú non da hồng... Con nớ đi ở mô trong Nội, biệt tăm rồi, chắc là không biết cách giao hoan, nên Ngài không thỏa mãn, răng cho làm nhứt giai phi!* Một mụ nói, bốn mụ cười hăng hắc, tôi tránh ra đình những buổi chợ phiên. Chợ phiên ở làng Sình cũng giống chợ Gia Lạc trên kinh thành Huế, đông vui như ngày hội. Lúc xưa Ngự chỉ đợi phiên chợ họp, để rủ tôi ra đình đánh bài thai, chơi bài ghế, đậu bài chòi... Giờ Ngự ở cung Đoan hòa, còn tôi trốn ở nhà, sợ hãi từng giọt mưa bay. Những sáng không có mưa thì thằng Hiểm dẫn con vợ mới cưới đi qua nhà lão Chu. Thằng Hiểm cay lão vác rựa rượt nó lúc xưa, bây giờ thấy lão mất Ngự thân tàn ma dại, nó lấy làm hả hê. Lúc vợ chồng thằng Hiểm đi ngang, lão Chu còn ngủ. Chỉ có tôi đứng tựa cửa. Con vợ thằng Hiểm vác bụng bầu chửa vượt mặt, đi thè lè nói lớn tiếng: *Tưởng ăn nằm với con nớ, dậy hấn kiểu cách, ai ngờ cũng có biết chi tề! — Bậy! Hấn có dậy con nớ đó ri, răng khôn dậy sao con nớ vú tưng bụng ông? Thứ chi mờ hấn khôn d ậy, nhưng dậy thét Hoàng thượng biết con nớ hết trinh, Ngài giận!* Thằng Hiểm oang oang trả lời con vợ hấn nham nhở. Tôi nóng bừng mặt, trời đánh thánh đâm vợ chồng thằng Hiểm! Tôi bứt dây lạc lão Chu cột ở cửa, mười ngón tay tôi co giật run bắn muốn chém thằng Hiểm, nhưng thằng mất nết lực lưỡng như trâu, sô vai hấn nổi từng bện, thằng Hiểm quá tuổi dậy thì ngực nở chướng phình như cái trống, tôi có muốn chém thằng Hiểm cũng khó. Ngự đâu biết sáng đó tôi cắn dập môi trong mình vì giận, vì bất lực?

Còn nhiều chuyện nữa mà Ngự không biết. Lão Chu sau này ít nói, hay nằm liệt ở một góc nhà cho đến lúc nắng đổ lửa vào đầu lão mới tỉnh dậy. Những lúc thức giấc, lão Chu như đứa trẻ sơ sinh, lão bặp bặp môi, mắt đảo loanh quanh, ngây thơ tìm kiếm... đến lúc nhận ra Ngự không còn nằm ở chiếc giường mây, lão mới khom lưng oằn mình cho cái lỗ miệng móm mém khạc đờm. Nắng rơi đầy vại nước, soi phơ phất mấy hàng tranh lão Chu tết trước nhà. Lập đông, nắng ở Thuận Hóa ui ui khô đét, xương xẩy theo lão Chu bước dần ra phá. Nhưng nắng không đủ ấm, chỉ chảy nhớt, bỡn cợt xuống xã cấm loe hoe trên trán lão Chu đã gần rụng hết tóc. Tôi theo lão Chu ra phá đứng nghe tiếng thở mệt nhọc của đất. Cả một mặt đầm óc ách, nhấp nhô rướn mình thở. Tôi lắng nghe, nhưng không tài nào phân biệt được đâu là hơi thở hổn hển của lão Chu, đâu là tiếng thở hì hục của phá. Chỉ thấy ở những kẽ nứt, hơi nước toát ra, tung phụt lên tỏa mờ trên không. Cái khối trắng ngần, trắng lịm, trắng mờ, trắng lòa lòa vẫn còn đó, vẫn còn giãng giãng quẩy mình cựa quậy, song lão Chu không còn gì để thách thức. Lão đã đem "cuộc đời" của lão tiến cung, lão không còn gì trong túi để dám ngửa mặt thách đố cơn giận dỗi của thượng đế. Lão Chu đứng lặng trước mặt đầm. Đến lúc tôi kêu lão về, lão Chu nghe tiếng gọi quay lại, thì nước mắt đã giàn đầy ra má. Lần đầu tiên tôi chứng kiến lão Chu khóc.

Tin Ngự được tấn phong cửu giai Tài Nhân đưa về làng Sình như sét đánh. Lão Chu chạy bổ từ phá về làng, phủ phục trước sân thềm để nghe chiếu chỉ. Lão vỡ òa tiếng khóc như trẻ nít. Lão khóc vì mất chức

khoảnh khắc

CAO DAO

Thời gian. Và bóng đêm
bơi quanh ngọn đèn
như con sứa khổng lồ
bí mật.
Và ánh trăng thơm ngát
rụng
cùng hoa cau
ngoài hiên nhà.
Dường như có cái gì
rung rinh.
Hoặc từ một con dế giang hồ
đang cọ cánh vào bên mép cỏ
hoặc một cái cựa mình của gió
một con gì mớ ngủ trên đọt dừa
cũng có thể từ lòng ngực tối om
của một cái đồng hồ say
hay cũng chính là cái khẽ chạm tình cờ
từ đầu những ngón tay
đang lang thang
lang thang
trên giấy...

Quốc-Công. Trong triều đình có cửu phẩm cho các quan, thì cũng có cửu giai cho các mệ. Ngự được phong giai áp chót, chỉ trên bọn cung nga thế nữ. Giọng khóc nấc của lão Chu đau đớn tủi hèn, lão khóc ngất hơn cha chết mạ chết, lão đập đầu tóe máu, gục mặt nhận chỉ. Quỳ bên cạnh lão Chu, hai bàn tay tôi bảo dậy, vật vả trăm nghìn phen vì thương Ngự. Tiếng chuông chùa ai đánh gõ loong koong. . . Mỗi đêm lão Chu rên rỉ lảm nhảm độc thoại: *Nhất giai phi, nhị giai phi, tam giai tân, tứ giai tân, ngủ giai tiếp dư, lục giai tiếp dư, thất gia mỹ nhân, bát giai quý nhân, cửu giai tài nhân.* . . Đến chữ "tài nhân" thì lão chết lịm đi, tròng mắt đứng lại, trong bóng tối lão thở hắt rồi há hốc mồm, quai hàm cứng lại như chết rồi, cho tới lúc lão từ từ hồi lại, nằm xụi lơ như cái xác sống. Cái buổi sáng mà thằng mỏ đi gõ rao trong làng bản tin rùng rợn: Hoàng thượng băng hà! Lão Chu mới thật sự hóa cuồng. Tiếng rống khủng khiếp của lão Chu chạy khắp làng gào thảm thiết. Lão như một con quái vật trúng tên, lồng lộn tìm chỗ chết. Lão Chu tự cắt gân, rạch mặt, khơi cho máu phun, nhưng người ta đã buộc lão lại, kềm tay, giữ chân, đánh cho lão ngất, để lão đừng tự vẫn. Mùa mưa năm đó, cả kinh thành Huế để tang Hoàng thượng, khắp làng Sình trắng khăn sô. Mình Rồng được khâm liệm, để lên trướng chở qua sông Hương, đi vào núi an nghỉ. Các mệ phi âm thầm, lẳng lặng lên ở Khiêm Lăng để suốt đời lo việc hương lúa. Tôi trông thấy bóng Ngự theo các mệ phi lên Khiêm lăng. Mặt Ngự tái nhờn nhợt những giọt mưa trắng. Màu trắng của sợ hãi. Khói hương thấp nghì ngụt không dứt. Bao nhiêu bó nhang đốt đời Ngự? Lão Chu đã thật sự đánh mất cuộc đời.

Cuộc đời lão Chu đi khuất, thì gió Lào nườm nượp thổi vào đất thần kinh. Sức nóng dữ dội chui hút vào dãi đất nằm kề bên dãy Trường Sơn, giống con rắn hổ chui vào hũ tĩnh, bị đóng nắp, sùng sục tháo bẫy. Cái đuôi rắn quất lửa xuống những cánh đồng cháy oằn oại, oằn oại. Cái đầu rắn hổ mổ chan chát vào lưng vại sành chẳng khác tiếng chày các mụ nện lên cối đá. Hơi nóng tát lên mặt, hơi nóng bỏng rát làm đỏ độp mình mẩy. Cả một biển lửa vàng thau cháy lan lan, lan lan đến tận rừng chuối. Tôi tắm ở ao, thấy lửa xém vào gốc chuối, tức thì thân cây chuối teo xộp lại chẳng khác bị vắt hết nước. Những tàu lá chuối mới xanh non nõn rờn rờn phe phất, chạm phải nắng cứ khô ròn, khô ròn rồi vàng ông rụng dần, rụng dần, cho đến khi cả một rừng chuối mật chỉ còn là một bãi đất cằn đá. Buồng chuối nào thoát chết, thì đỏ tóe như màu máu, người ta gọi là chuối lửa. Đất Thuận Hóa trở thành nứt nẻ. Đất như thiêu, nung hừng hực, hừng hực. Buổi trưa ít khi nào có tiếng động, một cánh ruồi bay cũng nghe, từng tiếng chắc lưỡi của thạch thùng nhấp môi giữa cái nóng ran người. Làng Sinh vắng đanh, vắng ngắt. Họ đổ hết ra sông, xuống biển, đầm, phá. Lão Chu hồi sinh bởi cái sức nóng kinh khiếp của Thuận hóa. Mà lão

lấy lại sức lực nhanh không ngờ. Không ai có thể ngờ. Sét đánh lão không chết. Tôi chém lão không chết. Rạch mặt, cắt gân, cứa cổ tự vẫn lão cũng không chết. Lão Chu nghiễm nhiên trở thành biểu tượng của một sinh vật bất tử. Mà chính lão Chu cũng tin rằng lão bất tử, sống mãi. Sống nên lão xục xạo sùng sục đi tìm lại cuộc đời. Thịt da lão đã mọc trở lại. Thịt mọc trên xương, mỡ bao lấy thịt, da bao lấy mỡ, lão Chu cường tráng như cũ. Trưa dập lửa xuống mình lão Chu. Gió đưa hơi nóng dộp lên trên tấm lưng thớt của lão, song lão Chu vẫn khởi công đi kiếm cuộc đời. Cuộc đời thứ nhì thay cho cái cuộc đời thứ nhất là Ngự lão đã vụng dại đánh mất. *Cuộc đời ở mô? Mi biết cuộc đời ở mô?* Lão Chu thè chiếc lưỡi dài đụng mặt tôi hỏi. Đầu lưỡi lão nhọn hoắc, nhám nhạp, trây vào đâu làm tôi nổi gai tới đó. *Cuộc đời ở mô?* Lão Chu cởi trần trùng trục, ngâm mình xuống biển. Mồ hôi võng trên mặt lão nhiều xuống biển. Nước biển cũng hóa thành mồ hôi lão Chu mặn chát. Lão Chu chọn chỗ vắng, khúc biển cuối bãi Thuận An nối liền đầm Thanh Lam xanh ngời ngời nước. Cả một mặt bể lồng trồi sụt, sóng té tạt vào bờ lôi rong rêu tràn ra đất. Rong bấu trên cát, rong quấn mình lão Chu, rong đu trên vai lão. Lão Chu bắt tôi xuống đứng nước cùng với lão Chu, phơi mặt hứng ánh mặt trời bắn xuyên qua da từng nhát như lao phóng chọc bị. Cái khối lửa chói lọi, chói lòa, chói lòe làm tôi nhức mắt, nhưng lão Chu nhất định không cho tôi đội mũ, nhắm mắt, hay lấy tay che mặt. Lão bắt tôi nhìn trừng trừng vào đường chân trời đang cong oằn theo eo biển sẫm đậm, sẫm rịt. *Mi thấy chi? Răng tau hỏi sao mi khôn trả lời? Cái ri ở ngoài kia? Cái ri kia?* Lão Chu xoắn tóc tôi nắm cứng bắt nhìn mặt biển. Giọng lão chắc nịch: *Cuộc đời! Cuộc đời ở bên kia biển!* Tiếng nói lão Chu như tan trên mặt sóng dâng hân hoan bất thần. Thoắt cái lão buông tay cho tôi té vục mặt xuống nước, lão đã phóng mình bơi, hai đầu gối đạp nước, cần cổ lão bạnh ra như mang cá. Nước cản thân, nước ghịt lưng, nước lột vai, nước ngấn chân, song lão Chu cứ rẽ sóng bơi vùn vụt. Lão bơi mau lắm, xa tít tắp, chừng muốn vượt đại dương để đến với cuộc đời ở bên kia biển. Nhưng sức lão Chu có hạn, Hà bá lùa lão vào bờ, ném lão vật ra đất. Lão Chu thở hổn hển: *Tau biết cuộc đời ở bên kia biển! Cuộc đời của tau ở bên kia biển, sống chết tau cũng qua, bão tố tau cũng đi, hải tặc cá kình chi tau khôn ngán!* Lão Chu ngồi trở dậy, lão hỏi tôi mi thấy không? Thấy không? Tôi trả lời: Tôi thấy, tôi thấy... mặt biển giàn ra vĩ đại. Một sự vĩ đại mà lão Chu không thấy.

Thời gian đó, vợ thằng Hiểm sanh khó, làm băng suốt một đêm rồi đi khuất. Hài nhi lẫn sản phụ chết tức tưởi. Cái mặt thằng Hiểm trơ tráo, nham nhở hôm đi qua nhà tôi nói xấu Ngự, vậy mà lúc bốc từng vụm đất ném xuống áo quan cho vợ trông cũng thật thương tâm. Tôi thắp ba nén nhang cắm trong cái bát sành đặt trước linh sàn vợ thằng Hiểm gọi là xá vong, xin nó đừng về quấy rầy tôi với Ngọc Trản. Ngọc Trản chỉ mới mười lăm, không đẹp bằng Ngự, song nước da đã ngó sen, cổ tay tròn bầu bĩnh, và khóe mắt lấy tình hớp hồn tôi. Tôi yêu Ngọc Trản không giống như say Ngự, với Ngự tôi đong từng nụ cười, hít chậm chạp mùi hương, quý từng phân xương thịt, ân ái dịu dàng, ôm ấp nhẹ nhàng, khẽ từng vuốt ve, nâng niu âu yếm, hứng đón cẩn trọng. Còn với Ngọc Trản, Ngọc Trản bắt tôi yêu khác thường. Chôn vợ rồi thằng Hiểm bỏ làng đi biệt tích. Ngọc Trản nói với tôi rằng bọ mạ Ngọc Trản nói thằng Hiểm đi theo phái Văn Thân. Hai chữ Văn Thân làm tôi rùng mình. Tôi cắn ghì lấy môi Ngọc Trản không cho kể tiếp. Mùi nắng dậy ở đầu lưỡi Ngọc Trản, tôi cắn vào nghe gió Lào thổi từng luồng phừng phực. Rơm ở chỗ nằm đâm vào người tôi với Ngọc Trản như kim chích. Tóc vướng rơm, ngực vươn trái sữa, thân hình Ngọc Trản nhỏ như bàn tay, vết thương con gái còn bọc da non, đỏ hồng. Tôi lấy móng tay cào cho lưng Ngọc Trản chảy máu, để được uống những giọt máu son của Ngọc Trản vừa chảy vào đời mình. Gió Lào tát hơi lửa lên mình Ngọc Trản, cháy lan lan, hai cườm tay quỷ quái của Ngọc Trản đưa lên siết cổ tôi mạnh y hệt như hôm nào lão Chu ghịt đầu tôi nhúng xuống sình. Ngọc Trản khác Ngự ở phong cách, Ngự ngây thơ, Ngọc Trản tinh nghịch, không bao giờ chịu nằm yên lúc giao hoan. Qua kẻ ra, tôi trông thấy bước chân chú tiểu cầm dùi dộng vào mặt trống đồng. Tiếng trống chùa dội vào ngực Ngọc Trản nẩy lên cằm tôi tiếng nấc bật kêu trên lạc phúc. Lạc phúc? Cuộc đời? Lão Chu thét: *Tau đã tìm ra cuộc đời! Mi coi tau tìm ra cuộc đời!* Lão Chu chồm vào trong đống rạ chỗ tôi đang nằm với Ngọc Trản. Lão dí đầu, thè lưỡi, đặt một con mắt lão lên bụng Ngọc Trản, thả nốt con mắt còn lại vào mặt tôi. Tôi tưởng lão lại sắp hóa cuồng vì thấy tôi trần truồng bên cạnh Ngọc Trản, nhưng lão Chu chỉ cười khè khè, dáng điệu ở trên tột đỉnh của sung sướng mãn nguyện. Lão Chu rút đầu ra, lao vun vút về làng Sình, lão vừa chạy vừa cất tiếng hét: *"Giô án nà! Giô án nà!"* Tiếng hét của lão Chu mau lắm, nắng đuổi không kịp, rơi rớt lại tràn lên mình Ngọc Trản. Tôi bở ngỡ với cái thứ âm thanh lạ lùng, nửa kỳ quặc, nửa chói tai mà lão Chu vừa phát âm. Lão Chu học ở đâu thứ âm thanh kỳ lạ đó? Lão đã thật sự tìm thấy cuộc đời ở bên kia biển chăng? Hai bàn chân Phật, mười ngón chân bồ tát hiện ra trước đống

rơm. Tia mắt sư ông trợn trừng trên thân thể Ngọc Trản, tia mắt đám sãi đuối lờ đờ khát vọng. Tôi quơ cào quần áo, kéo Ngọc Trản nhảy ùm xuống ao, bơi cắm mạng sang bên kia bờ. Những cuống sen xanh mát rượi, những lá sen mượt mà trải rộng như những lát chiếu hoa điều đỏ nắng, che chở cho tôi với Ngọc Trản trốn phật Thích Ca. Nước hồ lạnh mát, trong vắt, Ngọc Trản lặn thật sâu, tóc trôi bềnh bồng như vi cá. Lúc tôi với Ngọc Trản trồi lên giữa những đài sen nhụy vàng óng ánh, sư ông và các sãi đã về chùa, chỉ còn âm vang của tiếng hét lão Chu "Giô án nà!" "Giô án nà!" váng âm rơi vỡ rợp trên những tàu sen chật mặt nước. Cả một đầm sen xanh ngắt, run rẩy lay động. Từng hột nước, từng hột nước chảy lăn trên mình Ngọc Trản. Tôi với Ngọc Trản nắm tay nhau chạy bổ về làng, từ đầu lũy tre, người ta đã xào xào bàn tán tin lão Chu gặp gỡ kẻ lạ.

Lão Chu kể oang oang, dưới nắng chan chan lão nói với mọi người là lão đã tìm lại được "cuộc đời". Những kẻ lạ đến từ bên kia biển cho lão biết: Rằng bên kia đại dương có người con gái mắt xanh hơn ngọc, tóc vàng hơn tơ, da trắng hơn tuyết, bằng lòng lấy lão làm *ông giôn*. Hỏi lão có thuận hay không? Lão thuận hay không? Lão Chu mừng quýnh! Lão té tát tươi tả trả lời:Lão thuận! Lão thuận! Lão Chu quýnh quáng lấy tiền dành dụm, những đồng Thông Bảo quý giá mà lão nâng niu, chắt chiu, bỏ trong rương, như bỏ trong ruột, chôn dưới đất. Lão đào lên, đào lên, những đồng Thông Bảo nặng chịch sức lao động của mấy trăm, mấy nghìn bức họa mà lão Chu đã vẽ bán cho mọi người, lão đào lên trả công cho kẻ lạ đã đưa tin đến. Vợ lão tên là Giô-an-na, nhưng lão Chu thích gọi lảnh lót yêu thương là Giô-án-nà. Giô-án-nà có mái tóc vàng kim óng ả như tơ, mắt xanh màu lục lấp lánh tựa ngọc quý và da trắng mịn hơn tuyết phủ trên đỉnh những ngọn núi ở bên Tàu. Lão Chu không ngớt nhắc đi, nhắc lại các chi tiết ấy. Lão hãnh diện vô ngần. "Cuộc đời" ở bên kia biển của lão cực kỳ đẹp đẽ. Cuộc đời bên kia biển tuyệt lộng lẫy, mà gặp ai lão Chu cũng khoe khoang kể lể. Lão chỉ không nghe thấy những tiếng xầm xì, rì rầm sau lưng lão.

Lão Chu bắt đầu nhảy múa trên những đường mương quanh mặt ruộng. Lão say ngất ngưởng, một tay hồ rượu, một tay đánh quạt, lão phe phẩy điệu múa thỏa mãn. Giọng lão Chu nghêu ngao đầy khoái lạc: "Giôôáánnàà!" Cái bóng lão Chu tắt, cái bóng lão Chu hiện, chiếc bóng lão vờn vờn thoăn thoắt tắt hiện đi tìm kẻ lạ. Ngọc Trản tinh như quỷ, rủ tôi đi rình lão. Nắng hầm hầm oi oi, nhễ nhại lửa cháy ngoằn ngoèo mặt biển lấm tấm đầy dấu chân lão Chu dẫm trên cát. Nắng thêu khắp rừng dương, đổ xuống chỗ tôi với Ngọc Trản núp. Nắng dữ dội vậy mà tay chân Ngọc Trản lạnh tướp mồ hôi vì hồi hộp. Trống cũng đánh trong bụng tôi quặn ruột, tiếng trống ngực dội kinh hơn tiếng trống của Ngọ môn. Từ biển lớn, ngược nắng chói lòa, vọng tiếng động của mái đầm to bản bơi rẽ vào bờ. Kẻ lạ đến từ một khối nổi sừng sững mọc nhú lên giữa mặt biển. Gót giày của kẻ lạ lún bì bạch trên mặt cát. Bỗng chốc tôi hiểu tất cả! Những chiếc nón rộng vành to như cái mâm, những đôi giày ủng cao tới háng, muốn liếm bẹn: Thì ra chính là bọn lái Bồ-Đào! Những tấm áo choàng của bọn lái buôn Bồ-Đào-Nha bay phập phùng uốn éo trên sóng biển, rồi rú đứng trước mặt lão Chu. Gió đưa câu chuyện trọ trẹ giữa lão Chu với kẻ lạ mặt, còn: *Vợ người đã hạ sinh được một bé gái đặt cho nó là Ô-rô-ra! Ô rô ra: Ánh mặt trời bình minh!* Tiếng hú lão Chu vang lừng biển lớn. Lão cúi đầu lạy tạ, mở túi tiền, trút những đồng Thông Bảo chót cùng của đời lão trả cho bọn lái Bồ. Tiếng đồng thau chạm vào nhau loẻng xoẻng, tiếng kêu thương bát ngàn rừng dương của lão Chu: Ô rô ra! Ô rô ra! Lão Chu chết lịm đi vì hạnh phúc của đứa con gái mới sanh bên kia biển. Bọn lái Bồ-Đào căng áo choàng gói tiền Thông Bảo của lão Chu lại, chúng trở ra khơi, hẹn lần đưa tin khác. Trên bãi cát chỉ còn lại một mình lão Chu đơn độc nhảy múa, và một cái bóng nữa, cao lớn dị thường: Chiếc bóng lạ đứng im lìm từ nãy chờ đợi. Ngọc Trản đeo cứng lấy tôi: *Ai mời dị rứa? Ai mời dị rứa? Răng lão Chu khôn về đi, lão còn muốn cái chi?* Tôi lắc đầu chịu, không biết. Giải lụa đỏ buột quanh bụng kẻ lạ bay phất phới, tung giật giật, thướt tha cùng với thân vải đen phủ chùm kín đôi chân. Nếp vải chùng cứ gợn lên, trôi bập bềnh dọc theo mặt biển lưa thưa gió. Tôi với Ngọc Trản nhìn say mê kẻ lạ. Mà lão Chu cũng bất động. Ánh sáng ngời ngời từ mặt trời giăng sau lưng kẻ lạ làm sáng lừng bãi cát. Ngọc Trản nén tiếng kêu, tôi nén tiếng thở, kẻ lạ thong thả, từ tốn, chậm rãi trao cho lão Chu một cuốn sách và một vòng tràng, rồi răn dạy: *Hãy tạ ơn Thượng đế đã ban ân phước cho người là tôi tớ của Ngài!* Lão Chu phủ phục ngay xuống dưới chân người lạ, lão vốc từng vụm nước biển rưới lên đầu lão Chu. Từng vốc nước rơi thánh thót, nhiều bay. Tôi vụt hiểu. Tôi đã chứng kiến cảnh tượng này ở Hải Phố: Kẻ lạ chính là một giáo sĩ! Lão Chu đang chịu phép bí tích! Người tôi run lên, những thớ gân co giật liên hồi làm tứ chi lẩy bẩy không sao điều khiển được nữa. Những giáo sĩ đang bị triều đình truy nã, ai quan hệ thì lụy vào thân. Tôi kéo Ngọc Trản vùng chạy.

Mây rượt trên đầu, nắng đuổi sau lưng, gió cản mặt, cát xiềng chân, những bài kinh la ngứ của giáo sĩ réo gọi. Ngọc Trản cuống cuồng ngã ngồi, tôi lôi dậy bắt chạy cho xa, thật xa tai họa. Biển gầm ở phía sau, sóng đập vào óc não tôi tê rần vì sợ, chân vấp vào đá, gối va vào cây, vai cứa gai, lá chém mặt. Trong nỗi sợ hãi bừng bừng, tôi với Ngọc Trản ngã lăn xuống triền đồi cát lún, cả một khoảng trời lõm trong ngần mây trắng đương tụ lại ở *độộng* cát. Ngọc Trản thở hào hển, mồ hôi ứa ở màn tang, tuôn xuống mất mũi miệng cằm bắp tay bắp chân đùi ngực, bụng trây vàng cát. Lẫn trong những bụm cát vàng ngập miệng, ngập trí não, tôi cũng còn tỉnh táo để hiểu rằng lão Chu đã đem vào làng sinh một vì thượng đế mới.

Lão Chu ba lần lên hầu quan. Quan bắt lão giải thích quan hệ với giáo sĩ. Lão Chu nhận. Quan bắt lão bỏ đạo, lão Chu từ chối. Ba lần quan sai lính nọc lão ra đánh. Lính đánh đòn thù, gậy táng vào mặt, roi quất xối xả vào người, kềm bẻ ngón tay, búa đập dập chân, nhưng cả ba lần lão Chu đều không chết. Lão Chu không thể chết, thân thể lão có sức kháng cự phi thường. Lão Chu đã bất tử. Mùa hè đỏ rợm nắng Lào đi qua, lão Chu được thả về, lão cười ré lên hãnh diện: *Tau khôn có tội, ngôi thứ ba chứng giám cho tau!* Lão Chu cười ha hả. Người lão tàn dại, tay chân bầm dập, mặt mũi tan nát, xương sườn chằng chịt thẹo, song lão Chu bừng bừng sức sống. Người ta bu quanh lão. Một kẻ hỏi: *Ngôi thứ ba là cái chi? Răng ngôi thứ nhất, thứ nhị ở mô?* Lão Chu nghe hỏi, ngửng phắt lên, lấy ngón trỏ chỉ lên trời: Ngôi thứ nhất là thượng đế của lão. Ngôi thứ hai là con Ngài đã xuống thế gian chịu chết thay cho lão, và ngôi chót là ngôi thứ ba giữ mình cho lão! Cái giọng ụa hơi khế chua, mất sắc như thép nạo, móng tay nhọn như lưỡi câu của lão Chu làm người ta sợ. Mọi người dạt lối cho lão đi, song mọi người cũng khâm phục lão. Lão Chu là cái thớ chi mà thượng đế phải cử con Ngài xuống chết thay cho lão? Lão đóng đến chức chi ở trên trời? Lão Chu cười khè khè: *Giô án nà! Giô án nà! Lão đã về đây! Ô rô ra! Ô rô ra! Bọ đã về đây!*

Lão Chu xộc vào nhà, dắt vợ con dạo chơi. Người lão Chu như mọc cánh, bay là là lướt trên những lẫm lúa khô, từng cộng lúa nặng trĩu hạt, mọc vươn muốn níu chân lão. Mọi người đổ dồn chạy theo xem lão Chu tung tăn lượn trên mặt ruộng. Hơi nắng buông dầm dề quanh người, phông nắng chín vàng càng làm nổi bật tấm thân thương tích của lão chờn vờn, ngả nghiêng, xiêu vẹo. Lão Chu giang tay như thể đang dắt tay vợ con lão thật. Mỗi bận gần chạm một ngọn cỏ lau cao hút đầu, lão lại giật khủy tay như nhắc đứa trẻ lên tránh khỏi bị tranh cắt. Lão Chu cứ tiếp tục cái điệp khúc: *Ô rô ra! Giô án nà!* "cuộc đời" của lão.

Triều đình thôi không còn dám bắt lão Chu nữa, mà để yên cho lão an hưởng hạnh phúc, không phải vì nể thượng đế của lão, nhưng vì những thế lực bên kia biển mỗi ngày một mạnh. Chiếu dụ cấm đạo thôi còn hiệu lực.

Dạo đó lão Chu đã quên mất hẳn Ngự. Lão quên sự hiện của tôi trong cuộc sống lão. Tôi làm gì? Yêu ai? Muốn ngủ với Ngọc Trản lúc nào, ở đâu, trước mặt hay sau lưng, lão Chu cũng mặc. Lão chỉ biết đòi lại chiếc giường mây của Ngự, để dành cho Ô rô ra và Giô án nà của lão từ bên kia biển trở về ngủ. Lão Chu trải nệm hồng thúy thơm tho mùi xạ, nhưng mặt giường mây thì cứ trống ngắt. Ngọc Trản trổ mã với cơn mưa tầm thu trở lại đất Thuận Hóa. Cái khối nước trắng mờ ngày xưa giăng trên tóc Ngự, kéo về gieo xuống rưới lên mình Ngọc Trản, mỗi bận Ngọc Trản tắm mưa, da thịt nẩy nở giống cuống hoa dú mình bung cánh đẹp lạ thường. Tôi bảo lão Chu lấy Ngọc Trản làm lẻ, song lão không ưng thuận, lão còn biết gì nữa ngoài mối tình vượt đại dương? Đêm đêm tôi nằm với Ngọc Trản, nghe lão Chu ngâm khe khẽ: *ngày sáu khắc tin mong nhạn vắng, đêm năm canh tiếng lắng chuông rền...* Lão Chu chờ cái ngày Giô án nà đưa Ô rô ra về thăm lão. Lão Chu đợi và tôi cũng đợi.

Phong trào Văn Thân có một năm phừng lên mãnh liệt. Nhắc đến Văn Thân là người ta nhắc đến ái quốc, mà cũng nhắc đến đầu rơi, máu đổ, tương tàn. Ai ở làng Sình nghe hai chữ Văn Thân cũng sợ. Chỉ có lão Chu là không sợ. Lão nói con thượng đế đã chết thay cho lão, lão không chết nữa. Ngôi thứ ba giữ mình cho lão, thì lão sợ thớ chi? Lão sợ chi? Lão Chu cười hăng hắc, xối xả. Tiếng cười khật khùng điên dại của lão Chu trêu ghẹo Văn Thân tàn lụi dần, yếu ớt hẳn đi trước ảnh hưởng vũ bão, mỗi ngày một lan rộng của Tây phương. Lão Chu tin mình đã theo đúng chiều mạnh của lịch sử.

Nhưng cái đêm mà thằng Hiểm trở về làng, trán thích hai chữ Văn Thân, ngực xăm hình trống đồng Đông Sơn, thằng Hiểm không có vẻ gì là yếu ớt. Nửa đêm trăng sáng, thằng Hiểm đạp tung cửa, rạch mùng, vác mã tấu chém đôi mình lão Chu. Đôi cánh tay thằng Hiểm cuồn cuộn bắp thịt, ngực nó nở, sô vai nó dầy, thằng Hiểm điểm mặt lão Chu hét: *Việt gian! đền tội!* Rồi nó bổ phập xuống. Thằng Hiểm chém xuống, chém xuống, chém tới đâu lạc đứt, cột gẫy, mái đổ. Bản thép sáng lạnh trên tay thằng Hiểm giống trận cuồng phong quét ngang mình lão Chu, tưởng đứt

làm đôi, tưởng nát thịt, tan xương. Gió đêm rào rào qua mái, gió thổi thốc vào nhà, gió đưa hơi thép của thanh mã tấu rờn rợn buốt thấu tủy. Tiếng gió giống tiếng gào của thượng đế ở đất Thuận Hóa nổi giận sai thằng Hiểm trừng trị lão Chu. Song lão Chu cũng có thượng đế của lão. Tấm thân ngỡ tàn phế của lão coi vậy mà nhanh như cắt, lão lăn xuống đất tránh thanh mã chặt bửa đôi chiếc giường tre. Thằng Hiểm lại hươi mã, hai bắp đùi lão Chu búng phắt lên, bẫy thân mình lão bỗng mềm dẻo giống thân báo nhảy thót lên mặt bàn. Thằng Hiểm trở đà đao chém nát mặt bàn, làm lão Chu té ngửa ra bếp. Ngọc Trản rú lên sợ hãi, còn tôi tứ chi tê liệt nằm chết cứng ở ổ rạ. Khuôn mặt thằng Hiểm lầm lì dễ sợ, nó quát: *Việt gian! Trả nợ máu!* Rồi lại chém xuống nữa. Hai bàn tay thằng Hiểm cấm chắc cán mã, đừng tưởng thằng Hiểm chậm, nó nhanh kinh hồn, lão Chu vừa chụp lấy nan thép khợi lửa, nó đã chém bay tạt đi. Lão Chu túng thế giật thanh củi đương cháy dở chích vào giữa mặt thằng Hiểm mong lửa làm nó lóa mắt. Nhưng thanh mã tấu của thằng Hiểm đã chém vỡ vụn đầu củi, tàn lửa văng tung tóe, những đốm than hồng cháy xòe đôi con ngươi thằng Hiểm đỏ nhừ. Lão Chu lồng lên, lão thét: *A! Mi giỏi! Mi dám giết chiên của Ngài! Quỷ bắt mi đi!* Lão Chu chưa kịp thốt gọi tên thượng đế của lão, thì thằng Hiểm đã chép phụp tới, bản thép sáng lóe phạt ngang bụng lão Chu, từ cái đường cắt mỏng thịt da lão Chu bỗng vỡ ào đổ ra, máu phụt thành vòi lia tia phun tứ phía. Ngọc Trản kêu hú lên úp mặt vào lòng tôi kinh hãi, tôi cũng kinh hãi, nhưng không sao xoay được đầu đi chỗ khác. Hai cánh tay lão Chu cào cấu, bơi cuống cuồng trong không khí, cằm lão bạnh ra, mắt trợn ngược thất thần không hiểu vì sao ngôi thứ ba không giữ mình cho lão? Lão Chu ngã ngồi xuống đất, mười ngón tay cố đỡ chùm ruột đương lòi ra, song lão tận lực ngã gục mặt vào đống máu bất động. Thằng Hiểm từ từ quay lại nhìn tôi với Ngọc Trản. Sắc mặt nó lạnh như lưỡi thép biếc ngời vết máu. Chúng tôi khiếp đảm vái lạy thằng Hiểm. Tôi với Ngọc Trản chắp tay xá không ngừng, như hôm đi đưa ma con vợ thằng Hiểm, tôi cũng chắp tay xá vong. Có lẽ thằng Hiểm bắt gặp lại hình ảnh đó, nhớ lúc hạ quan tôi cùng phụ với nó lấp đất cho người khuất mặt, nên chùn tay do dự. Lão Chu đã ngồi dậy, mắt lão đầy tròng trắng, thằng Hiểm không thấy, lão đứng sau lưng với cây đòn gánh, hươi cao, rồi quất xuống thật mạnh, lão Chu quất liền tay xối xả tàn bạo, man rợ vào sọ thằng Hiểm. Lão Chu quật tới tấp điên dại, không kịp thở cho tới lúc thằng Hiểm chỉ còn là một đống thịt bầy nhầy giẫy giụa. Ngọc Trản rú lên từng hồi, tiếng gió rít giữa đêm khuya khoắt lẫn vào với tiếng sấm làm mưa kinh hoàng.

Vậy mà lão Chu chết. Lão Chu chết ba tháng sau khi thằng Hiểm chém lão, khi vết thương ở bụng đã lành, đã kéo da non, lão đã đi đứng được. Lão Chu chết giữa mùa đông, mưa trắng trời, trắng đất. Tôi khóc hết nước mắt, Ngọc Trản khóc khô giọng, đám ma lão Chu chỉ có mỗi mình tôi và Ngọc Trản với giáo sĩ đi đưa. Lão Chu yên nghỉ ở ngoài làng Sình, trên đường đi Vĩnh Lại. Có ai ngờ lão Chu chết? Tôi chém lão không chết, sét đánh lão không chết. Vậy mà cái hôm bọn lái Bồ-Đào trở lại đưa tin: *Vợ con lão ở bên kia biển, Giô an na và Ô rô ra đã lâm trọng bệnh chết rồi, lão hãy để tang đi!* Lão Chu khóc rống lên, thổ huyết ồng ộc, máu vãi ra đất, máu đẫm trên cát, máu nhuộm biển, máu đặc sánh một mặt đại dương đen thẫm. Và lão Chu chết. Suốt đời, chưa khi nào tôi chứng kiến một cái chết kinh khủng như vậy. Mưa bay nghiêng linh cửu hôm động quan. Giáo sĩ không cho thắp nhang, chỉ cho đốt đèn cầy, nên đám táng ảm đạm lạnh lẽo. Tôi với Ngọc Trản oằn vai gánh quan tài ra tới huyệt mộ. Giáo sĩ đi trước, chốc chốc vẩy vào hai bên mặt ruộng những giọt nước phép. Nước phép nhiều vào đâu thấm loang loang đến đó, như dấu ấn của vị thượng đế mới ấn vào đất Thuận Hóa.

Ở làng Sình, cái chết của lão Chu gây ấn tượng rất mạnh. Các mụ kháo nhau rằng lão chết bởi *chứng lạ*, song tôi, tôi biết lão chết vì bệnh "khát vọng". Tôi chờ giáo sĩ đi khuất, vập đầu khấn: *Lão Chu sống khôn, thác thiêng, đừng về quấy rầy tôi với Ngọc Trản, đừng bắt ai phải chết giống lão.* Nhưng lão Chu sống không khôn, thác không thiêng, lão không chịu nghe lời khấn của tôi. Hết mùa mưa, Ngọc Trản bỏ tôi lên sống trên kinh thành Huế. Mai trắng ở Huế, mọc quanh hồ Xung Khiêm Tạ có đẹp bằng mai trắng mọc rưng rức quanh làng Sình hay không? Hở Ngọc Trản? Sao bỏ tôi đi? Tình yêu tôi không đủ thắm hay Ngọc Trản cũng đi tìm quyền quý như lão Chu đã khát vọng? Mà lão có tìm được đâu? Mà người ta sau này chết giống lão? Những cái chết sau quá khứ tiếp diễn mãi cho đến tận bây giờ. Tôi mãn tang chồng, mãn tang lão Chu rồi tiến thêm bước nữa, lập gia đình hạ sanh thêm một đứa con gái. Đứa con gái không đẹp bằng Ngự, song tôi cũng say nó như ngày xưa tôi say Ngự. Mưa ở Thuận Hóa kéo dài mãi cho tới bây giờ. Những cơn mưa của khát vọng vỡ mà không ai hay.

K

TRẦN VŨ

22 tháng Chạp, 1990

HỎI TRỜI

DƯƠNG KIỀN

Con chim mùa xuân hót
Thảm thiết trong mưa mù
tháng tư
Mưa từ sáng đến tối
Mưa từ tối đến sáng
Trời Bergen thế đấy
nhớ Huế
nhớ Huế
nhớ Huế
Không nhớ những tà áo dài
Không nhớ cầu Trường Tiền, cửa Thượng Tứ
Chỉ nhớ mưa thối đất
Thối rữa xác người
chôn sâu
chôn nông
Con chim mùa xuân hót
rũ rượi cây sầu đông.
Trời Bergen mưa mãi
nhớ Huế
nhớ Huế
Không nhớ mùi hương chùa Diệu Đế
Chỉ nhớ cửa Thuận An
hàng ngàn người
bơi ra biển
Sức người đua với sức tàu chiến
về đâu?

Com chim mùa xuân hót
trong tiếng khóc người Thủy Quân Lục Chiến
quay lưng lại biển
hai tay không
thở dài.

Nhớ Huế
nhớ Huế
Không nhớ bông sen chùa Từ Đàm
vương vãi trên bệ thờ
héo quắt
Chỉ nhớ con chim mùa xuân hót
trong mưa
mưa mãi
mưa mãi
Mưa từ sáng đến tối
Mưa từ tối đến sáng
hỏi trời
hỏi trời
chỉ nghe buồn buồn mưa rơi.

ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI: MỘT SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT

(Tiếp theo và hết)

CUNG TIẾN

Nhạc "tổ chức toàn diện"

Sau những năm thí nghiệm với những chất liệu tạo thanh mới như vi quãng (14), khối âm (15), tiếng động, v.v..., và sau khi kỹ thuật mười hai nốt được phổ biến rộng rãi, thì âm nhạc nghệ thuật Tây phương thời hậu Thế Chiến II được chia thành hai dòng rõ rệt: dòng "chính nguồn," và dòng "tiên phong" *(avant garde)*.

Thuộc chính nguồn là những nhà soạn nhạc dù tiếp tục mô thức sáng tác thuộc truyền thống chủ âm thế kỷ 19 nhưng vẫn có những đóng góp quan trọng và những đổi mới ở nhiều khía cạnh: giai điệu, hoà âm, nhịp tiết, phối hợp nhạc cụ. Đó là những nhà soạn nhạc thuộc trường phái "Tân Cổ điển," như Stravinsky, Poulenc, Milhaud, Honneger, và Bartok. Ở Liên Xô phải kể đến Prokofiev và Shostakovitch; ở Đức, Hindemith, Weil; ở Anh, Walton, Britten, Tippet; ở Hoa Kỳ, Copland, Sessions; và Châu Mỹ La tinh, Chávez, Villa-Lobos.

Thuộc dòng tiên phong là những nhạc sĩ không ngừng đẩy mạnh tới cùng truyền thống thí nghiệm với chất liệu và kỹ thuật tạo thanh. Họ cũng được chia thành hai nhánh đối lập: một nhánh muốn kiểm soát và tổ chức âm thanh toàn diện; một nhánh muốn hướng tới tự do toàn diện.

Có lẽ người đầu tiên áp dụng kỹ thuật chuỗi vào những thành tố khác ngoài cao độ âm thanh, là Webern, trong *Biến khúc* cho dương cầm, Op. 27, hoàn tất năm 1936. Trong chuyển động thứ hai (kéo dài đúng một phút!) của tác phẩm, ngoài chuỗi 12 *cặp âm*, Webern còn sắp xếp trước một chuỗi động lực gồm 9 độ lớn nhỏ, nhóm thành ba tổ, *f-p-f / p-f-p/f-p-ff*. Thêm vào đó là một chuỗi phát âm *(articulation)* gồm 12 "ngón tấu" dương cầm, như nối âm *(legato)*, ngắt âm *(staccato)*, các kiểu nhấn âm *(acccents)*: thí dụ, nốt nhạc thứ hai của bất cứ dạng chuỗi nào cũng phải chơi ngắt ra khỏi các nốt chung quanh, v.v.

Một trong những người đầu tiên quan niệm sáng tác âm nhạc như một hoạt động khách quan, thuần túy thuộc lý trí, và muốn kiểm soát chặt chẽ nhạc âm, là Olivier Messiaen (s. 1908). Ý thức được những đặc tính riêng biệt, mang tính cách cấu trúc, của nhạc âm (cao độ, nhịp tiết, cường độ, âm sắc), ông cũng đã là người đầu tiên coi chúng quan trọng ngang nhau, và do đó đề xướng việc áp dụng phương pháp tổ chức toàn bộ một tác phẩm âm nhạc. Bài thứ ba trong tác phẩm *Bốn bài tập về nhịp* của ông, viết cho dương cầm năm 1949, đã xếp thành chuỗi, theo đúng thứ tự xuất hiện, các thành tố nói trên đây thành 36 cao độ (3 chuỗi 12 âm), 25 trường độ (từ nốt ba móc, tới nốt tròn một chấm = 3 nốt trắng), 7 cường độ (từ *ppp* tới *fff*), và 12 kiểu phát âm khác nhau. Những chuỗi này, được sắp đặt trước khi sáng tác, xác định toàn bộ nội dung tác phẩm, và cả bốn thành tố có một tương quan tuyệt đối cố định với nhau. Chẳng hạn, khi nào dùng cao độ thứ 4 (nốt A♭, tần số 830.61 Hz) thì bao giờ nó cũng phải có độ dài bằng nốt một móc (♪), phải tấu *ppp*, và phải chơi *staccato*.

Tác phẩm này của Messiaen đã gây một ảnh hưởng sâu đậm đối với thế hệ trẻ soạn nhạc ở Pháp và Đức trong thập kỷ 50, như Pierre Boulez (s. 1925), và Karlheinz Stockhausen (s. 1928), cả hai đều là học trò ông. Thí dụ 4 cho thấy ảnh hưởng đó trong tác phẩm *Cấu trúc I* cho hai dương cầm, soạn năm 1952, của Boulez.

Thí dụ 4. Pierre Boulez: *Structures I* (1952), đoạn thứ hai, nhịp 1-4.

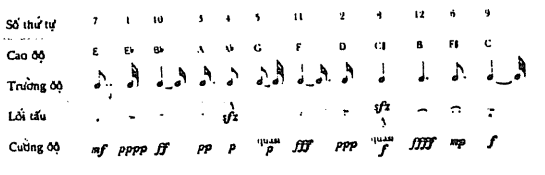

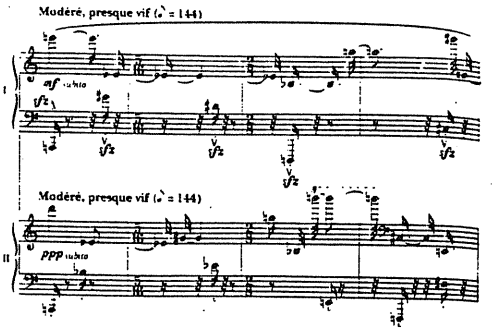

Khuynh hướng nghiêng về phương pháp hệ liệt toàn bộ *(integral serialism)* này đã đưa tới hậu quả là một loại nhạc vô cùng phức tạp, cực duy lý. Nhưng điều này cũng chính là mục tiêu của một số nhà soạn nhạc tiên phong, bởi họ quan niệm rằng âm nhạc "chủ yếu là bất lực, không thể biểu tỏ được bất cứ cái gì" (Stravinsky), mà chỉ là một cấu trúc những màng lưới quan hệ giữa những thành tố của chính nó mà thôi. Nghe nhạc Messiaen hay Boulez, tôi có cảm giác giống như hồi nhỏ ghé mắt chăm chú ngó vào một ống kính vạn hoa: cứ mỗi lần xoay ống thì những mảnh thủy tinh màu ở cuối ống kính lại dồn về một vị trí mới và tạo thành một hình kỷ hà mới, muôn màu sắc, và luôn luôn biến đổi.

Messiaen cũng không coi âm nhạc là một phương tiện diễn đạt của cá nhân, mà là một hiện thân "khách quan" của cái Mỹ và cái Toàn Hảo của Thượng đế, được biểu hiện trong vũ trụ (Messiaen là một tín đồ Công giáo rất mộ đạo).

Thế nhưng, những tác phẩm viết theo kỹ thuật này, khi được *nghe* (thay vì *đọc* nhạc bản), sẽ không cho ta nhận thức được sự sắp đặt thuần lý của nhà soạn nhạc, mà lại giống đúng như những tập hợp kỷ hà trong kính vạn hoa tôi vừa nói ở trên: nghĩa là một kết tụ bất ngờ, một biến cố âm thanh hoàn toàn ngẫu nhiên! Như nhà soạn nhạc kiêm nhạc sư và lý thuyết gia Robert Morgan của Đại học Yale nhận xét rất đúng: "Mà thực vậy, [những quan hệ giữa các nốt nhạc trong tập; *Cấu trúc I* của Boulez] phần lớn *chính là* kết quả của tình cờ, vì một khi những sơ đồ khắt khe đó, [được xếp đặt] trước khi sáng tác, được cho tác động rồi, thì nhà soạn nhạc có được rất ít sự kiểm soát đối với những gì sẽ thực sự xảy ra ở bất cứ một thời điểm nào." [Morgan: 1991, 345].

Không còn tin tưởng vào khả năng và quyền uy của lý trí, một nhóm nhà soạn nhạc khác đã có một phản ứng trái ngược hẳn: sáng tác hay biểu diễn theo ngẫu hứng. Phản ứng này đã bắt nguồn từ một truyền thống thuần túy Mỹ quốc: chủ nghĩa thực nghiệm *(experimentalism)*.

Truyền thống nhạc thực nghiệm Mỹ quốc

Âm nhạc nghệ thuật của Mỹ quốc trong thế kỷ hai mươi, nói chung, có hai truyền thống:

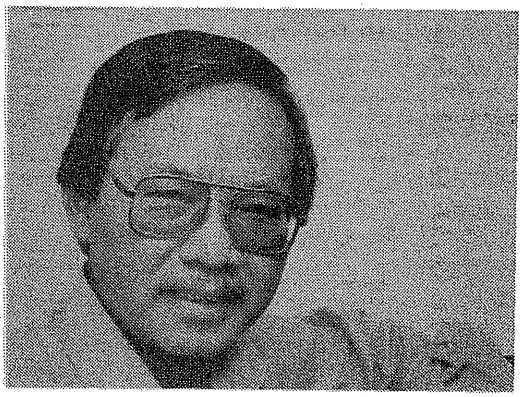

Cung Tiến

Cung Tiến *(s. 1938, Hà Nội). Học xướng âm và ký âm pháp một mình từ nhỏ. "Chính thức" học nhạc lý, với Thẩm Oánh, tại Trung học Chu Văn An năm 1949. Trong thời gian du học tại Úc Châu (ngành kinh tế học), 1956-62, học các lớp dương cầm, hòa âm, đối điểm, và sáng tác tại Âm nhạc viện Sydney. Trong thời gian du học tại Anh quốc (lại ngành kinh tế học), 1970-3, theo các lớp nhạc sử, nhạc học, và nhạc lý tại Đại học Cambridge và East Anglia. Tác giả một số bài hát phần lớn viết từ hồi ở trung và đại học, theo truyền thống nhạc chủ âm Tây phương. Tác phẩm viết ở Mỹ mới đây sử dụng chút ít chất liệu Á đông: liên ca khúc* Vang vang trời vào xuân, *phổ mười bài thơ của Thanh Tâm Tuyền viết trong các trại cải tạo, soạn cho giọng hát và dương cầm (1984-5), và* Chinh phụ ngâm, *tố khúc cho dàn nhạc nhỏ (1987). Tập liên ca khúc được giới thiệu lần thứ nhất vào mùa Xuân 1985 tại Washington D.C., với Mai Hương, Quỳnh Giao, và Nghiêm Phú Phi. Tổ khúc được biểu diễn lần đầu tại San Jose, CA, bởi các thành viên Dàn nhạc Giao hưởng San Jose, Leo Eylar III điều khiển, Tháng Ba 1988. Bản hoàn chỉnh của tác phẩm này đã được The Minneapolis Civic Orchestra biểu diễn hồi cuối năm 1989 tại Minneapolis, Minnesota, Robert Bobzin điều khiển.*

một theo mô thức Âu châu, và một là sản phẩm bản địa. Giới soạn nhạc Hoa Kỳ, cho tới ba chục năm đầu thế kỷ này, đã thường qua Đức hoặc qua Pháp học nghề. Một số tên tuổi được coi là đại diện cho nhạc nghệ thuật Mỹ đã đều qua tay huấn luyện của một nữ nhạc sư và nhà điều khiển người Pháp, Nadia Boulanger (1887-1979), như: Aaron Copland (1900-1990), Roy Harris (1898-1979), Virgil Thomson (s. 1896), Elliott Carter (s. 1908), và Walter Piston (1894-1976).

Thế nhưng, cũng vào khoảng đầu thế kỷ này, một ý thức âm nhạc dân tộc đã bắt đầu xuất hiện tại đây, và sau đó giới soạn nhạc bản địa này dần dần xa lìa mô thức Âu Châu, và kiến tạo một mô thức riêng cho mình. Quan trọng nhất phải kể tới phong trào nhạc thực nghiệm chủ nghĩa, với những đại diện chính là Charles Ives (1874-1954), Carl Ruggles (1876-1971), Edgar Varèse (1883-1965), Charles Seeger (1886-1979), Henry Cowell (1897-1965), Ruth Crawford (1901-53), và John Cage (s. 1912).

Kể từ sau Thế Chiến Thứ Hai giới soạn nhạc tiên phong Âu châu, cũng như trên toàn thế giới, đã coi bờ bên này của Đại Tây dương mới chính là nơi xuất phát nhiều ý tưởng sáng tạo âm nhạc độc đáo và sinh động nhất. Và cũng kể từ đó, cho tới hôm nay, hầu như bất cứ một "triết lý" âm nhạc nào, một kỹ thuật tạo thanh nào, hay một lối ký âm *(notation)* mới mẻ nào của đội ngũ soạn nhạc gia tiên tiến quốc tế cũng đều mang ít nhiều "tiếng vọng" từ Mỹ quốc. (16).

Trên bình diện thuần kỹ thuật, các nhạc sĩ Mỹ nói trên đã là *những người đầu tiên* đưa vào sáng tạo âm nhạc, hoặc hệ thống hóa, hoặc gợi ý, những quan niệm hoàn toàn xa lạ với truyền thống sáng tác thuộc thời thịnh hành, như: chùm âm (17), tiếng động; sử dụng các nhạc cụ mới hay "không quy ước" (như điện tử, và rất nhiều nhạc cụ bản thanh *[idiophones]* đủ loại, từ nhiều xuất xứ) cũng như sử dụng nhạc cụ quy ước theo những "ngón tấu" bất thường; phân tán các nhạc cụ tới các vị trí khác nhau để tạo những tác dụng về khoảng cách hay không gian; thay vì lấy chủ âm tính làm nền cho nhạc thể, thì dùng toán học hay lý số *(numerology);* vân vân.

Cũng tại Mỹ quốc, hồi đầu thập kỷ 50, trong khi các nhà soạn nhạc như Milton Babbit (s. 1916) cố gắng khai triển thêm và phổ biến phương pháp tổ chức toàn bộ, thì có một nhóm nhạc sĩ khác, quy tụ chung quanh John Cage, lấy một thái độ khác hẳn với truyền thống duy lý Tây Âu: đó là âm nhạc vô mục đích, vô ý định, khiến dẫn tới một lối sáng tác tự do, bất định.

John Cage và nhạc bất định

Tất nhiên, sáng tác và nhất là biểu diễn nhạc theo lối không định trước, "ngay tại chỗ," theo kiểu "tùy hứng" *(improvisation, extemporization)* chẳng hề là một quan niệm mới lạ trong lịch sử âm nhạc loài người. Âm nhạc theo truyền thống truyền khẩu ở Âu, Á, Phi... thông thường được "sáng tác" theo một mô thức giai điệu hay nhịp tiết sẵn có nào đó, đã học thuộc lòng, và khi biểu diễn lại được nghệ nhân tùy hứng "biến chế" thêm. Riêng vùng Đông Nam Á, biểu diễn tùy hứng là một nghệ thuật được vô cùng trân quý: ở Java và Bali các đội nhạc *gamelan* thường gồm những danh cầm "trổ ngón" khác hẳn với mô thức có sẵn; ở Việt Nam, nghệ nhân đờn hay hát theo phong cách "dị âm" *(heterophony)* vô cùng độc đáo.

Nhạc nghệ thuật Tây Âu từ ba trăm năm nay, dù được ghi xuống giấy với một hệ thống ký âm tương đối chính xác và phức tạp, và được truyền bá bằng nhạc bản, cũng đã dành một vai trò quan trọng cho phong cách biểu diễn tùy hứng: chẳng hạn hát luyến láy *(melismatic)* những khúc bình ca thời trung cổ; biến chế giai điệu và tô điểm hoà âm trong các thế kỷ 14, 15 và 16; Bach, Handel, Mozart, Beethoven, Mendelssohn, Liszt, Frank... đã từng lừng danh một thời về tài biểu diễn ngẫu hứng organo hay dương cầm; thể loại *cadenza* trong những khúc hợp tấu *(concerti)* thời Cổ điển và Lãng mạn cho phép danh cầm trổ tài trí thức và kỹ xảo của mình; v.v.

Thế nhưng nhạc hiện đại từ sau Thế Chiến Thứ Hai đã coi sáng tác hay biểu diễn âm nhạc theo kiểu tùy hứng, ngẫu nhiên, như một thái độ triết lý, hơn là một phát biểu nghệ thuật âm thanh. Từ triết học đến tất cả các bộ môn nghệ thuật, thi, văn, nhạc, họa, một số người làm nghệ thuật đã hồ nghi cái truyền thống lý trí, cái ý tưởng về "Tiến Bộ," của Thế kỷ 18 Tây phương, khi nhìn thấy những hệ quả đẫm máu của nó được phơi bày trong những cuộc cách mạng kiểu Jacobin và Bôn-sê-vích, những lò sát sinh Phát-xít, và những trại tập trung "cải tạo," "học tập" Cộng sản. Do đó, không muốn cho trí tuệ quản trị tư tưởng, vận dụng ngôn từ, chỉ huy hình ảnh và màu sắc, tổ chức âm thanh và âm sắc, họ đã phó mặc cho tình cờ, cho may rủi. Thêm nữa, để sống hòa đồng với thiên nhiên, với vũ trụ, họ còn tự gạt cái bản ngã của mình ra ngoài lề lịch sử.

Hiện tượng nhạc bất định hiện đại xuất hiện trong thập kỷ 1950 tại Hoa Kỳ, duy nhất dưới ảnh hưởng của một nhà soạn nhạc: John Cage. Sinh trưởng tại Los Angeles, ông đã theo học các lớp lý thuyết và sáng tác với Adolph Weiss (người Mỹ đầu tiên học phương pháp sáng tác 12 âm) tại New York, dự các lớp về âm nhạc ngoài truyền thống Tây phương, nhạc dân gian, và nhạc hiện đại với Cowell, và học đối điểm với Schoenberg.

Đặc tính nổi bật nhất trong nhạc của Cage trong thời gian đầu đánh dấu sự xa rời khỏi

truyền thống Tây phương, là hầu hết các tác phẩm của ông đều đã chỉ viết cho các nhạc cụ gõ mà thôi. (18) Cũng trong thời kỳ này Cage giới thiệu một "phát minh" mới: biến dương cầm thành một nhạc cụ gõ, với nhiều âm sắc lạ tai khác nhau, bằng cách cắm xen kẽ vào giữa các dây đàn này các vật dụng như đanh, bù-loong, thìa sắt, cục gôm cao-su, v.v., và ông đặt tên là "dương cầm có sửa soạn" *("prepared piano")*. Ngoài ra, ông còn sử dụng rất nhiều "nhạc cụ" khác thường nữa. Chẳng hạn, trong *Kiến tạo thứ nhất (bằng kim khí),* ông đã cho 6 nhạc công tấu các nhạc cụ gõ làm bằng kim khí như các loại chuông, kể cả chuông ("nhạc") đeo cổ bò và cổ ngựa kéo xe trượt tuyết *(sleighbells),* hộp máy thắng xe hơi *(brake drums),* chiêng trong chùa Nhật, chũm chọe *(cymbals)* Thổ nhĩ kỳ, mõ nước *(water gourds/drums),* và cồng. (19)

Cuối thập kỷ 40, Cage rất say mê triết học Á Đông: ông theo học Thiền với Thiền sư T. Suzuki tại Đại học Columbia, và học cách bói Dịch khi được đọc cuốn *Kinh Dịch,* dạo ấy mới được dịch sang Anh ngữ. Chính ảnh hưởng của Thiền và của *Kinh Dịch* đã dẫn ông tới lối soạn nhạc theo may rủi.

Nhạc bất định được thể hiện bằng ba cách: bất định về phía người sáng tác, bất định về phía người biểu diễn, hoặc cả hai.

Một *sáng tác có tính bất định* khi người sáng tác không hề định trước hoặc biết trước tác phẩm mình một khi viết xong sẽ như thế nào. Thí dụ nổi tiếng nhất có lẽ là tập *Nhạc biến dịch (Music of Changes)* Cage viết năm 1951 cho dương cầm. Tất cả mọi thành tố cấu trúc của tác phẩm -- cao độ, trường độ, cường độ, tốc độ, mật độ, và yên lặng -- đều được xác định bởi kết quả xấp/ngửa, chẵn/lẻ của ba đồng tiền gieo làm sáu lần, và bởi phương vị của 64 quẻ trong *Kinh Dịch.* Trong thời gian này Cage quan niệm rằng âm nhạc đích thực là loại nhạc vô mục đích. Muốn sáng tác nhạc vô mục đích, ta phải tuyệt đối không được can thiệp vào diễn trình sáng tác, và để mặc cho âm thanh tự chúng phát hiện. (20)

Sáng tác bất định tột cùng của Cage mang tên *4'33"*, "soạn" năm 1952 "cho bất cứ nhạc cụ nào hoặc phối hợp nhạc cụ nào," có thể "chơi" bất cứ ở đâu, phòng hòa nhạc hay phòng tắm. Tác phẩm có ba "chuyển động": I, lâu một phút bốn mươi giây; II, hai phút hai mươi ba giây; và III, ba mươi giây. Tổng cộng thời gian trình diễn tối đa là bốn phút ba mươi ba giây, như tên của tác phẩm. Điều kiện duy nhất: các nhạc cụ phải hoàn toàn lặng im trong suốt thời gian biểu diễn.

Tác phẩm vừa nói minh hoạ một quan niệm của Cage: rằng không riêng gì âm thanh đã được ghi xuống giấy, mà bất cứ hành động nào của con người tạo thành âm thanh cũng là âm nhạc. Ở đây nhạc đã ghi xuống giấy (trong nhạc bản, Cage ghi "*Tacet*", theo quy ước ký âm có nghĩa là "hãy yên lặng," "nghỉ chơi") là nhạc có ý định, dù đó chỉ là yên lặng, và "nhạc" tình cờ, không ghi xuống giấy (tiếng cười, nói, ho, giở trang tập chương trình, xê dịch chân, v.v., của khán giả) chính là nhạc bất định vậy. (21)

Gọi là *nhạc bất định về phía người biểu diễn* nếu tác phẩm được soạn ra theo một cấu trúc và nhạc thể nhất định nhưng lúc biểu diễn lại không thể đoán được trước kết quả ra sao, vì đã phó mặc hoặc cho tự do của nhạc công, hoặc cho may rủi. Tác phẩm *Bao giờ,* viết 1975, xuất bản 1990, của Nguyễn Thiên Đạo là một thí dụ. Tác phẩm, soạn cho hai dương cầm và hai nhạc công nhạc cụ gõ (chơi 28 nhạc cụ da, kim khí, gỗ, và linh tinh), để nhạc công dương cầm tự ý chọn những nốt nhạc bao gồm trong chùm âm (phát thanh bằng nắm đấm, hoặc khủyu tay, hoặc cánh tay trước); âm vực trên đàn cũng chỉ cho biết đại khái là "trầm" hoặc "cao," mà không xác định vùng cao độ rõ rệt. Nhạc bản được "ký âm" trên một tập giấy có kẻ ô vuông; thời gian được đo bằng mỗi cột có chiều dài xác định là 10 giây; nhạc công dương cầm còn sử dụng cả một loại "vồ" tròn nhỏ, gọi là *superball stick,* để chà xát *dây* bên trong đàn, cũng ở các âm vực đại khái nói trên.

Một thí dụ khác: *Dương cầm khúc XI, số 7* soạn năm 1957 của Stockhausen. Nhạc bản được in trên một cuộn giây dài lối một mét, rộng nửa mét, và gồm 19 "biến cố" (đoạn, hay nhóm), có thể chơi theo bất cứ thứ tự nào, với bất cứ một trong 6 cường độ, 6 tốc độ, và 6 ngón tấu nào tùy ý. Các *Biến khúc I, II, III* và *IV của Cage soạn trong các năm 1958-1963, "cho bất cứ bao nhiêu nhạc công, bất cứ bao nhiêu phương tiện phát âm nào." Một thí dụ chót: tác phẩm O'O"* của Cage (1962) do chính ông biểu diễn gồm có những động tác cắt thái các loại rau đổ chúng vào một máy xay điện, rồi rót nước rau vào ly và uống. Âm thanh do các động tác này tạo ra được truyền đi khắp phòng hoà nhạc bằng máy khuếch âm.

Nhạc bất định cho cả hai phía, sáng tác và biểu diễn, thường không có "nhạc bản" theo nghĩa thông thường ta hiểu, và khi biểu diễn thì không ai đoán được trước nó sẽ ra sao. Tác phẩm *Năng lượng tỏa tròn I (Radial Energy I)* của John Mizelle là một thí dụ cực đoan nhất (xin coi Thí dụ 5).

Tập nhạc này (soạn năm 1980) dành một tự do rộng rãi nhất cho (1) phương tiện tạo thanh, (2) số nhạc công tham dự, (3) nơi trình diễn, và (4) cách giải đoán (nếu muốn). Thời gian biểu diễn trọn vẹn tác phẩm có thể kéo dài trên 382 năm, kể cả những đoạn "tacet," "nghỉ chơi" (kéo dài lúc thì 6, lúc thì 7, rồi 12, 15, 17, 18, 17, 15, 12, 9, 7, và 6 *năm).* Địa điểm biểu diễn cũng có thể mở rộng ra, như Mizelle có ghi rõ trong nhạc bản, "tới những hành tinh khác, những thiên hà khác, v.v. Chừng nào mọi thời gian và không gian đều đã biến thành âm thanh, thì tác phẩm (và Vũ

Thí dụ 5. John Mizelle. *Radial Energy I* (1980)

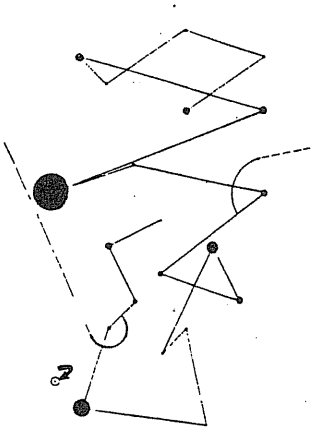

trụ) chấm dứt." [theo Cope: 1984, 280-181].

Những khuynh hướng gần đây: Nhạc tối thiểu và nhạc chủ âm mới

Từ thập kỷ 60 tới nay -- một thời kỳ được mệnh danh là "hậu hiện đại" hay "hậu hệ liệt" -- âm nhạc thế giới có khuynh hướng bớt cấp tiến hơn, và muốn quay trở về với đơn giản, với truyền thống. Thêm nữa, giới soạn nhạc gia trẻ, tới năm 1960, đã không còn coi phương pháp hệ liệt hay bất định nhất thiết phải là hai phong cách sáng tác duy nhất: chúng chỉ là hai thái cực của một lĩnh vực rộng lớn hầu như bất tận những chọn lựa về phong cách cũng như kỹ thuật sáng tác.

Kho chất liệu tạo thanh hôm nay lại còn được chất thêm những tài nguyên vô cùng phong phú của các nền văn hóa khác trên thế giới, nhất là ở Á châu, và của các thể loại nhạc dân gian phổ thông, nhất là *jazz* và *rock*.

Dù rằng dân chủ là một quan niệm chính trị không có chỗ đứng trong nghệ thuật, nhưng ta phải công nhận sự thực khách quan này: nhạc tiên phong càng phức tạp, khất khe chừng nào về cấu trúc, về kỹ thuật tổ chức âm thanh, thì giới thưởng ngoạn âm nhạc càng thưa bớt thêm chừng ấy. Riêng đối với nhạc bất định cực đoan, thì ta đã biết rằng nó là một phát biểu triết học, về nhân sinh quan và vũ trụ quan, hơn là một nghệ thuật âm thanh.

Cho nên, muốn cho thông điệp của mình gửi đến giới thưởng ngoạn trực tiếp hơn, đơn giản hơn, giới soạn nhạc hôm nay đang đi tìm lại những vẻ quyến rũ xưa kia của chủ âm tính, của thuận âm, nghĩa là tìm lại truyền thống. Ảnh hưởng của tư tưởng và triết học Đông phương, nhất là Phật giáo, cũng đóng một vai trò không nhỏ vào sự phát triển của âm nhạc nghệ thuật hiện đại kể từ những năm 1960. Tây phương đã biết thưởng thức cái vẻ mềm mại, cái tế nhị của Đông phương. Đã khám phá thấy rằng Đông phương trọng ý hơn lời, trọng tĩnh hơn động, trọng trầm tư hơn hành động.

Tất cả những yếu tố nói trên đây đã đóng góp cho sự ra đời một trường phái mới: chủ nghĩa tối thiểu *(minimalism)*. Giống như trong hội hoạ tối thiểu, nhạc tối thiểu chủ trương đơn giản hóa nội dung nghệ thuật tối đa. Dù chất liệu sử dụng rất ít, nhưng thời gian biểu diễn lại rất lâu. Điển hình, một tác phẩm nhạc tối thiểu gồm một số nhỏ mô thức giai điệu *(melodic patterns)* được lặp đi lặp lại rất nhiều lần, không thay đổi, hay thay đổi rất ít, rất tiệm tiến. Hoà âm đơn sơ không kém: hoặc chỉ là hợp âm bộ ba đơn thuần, hoặc các hợp âm bảy, và những mô hình chung cho nhạc chủ âm truyền thống. Nhịp tiết nói chung khá hoạt động, nhưng không phức tạp (nhịp chéo hầu như hoàn toàn vắng mặt), luôn luôn nhấn ở phách mạnh, nghe như nhạc *rock*. Vì chỉ dùng những chất liệu cơ bản nhất, vì được lặp đi lặp lại trong những khoảng thời gian thật lâu, và vì không thay đổi nhiều và nhanh, cho nên nhạc tối thiểu tạo một tác dụng như thôi miên đối với người nghe. Người nghe lâu có thể lâm vào một trạng thái giống như hôn mê, như người nhập định, tương tự như tác dụng của những tiếng cầu kinh trong một chùa Phật giáo ở Tây tạng.

Các đại diện chính của khuynh hướng này gồm La Monte Young (s. 1935), Terry Riley (s. 1935), Steve Reich (s. 1936), và Philip Glass (s. 1937). Thí dụ 6 cho thấy một trích đoạn của tác phẩm *Nhạc quãng năm* do Glass viết năm 1969. Cả tác phẩm chỉ là một dòng nhạc hai bè nằm cách nhau một quãng năm đúng từ đầu đến cuối, được cấu tạo bằng cách cộng thêm từng nốt vào tổ môtíp đầu tiên. Chẳng hạn môtíp ba-nốt trở thành bốn, rồi năm, v.v., nhưng mỗi lần môtíp nguyên thủy vẫn được lặp lại.

Thí dụ 6. Philip Glass: *Music in Fifths* (1969), trích đoạn.

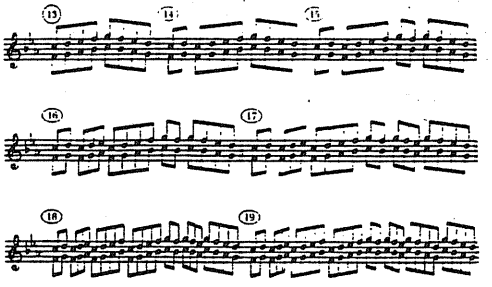

Philip Glass hiện nay là một nhà soạn nhạc được cả giới thưởng ngoạn nhạc *rock, pop*, lẫn nhạc "cổ điển" hâm mộ. Nhạc kịch *Einstein trên bãi biển* của ông viết năm 1976 là một tác phẩm hoàn toàn có chủ âm, và được đón nhận nồng nhiệt không những ở đây mà còn ở Âu châu và Nhật bản.

Như thế nhạc chủ âm lại đang được phục hồi hay sao? Như ta biết, trước thập kỷ 60, giới soạn nhạc đã tìm mọi cách để tránh xa những quy ước tạo thành truyền thống, nhất là những lối diễn tiến hòa âm có chức năng. Nếu có dùng chủ âm tính, thì họ đã dùng như để nhái lại, theo phong cách "trích dẫn," nhưng vẫn trong cái khung quy chiếu hiện đại. Nhưng từ ba chục năm trở lại đây, người ta đã *cố ý* sáng tác theo các phong cách thuộc thời thịnh hành: sử dụng thang âm nguyên, hợp âm bộ ba, mà không đỏ mặt, như trường phái tối thiểu chủ nghĩa đã làm. Họ còn trích dẫn các nhạc *jazz, rock, pop* trong tác phẩm của họ, nghĩa là trở về với chủ âm tính.

Phong trào phục hồi chủ âm mấy năm gần đây đã lan rộng từ Hoa Kỳ sang Âu Châu. Thế hệ ngoài năm mươi hay sáu mươi như Krzysztof Penderecki (s. 1933) và Hans Werner Henze (s. 1926), sau khi đã chỉ sáng tác nhạc vô/phi chủ âm mà thôi, nay cũng đã hướng về phía chủ âm tính. Còn các thế hệ ba mươi, bốn mươi như John Adams (s. 1947) ở Mỹ, Robin Holloway (s. 1943) ở Anh, hoặc Wolfgang Rihm (s. 1952) ở Đức, vì trưởng thành đúng lúc nhạc hệ liệt đang bế tắc, nên đã không có mặc cảm nào hết khi dùng cái ngôn ngữ truyền thống đó. Nhạc của họ dội lại những tiếng vang của thế kỷ 19, như giai điệu được vẽ bằng những nét mạnh, lớn, cách phối hợp nhạc cụ sặc sỡ, mặt dệt phong phú, và mạnh bạo diễn đạt tình cảm cá nhân.

Những nhà soạn nhạc "tân lãng mạn" này hiện nay được giới thưởng ngoạn hân hoan đón mừng như những người thân yêu sau bao nhiêu năm xa vắng. Võ nhạc kịch *Nixon qua Trung quốc* của John Adams soạn năm 1987 đã là một tác phẩm chủ âm thành công rực rỡ: ngay trong năm đầu đã được dựng ba lần, và lần nào rạp hát cũng không còn chỗ ngồi.

Roseville, Minnesota,
16 Tháng Bảy, 1991

Ghi chú:

14. *Microintervals* hay *microtones:* những quãng nhỏ hơn một bán cung, như quãng 1/4, 1/6 cung, vv.

15. Một tập hợp nhiều âm thanh có các cao độ tiếp cận nhau, được phát ra cùng một lúc. Thí dụ một dàn vĩ cầm 18 người chơi *cùng một lúc* 18 nốt khác nhau, nốt nọ cách nốt kia 1/2 cung, tạo thành một khối âm rộng 18 bán cung kể từ âm thấp nhất tới âm cao nhất. (Cũng xin coi "chùm âm," *tone cluster,* ở ghi chú 17.)

16. Về phong trào nhạc thực nghiệm Hoa Kỳ, xin đọc cuốn sách xuất bản mới đây của David Nicholls: *American Experimental Music, 1890-1940* (New York: Cambridge University Press, 1990).

17. *Tone clusters,* thuật ngữ do Henry Cowell đặt ra (1912?), tương tự như khối âm (coi chú thích 15). Trên đàn piano, chùm âm được tạo ra bằng cách lấy bàn tay, nắm dấm, khuỷu tay, hoặc cả cánh tay trước, chơi nhiều phím đàn cùng một lúc.

18. Như *Tam tấu* cho ba nhạc công nhạc cụ gõ (1936), *Kiến tạo thứ nhất (bằng kim khí), Kiến tạo thứ hai, Kiến tạo thứ ba* (1939, 1940, và 1941) soạn cho từ 4 đến 6 nhạc công n.c.g.

19. Muốn nhận diện và có ý niệm về âm thanh cũng như cách sử dụng các nhạc cụ gõ này, xin coi Andrew Stiller, *Handbook of Instrumentation,* Berkeley & Los Angeles: University of California Press, 1985, Ch. VII.

20. Chịu ảnh hưởng nặng của cả Thiền lẫn phép bói toán Dịch, Cage cho rằng nhà soạn nhạc phải "từ bỏ cái dục vọng là chỉ huy âm thanh, phải gột rửa trí óc mình cho sạch hết nhạc, và phải bắt đầu đi tìm cách nào đặng cho âm thanh sống cuộc đời riêng của chúng thay vì làm vật chuyên chở cho những lý thuyết hoặc phát biểu của con người về tình cảm con người." (Trong "Experimental Music," in lại trong *Silence: Lectures and Writings.* Middletown, Connecticut: Wesleyan University Press, 1973.)

21. *4'33"* được "chơi" lần đầu tại Woodstock, New York, vào tháng Tám năm 1952, bởi nhạc sĩ dương cầm David Tudor. Trong dịp này, Tudor bước ra sân khấu, tay cầm một đồng hồ bấm giờ *(stopwatch),* tiến về phía piano, đậy nắp đàn xuống, và đứng yên lặng trong suốt thời gian đó, nhưng không quên chỉnh lại đồng hồ sau mỗi "chuyển động."

Sách để đọc thêm

COPE, DAVID H. *New Directions in Music* (4th ed.). Dubuque, Iowa: Wm. C. Brown, 1984.

DALLIN, LEON. *Techniques of Twentieth Century Music: A Guide to the Materials of Modern Music (3rd ed.). Dubuque, Iowa: Wm C. Brown, 1974.*

GRIFFITHS, PAUL. Modern Music: The Avant-Garde Since 1954. New York: George Braziller, 1981.

-------. *The Thames and Hudson Encyclopaedia of 20th Century Music.* New York: Thames and Hudson, 1986.

LESTER, JOEL. *Analytic Approaches to Twentieth-Century Music.* New York: Norton, 1989.

MORGAN, ROBERT P. *Twentieth-Century Music: A History of Musical Style in Modern Europe and America.* New York: Norton, 1991.

THE NEW GROVE (Nxb). *Twentieth-Century American Masters.*New York: Norton, 1987.

NICHOLIS, DAVID. *American Experimental Music, 1890-1940.* New York: Cambridge University Press, 1990.

PERSICHETTI, VINCENT. *Twentieth-Century Harmony: Creative Aspects and Practice.* New York: Norton, 1961.

READ, GARDNER. *Modern Rhythmic Notation.* Bloomington: Indiana University Press, 1978.

SÁNG TÁC: NHẬN ĐỊNH VỀ Ý NIỆM VÀ THỂ LOẠI*

NGUYỄN THUYẾT PHONG

(Tiếp theo và hết)

Truyền thống sáng tác

Ít khi một nền nhạc nào trên thế giới đứng yên ở một vị trí. Sự vận chuyển, dù chậm hay nhanh, đều có. Sáng tác là động cơ thúc đẩy sự vận chuyển ở mỗi mức độ khác nhau. Và ngược lại, động cơ sáng tác tùy thuộc phần lớn ở hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội. Trong tiểu mục nầy tôi thử bàn qua về trường hợp Việt Nam.

Chiều dài của lịch sử Việt Nam cũng là chiều dài của âm nhạc dân tộc, trong đó có sự sáng tạo không ngừng, lúc thì hình thành loại nhạc nầy, khi thì nảy sinh loại nhạc khác, từ vùng đất nầy sang vùng đất khác. Miền Bắc, rồi miền Trung, đến miền Nam. Sự đa dạng nếu có, là do bởi sáng tạo hiện hữu, bàng bạc trên sông nước, ruộng đồng, thành lũy, biển trời quê hương.

Muốn biết ta có một truyền thống sáng tác hay không thì hãy nhìn sợi dây liên hệ giữa các bài hát, bản nhạc xưa nay và tìm thử cái gì làm chúng giống và khác nhau. Rút ra những đa số điểm giống nhau để đi đến kết luận về một căn bản lý thuyết cho việc sáng tác (tức "chế", "đặt"). Nhưng ta không quên nhìn rõ bản chất của nó, tức "ý niệm" về sáng tác.

Ý niệm thang âm, điệu thức, tiết tấu là nền tảng của truyền thống sáng tác Việt Nam. Nó thể hiện không những trong nhạc nghệ thuật mà ngay cả trong dân ca, như nhiều công trình khảo cứu đã chứng minh. Thang âm là đặc điểm nổi bật nhất khi ta nghe một bài hát. Khi nghe một âm quãng lạ tai ta biết ngay. Các nhà dân tộc nhạc học thường xem nó là dấu ấn của một nền văn hóa. Tổng hệ âm thanh trong nhạc Việt không thể tìm thấy trên phím đàn nhiều loại *piano, harp, koto, qin qin, ud, guitar* hay nhiều nhạc cụ khác ở các nước trên thế giới. Nếu có một nhạc cụ ngoại quốc nào khả dĩ có thể chấp nhận được vì lý do thẩm âm, người tấu nhạc phải điều chỉnh, sửa đổi ngay. Điều nầy ta thấy trong lúc tấu *đàn nguyệt* hay *đàn tranh,* những nhạc cụ Việt-hóa từ nguồn gốc Trung Hoa. Những chữ nhấn già, non là biểu hiện kỹ thuật điều chỉnh cho hợp với quy tắc âm độ cao thấp truyền thống mà chủ yếu là giọng hát. Tổng hệ 12 cao độ âm thanh trong nhạc Việt được tóm tắt như sau:

TỔNG HỆ THANG ÂM
(dân tộc Kinh)

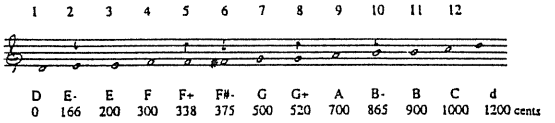

GHI CHÚ: Theo sự nghiên cứu của giáo sư Nguyễn Thuyết Phong, Douglas Kerf và Terry Miller cao độ của các âm trên đây cho thấy sự xê dịch khá rõ qua nhiều bài nhạc trong phạm vi từ 5 đến 15 cents

(Nguyễn Thuyết Phong 1989:51)

Hai cho đến 7 âm (trong số 12 âm nầy) sẽ được chọn lọc, rút ra để sáng tác các bài nhạc truyền thống Việt Nam. Nguyên tắc áp dụng như thế nào thì các nhạc sĩ truyền thống ở ba miền đều biết rõ. Theo thống kê sơ khởi của tôi, có hơn hai mươi thang âm trong nhạc truyền thống (gồm dân ca và nhạc nghệ thuật). Cụ thể mà nói, sáng tác một bài hát, bản nhạc là sự sắp xếp lại tiến trình các cao độ nầy để tạo ra một làn điệu mới hơn làn điệu đã có trước. Đó là chưa kể đến cấu trúc thang âm khác nhau chồng lên nhau, nối liền nhau. Nhà nhạc học quá cố Constantin Brăiloiu (1955) gọi hiện tượng nầy là "*métabole*" (chuyển hệ). Tôi không tin rằng phải "ngũ cung" (5 âm) mới là nhạc Việt Nam. Người sáng tác, diễn tấu hay có thể dùng rất nhiều âm mà không làm mất tính truyền thống. Khía cạnh lịch sử hình thành và phát triển của các hệ thang âm không thể bàn hết ra ở đây.

Truyền thống sáng tác còn quan tâm không kém đến vấn đề điệu thức và tiết tấu. Điệu thúc một bài nhạc nhận ra do cách luyến láy, rung, nhấn các chữ nhạc *(notes)* có quy định tế nhị theo mỗi loại thang âm. Bài nào theo điệu thức đó, tùy theo nội dung. Mỗi chữ ngân rung

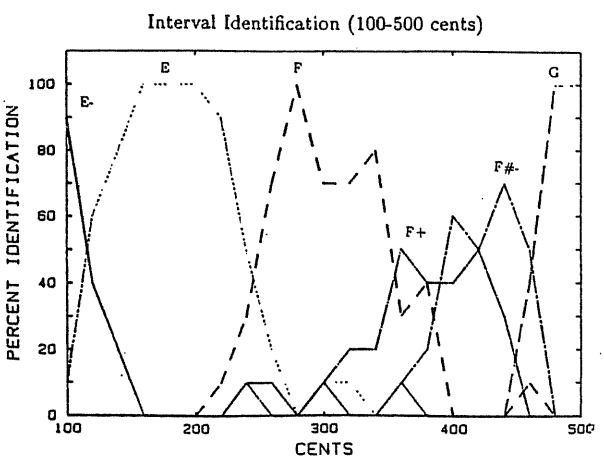

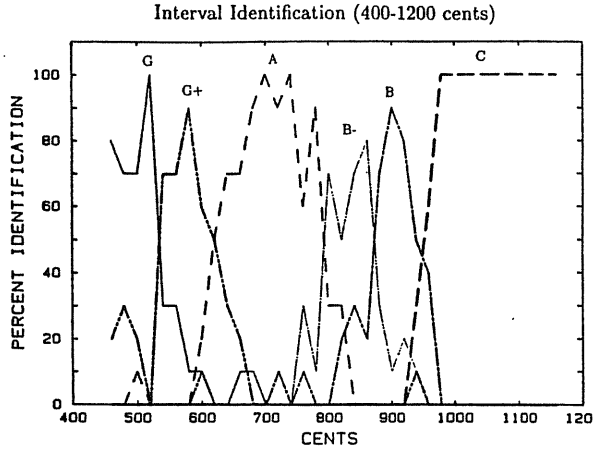

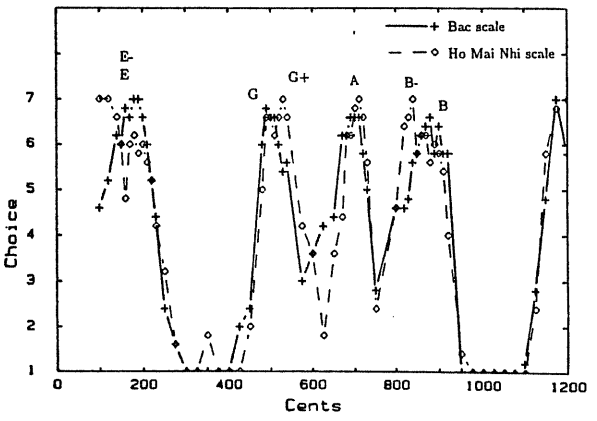

là phải hợp với ý nghĩa của tiếng ta. Ngón tay nhạc sĩ sờ vào dây đàn là thấy sự rung cảm vô cùng tinh tế và sâu sắc.

Nhịp độ *(tempo)*, tiết tấu *(rhythm)* của các làn điệu cũng góp phần không nhỏ làm nổi bật một bài hát, bản mới so với một bài hát, bản nhạc cũ. Có rất nhiều thuật ngữ áp dụng cho tiết tấu. Sáng tác trong khuôn khổ câu với chu kỳ có thước nhịp 2, 4, 8 cũng dành chỗ cho sáng tác những câu không có thức nhịp đồng đều, chỉ theo nhịp tiết của thơ và xen kẽ, cắt quãng bởi nhạc đệm lưu không (miền Bắc) hoặc câu láy (miền Nam). Tiết tấu trở nên phức tạp hơn trong lễ nhạc với dàn nhạc quy mô, gồm nhiều bộ phận đàn dây, thổi, vỗ, và gõ gạc.

Nhìn chung, có 3 loại sáng tác: có nhịp, không nhịp, và sự tổng hợp cả hai trong cùng một bài nhạc. (1) Những bài hát và bản đàn có nhịp, tức đi vào sự bó buộc của khung thời gian. (2) Các thể *hò, ngâm, tán, hán, xướng, bạch, vịnh, v.v. trong thanh nhạc, và rao* hay *dạo* trong khí nhạc thuộc loại không nhịp, tức tùy ý theo cảm hứng. (3) Nhạc nền trong *chầu văn, ca trù (hát ả đào), hát bội (tuồng)* và vài thể dân ca theo nhịp đều đặn trong khi làn điệu của lời hát thì nhịp tùy ý, tức độc lập đối với nhạc nền. Phong cách nầy giống như một bức tranh có nền trời xanh, chim chóc và cỏ cây hoa lá in hình lên trên nó. Thang âm, điệu thức của cả hai hợp nhau, ví như màu sắc bức tranh hài hòa.

Lối dạo *(rao)* hay *ngâm thơ* trong nhạc tri âm điệu *(ca trù, ca huế, nhạc tài tử)* là sáng tác ngẫu hứng, một truyền thống rất quý còn sót lại trong nhạc Á Châu. Dù bảo rằng tiết tấu tùy ý, nhưng nó có quy định nào đó mà chỉ khi ta vững kinh nghiệm mới có thể nhận ra cái hay của nghệ thuật thả lỏng nầy. Vì vai trò phụ thuộc của nó đối với bài hát, bài đàn sắp sửa diễn tấu mà *rao* và *ngâm* ít khi gây chú ý như một "sáng tác". Trước kia sáng tác ngẫu hứng có lẽ rất thịnh. Nhận xét về tài năng của ông Vũ Chi Đồng, người làng An Thái, học giả Phạm Đình Hổ (thế kỷ 18) có ghi "tiếng rắn, tiếng mềm dịu dàng hợp nhau, bụng nghĩ thế nào tay gảy được thế. Thế mới biết các thứ thanh âm không thứ nào là không thông nhau được." *(Vũ trung tùy bút:* Đàn) Không những thế, đến đầu thế kỷ nầy sáng tác ngẫu hứng vẫn còn thịnh đến nỗi nhà nhạc học Gaston Knosp dành một tiết mục trong bài viết của ông, trong đại tập *Encyclopédie de la musique et dictionnaire du conservatoire,* bàn rằng "Người An Nam sáng tác ngẫu hứng đầy thích thú... Và chúng ta không thể bảo rằng diễn tấu nầy không quyến rũ, bởi vì các nhạc sĩ ở đây rất có tài." (1921: 3105)

Trong các bài bản cổ truyền còn có những làn điệu mẫu *(melodic patterns)* lặp đi lặp lại. Theo tôi nghĩ, không có nó cũng không làm mất đi cá tính điệu thức. Trong *Tuyết rơi ở Seattle* (1985), hay trong các buổi trình diễn *tâm nhạc* (tức "sáng tác ngẫu hứng," "improvisation"), tôi không đặt trọng tâm trên đấy. Ana Rubin [6] cho biết bà lấy ý cho những soạn khúc của mình sau buổi trình tấu của tôi ở Amsterdam, Hoà Lan (1986).

Không giấy, không viết, không kẻ dòng nhạc,

các nghệ sĩ *quan họ, nhạc tài tử, cải lương,* v.v. hay các nông dân vẫn sáng tác bằng miệng hát, trên các phím đàn. Những vở tuồng được sáng tác ra gồm thi ca lẫn bài bản với số lượng to lớn chúng tôi chưa thống kê hết. Giới học thức thì dùng thơ phú hay ký âm tự mượn ở Trung hoa *(hò, xự, xang, xê, cống, phan, líu, ú).* Vì việc dùng lối ký âm tự nầy thường gây ngộ nhận rằng nhạc Việt Nam giống nhạc Trung Hoa, tôi xin dẫn chứng 2 điểm: (1) Việc dùng nó ở Việt Nam rất hạn chế và chỉ để giúp trí nhớ bằng chữ viết thôi. Nó không phải là cái hồn nhạc; (2) Việt hóa trong cách xướng âm thành những cao độ đặc biệt chứng tỏ cái gốc Trung Hoa không thích nghi với nhạc Việt. Ý niệm sáng tác trong nhạc truyền thống, do đó, rất khác so với nhạc Tây phương, cũng như các nhạc khác trên thế giới.

Tóm lại, sáng tác nhạc dân tộc Việt có một truyền thống và ý niệm rõ rệt. Tất cả các thể loại nhạc đều có sáng tác nảy sinh trong từng bước đi lên trong đời sống dân chúng trên ba miền đất nước. Những nguyên tắc dựa vào đó để làm mới trong sáng tác đã có. Việc sáng tác đòi hỏi phải trải qua kinh nghiệm biết đàn, biết hát. Điều đáng quan tâm là: không tham khảo với các bậc thầy nhạc thì không thể nào cho ra đời một tác phẩm có màu sắc thật sự dân tộc. Tiến trình học hỏi rất cần thiết, như Alan Merriam đề cập ở trên.

Nguyễn Thuyết Phong

Nguyễn Thuyết Phong *(s. 1946, Cần Thơ, Việt Nam). Tốt nghiệp Cử nhân Văn khoa tại Đại học Vạn Hạnh năm 1974, và Tiến sĩ Âm nhạc học tại Đại học Paris ở Sorbonne năm 1982, Giáo sư Phong hiện nay là "Andrew Mellon Scholar" tại Đại học Pittsburgh, TB Pennsylvania, Hoa Kỳ, và chủ tịch Hội Nghiên Cứu Nhạc Việt tại Đại học Tiểu bang Kent.*

Trên nền tảng giáo dục tổng quát và chuyên môn đó, ông còn là một nghệ sĩ trình diễn các nhạc cụ cổ truyền Việt Nam, như đàn tranh, đàn nguyệt, đàn bầu, đàn đáy, và đàn độc huyền. Tài nghệ biểu diễn các nhạc cụ này đã được uốn nắn, đào luyện từ hồi ông mới lên năm trong một gia đình chuộng âm nhạc, và năm lên bảy dưới sự hướng dẫn của cố nhạc sư cổ nhạc Trầm Văn Kiên (tự "Mười Kiên"). Năm mới mười tuổi, ông đã là một thành phần trong các ban nhạc truyền thống chuyên nghiệp đi trình diễn tại khắp lục tỉnh miền Nam.

Giáo sư Phong đã đóng góp những bài nghiên cứu cổ nhạc Việt cho các tạp chí nhạc học quốc tế như Asian Music, *và đã xuất bản các công trình khảo cứu như:* New Perspectives on Vietnamese Music *(Connecticut: Yale International and Area Studies, 1991);* From Rice Paddies and Temple Yards: Traditional Music of Viet Nam *(Connecticut: World Music Press, 1990);* Textes et chants de la liturgie bouddhique vietnamienne en France *(Kent: Association for Research in Vietnamese Music, 1990); và* Thế giới âm thanh Việt Nam *(San Jose Hoa cau, 1989).*

Ngoài việc giảng dạy, từ nhiều năm nay Giáo sư/Nhạc sĩ Phong và phu nhân, Tôn nữ Thanh Tuyền (chơi đàn tranh, và tốt nghiệp Cao học Âm nhạc ngành dương cầm tại Trường Âm nhạc Eastman, Đại học Rochester, New York), còn được các đại học và tổ chức cộng đồng tại nhiều tiểu bang mời tới thuyết trình và trình diễn cổ nhạc Việt Nam. Cặp nghệ sĩ có căn bản lý thuyết vững chắc và nhiều tài năng này, trong chuyến đi biểu diễn gần đây nhất của họ, đã tới Minneapolis/Saint Paul, TB Minnesota, từ ngày 21 tới 23 tháng Năm, 1991.

(CUNG TIẾN)

*

Các sáng tác trong cũng như ngoài truyền thống, nói chung, có những thành tựu và đóng góp cho sinh hoạt âm nhạc khắp nơi trên thế giới một cách đa dạng. Người sáng tác là kẻ đi tìm những viên ngọc quý ở những nơi âm u, hiểm hóc và sắp xếp chúng lại một cách khéo léo theo ý niệm, quy tắc nào đó để đem trưng bày cho công chúng thấy.

Tuy nhiên, nếu so sánh giữa hai loại sáng tác trong và ngoài truyền thống, tình thế sáng tác nhạc truyền thống Việt Nam hiện nay cho thấy rất yếu kém. Sáng tác dễ bị sai lệch ra bên ngoài vì ảnh hưởng nhiều thứ nhạc khác. Sáng tác ngẫu hứng (hay *tâm nhạc)* khơi động rất nhiều ý tưởng cho các sáng tác nhưng người có tài làm việc nầy trở nên hiếm hoi. Nếu chỉ dùng làn điệu mẫu mà đổi lời mới hoài cũng sẽ gây nhàm chán. Đổi mới là ước mơ rất nồng nhiệt của nhà sáng tác. Nhưng người sáng tác cần thưởng thức, đánh giá đúng đắn mỗi chữ nhạc, mỗi truyền thống nhạc một cách không thiên vị.

Ngành dân tộc nhạc học đặt lại rất nhiều vấn đề có liên quan đến ý niệm *(concept)* trong âm nhạc: ý niệm về thang âm, điệu thức, về guồng máy cá thể sáng tạo ra nhạc. Động cơ chính là sự cởi mở trong nhận thức về thực tế âm nhạc các nước trên thế giới có một địa vị văn hóa cá biệt. Không thể nhầm lẫn giá trị âm giai một dân tộc nầy với một dân tộc khác, một thể loại nhạc nầy với thể loại nhạc khác. Không thể phê phán nền nhạc nầy bằng nhãn quan, lý thuyết của một nền nhạc khác. Trong giới sáng tác, một tác phẩm âm nhạc có giá trị ở chiều rộng trong dân chúng và chiều dài trong thời gian là một tác phẩm thành công. Ý niệm tiên khởi đóng góp cho sự thành công nầy.

Ghi chú:

1. Bắt nguồn từ cuối thế kỷ 19 nhưng thực sự hình thành cơ cấu tổ chức học vấn từ những năm 1950.
2. Nhà sáng tác nhạc phương Tây hướng về nhạc phương Đông (đặc biệt là Nam Dương) tìm nguồn cảm hứng.
3. Tôi gọi là "tâm nhạc."
4. Một học giả nòng cốt của ngành dân tộc nhạc học tại Mỹ.
5. Ông Phạm Duy thường phân minh về chữ "tân nhạc": "*new music*" chứ không phải "*musique moderne.*" Tôi nghĩ đây chỉ là cách tránh né chữ "*moderne*" vì chữ nầy khiến người ta có thể nghĩ nhạc ông ta theo thời trang, theo "mốt." Ở Mỹ chữ "*New Music*" không có nghĩa như ông Phạm Duy muốn chỉ. (Tài liệu ghi âm VM-PN-VK 009, Ethnomusicology Archive: Phong Nguyen Collection, Kent State University).
6. Một sáng tác gia nhạc hiện đại (New Music).

Tham khảo:

Asian Music Vol. VII-2, 1976.

BRAILOIU, Constantin. "Un problème de tonalité." *Mélanges d'histoire et d'esthétique musicales offerts à Paul-Marie Masson.* Paris: Richard Masse, 1955: 63-75.

CAGE, John, *A Year from Monday.* London, 1968.

DENSMORE, Frances. *The American Indians and their Music.* New York: Womans Press, 1926.

DODGE, Richard Irving. *Our Wild Indians.* Hatford: Worthington, 1882.

FLANNERY, Regina. *The Gros Ventres of Montana.* Washington: The Catholic University of America Press, 1953.

HÀN VĨ. "Nhạc kháng chiến của Phạm Duy (1951)". *Văn Học,* số 21 (tháng 10, 1987): 101-12.

KNOSP, G. "La musique dans l'Indochine". Encyclopédie de la musique et dictionnaire du conservatoire (1921): 3100-146.

McPHEE, Colin. "The Asbolute' Music of Bali". *Modern Music* 12 (1935): 163-70.

MEAD, Margaret. "Community Drama: Bali and America". *American Scholar* 11 (1942-2): 79-88.

MERRIAM, Alan P. *The Anthropology of Music:* Evanston: Northwestern University Press, 1964.

NETTL, Bruno. *Blackfoot Musical Thought.* Kent: Kent State University Press, 1989. *The Western Impact on World Music.* New York: Schirmer Books, 1985.

NGUYÊN Thuyết Phong. *Thế giới âm thanh Việt Nam -- 12 nhạc luận về những vấn đề hôm nay.* San Jose: Hoa Cau, 1989.

PHẠM Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút.* (th.k.18)

SAMSON, Jim. *Music in Transition -- A Study of Tonal Expansion and Atonality 1900-1920.* New York: Norton & Co., 1977.

PHỎNG VẤN

NÓI CHUYỆN VỚI THẾ GIANG

THỤY KHUÊ

Thế Giang tên thật là Trần Thế Hưng, sinh ngày 10 tháng Mười Hai, 1957, tại Hànội, vào Sàigòn năm 1975 và thoát ra ngoại quốc năm 1984. Hiện định cư tại Dortmund, nước Đức. Đến với độc giả Việt Nam tại hải ngoại bằng những truyện ngắn đầu tiên đăng trên báo Người Việt *ở California và* Diễn Đàn Người Việt *ở Paris vào cuối năm 1985, rồi trên tạp chí* Văn Học, *California.*

Tập truyện Thằng Người Có Đuôi *của Thế Giang, do nhà xuất bản* Người Việt *in năm 1987, xác nhận giá trị của Thế Giang như ngòi bút lột trần chế độ cộng sản, một cách lạnh lùng và sắc bén, bằng cái nhìn từ bên trong chế độ, nói lên sự mất hết nhân tính của con người trong chế độ này.*

Thằng Người Có Đuôi *xuất hiện trên văn đàn khi cao trào văn học phản kháng trong nước chưa được phổ biến tại hải ngoại, cho nên TNCĐ là tác phẩm đầu tiên ghi nhận sự đổ vỡ bên trong của con người trên bình diện nhân tính và nhân bản.*

Độc giả hải ngoại đã đón nhận TNCĐ như một viên ngọc quý vì tính cách chân thực của ngòi bút, vì dưới vỏ ngoài cay độc đến độ lạnh lùng, tác phẩm ấp ủ những lời cảnh tỉnh tha thiết của nhà văn trước sự đổ vỡ tinh thần và thể xác của con người.

Nữ ký giả Thụy Khuê thực hiện cuộc phỏng vấn dưới đây, cho đài phát thanh RFI ở Paris. Đài này phát thanh hướng về Việt Nam.

Thụy Khuê: Ở hải ngoại, người ta thường so sánh Thế Giang với Nguyễn Huy Thiệp. Theo tôi, tất cả mọi so sánh đều có tính chất ước lệ vì mỗi người có một bản chất khác nhau, một tài năng khác nhau. Tuy nhiên, cái điểm chung mà tôi nhìn thấy ở anh và Nguyễn Huy Thiệp là dưới nét sắc bén đến độ lạnh lùng, ẩn giấu một nụ cười đầm trong nước mắt, một mối tuyệt vọng trước sự tha hóa của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Anh nghĩ sao về Nguyễn Huy Thiệp?

Thế Giang: Đó là con người đặc biệt của hoàn cảnh đặc biệt, rất Việt Nam và chỉ Việt Nam mới cho ra lò được một tài năng diễm ảo lạ lùng như vậy. Tôi đọc ông, cả người lẫn truyện, thấy tri âm, thống khoái. Dĩ nhiên đấy là lúc đã ra khỏi truyện hai tay đút túi quần đi dạo, còn lúc vừa buông sách, thấy hoa mắt, tức ngực, chóng mặt, máu trào ra ở tai ở mũi. Truyện ông luôn ép trong áp suất cao. Nhất là Tướng Về Hưu. Tôi thích nhất truyện *Không Có Vua*, rồi *Những Người Thợ Xẻ*. Tôi luôn thấy mình, thấy hàng xóm, bạn bè, cả thế hệ trẻ của mình lảng vảng sau từng trang sách của ông. Con mắt tinh tường, khả năng tổng hợp, nghệ thuật biểu hiện. Có thể nói đó là một nhà văn nội lực thâm hậu. Viết về sự tăm tối, tàn bạo của cuộc sống, chính là cách rọi ánh sáng vào cuộc sống. Nếu không được đánh thức có lẽ dân tộc chúng ta bước vào sở thú, ngồi trong cũi sắt nhìn ra lúc nào không hay. Tôi đã trao cho Hội Nhà văn Thụy Điển và một nhà xuất bản bên đó cuốn Tướng Về Hưu dịch ra tiếng Pháp. Họ đã đọc, và đang dịch. Một ngạc nhiên kỳ thú, đối với họ.

Thụy Khuê: Quá khứ cho phép anh được đứng bên trong để nhận xét thực tại nước nhà. Anh đã nói nhiều cho đồng bào hải ngoại qua tác phẩm Thằng Người Có Đuôi *và những bài viết trên báo.*

Bây giờ xin anh nói cho thính giả trong nước, rất có thể chưa ai, hoặc rất ít người đọc anh, một số cảm nghĩ của anh.

Thế Giang: Tôi được sống đến năm 84, rồi hôm nay, qua hình ảnh, sách báo, tôi thấy chúng ta đã tụt hạng cả về kỹ thuật văn học tới mức không biết lấy căn bản đo lường nào để mà tính. Còn tồi tệ hơn xã hội tư bản vào lúc nảy sinh ra Các Mác nữa. Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cu Ba tôi chưa được sống, còn Việt Nam đã ly tâm ra khỏi văn minh nhân loại, không biết có ngày trở về, mà trở về dưới hình dạng nào, liệu nhân loại có còn nhận ra chúng ta.

Thụy Khuê: Anh đi xa nước đã bảy năm, những sự thay đổi mà anh thấy từ bảy năm nay, đã ảnh hưởng thế nào trong cách nhìn cuộc đời của anh?

Thế Giang: Tôi mới có cuộc đời từ bảy năm nay. Trước đó

tôi thấy mình, thấy cả nước mình là sản phẩm tình cờ, hay sự trục trặc của phép ngừa thai. Tôi đã ăn, đã diện, rồi cũng đã yêu, mà không biết để làm gì. Có những lúc cổ họng tôi khô rát vì gào thét, khát vọng, rồi tôi lại thỏa hiệp ngay với một điếu thuốc có được, lại trùm chăn ngủ qua đêm. Rời Việt Nam, cuộc đời mới định hình trước mắt tôi, là một con đường. Tôi suy nghĩ bình thường hơn, sống giản dị hơn. Tôi đang đi bộ trên nó, thong thả tới đích.

Nhưng đó cũng là con đường đi nhờ, cuộc đời vay mượn. Nếu có thể (và tôi hằng nghĩ) tôi sẽ trải lộ trình trên quê hương. Vui những niềm vui nhỏ sống bình thường giản dị, sinh ở đâu, được chôn cất tại đó, và nếu có thể, trước lúc nhắm mắt, gắng nhìn cho được cỗ quan, sờ một cái, rồi cười... Đó là cái nhìn của tôi về cuộc đời.

Thụy Khuê: Nếu được dịp nói chuyện với Phạm Thị Hoài thì anh sẽ nói những gì?

Thế Giang: Gặp Phạm Thị Hoài? Tôi sẽ không nói gì đâu. Tôi sẽ rủ bà đi ăn phở. Nếu bà ăn được thịt cầy thì càng hay. Sự im lặng lúc đó nói được nhiều hơn. Tôi muốn nói về tất cả, ngoại trừ một điều là tôi đã có gia đình, và bà cũng có thể...

Thụy Khuê: Xin anh kể một vài bộ mặt nhà văn tại hải ngoại mà anh đã có dịp gặp.

Thế Giang: Chị Thụy Khuê. Người đang ngồi trước mặt, hỏi chuyện tôi. Người trước hết tôi muốn kể. Từ giọng nói, tính nết, cho đến cái thần người, chị có biết tôi cảm thấy mình đang ngồi ở Hànội đang ngồi ăn bún riêu, bún ốc ở chợ Đồng Xuân nhích ra nhường chỗ cho chị? Chị "Bắc Kỳ" hơn cả người Hànội đấy. Chất Bắc những cái đến đời tôi thì đã tuyệt chủng, chỉ còn lờ mờ trong văn chương, ký ức...

Người tôi muốn khoe tiếp là Mai Kim Ngọc. Cũng một chất như chị, "Bắc Kỳ" nguyên thủy, mát rượi, viết truyện hay tuyệt. Tôi muốn nói với anh ấy là bỏ quách nghề bác sĩ đi, viết truyện cứu được nhiều người, chữa được nhiều thứ bệnh hơn. Không biết bà xã có chịu...? Cũng Mai, mà nghịch với Mai Kim Ngọc, là Mai Thảo. Ông đã tốn khá nhiều rượu và thời giờ cho tôi. Ngồi cạnh ông tôi thấy cái khắc nghiệt, khổ hạnh của người tu. Ông tu đạo văn chương. Đường tu của ông có rượu, có yêu đương, đôi lúc đỏ đen pha tí cờ bạc. Ông đã nướng tất cả, hết than củi thì bẻ bàn ghế, rồi thân xác, bệnh tật của mình đút vào lò luyện văn. Sách ông viết nhiều tới mức có thể đè chết người. Nhà văn là sách viết, và viết gì trong sách, không phải sáng dậy 4 giờ tập thể dục, ăn mặc lành lặn, đứng đắn, xách hộ thùng nước cho hàng xóm, rồi loay hoay chứng minh rau muống bổ hơn thịt bò.

Người sau chót tôi muốn kể là ông Võ Phiến. Bồ tèo tôi đó. Đọc truyện của ông, nhìn xa xa, nhân dáng ông, bắt mình phải kính cẩn, mà lại gần tự nhiên chân tay ngứa ngáy, muốn tán muốn ghẹo. Nó là phản ứng tự vệ của con mồi bị ông quan sát, săn đuổi. Ông tài hoa, tinh mắt lắm chị.

Thụy Khuê: Anh có nghĩ rằng, một số người viết chúng ta -- trong và ngoài nước -- tuy nghìn trùng xa cách về không gian mà lại vô cùng gần gụi nhau trong tâm tưởng?

Thế Giang: Mỗi sáng thức dậy tôi thường ngồi co ro trên ghế băng, hai tay ủ một chén nước trà nóng, tìm lời ghẹo cô hàng nước. Tôi mơ đấy chị ạ. Tôi vẫn chưa bỏ được thói quen quy ra gạo những món đồ xa xỉ mà cuộc sống bên này bắt tôi phải tuân theo. Không riêng gì tôi, chị, việc chị đang làm, và hầu hết người viết ở nước ngoài, ai cũng mang dưới chân một sợi xích, đầu kia cột vào chân bàn thờ ở bên nhà. Còn ở bên nhà, những người sắp đi, sẽ đi, đều nhẩm tính sắp đặt sẵn cho ngày về. Mai mốt, trời đất hết chỗ ở, phải dọn lên sao Hỏa sống, chắc người Việt dọn luôn cái đình làng lên đó.

Thụy Khuê: Dương Thu Hương gợi một ấn tượng gì trong anh?

Thế Giang: Đó là lương tâm nổi giận. Tôi luôn tin tưởng ở phụ nữ. Đứng cạnh họ, đàn ông chúng tôi là một lũ vụng về, ích kỷ, thỏa hiệp. Ngay cả trong trận mạc. Vườn không nhà trống, sách lược quân sự giúp Việt Nam thắng bao trận giặc không phải sáng kiến của đàn ông, mà là quyết định của phụ nữ. Đốt nhà phá vườn là thiêu những người vợ, giết những người em gái hậu phương, vì giặc tan, đàn ông chúng tôi mải mê với vinh quang, ăn khao ăn vọng, phụ nữ tái thiết chứ ai. Trong hai cuộc chiến vừa qua, Dương Thu Hương luôn ở tuyến đầu, đã "vườn không nhà trống" cả tuổi xuân của mình, bây giờ lại tẩm xăng vào mình, viết, đốt, đòi trả lại cuộc sống cho con người.

Thụy Khuê: Mấy ngày hôm nay anh làm gì và nghĩ gì?

Thế Giang: Tôi đang nghĩ về Dương Thu Hương rồi sắp tới, Nguyễn Huy Thiệp. Tôi thấy ghét mình.

Thụy Khuê: Anh có dự định gì trong tương lai?

Thế Giang: Ngay khi có thể, tôi sẽ về Hànội làm báo.

Thụy Khuê: Anh nói gì với người viết trẻ, cùng thế hệ với anh ở trong nước?

Thế Giang: Tôi muốn nói với họ là hãy tự tin ở mình. Tàn bạo, đau khổ, cũng là vốn quí. Quí ngay cho đời sống bình thường khi nó có cơ hồi phục. Còn viết, có gì giầu có, sâu sắc hơn là được đứng ngay giữa trung tâm địa chấn tâm thần của trái đất mà quan sát? Chúng ta thua sút nhân loại về mọi thứ, nhưng riêng kinh nghiệm sống, kinh nghiệm về đau khổ, ước mơ, cao vọng, chúng ta đi trước nhân loại đấy.

●

NĂM BÀI THƠ NGẮN

LÊ BI

KHOẢNG CÁCH

Ngẩng mặt ngó trăng sao hay cúi gầm xuống đất
anh đã mất đi một cuộc sống bình thường
kẻ ngủ ngoài đường trước những cửa nhà khép chặt
càng chạnh lòng người xa cách quê hương.

CHỖ ĐỨNG CỦA THƠ

Nghĩ về quê hương, anh chỉ là một tên mơ ngủ
những giấc mơ anh không có quyền làm chủ
khi thực tế bủa vây như một trận đồ
để thơ anh cao hơn những nỗi buồn lữ thứ.

MỘNG ĐỜI

Anh tưởng còn nhiều điều phải làm tận chân trời góc bể
khó khăn nào anh cũng cố vượt qua
đêm rửa chén, pha sữa, và khẽ nhìn con ngủ
bao mộng đời chợt ở với con ta.

BÀI THƠ TRÊN MÁY COMPUTER

Từng mẫu tự từng ngón tay anh gõ
màn ảnh hiện ra bao nhiêu điều anh đang cố
nó cô đơn và nó cũng vô tình
những dòng thơ đã làm anh phát sợ
máy computer có thể thế nổi trái tim mình?

BÀI HỌC VỀ TRỜI XANH

Khi cha nhìn ra cửa sổ
tưởng tuổi già có thể làm trĩu cả trời xanh
khi bé Thế An nhìn ra cửa sổ
đôi mắt trong veo đã làm cha tỉnh ngộ
ngoài trời xanh chỉ có trời xanh.

MỘT VÒNG CÁC TRẠI TỊ NẠN ĐÔNG NAM Á

Tường trình của

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Vấn đề thuyền nhân là một trong những vấn đề lớn và đau nhức nhất của dân tộc Việt Nam trong Thế Kỷ 20. Rồi đây các nhà sử học của chúng ta chắc chắn sẽ phải ghi chép lại điều này. Khi nhà triết học Pháp Jean-Paul Sartre, tác giả cuốn *Buồn Nôn* (La Nausée), *Hữu Thể và Hư Vô* (L'Être Et Le Néant)... hướng về con tàu *Ile de Lumière* đi vớt những thuyền nhân Việt Nam bỏ nước ra đi chạy trốn chế độ Cộng sản, trái tim ông đã đập một nhịp *khác* với nhịp đập mà trước đó ông cùng với Bertrand Russell đã đập cùng nhịp với Hà Nội.

Thuyền nhân Việt Nam, *exodus* mới của thế kỷ, bừng rộ giữa thập niên 70, giờ đây đang bước vào thời đại quên lãng. Chiến tranh vùng Vịnh, hòa bình Trung Đông, Trật tự thế giới mới... đang là vấn đề lớn của những ngày cuối thế kỷ 20.

Vấn đề thuyền nhân bị đẩy lui vào hậu trường sân khấu thế giới, -- thế giới đang bị con bịnh "tình thương mỏi mệt", đang bị những dàn xếp trật tự địa cầu lấn lướt -- nhưng đối với người Việt Nam, vấn đề thuyền nhân vẫn còn dai dẳng trong tâm tư của mỗi người. Chừng nào chế độ Cộng Sản tại Việt Nam còn tồn tại, chừng đó vấn đề thuyền nhân vẫn còn tiếp tục. Mặc dù Quốc tế đang nói về việc thực hiện các "*trung tâm giữa đường*" tại Việt Nam dành cho thuyền nhân -- sau khi thanh lọc bị xếp vào loại "không - phải - tị - nạn" -- trở về mà không sợ chánh phủ Cộng Sản đàn áp, người ta vẫn tự hỏi liệu những thỏa ước quốc tế về vấn đề này có thành tựu không?

Chưa thể có một câu trả lời dứt khoát cho vấn nạn trên ngay trong lúc này. Nhưng có một điều chắc chắn mà chúng ta biết -- tất cả thuyền nhân đều biết -- rằng dù có che đậy thế nào, những thuyền nhân ruột thịt của chúng ta cũng sẽ bị gởi trả về Việt Nam. Và chắc chắn là họ sẽ phản kháng.

Chuyến đi các trại tị nạn Đông Nam Á của chúng tôi là để tường trình cùng các bạn những hình ảnh mới nhất, tiếng nói đích thực nhất của đồng bào ruột thịt chúng ta.

MANILA - PALAWAN - PHI LUẬT TÂN: ƯU TƯ? LO ÂU? BUỒN NẢN?

Trạm đầu tiên là trại tị nạn Palawan ở Phi Luật Tân.

Mặc dù Palawan là một trại mở -- nơi dung chứa trên 6,300 thuyền nhân tị nạn gồm những người chờ thanh lọc, sắp vào thanh lọc, đã thanh lọc (rớt? / đậu?) -- người ta thấy một không khí buồn thảm hiện rõ trên những khuôn mặt sạm đen của mọi người. Tại phi trường Puerto Princesa, khi vừa đặt chân xuống đất, tôi đã nhìn thấy cây phượng già hoa nở đỏ rực rỡ mùa hè. Palawan nóng dữ dội, nóng đến nỗi những cơn gió biển buổi chiều không làm tan được sự mệt mỏi của thân xác.

Trại khang trang, đời sống có tổ chức, các cơ quan thiện nguyện vẫn có người làm việc, nhưng những con đường đá sỏi sỉn bụi, những con mương nước đục... chứa chan cả sự uể oải của con người. Một sĩ quan QLVNCH, cựu thiếu tá Huỳnh Văn Giai đã vào thanh lọc và đã bị rớt. Nhiều cựu quân nhân (đến 67 người) cũng lâm vào trường hợp tương tự. Các lớp học trong trại, ở một khía cạnh nào đó, cũng bị sách vở của Hà Nội tuôn vào. Con số 300 thiếu nhi không thân nhân đi kèm -- và kể cả trên 6 ngàn con người -- đang sống trong cảnh gần như quá nhàn rỗi, nhàn rỗi một cách bắt buộc. Tôi được biết trong trại có một nữ tu, sơ Pascale Lê Thị Tríu, là một người trong nhiều năm nay được hầu hết tị nạn xem như một ân nhân lớn. Bà quan tâm không những chỉ đời sống vật chất mà còn lo lắng cả đời sống tinh thần của những thuyền nhân nữa.

Còn mối ưu tư lớn nhất của thuyền nhân là gì?

Đó là *chuyện đậu hay rớt? Là tị nạn hay không là tị nạn? Được đi hay bị ở?*

Tại đây, chúng tôi được gặp và hỏi chuyện một thuyền nhân quê ở Hải Phòng. Nguyễn Kim Ninh, năm nay 32 tuổi, đến Palawan hồi tháng Sáu, 1989. Anh được nhiều người biết tiếng

Pillar Point, Hồng Kông và Palawan, Phi Luật Tân

vì là người tự mổ bụng để phản đối chánh sách thanh lọc (mà anh gọi là bất công). Ninh sinh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản, cha là cán bộ, nhưng anh nói chế độ này chẳng mang lại điều gì tốt đẹp cho con người. Và anh đã bỏ nước ra đi. Nhưng ở đây anh đã bị từ chối tư cách tị nạn. Và anh đã chọn cách tự sát để phản đối Cao Ủy. Cũng may anh đã được cứu kịp.

Hồi còn ở trại tị nạn Bataan, Phi Luật Tân năm 1984, tôi được nghe Palawan là trại tị nạn đáng mơ ước nhất. Giờ đây tôi nhìn thấy vị trí địa lý của trại, sự dễ dãi của người Phi đối với người tị nạn, tôi hiểu được tại sao có nhận xét đó. Nhưng ý nghĩ trên chắc giờ đây đã không còn nữa.

Tương lai thuyền nhân đi về đâu?

Đi về đâu, những đồng bào tị nạn của chúng ta?

MANILA - TRO BỤI NÚI LỬA PINATUBO

Chuyến đi dự trù sau Palawan sẽ là các trại tị nạn Hồng Kông rồi Thái Lan. Nhưng trận bão bất ngờ mang theo một trận mưa nặng hạt xối xuống phi trường Puerto Princesa đã báo cho chúng tôi biết rằng tro bụi của núi lửa Pinatubo đang bị cơn bão bay giạt về Manila.

Cơn mưa không lớn, gió cũng không mạnh, nhưng ngày hôm sau cả Manila tràn ngập tro bụi của núi lửa Pinatubo. Phi trường quốc tế NAIA (Ninoy Aquino International Airport) nghẹt người. Cả thành phố giống như một phòng giải phẫu, người nào cũng bịt kín miệng, mũi, chỉ chừa hai con mắt (đeo kính).

Tôi nhìn thành phố cũ kỹ. Tôi nhìn những dòng người xa lạ mải miết. Tôi nhìn đâu cũng chỉ thấy những đồng bào tị nạn đau khổ của chúng ta.

BANGKOK - PHANAT NIKHOM - THÁI LAN BUỒN NẢN - LO ÂU - ƯU TƯ

Khi phi trường NAIA loan báo mở cửa, lộ trình của chúng tôi phải thay đổi. Trước hết, cô Nam Trân bên VNP (Chương trình Truyền Hình Việt Nam Program) phải liên lạc với ông Paul Brown, Giám đốc Sở Thông Tin Hồng Kông xin đổi ngày giờ viếng thăm trại tị nạn và ngày giờ xin hẹn phỏng vấn chính quyền Hồng Kông, cũng như Trưởng Cao Ủy Tị Nạn LHQ tại Hồng Kông.

Phải đi Bangkok trước, vì tại đây -- theo dự trù sẽ đón chuyến bay đầu tiên của hãng Northwest chở khách ODP từ Tân Sơn Nhất, Saigon qua.

Cái hình ảnh thứ nhất đập vào mắt tôi là Bangkok rất giống Saigon trước 75. Nhiều khu phố giống Cholon. Giống lắm. Hàng quán mọc khắp lề đường. Xe lam ba bánh (mà người Thái gọi là Túc Túc) phun khói mù mịt. Xe chạy phía trái, lèn lách, rú ga, dọt... Nếu ở Manila xe chạy bất kể đèn màu gì thì ở Bangkok xe chạy bất kể "len" nào. Đó là một thành phố chật ních, ô nhiễm.

Trên nhiều con đường ở Bangkok người ta có thể nhìn thấy tấm bảng mang dòng chữ *Thailand: Land of Smile* (Thái Lan: Xứ của nụ cười), tuy vậy tôi rất ít có dịp nhìn thấy nụ cười của người Thái.

Để đến thăm trại tị nạn Phanat Nikhom, Nam Trân và tôi phải đến Bộ Nội Vụ, Sở

Thông Tin, xin giấy phép.

Cách Bangkok hai giờ xe chạy, Phanat Nikhom là trại tị nạn đặc biệt. Thứ nhất đó là trại bị con đường quốc lộ cắt ngang. Bên này và bên kia đường đều do một bộ chỉ huy điều hành. Thứ hai vì trại không chỉ có tị nạn là thuyền nhân (hay bộ nhân) người Việt Nam, mà còn có cả người Lào, người H'Mong, người Khmer nữa. Trong tổng số 17,536 tị nạn, Việt Nam có tỉ số cao nhất là 11,018 người. Cũng giống như Palawan, Phi Luật Tân, Phanat Nikhom gồm những người đã qua thanh lọc (bị từ chối hoặc đã được đậu chờ ngày đi định cư), những người chờ thanh lọc, những người tự nguyện hồi hương. Tại đây -- theo lời yêu cầu -- chúng tôi đã được gặp nhà văn Nguyễn Quốc Trụ, cậu bé Võ Thắng Gia Uy, cháu ông Võ Thắng Tiết, giám đốc nhà Xuất bản Văn Nghệ. Tôi cũng được gặp một người tên Phạm Quang Phước. Anh là một tị nạn trẻ và hiện là một tác giả có bài đăng trên báo *Làng Văn* ở Canada.

Trong khi chúng tôi phỏng vấn một tị nạn, ông Đẩu, cựu trung tá QLVNCH -- đã đậu và chờ ngày đến Virginia, Hoa Kỳ định cư -- thì một xe buýt lớn chở khoảng 100 người Việt Nam tự nguyện hồi hương, và ngay cạnh đó, trong nhà mát, những người H'Mong đang cân hành lý đi... định cư.

Một người trong xe buýt hỏi tôi "liệu tôi có nhận được số tiền 50 đô la như Cao Ủy đã hứa không? Liệu 30 đô mỗi tháng cho mỗi đầu người có bị (cán bộ VC địa phương) ăn chặn không?"

Trên khuôn mặt người đi hay người về nét ưu tư, buồn nản, lo âu... rõ đến nỗi không cách nào che dấu được.

Ngồi trên xe trở về, khi Bangkok sáng ngợp trong ánh đèn đêm -- cả một thành phố cựa quậy, ồn ào, náo nhiệt, xe cộ kẹt cứng -- tôi tưởng chừng như tôi đang ở Saigon của những ngày trước 1975.

Bangkok xứ của Hoa Lan, trong những ngày cuối tháng Sáu 1991, là nơi diễn ra Hội nghị bốn phe của cuộc chiến Cam Bốt. Không ngày nào trên hai tờ báo Anh ngữ *Bangkok Post* và *The Nation* mà không tràn ngập tin tức và hình ảnh của Sihanouk, Hun Sen, Son Sann và Khieu Samphan... Cũng trên trang nhất hai tờ nhật báo này, người ta đọc tin về Đại hội 7 của đảng CSVN với hình ảnh Đỗ Mười, Nguyễn Cơ Thạch, Trần Quang Cơ (tân ngoại trưởng của Hà Nội?)...

Nhớ cái hẹn với David Jackson đài 9 và Richard Hall (Great Blue Productions) tại một bữa ăn ở khách sạn Imperial cùng Nam Trân Việt Nam Program, chúng tôi canh giờ lên phi trường quốc tế Bangkok đón chuyến bay đầu tiên của Northwest Airlines chở dân ODP từ Tân Sơn Nhất sang.

Một nhân viên cao cấp của IOM tại Thái cho biết sắp tới có lẽ trại Suan Plu sẽ không còn là trạm cho người ODP đến làm thủ tục đi Mỹ nữa. Khách ODP sẽ rút ngắn thời gian quá cảnh Bangkok.

Câu hỏi lớn vởn trong đầu, khi xe thả tôi xuống khách sạn vẫn là:

Tương lai thuyền nhân đi về đâu?

Đi về đâu hỡi những đồng bào tị nạn ruột thịt của chúng ta?

HỒNG KÔNG - SHEK KONG...
LO ÂU - BUỒN NẢN - ƯU TƯ

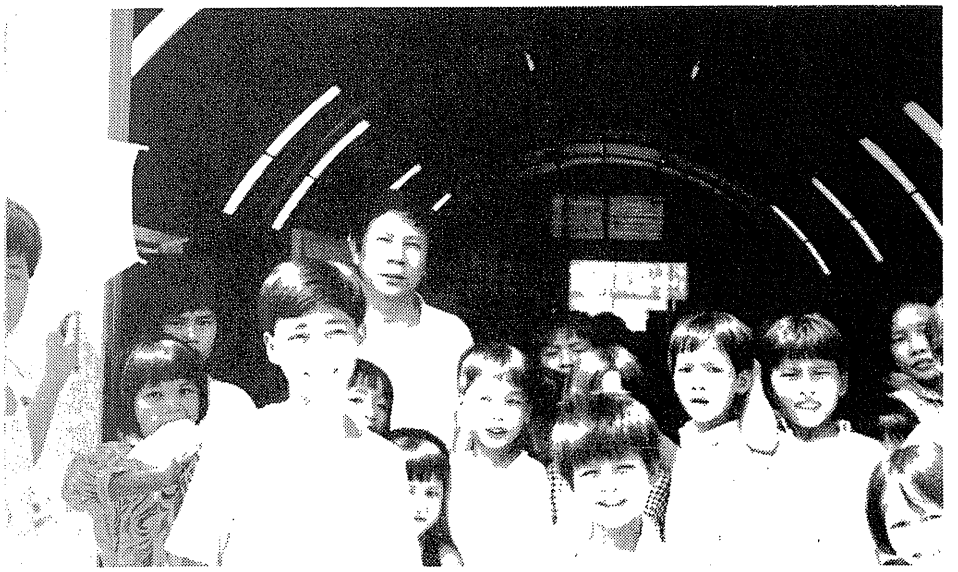

Các thuyền nhân tị nạn tí hon ở trại Shek Kong, Hong Kong

Sau cùng chúng tôi đã đến được Hồng Kông.

Vẫn những chiếc xe chạy phía trái, vẫn những con người Á Châu như chúng ta. Có cái khác là ở Manila người ta thấy khá nhiều phụ nữ có nốt ruồi đen trên mặt, phụ nữ ở Bangkok "hiếm nốt ruồi hơn". Còn ở Hồng Kông không phải ai cũng là Miêu Kiều Vỹ hay Ôn Mỹ Linh... Những con người Hồng Kông mà tôi gặp lần đầu luôn gợi cho tôi một sự quen thuộc bất ngờ. Về sau tôi nhận ra họ giống như những người Hoa ở Cholon mà tôi từng có dịp giao thiệp quen biết.

Điều nổi bật ở Hồng Kông là những tòa nhà chọc trời. Những tòa nhà rất mới bên cạnh những căn chung cư cũ xám xịt không buồn quét vôi, cả những công trường lớn đang xây cất dở dang. Người ta không quên chỉ còn sáu năm nữa thôi, năm 1997, Bắc Kinh sẽ tiếp thu Hồng Kông. Nhưng Hồng Kông với chúng ta bây giờ là những trại tị nạn đâu phải là những cửa hàng ăn uống hoặc thương xá mua sắm.

Trong ba ngày đầu tuần đầu tháng Bảy chúng tôi đi thăm năm trại. Trước tiên là Lo Wu, một trại mở (nhưng qua nhiều lớp rào kẽm gai) nằm sát biên giới Trung Cộng. Đây là trại chứa những người chờ hồi hương (tự nguyện).

Tại sao họ tự nguyện hồi hương mà lại nhốt kỹ như vậy?

Người sĩ quan trưởng trại cho biết vì - mặc dù đã rào kỹ như vậy - vẫn có nhiều người trốn ra đi Hồng Kông tìm việc làm. Sau khi có được một số tiền khấm khá, họ lại quay về trại "sẵn sàng hồi hương" với một mớ tiền trong túi. Một trại mở khác là Pillar Point, còn gọi là Vòng Hậu Thạch. Trại này đặc biệt vì do một cơ quan dân sự Hồng Kông cai quản. Gần như mỗi đơn vị gia cư đều có tivi, tủ lạnh, quạt máy. Họ sống thoải mái, được phép ra ngoài đi làm kiếm tiền và phải trả tiền nhà, tiền điện, tiền nước.

Ba trại còn lại là những trại cấm Whitehead, Shek Kong, Argyle.

Argyle chia làm hai khu. Một khu dành cho các nữ tị nạn chờ ngày sanh nở (chừng 100 phụ nữ có chồng hoặc thân nhân theo giúp). Và một khu dành cho những thuyền nhân vừa mới tới. Khu này đặc biệt "giam" riêng, không thông thương với khu các bà bầu. Hai trại cấm Whitehead và Shek Kong là hình ảnh của tuyệt vọng. Ở phòng trại trưởng, chúng tôi được xem những vũ khí giết người mà cơ quan an ninh Hồng Kông tịch thu được. Vũ khí là giáo, mác, gươm, dao, ná, móc câu, mặt nạ...

Trong thời gian này báo Hồng Kông loan tin thuyền nhân Việt Nam ở trại Hei Ling Chau giết nhau. Thủ phạm là một số đông người, và nạn nhân là hai người: một chết, một bị thương. Một người Hồng Kông nói các vụ bạo hành đẫm máu không ngày nào không xảy ra. Chính tại trại Shek Kong, chúng tôi được chứng kiến cảnh an ninh Hồng Kông khám xét người tị nạn.

Cảnh sát Hồng Kông, nam và nữ, làm việc cật lực. "Chúng tôi phải chận đứng những vụ bạo động đẫm máu giữa các thuyền nhân. Đây là công việc thường ngày của chúng tôi."

Ở trại Whitehead, từ cột cờ của bộ chỉ huy trại -- trên đồi cao -- chúng tôi nghe người sĩ quan trưởng trại nói về những thuyền nhân tị nạn. Trại tị nạn từng dẫy nằm dưới chân đồi, bao quanh là những vòng kẽm gai rào sắt. Ở đó những con người, những cuộc đời, những người già, những em bé... sống chen chúc nhau trong những chiếc rọ của một thứ nhà giam khủng khiếp. Một hình thức tra tấn tinh thần giữa những con người đồng bào đồng hương trong hàng rào kẽm gai. Một cuộc sống không lối thoát, tương lai u ám, con đường trước mắt không có lối ra, một con đường cụt.

Không ai chấp nhận được các vụ bạo động đẫm máu trong các trại tị nạn Hồng Kông, nhưng có lẽ cũng không ai phủ nhận được rằng sự tù túng vật chất và tâm lý của những cuộc đời bị chẹt cuối đường hầm đã nảy sinh ra những hành vi phi lý.

Khác với các trại tị nạn ở Phi Luật Tân và Thái Lan, ở Hồng Kông chúng tôi đã được ông Paul Brown giám đốc Sở Thông Tin Hồng Kông xếp đặt các cuộc phỏng vấn bà Rita Fan, ủy viên Hội Đồng Lập Pháp Hồng Kông, ông Alex Fong, xử lý thường vụ phối trí viên tị nạn tại Hồng Kông, ông Robert Van Loeuwen, Trưởng Cao Ủy Tị Nạn Hồng Kông.

Mỗi người một kiểu nói, nhưng cả ba nhân vật đều phát biểu một điều tương tự: "Những thuyền nhân không - phải - tị - nạn (non-refugee) không còn có lối thoát nào khác, ngoài việc trở về nguyên quán."

Những cơn mưa buồn bã Hồng Kông, những ngày nắng bức rức Hồng Kông..., Hồng Kông ăn uống, Hồng Kông tù tội, Hồng Kông nhà chọc trời kiểu Nữu Ước, Hồng Kông với những ngõ hẻm kiểu Cholon... những hình ảnh ấy đi qua mau trong trí tưởng tôi. Cái cảm giác mạnh mẽ vẫn còn in mãi trong trí nhớ tôi sau một chuyến đi để tường trình cùng các bạn, đó là một niềm tuyệt vọng của những con người bị quên lãng, những cuộc đời bị bỏ quên, những trái tim khô héo.

Những vòng rào kẽm gai, những chiếc giường hai tầng san sát nhau, những vòm mái tròn bằng thiếc, những tấm bạt nhà binh căng trên thềm xi măng... những em bé..., những phụ nữ..., những con người.

Tương lai thuyền nhân rồi sẽ đi về đâu?

Đi về đâu, hỡi những đồng bào ruột thịt xấu số của chúng ta?

NXH

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Dương Kiền ra mắt Mùa Gặt Giữa Hư Vô ở Quận Cam

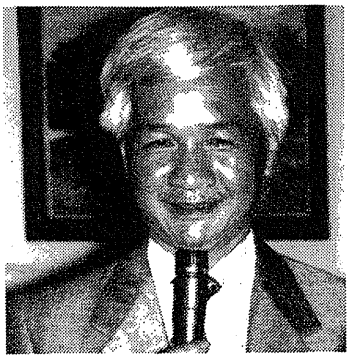

Dương Kiền

QUẬN CAM, California -- Cựu Luật sư Dương Kiền tức nhà thơ Dương Kiền từ Na Uy về thăm Little Saigon đã có 1 buổi gặp gỡ bạn bè và thân hữu tại Century Art Gallery tại Quận Cam hôm thứ Bảy 13 tháng Bảy 1991 đồng thời ra mắt tập thơ Mùa Gặt Giữa Hư Vô, sáng tác mới nhất của ông.

Trong không khí ấm cúng và thân mật, những bạn hữu của Dương Kiền, những người ái mộ ông đã nói lên những cảm nghĩ của mình.

Người anh cả trong làng nghệ thuật: Lê Văn Vũ Bắc Tiến nhắc lại một vài kỷ niệm với Dương Kiền khi còn ở Nha Trang.

Nhạc sĩ Phạm Duy, người đã từng sang Na Uy thấy được cuộc sống của Dương Kiền ở xứ Na Uy thần tiên. Nhưng sao mái tóc Dương Kiền bạc nhanh quá! Không thể nhận ra anh...

Nhà văn Nhật Tiến nhắc lại quãng thời gian ở Saigon sau 1975, Dương Kiền đi đi, về về tìm đường vượt biên. Trước khó khăn thất bại, không hốt hoảng, lo âu, không buồn rầu, bực bội. Nhưng điều đó chứng tỏ Dương Kiền có một sức chịu đựng bền bỉ.

Như một tiếng thở dài, nhà thơ Trần Dạ Từ nói về những dấu chân bằng hữu cùng thời đại bước qua. Bao nhiêu mộng ước của tuổi thanh niên đã không thực hiện nổi cho quê hương. Còn gì đau xót hơn những mộng ước không thành? Từ một mảnh đất của quê hương đã không dành cho anh chỗ đứng, Dương Kiền lênh đênh trên biển cả. Bỏ được cái tên "Tù cải tạo," đến Thái Lan cải danh "Tù xâm nhập Vương quốc." Giờ đây, sống tại một thành phố Bắc Âu. Cỏ cây, hoa lá, ngọn núi, dòng sông, phố xá, con người... tất cả chẳng phải của mình. Trong anh, lúc nào cũng cảm thấy cô đơn, thiếu vắng.

Nhưng trong gian phòng này, hôm nay "giữa thủ đô tỵ nạn đầy vất vả, bon chen, hiềm khích, bạn hữu ngồi quanh đây vẫn là của anh." Tập thơ nhỏ bé "Mùa gặt giữa hư vô" sẽ có trong tay mọi người, ở nơi này, ở nơi khác, và một mai đây ở trên chính quê hương chúng ta. Dương Kiền cũng như những người cùng thời đại đã một thời dâng hết ý chí, tuổi trẻ của một đời cho cái đẹp, cho lý tưởng tự do, cho con đường trí tuệ mà anh lựa chọn thì một ngày không xa anh sẽ được chào đón tại quê nhà như hôm nay, tại Little Saigon đang được chào đón anh.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, Tổng thư ký tạp chí *Thế Kỷ 21*, đón tiếp Dương Kiền như một người bạn lâu năm mới gặp lại. Anh nhắc lại kỷ niệm lần đầu cách đây gần 30 năm khi quen biết Dương Kiền qua những bài viết đầu tiên của anh trên tạp chí *Văn Học*.

Nhà thơ Viên Linh cho biết đã tới phòng sinh hoạt này để tìm bạn cũ. Người bạn mà lần cuối Viên Linh gặp ở Tòa án quân sự vùng 2 chiến thuật. Người bạn của 20 năm trước đã cùng anh, cùng các bạn ôm một hoài bão to lớn: thay đổi được xã hội. Giờ đây, 20 năm sau chỉ còn thấy xã hội đã thay đổi mình, đưa đẩy mình thành những con người lưu lạc...

Nhà văn Bùi Bích Hà cho biết Dương Kiền đã từng là một cái tên lớn có trong trí tưởng từ lâu chị rất ngưỡng mộ. Giờ đây chị lại càng cảm nhận hơn sau khi nghe bạn bè nói về anh, đọc thơ anh.

Ngồi nghe bạn bè tâm sự, Dương Kiền muốn nói nhiều hơn. Trả lời câu hỏi của nhà báo Lê Đình Điểu, người thực hiện buổi gặp gỡ này, nhà thơ Dương Kiền đã phát biểu cảm tưởng về Cali: "Khi ở Na Uy, đã nghe, đã đọc qua sách báo, nên có mường tượng ra một Saigon nhỏ ở Cali. Nhưng thực tế, không ngờ. Nắng Cali ấm. Tình người Cali đậm đà. Chúng ta là một gia đình. Sẽ mang trên đường về hình ảnh và tình cảm của Cali. Kỷ niệm này không bao giờ phai nhạt."

BÍCH HUYỀN

GIÁO SƯ NGUYỄN TRUNG QUÂN NÓI CHUYỆN VỀ ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG VĂN HỌC

SANTA ANA (NV) -- Vào lúc 4 giờ 25 ngày 14-7-91, Trung tâm Văn hoá Phật giáo Phổ Minh đã tổ chức một buổi thuyết trình về đề tài: "Ảnh hưởng Phật giáo trong văn học dân gian Việt Nam."

Diễn giả là ông Nguyễn Trung Quân nguyên giáo sư, hiệu trưởng trung học và cũng là một giới chức cao cấp trong Bộ giáo dục của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà.

Thành phần tham dự có khoảng hơn 60 người, gồm nhiều trí thức, Phật tử, đạo hữu, các vị lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo khác, cùng một số phái viên báo chí.

Trong phần thuyết trình, giáo sư Quân luôn khiêm tốn nên đã tạo ra một bầu không khí hứng thú, nhất là gây được sự chú ý của người tham dự, khi ông trích dẫn những câu chuyện kể, những tuồng tích và những tác phẩm như: Quan Âm Thị Kính, Quan Âm từ thiện, và Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Ông cho rằng Phật giáo ảnh hưởng sâu đậm đến tận gốc rễ trong đời sống của dân tộc Việt Nam, nhất là trong văn học dân gian.

Giáo sư Quân không đồng ý rằng cửa Phật là nơi để trốn lánh chuyện thế trần, thí dụ như chuyện tình *Lan và Điệp;* nhìn đạo Phật mà chán nản như *Cung Oán ngâm khúc;* đồng thời ông cũng trích những bài thơ của vua Trần Thái Tôn, những bài kệ của các bậc cao tăng, thiền sư ngày xưa. Ông phân tích đến những ý nghĩa cao thâm đó nhằm bác bỏ những lầm lẫn cho rằng ảnh hưởng Phật giáo không có trong những tác phẩm lớn.

Ông nhắc lại lời nói của Sư cô Tam Hợp trong truyện *Kiều* của Nguyễn Du, và nhấn mạnh rằng: Lịch sử Phật giáo từ lúc du nhập cho đến nay đã trải qua hằng bao thế kỷ thăng trầm và xung đột với hai dòng tư tưởng Lão và Nho, nhưng thường phải hòa hợp để tồn tại. Nên người ta gọi là Tam Giáo đồng nguyên.

Ông nhắc lại lời Phật dạy: Lấy đức đại từ, đại bi, hỷ xả, không thù hằn, chụp mũ hay vu khống. Phật giáo luôn luôn cảm hóa chứ không đối đầu với Đạo và vô Đạo.

Ông không quên nói đến thuyết nhân quả của nhà Phật và đưa ra thí dụ như: Quốc gia hay Cộng sản, hoặc Chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa Cộng sản. Ông khẳng định dù dưới bất cứ chủ thuyết hay nhãn hiệu nào mà "Bạo ác" thì tất yếu phải suy vong.

Giáo sư Quân đưa ra trường hợp sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản trên toàn cầu. Ông nói: "Đứng trên quan điểm của Phật giáo thì người ta đang đi tìm một cuộc sống tốt đẹp hơn."

Giáo sư Nguyễn Trung Quân, thuyết trình đề tài "Ảnh hưởng Phật giáo trong văn học dân gian" tại Trung Tâm Văn hóa Phật Giáo Phổ Minh, Santa Ana, chiều Chủ Nhật 14-7-1991.

Để kết thúc phần thuyết trình, diễn giả nhấn mạnh: "Chỉ có một sinh lộ cho dân tộc là mỗi người, mỗi tôn giáo đều phải có cách "tu" riêng và chỉ có "tu" mới đưa nhân loại thoát khỏi bóng tối của con đường hầm thế giới." **Ng Phương Hà**

NHẬT BÁO NGƯỜI VIỆT TỔ CHỨC LỚP BÁO CHÍ HÈ 91

LITTLESAIGON (NV) -- Gần 40 người đã đến dự buổi khai giảng Lớp Báo Chí Hè 91 (khoá 6) do nhật báo *Người Việt* tổ chức, tại Century Art Gallery, đường Moran, hồi 10 giờ sáng Chủ Nhật 14-7-1991.

Số học viên khóa 6 tương đối ít, so với các khoá trước -- chỉ có 14 người. Nhiều giảng viên (như cô Nguyễn Huỳnh Mai, các ông Lê Chính Long, Nguyễn Thượng Hiệp, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Đình Quân, Nguyễn Thiện Cơ...), cùng một số thân hữu và độc giả cũng có mặt và đã góp ý rất vui vẻ, sau phần thuyết giảng của hai giảng viên Vương Hữu Bột và Lê Đình Điểu.

Chương trình tám tuần

Mở đầu, ông Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người Việt,* đã giới thiệu một vòng tất cả những người hiện diện. Sau đó, ông đọc chương trình toàn khoá, gồm tám ngày Chủ Nhật, với nhiều đề tài báo chí, chú trọng đến kỹ thuật viết tin.

Ngoài phần học lý thuyết, các học viên sẽ đi thực tập săn tin, và những bản tin do học viên viết sẽ được ban biên tập báo *Người Việt* nhuận biên để đăng lên báo.

Đặc biệt, khoá 6 năm nay, học viên còn được hướng dẫn đi thăm hai toà báo Mỹ lớn nhất

Các tài liệu cho lớp báo chí.

quận Cam, là tờ *Los Angeles Times* (ấn bản Orange County), và tờ Orange County Register.

Ông Yến cũng cho học viên biết rằng họ không phải đóng một khoản lệ phí nào. Những sách dùng cho giảng khoá, học viên có thể mua với giá 50%. Đó là hai cuốn: "Ký Giả Chuyên Nghiệp," dịch từ "The Professional Journalist" của John Hohenberg, do Lê Thái Bằng và Lê Đình Điểu dịch; và "Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin" của Trần Văn Ngô (cựu Phụ tá Tổng Giám Đốc Việt Tấn Xã).

Các học viên cũng được tặng một cuốn "Kỷ Yếu Lớp Báo Chí Hè 88," để tìm hiểu về các khóa trước, chuẩn bị biên tập và ấn hành một "kỷ yếu" cho khoá 6 này.

"Báo chí cần tự do nhưng phải có trách nhiệm"

Trong phần thuyết trình khai giảng, nhà báo Vương Hữu Bột nói ứng khẩu đúng một tiếng đồng hồ về đề tài "Tự do báo chí." Ông Vương Hữu Bột, 53 tuổi, tên thật là Đỗ Quý Toàn, hiện đang dạy môn tài chánh học tại đại học Québec, ở Montréal, Canada. Ông cũng là Chủ bút tạp chí *Thế Kỷ 21,* một ấn phẩm của công ty Người Việt phát hành toàn thế giới, và hiện đã ra tới số 27.

Vốn tham gia làng báo từ đầu thập niên 60 ở Việt Nam, nhà báo Vương Hữu Bột dùng nhiều thí dụ trong cuộc đời làm báo của chính ông để chứng minh rằng "báo chí luôn luôn bị chính quyền tìm cách kiểm soát và hạn chế." Nhưng, ông cho biết, nhà báo lúc nào cũng phải "tranh đấu để giữ quyền tự do trong việc thông tin và phát biểu ý kiến."

Tuy nhiên, theo nhà báo họ Vương, "tự do mà không có tinh thần trách nhiệm sẽ làm hại cho cộng đồng. Có tự do cá nhân, nhưng cũng có nghĩa vụ cộng đồng nữa."

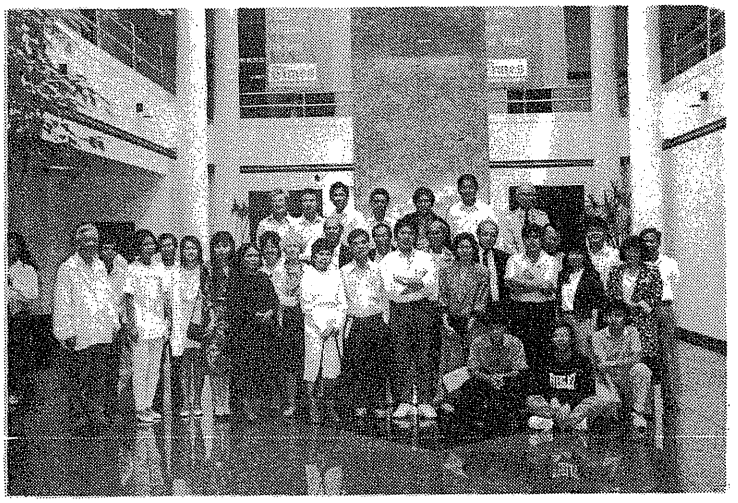
Lớp báo chí Hè 91 thăm toà báo Los Angeles Times.

Kim tự tháp lật ngược là gì?

Đi vào đề tài chuyên môn, giảng viên Lê Đình Điểu thuyết trình về kỹ thuật "viết tin." Ông Lê Đình Điểu, nguyên là phóng viên Việt Tấn Xã, giảng viên ban Báo Chí học Viện Đại học Dalat (1967-1970), hiện là Tổng Giám đốc Công ty Người Việt, cũng đã từng giữ nhiệm vụ Chủ bút báo *Người Việt* từ 1985 đến 1988, dùng những tài liệu trong sách và những thí dụ cụ thể ngay trong toà soạn, để giải thích cách viết tin.

Ông trình bày lối bố cục "cổ điển" của tin tức báo chí chuyên nghiệp. Đó là lối "hình kim tự tháp lật ngược" -- các chi tiết quan trọng của tin phải ở trên. Càng về sau càng ít quan trọng, để tòa soạn dễ cắt bài cho vừa trang báo, và để độc giả có thể đọc báo nhanh.

Giảng viên cũng nhấn mạnh rằng một tin phải hội đủ các yếu tố trả lời các câu hỏi: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao.

Lớp học tự quản

Theo truyền thống sinh hoạt của các khoá trước, học viên được chia thành toán ba hoặc bốn người, để thay phiên chuẩn

bị lớp học, làm bài tập nhóm, liên lạc, v.v...

Dự trù suốt khoá học, học viên sẽ tổ chức bữa ăn trưa chung với nhau ngay tại toà báo (Giống như nhân viên báo *Người Việt* ăn trưa chung lâu nay).

Trong phần phát biểu cảm tưởng, và trong những phiếu ghi ý kiến, tất cả các học viên đều cho rằng lớp Báo Chí này "thích thú và bổ ích."

Có hai người mới đầu đến dự thính buổi khai giảng, sau thấy lớp học vui vẻ và có ích, đã ghi tên làm học viên luôn, nâng tổng số học viên lên 16. Con số này có thể lên cao nữa, vào tuần tới, vì nhiều người muốn giới thiệu anh chị em hoặc bạn bè tới học.

Được biết buổi thứ hai và thứ ba do nữ giảng viên Nguyễn Huỳnh Mai hướng dẫn, với các đề tài "Phóng sự" và "Phỏng vấn."

Chiều Chủ Nhật, trong phần thực tập, các học viên được giáo sư Trần Đình Quân dẫn đi nghe giáo sư Nguyễn Trung Quân nói về "đạo Phật và văn học" tại Trung tâm Văn hoá Phật giáo Phổ Minh. (Xin xem bài tường thuật buổi nói chuyện này, do học viên Nguyễn Phương Hà ghi). (ty)

Một sinh hoạt văn học định kỳ ở quận Cam:

Những buổi họp mặt "Giữa Người Viết và Người Đọc"

Buổi đầu tiên: Bùi Bích Hà với "Buổi Sáng Một Mình" và "Bạn Gái Nhỏ To"

Nhà văn Bùi Bích Hà

LITTLE SAIGON (NV) -- Vào chiều thứ Bảy, 10 tháng Tám 1991 tới đây, một buổi sinh hoạt văn học, mở đầu cho một loạt các buổi tương tự, được tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ (SHTK), đường Moran, thị xã Westminster.

Nhà văn Bùi Bích Hà sẽ tiếp xúc với độc giả của bà, để trao đổi ý kiến về hai tác phẩm "Buổi Sáng Một Mình" và "Bạn Gái Nhỏ To."

Đây không phải một buổi "ra mắt sách," mặc dù cũng có các tiết mục giới thiệu tác giả, tác phẩm, đọc trích đoạn và ký lưu niệm trên sách. Trong sinh hoạt "Giữa Người Viết và Người Đọc," còn có phần nhận xét, phê bình, tìm hiểu đào sâu về tác phẩm và bối cảnh sáng tác, giúp người đọc hiểu và cảm tác phẩm hơn, đồng thời giúp người viết nhìn rõ ưu khuyết điểm của mình, có thêm hứng để tiếp tục sáng tác.

Một số "tham luận viên" sẽ được mời để trình bày những nhận xét phê bình sau quá trình nghiên cứu, trước khi có đóng góp của tác giả và cử tọa.

Tùy theo thể loại tác phẩm, sẽ có phần "trình diễn" trích đoạn hoặc bài, chương sách -- thí dụ đọc thơ, đọc truyện, đọc kịch, hát thơ phổ nhạc, v.v...

Để đài thọ cho các phí tổn tổ chức (in thiệp, in chương trình, gửi thư, thuê phòng họp...), các buổi sinh hoạt này được đặt dưới sự bảo trợ của một tổ chức bất vụ lợi (non-profit organization) là "Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt-Mỹ)." Quý vị mạnh thường quân yêu mến văn học và nghệ thuật có thể gửi tặng hiện kim cho hội, đề "VAALA" (Vietnamese-American Arts and Letters Association), trụ sở tạm đặt tại 14901 Moran St., Westminster, CA 92683.

Ban Tổ Chức cho biết sẵn sàng phối hợp với các tác giả và các nhà xuất bản (ở mọi nơi) để thực hiện các buổi sinh hoạt "Giữa Người Viết và Người Đọc." Xin liên lạc với địa chỉ trên.

Sắp phát hành

BỤI VÀ RÁC

tác phẩm thứ tư viết tại hải ngoại
của nhà văn

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NHÀ VĂN ISAAC B. SINGER ĐÃ QUA ĐỜI

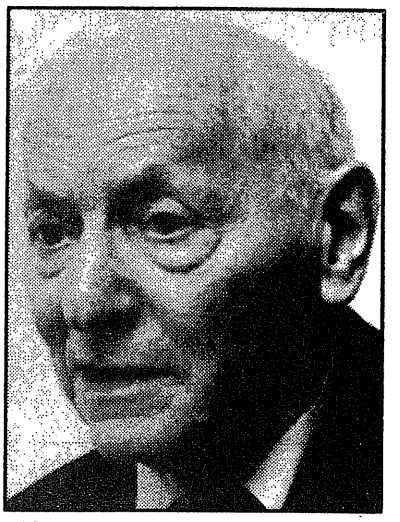

Nhà văn Isaac B. Singer vừa qua đời, Hưởng thọ 87 tuổi.

MIAMI -- Nhà văn Isaac Bashevis Singer, từng được xem như một kho tàng của ngôn ngữ Yiddish và đã đoạt giải Nobel Văn Chương vào năm 1978, đã qua đời hôm thứ Tư 24-7-91, ở Miami, hưởng thọ 87 tuổi.

Singer, bằng tiếng Yiddish của người Do Thái, đã mô tả đời sống trong cộng đồng người Do Thái ở Ba Lan, Nữu Ước, và Miami Beach trong các tác phẩm đi đôi với cuộc đời của ông, vốn xuất thân ở Ba Lan nhưng sau đó trốn tránh Đức Quốc Xã để sang Mỹ vào năm 1935.

Với hơn 20 tác phẩm, gồm truyện ngắn, truyện dài, một tự truyện, và ba vở kịch, Singer được nổi tiếng nhất qua các tác phẩm "The Family Moskat," "Gimpel the Fool," "Enemies, A Love Story," và "Yentl the Yeshiva Boy."

"Yentl" nổi tiếng sau khi được chuyển thành kịch Broadway và đưa lên màn ảnh lớn, do ca sĩ Barbara Streisand thủ vai chính.

Bà Alma, vợ của Singer, nói rằng sức khỏe ông đã sa sút rất nhiều trong mấy tháng qua, và ông được chuyển qua lại nhiều lần giữa nhà thương St. Francis ở Miami Beach và Viện Dưỡng Lão Douglas Gardens ở Miami. Ông đã qua đời trong một cơn kích ngất bệnh tim lúc 4 giờ chiều thứ Tư 24-7-91. Bà Alma, người vợ 51 năm qua của ông ngồi túc trực bên cạnh nhà văn.

Singer ra đi để lại một người con trai là Israel Zamir cùng một số cháu nội. Tang lễ sẽ được cử hành ở New Jersey.

Truyện dài mới được xuất bản của Singer là "Scum," vốn được viết từ thời 1950 nhưng đến mùa xuân vừa qua mới được xuất bản. (NHN/ty)

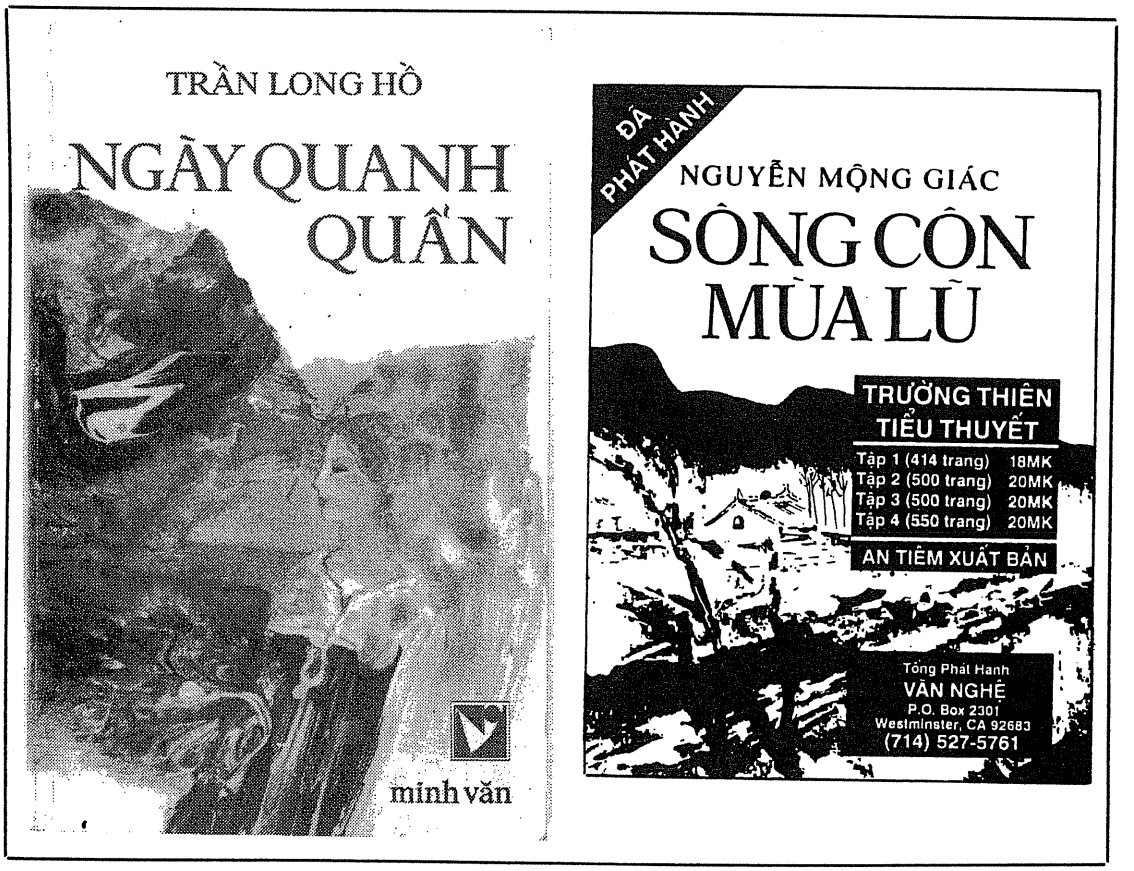

ĐỌC BỒ ĐỀ ĐẠT MA TUYỆT QUÁN LUẬN CỦA VŨ THẾ NGỌC

HOÀNG THỤY AN

Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận của Vũ Thế Ngọc (California: Eastwest Institute, 1983), sách dày khoảng 100 trang, không đề giá bán.

Tôi đọc và phê bình cuốn *Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận* (BĐĐMTQL) của Vũ Thế Ngọc (VTN) qua lời yêu cầu của một người bạn. Cách đây gần một năm, một người bạn của tôi trong một cuộc đàm thoại đã tỏ ra hết sức bực bội về cuốn sách BĐĐMTQL mà VTN là dịch giả. Lúc ấy bạn tôi dường như cũng chưa đọc hết cuốn sách đó mà chỉ bầy tỏ sự bất mãn cùng cực về việc sau đây:

Tuyệt Quán Luận (TQL) là một tác phẩm quan trọng của sơ kỳ Thiền Tông Trung Hoa. Năm 1973 tác phẩm này được nghiên cứu và ấn hành bởi một nhóm học giả Nhật Bản, gồm 9 người, thuộc Viện Nghiên Cứu Thiền Học (The Institute for Zen Studies), trong đó có Yanagida Seizan. Yanagida là giáo sư về Thiền học tại Đại Học Hanazono (Nhật Bản) và có lẽ là người có thẩm quyền nhất về Thiền học trên thế giới hiện nay. Hầu hết các học giả hàng đầu về Thiền tại Hoa Kỳ đều không ít thì nhiều đã từng học với Yanagida. Sau khi nghiên cứu cặn kẽ, nhóm học giả này đã ấn hành một ấn bản TQL dựa trên các bản văn có và được Yanagida duyệt lại cùng một bài tựa ngắn song rất hữu ích, một bản dịch Anh ngữ, và bản dịch Nhật ngữ của Yanagida. Trong bài tựa nhóm học giả này có đề cập đến vấn đề tác giả của TQL và các bằng cớ lịch sử đã không cho phép họ chấp nhận ý kiến của D.T. Suzuki rằng Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) là tác giả của TQL. (1)

Theo bạn tôi, VTN đã thiếu thành thật và thậm chí còn "lừa bịp" độc giả ở chỗ ông dùng lại ấn bản TQL này trong sách ông song không màng gì đến các khám phá của nhóm học giả Nhật Bản kia về vấn đề tác giả của TQL, trái lại còn ngang nhiên đề tựa cuốn sách của ông là *Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận*. Trước khi chia tay, bạn tôi giao cho tôi cuốn sách của nhóm học giả Nhật Bản, *A Dialogue on the Contemplation-Extinguished, Translated from the Chueh-Kuan Lun, An Early Chinese Zen Text from Tun Huang*, (DCE), cùng cuốn BĐĐMTQL của VTN và nhắn tôi nếu rảnh rỗi viết một bài phê bình.

Thú thực cảm giác đầu tiên của tôi khi nhìn thấy tựa đề *Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận* là nó có một cái gì khôi hài. Những ai nghiên cứu văn học Thiền một cách đứng đắn đều biết các học giả, nhất là Nhật Bản, đã đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt nghiên cứu về sử tính của nhân vật có cái tên là Bồ Đề Đạt Ma, và hầu như đã đồng ý về tính cách hoang đường phi lịch sử của các truyền thuyết về nhân vật này. Tuy nhiên, đối với đám con rơi con rớt của Thiền Suzuki (2) còn sót lại trong cộng đồng người Việt, vạch ra cho họ rằng Bồ Đề Đạt Ma chỉ là một huyền thoại đương nhiên họ sẽ bướng bỉnh không chịu chấp nhận, giống y như thể lũ trẻ con sẽ không bao giờ chịu tin rằng Superman, Zorro, và Tarzan là không có thật vậy. VTN cũng thuộc nhóm này cho nên ông mới ngoan cố tiếp tục bám lấy cái tên Bồ Đề Đạt Ma kia. Hơn nữa, tôi cũng thông cảm là ông muốn dùng cái tên Bồ Đề Đạt Ma để cho cuốn sách của ông hấp dẫn hơn về mặt thương mại.

Thoạt đầu tôi cũng chỉ nhận lời với bạn cho qua đi. Tôi không bao giờ nghĩ mình có đủ can đảm để đọc hết một cuốn "sách" của VTN. Tôi đã

có dịp lật qua những trước tác khác của VTN: Tất cả đều chỉ là những cóp chép lố bịch, lộ liễu của người khác xen lẫn với những thêm thắt ngốc nghếch, vớ vẩn của ông. Đôi khi, VTN thậm chí còn xerox nguyên từng chương trong sách của người khác vào làm của riêng ông. Lối viết văn của ông thì cũng chỉ rập khuôn nhai lại những sáo ngữ rẻ tiền của những cây viết ba xu khác: phương trời viễn mộng, mùa thu xanh, hoa vàng, mây trắng, vân vân. Nói tóm, những cái gọi là tác phẩm của VTN chỉ là những góp nhặt rác rến, nửa phân nửa cỏ. Tôi có nhiều việc quan trọng và hữu ích để làm hơn là phí thì giờ để đọc sách của VTN. (3)

Tuy nhiên tôi cũng đã kiên nhẫn đọc hết cuốn BĐĐMTQL của VTN. Có lẽ phần vì tôi muốn giữ lời hứa với bạn, phần vì để đáp ứng lời kêu gọi của VTN. Trong cuốn sách mà phần lớn được viết bằng một giọng văn giả tạo hợm hĩnh huênh hoang cố ý hù người khác, song tự thâm tâm chắc hẳn VTN cũng biết khả năng của ông, cho nên ông đã viết trong phần Dẫn Nhập -- có lẽ như một chính sách bảo hiểm phòng hờ cuối cùng cho mình -- rằng: "Chúng tôi thành thật kính mong chư vị thiện trí thức chỉ giáo...," và "Ở một nơi cô lậu, thiếu thầy, thiếu bạn, thiếu sách... Việc làm của chúng tôi thật là một sự liều lĩnh hơn là một công trình nghiên cứu nghiêm túc." (VTNXIII).

Đọc xong cuốn BĐĐMTQL do VTN dịch, tôi còn phẫn nộ hơn bạn tôi gấp trăm ngàn lần. Sự thiếu thành thật và "lừa bịp" của VTN không phải chỉ ở chỗ nhận Bồ Đề Đạt Ma làm tác giả của TQL. Xin nêu ra một số điểm căn bản:

1) Trong Phần Dẫn Nhập của cuốn sách đa số những chi tiết VTN đều lấy của người khác mà ông không hề nêu ra xuất xứ.

2) Trên trang mặt của cuốn sách, ngoài tựa đề bằng Việt ngữ và Hán ngữ ra, còn có tựa đề Anh ngữ là *Bodhi Dharma's On Contemplation-Extinguished.* Ở đây tôi chỉ xin độc giả lưu ý hai điểm: (1) Ngay ở trang đầu tiên mà tên của Bodhidharma đã bị viết sai. Sự sai lầm này lại được lập lại ở trang cuối và bìa sau của cuốn sách. (2) Cái tựa đề mà nhóm học giả Nhật Bản dùng cho bản dịch Anh ngữ của họ. Cần nói thêm rằng, đây là một nhóm học giả bác học và đứng đắn, nhưng vì Anh ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ của họ, cho nên bản dịch Anh ngữ này, tuy không hẳn là tệ lắm, song có một cái gì rất là... Nhật Bản. Ngay cái tựa đề cũng thế, vậy mà VTN cóp lại của người khác một cách tỉnh bơ như thể tựa đề đó là do chính mình đặt ra.

3) Trong bản dịch của VTN có rất nhiều chỗ ông đọc sai chữ Hán, hiểu lầm cú pháp của Hoa ngữ một cách rất sơ đẳng, do đó bản dịch của ông cũng đầy rẫy những lỗi lầm. Những điểm này sẽ được nêu ra một cách chi tiết hơn dưới đây.

4) Trong bản dịch của VTN ông cóp chép lại đa số những chú thích trong bản dịch Anh ngữ của nhóm học giả Nhật Bản mà không chịu nêu ra xuất xứ. Đáng trách hơn nữa là đôi khi ông còn chép sai (vì cẩu thả) và nhét thêm những nhận định sai bét của ông.

5) Trên trang cuối của cuốn sách VTN ghi chú như sau: "Translated from the Chueh Kuan Lun, the first Chinese Zen Text, and the only one that has been attributed to Bodhidharma, the first Zen patriarch." Không hiểu tại sao VTN lại dám vọng ngôn như thế? Bất cứ ai có nghiên cứu Thiền một cách đứng đắn cũng biết rằng TQL không phải là tác phẩm duy nhất được qui cho Bồ Đề Đạt Ma như VTN đã nói càn. Trong văn học Thiền có ít nhất là sáu tác phẩm được truyền thống xem là của Bodhidharma. Sekiguchi Shindai đã nghiên cứu vấn đề này cùng với một vài tác phẩm khác, được xem là của Bồ Đề Đạt Ma, do ông khám phá ra trong cuốn *Daruma daishi no kenkyù* (Nghiên Cứu về Đạt Ma Đại Sư) của ông. (4)

Cảm giác của tôi khi đọc xong bản dịch của VTN là ông này không đủ tư cách cả về mặt trí thức lẫn đạo đức để làm công việc này. Ngoài việc thiếu thành thật và gian lận ra, VTN còn chứng tỏ rằng ông không có một chút kiến thức sơ đẳng nào về Thiền học. Về mặt ngôn ngữ thì ông chỉ ở trình độ bập bẹ cả Hán ngữ lẫn Anh ngữ. Vì nếu như ông chỉ dựa vào bản Anh ngữ để dịch, có lẽ bản dịch Việt ngữ của ông cũng đã không đến nỗi tồi tệ như thế. Có nhiều chỗ ông ú ớ với nguyên tác Hán văn một cách rõ rệt, song thay vì tham khảo bản Anh ngữ, mà có lẽ ông cũng không đọc nổi, ông lại cương tầm bậy ra. Như đã đề cập, trong sách của nhóm đọc giả Nhật Bản có in kèm bản dịch Nhật ngữ của Yanagida. Bản dịch này tuy không hoàn hảo (không bản dịch nào hoàn hảo cả), song Yanagida đã dịch một cách rất sát nghĩa, ông lại dùng một thứ Nhật ngữ hết sức giản dị và trong sáng. Nếu VTN biết tiếng Nhật, như ông thường *cố ý* gây cho độc giả cái ấn tượng ấy, ông chỉ cần tham khảo bản dịch của Yanagida, hẳn cũng đã giúp ông tránh được nhiều lỗi lầm ngốc nghếch.

Trước khi phân tích các sai lầm trong bản dịch của VTN, tôi xin nêu ra một điểm cuối cùng: trong phần Phụ Lục của cuốn sách, như một *bonus* cho những người đã khổ công lội qua bãi rác của ông, VTN có in kèm nguyên bản Phạn văn Tâm Kinh lấy ra từ một cuốn sách của Edward Conze, (5) mà VTN cũng không chịu nêu xuất xứ, cùng với một bản dịch Việt ngữ mà trong ấy ông giải thích chữ "ngũ uẩn" *pãncaskandha)* như sau: hình tướng, cảm xúc, nhận thức, hành vi, ý thức. (VTN 85). Đó là cách mà VTN dịch mấy chữ sắc *(rupa),* thụ *(vedanà),* tưởng *(samjnà),* hành *(samskàra)* và thức *(vijnàna).* Chữ hành *(samskàra)* mà dịch là "hành vi" thì là một sai lầm không thể tha thứ được. Chữ hành ở đây đúng ra có nghĩa là "xu hướng," một cái gì

gần như những bản năng của con người. Có một số học giả Tây phương dịch chữ này là "will" hay "karmic formations," song tôi thấy đúng nhất là "dispositions" hay "predispositions."

Bây giờ tôi xin phân tích chi tiết hơn những sai lầm kỹ thuật của bản dịch VTN. Sách TQL được các nhà ấn hành chia làm 15 đoạn. Trong bản dịch của VTN hầu như bất cứ trong đoạn nào chúng ta cũng có thể tìm ra những sai lầm nghiêm trọng cả về mặt dịch thuật lẫn việc đọc chữ Hán của ông. Những sai lầm này quá nhiều, không thể kể ra hết được, ở đây tôi chỉ xin nêu ra một số trường hợp điển hình:

1) Đoạn 1.2: "Vấn viết: "Nhược vô hữu tâm, vân hà học đạo?" Đáp viết: "Đạo phi tâm niệm, hà tại ư tâm dã." VTN dịch câu trả lời: "Đạo chẳng thể lấy tâm để nghĩ bàn được, thì há cần tâm ư?" (VTN, 1). Đúng ra là: "Đạo không phải là sự phân biệt của tâm, đâu có thuộc ở nơi tâm." VTN không những sai về mặt ngôn ngữ mà còn chứng tỏ không hiểu gì về giáo lý Phật Giáo nói chung và Thiền nói riêng. Sự dị biệt giữa *tâm* và *tâm niệm* mà Nhập Lý Tiên Sinh (NLTS) cố tình nhấn mạnh, VTN đã không hiểu. Chữ *niệm* ở đây chỉ phương diện phân biệt hay đúng hơn là kiến lập *(vikalpa)* của tâm. Đọc các tác phẩm triết học Phật Giáo Ấn Độ hay Trung Hoa người đọc phải luôn luôn lưu ý khi nào chữ *tâm* được dùng với nghĩa là chân tâm *(cittadharmatà)* hay tâm thanh tịnh *(cittaprabhasvara)* và khi nào *tâm* được dùng với nghĩa tâm niệm, tâm phân biệt hay thức *(vijnàna). (6)*

2) Đoạn 1.6: "Vấn viết: "Chúng sinh vọng tưởng, vân hà đắc diệt?" Đáp viết: "Nhược kiến vọng tưởng, cập kiến diệt giả, bất ly vọng tưởng." VTN dịch. "Hỏi: "Vọng Tưởng của chúng sinh diệt được chăng?" Đáp: "Như kẻ đã thấy Vọng Tưởng, lại thấy (có thể) diệt được thì chẳng xa lìa được vọng tưởng." (VTN5). Đúng ra phải dịch: Hỏi: "Vọng tưởng của chúng sinh, làm thế nào mới diệt được?" Đáp: "Nếu như còn thấy có vọng tưởng và sự diệt vọng tưởng thì chưa lìa được vọng tưởng."

3) Đoạn 1.7: Chữ "nhược" chỉ có nghĩa "nếu," VTN lại dịch là "như đã." (VTN5).

4) Đoạn 2.2: "Vấn viết: "Nhược bất đoạn bất đắc, dữ phàm hà dị?" Đáp viết: "Bất đồng. Hà dĩ cố, nhất thiết phàm phu vọng hữu sở đoạn, vọng hữu sở đắc." VTN dịch: "Hỏi: "Nếu chẳng bỏ chẳng được, cùng phàm phu khác gì?" Đáp: "Chẳng đồng là tại sao? Tất cả phàm phu vì mê lầm nên còn có điều phải đoạn bỏ, vì mê lầm nên còn có điều sở đắc." (VTN7). Câu đáp đúng nghĩa là: "Không giống. Tại sao vậy? Tất cả các phàm phu vọng chấp có cái để cắt đứt, vọng chấp có cái để đạt được."

5) Đoạn 2.3: "... hữu hư vọng cố, tức luận đồng dữ bất đồng." VTN dịch: "Cho nên có mê lầm mới luận bàn ĐỒNG và BẤT ĐỒNG." (VTN7). Ở đây rõ ràng VTN hiểu lầm chữ Hán một cách sơ đẳng. Chữ *cố* trong câu văn trên có nghĩa là "bởi vì" chứ không phải là "cho nên." Nghĩa đúng của câu này là: "... bởi vì có mê lầm, nên mới luận giống và không giống.

6) Đoạn 2.5: "Vấn viết: "Nhược thánh nhân đồng qui mao thố giác giả, ưng thị tất cánh vô. Linh nhân học hà vật?" Đáp viết: "Ngã thuyết qui mao vô, bất thuyết qui diệc vô. Nhữ hà dĩ thiết thử nan dã." VTN dịch: Hỏi: "Như vậy thánh nhân cũng như lông rùa sừng thỏ (những gì không có thật); tất cả cuối cùng đều dẫn đến cái không, thì lấy gì để dậy người học đạo?" Đáp: "Ta nói lông rùa không; chứ chẳng nói rùa cũng không có. Người lấy thí dụ đó là khó ư? (VTN 9). Đúng ra là: "Hỏi, "Nếu thánh nhân giống như lông rùa sừng thỏ, thì cứu cánh phải là không, bảo người ta học cái gì bây giờ?" Đáp: "Ta nói lông rùa không có, chứ không nói rùa cũng không có. Tại sao ông lại đưa ra vấn nạn này?" Ở đây ngoài việc dịch sai câu văn, VTN còn hiểu sai chữ *nhược* có nghĩa là "nếu" thành "như vậy." Ông lại còn đọc lầm chữ *thù* thành *tỉ*.

7) Đoạn 2.6: "Đáp, "Qui dụ ư đạo, mao dụ ư ngã. Cố thánh nhân vô ngã nhi hữu đạo. Đãn bỉ phàm phu nhi hữu ngã hữu danh giả, như hoành chấp qui mao thố giác dã." VTN dịch: "Rùa ví với đạo, lông ví với ngã. Vì vậy thánh nhân Vô Ngã nên có Đạo. Trái lại phàm phu vì có Ngã có Danh, giống như cố cho rằng có lông rùa sừng thỏ vậy." (VTN 9). Đúng ra là: "Rùa tượng trưng cho đạo, lông tượng trưng cho ngã. Cho nên Phật vô ngã mà có đạo. Song kẻ phàm phu thì lại chấp vào ngã vào danh, giống như chấp càn là lông rùa sừng thỏ có thật vậy."

8) Đoạn 2.7: "Nhược như thử giả, đạo ưng thị hữu, ngã ưng thị vô. Nhược thị hữu vô, khởi phi hữu vô chi kiến?" VTN dịch: "Nếu như vậy, Đạo ứng với cái có đó, Ngã ứng với cái không đó. Với cái Có-Không-Không-Có đó, sẽ sinh ra kiến chấp hư vô (chẳng có chẳng không) chăng?" (VTN 9). Thú thật tôi không thể nào hiểu nổi câu văn tiếng Việt này của VTN. Câu văn chữ Hán trên chỉ giản dị có nghĩa là: "Nếu như thế, đạo phải là có, ngã phải là không. Nếu [đã lập] có không như thế, đó há không phải là kiến chấp có [và] không hay sao?" Đây lại cũng là một trường hợp hiểu sai cú pháp Hoa ngữ một cách nặng nề của VTN.

9) Đoạn 2.8: Ở đây sự cẩu thả lem luốc và sai lầm của VTN quả thật đã đến mức bất khả tư nghị. Chỉ xin nêu ra vài sai lầm sơ đẳng: (a) "Nhược chúng nhân đắc giả, đạo tất hữu cùng." VTN dịch: "Nếu chúng nhân đều đắc cả, Đạo ắt quá nghèo nàn." (VTN 9). VTN ngang nhiên dịch thành ngữ "hữu cùng" là "quá nghèo nàn" trong khi nó chỉ giản dị có nghĩa là "có hạn" hay "có cùng tận" mà thôi. (b) chữ *tạo tác* bị VTN đọc thành "cáo tác." (không phải chỉ riêng trong đoạn này mà từ đầu đến cuối của cuốn sách này).

10) Đoạn 2.9:"Cứu cánh vân hà?" VTN dịch: "Cuối cùng còn nói gì nữa?" (VTN 11) Câu văn này thật sự chỉ có nghĩa là: "Rốt cuộc phải như thế nào?" Hai chữ *vân hà* ở đây đi chung với nhau và là một thành ngữ có nghĩa là "như thế nào," "ra sao," vân vân, là một điều hết sức sơ đẳng. Thế mà VTN cũng không biết, lại xem chữ *vân* là "nói" và *hà* là "gì."

11) Đoạn 3.3: "Thực vô vọng hữu, bổn lai tịch diệt. Dãn bị hư vọng kế trước, tức sinh điên đảo dã." VTN dịch: "Thực không có khi còn mê, bản lai tĩnh lặng tịch diệt, tuy nhiên vì mê mờ tính so thành ra sai lệch vậy." (VTN 13). Đúng ra là: "[Trên mặt] thực tại cứu cánh thì không có mà chỉ có trên mặt hư vọng mà thôi, vì [ngay cả cảnh giới phàm] này vốn cũng tịch diệt. Chỉ vì sự so đo của hư vọng mà điên đảo phát sinh." Ở đây VTN đọc lầm chữ *trước* thành ra *trứ*.

12) Đoạn 4.1: Tất cả những chữ *thuộc* đều bị VTN đọc lầm là *chúc*. (VTN 17).

13) Đoạn 4.4: "Phù thụ nghiệp giả, nhi vi nghiệp hệ sở triền, tự nhân vô do. Hà hạ bệ hải tích sơn, an nhiên trí địa." Ở đây VTN đọc lầm chữ *hệ* thành *bệ* Và *tích* thành *chủng* và dịch như sau: "Đã mang nghiệp nên bị nghiệp ràng buộc, tự đó mà ra chẳng phải khác. Làm sao vui được (cái thú) khơi biển, trồng núi, định trời dựng đất được." (VTN 17). Ý nghĩa của đoạn này là: "Những người chịu nghiệp [từ trước] thì bị nghiệp trói buộc, tự mình là nguyên do chứ chẳng có gì khác. Họ còn rảnh đâu mà để trói biển chất non, bình trời đặt đất."

14) Đoạn 4.6: "Như thị" tại sao VTN không dịch ra một cách chính xác và dễ hiểu là "đúng thế" mà lại để nguyên âm Hán "như thị?" (VTN 19). Phải chăng dịch giả muốn hù người đọc là mình cũng đọc được chữ Hán?

15) Đoạn 4.7: "Nhược hữu đạo tâm chi sĩ, tức linh quán thân thực tướng, quán Phật diệc nhiên. Phù ngôn thực tướng giả, tức thí không vô tướng dã." VTN dịch: "Còn với người có đạo tâm, thì dậy Quán Thực tướng cái thân này, cũng như Quán Phật vậy. Nói Thực Tướng tức là nói KHÔNG, là nói VÔ TƯỚNG vậy." (VTN 19). Lủng củng hết sức, tại sao không thể dịch là: "Còn với bậc có đạo tâm, thì dạy họ quán thực tướng của thân này như thể quán Phật vậy. Thực tướng có nghĩa là không hay không có tướng." Ở đây VTN còn chép lại một chú thích của DCE thêm thắt vào chữ và ghi lại số trang trích dẫn từ *Kinh Duy Ma Cật* một cách thiếu sót.

16) Đoạn 6.1: "Đạo vô sở bất biến dã." VTN dịch: "Đạo chẳng thuộc về cái gì có giới hạn." (VTN 23). Thật ra câu này chỉ có nghĩa là "không có chỗ nào mà đạo không thâm nhập."

17) Đoạn 6.3: Chữ *ký* trong đoạn này có nghĩa là "thụ ký" (tiên đoán) chứ không phải là "ghi" như VTN dịch. (VTN 23). Trong các kinh Đại Thừa, Phật thường "thụ ký" *(prophesy)* cho một số người nào đó sẽ thành Phật trong một kiếp nào đó trong tương lai và tại một cõi nào đó. (7)

18) Đoạn 7.1: "Như thị tất cánh không lý, đương ư hà chứng?" Nhập lý viết: "Đương ư nhất thiết sắc trung cầu, đương ư tự ngữ trung chứng." VTN dịch: "Nếu theo yếu lý Chân Không, thì lấy gì để chứng ngộ?" "Nhập Lý nói: "Tìm trong tất cả mọi hình tướng, chứng ngộ bằng tự lời của mình." (VTN 27). Đúng ra là: "Cái nguyên lý cứu cánh không này, phải dựa vào đâu mà chứng?" Nhập Lý nói," Phải tìm nó trong tất cả mọi hiện tượng, phải dựa theo giáo lý của [tông môn] mình mà chứng."

19) Đoạn 7.4: "Ký thực không giả, hà vi thụ huân? Nhược ký thụ huân, khởi thành không dã." VTN dịch: "Nếu (tất cả pháp giới) đã là không, thì thế nào là vô minh? Nếu đã vô minh rồi thì làm sao lại thành không cho được?" (VTN 27). Đoạn này bị VTN bóp méo và dịch một cách sai bét chỉ vì ông cóp chép một chú thích trong DCE về thành ngữ "thụ huân" và đọc sai Anh ngữ. Chú thích 21 (DCE, 26)" "[thụ huân] Skt., *vàsita,* from *vàsanà* or defiling influence of *avidyà,* ignorance." VTN chép lại một cách méo mó như sau: "THỤ HUÂN Hán tự âm Phạn ngữ VASITA, lấy từ nguyên ngữ AVIDYA, Hán dịch là VÔ MINH (mê lầm)..." Chúng ta tự hỏi "Hán tự âm Phạn ngữ" là cái quái gì? Thật ra chữ *vàsanà* là danh từ, còn *vàsita* là quá khứ phân từ của động từ *vàs* có nghĩa là "xông, ướp," người Trung Hoa dịch là "huân tập." Chữ *vàsanà* hay *vàsita* tuyệt nhiên không hề "lấy từ nguyên ngữ avidyà" như VTN đã trơ trẽn phịa ra. Ý nghĩa của đoạn này đúng ra là: " Nếu đã thực là không, tại sao lại có huân tập? Nếu đã chịu huân tập, làm thế nào thực hiện [tính] không được nữa?" Tiếp theo đó VTN lại dịch câu trả lời một cách lòng thòng và sai bét.

20) Đoạn 8.3: "Nhị tổn" có nghĩa là "hại cả hai phía" chứ không phải là "tổn hại gấp đôi" như VTN dịch. VTN còn đọc lầm chữ "lục thú" (sáu con đường luân hồi) thành "lục súc."(VTN 31).

21) Đoạn 8.4: VTN đọc lầm chữ *đán* thành *cụ, diệt* thành *giảm, kiến lập* thành *kiến vị* và dịch cả đoạn này sai bét. (VTN 31).

22) Đoạn 9.1: VTN đọc lầm chữ *tà ngụy* thành *da ngụy* và lại cũng dịch hỏng cả đoạn. (TN 34-35).

23) Đoạn 9.2: Cả đoạn này bị phiên âm thiếu sót và sai lung tung. Chữ *thắng* bị VTN đọc thành *dáng*. Phần dịch do đó cũng lộn xộn lung tung. (VTN 34-35).

24) Đoạn 10.1: Tại sao lại để nguyên đoạn "bồ tác hành ư phi đạo" bằng âm Hán thay vì dịch ra quốc ngữ? Hầu hết các chữ "bồ tát" trong sách này bị đánh sai một cách hạ cấp thành "bồ tác." Có thể là do lỗi người đánh máy, nhưng chẳng lẽ VTN không đọc lại "tác phẩm" của mình sao?

(VTN 36-37). Có lẽ chính ông cũng không đủ can đảm để ngửi lại các đống rác của chính mình.

25) Đoạn 10.3: Chữ *khả* bị đọc sai thành *hà*. (VTN 36).

26) Từ đoạn 10.8 đến 10.12 đầy những sai lầm về phiên âm và dịch thuật, chỉ xin đưa ra vài ví dụ: Chữ *dâm* bị đọc thành *lạc*, *trắc* thành *tự*, *chú* thành *ngạo*, *ố* thành *vu*. Khôi hài nhất là thành ngữ *chướng ngại* bị VTN đọc thành *ngao đắc*. (VTN 38). "Ngao đắc" là cái gì?

27) Đoạn 11.2: Chữ *thí* bị đọc thành *tì* (VTN 42).

28) Đoạn 13.2: Các chữ *diệt* đều bị đọc thành *giảm*. (Hầu hết các chữ *diệt* trong sách đều bị đọc sai thành *giảm*). Một lần nữa một thành ngữ Hán "tiểu nhi chi kiến" lại chỉ được phiên âm thay vì dịch ra quốc ngữ, khiến câu văn nghe vừa ngốc nghếch vừa lố bịch. (V 46-47).

29) Đoạn 13.3: Chữ "đại sĩ" được VTN dịch là "sĩ đại thừa." Người chỉ cần có kiến thức sơ đẳng về Phật Giáo cũng biết rằng chữ "đại sĩ" chỉ giản dị có nghĩa là Bồ Tát *(bodhisattva)* mà thôi. (VTN 47). Chả lẽ bây giờ chữ "Quan Âm Đại Sĩ" phải dịch ra là "Quan Âm sĩ đại thừa" thay vì "Quan Âm Bồ Tát" sao?

30) Đoạn 13.4: Nhẩy mất một đoạn trong nguyên tác" "ư lý hà ích" (có lợi gì cho nguyên lý [tính không]." Ngoài ra, VTN còn cho một chú thích về thành ngữ "ư pháp hà tổn" như sau: Ư PHÁP HÀ TỔN?: (Làm Hại Pháp nào?" (VTN 46). Dựa vào đâu mà VTN dám nói như thế? Hay chỉ là lối nói ngược ngạo dấm dớ của chính VTN, khoác lác không đúng chỗ?

31) Đoạn 14.10: Chữ *giải* trong đoạn này có nghĩa là "hiểu" chứ không phải là "phân giải."

32. Đoạn 15.1: "Vân hà tự kiến, phi chính kiến hồ." VTN dịch. "Tại sao con tự thấy, rồi lại thấy như là không?" (VTN 59). Người đọc không thể tự hỏi, VTN dịch câu văn này, hay là ông phiên âm câu này rồi dịch một câu nào khác trong trí tưởng tượng của ông? Rõ rệt là VTN không thấy được sự liên tục của đoạn 15.1 với câu cuối của đoạn 14.18: "Nhập Lý Tiên Sinh bèn nói với Duyên Môn (DM), "Nay ông tựa như thấy được chân lý." Đoạn 15.1 bắt đầu bằng câu hỏi tiếp theo của DM: "Tại sao [thầy lại chỉ nói là] tựa như thấy mà không phải là thật sự thấy?" VTN hiểu lầm chữ "tự" (tựa như, có vẻ như) thành "tự mình."

33). Đoạn 15.3: Phiên âm thiếu sót cho nên phần dịch cũng lộn xộn lung tung. (VTN 58-59).

34) Đoạn 15.7: Lại thêm một trường hợp đọc sai (hay đọc không ra) chữ Hán và dịch bậy: Nguyên tác: "Định viết pháp thân, báo thân tứ đại nhục thân dã. Phân biệt tiền cảnh ứng khởi vị hóa thân." (Định là Pháp Thân, Báo Thân là thân xác thịt do tứ đại hợp thành. Phân biệt hoàn cảnh hiện tiền rồi hiện khởi để đáp ứng là Hóa Thân). Không hiểu tại sao đoạn này tác giả TQL lại giải thích Pháp Thân *(dharmakàya)* và Báo Thân *(Sambhogakàya)* một cách *hoàn toàn* sai lầm như vậy. Trong văn học Đại Thừa Phật Giáo Ấn Đk và Tây Tạng, không bao giờ Pháp Thân được đồng hóa *(identified)* với định *(samàdhi)* cả. Pháp Thân là trí *(jnàna)*, còn định chỉ là quyền năng hay tác năng của trí mà thôi. Hơn nữa, văn học Đại Thừa, kể cả Trung Hoa, cũng không bao giờ định nghĩa Báo Thân là "tứ đại nhục thân" cả. Báo Thân là nền tảng của các đặc tính của Phật quả, là một thứ "thân" mà chỉ những Bồ Tát ở mức thành tựu tâm linh cao nhất (thập địa) mới nhìn thấy được.

Sự đồng hóa Pháp Thân với định *(samàdhi)* dường như là một sai lầm điển hình của những người Phật Giáo Trung Hoa. (8) Đây có thể là một dấu hiệu cho chúng ta thấy rằng TQL là một trước tác của một tác giả Trung Hoa. Các tác giả DCE hoàn toàn im lặng về vấn đề này. Trong phần dịch Anh ngữ của đoạn văn trên, họ còn cố ý vặn vẹo, song cũng chẳng che đậy được sự sai lầm này của tác giả TQL. VTN lại cũng chỉ dựa theo các tác giả này một cách vụng về, rồi lại còn đọc sai chữ Hán (hai chữ "nhục thân" trong nguyên tác đã bị ông đọc thành một chữ "ký"). Đã thế ông còn tự cho thêm một chú thích hoàn toàn tầm bậy về chữ Báo Thân. (VTN 60-61 và chú thích #42 trang 64).

35) Đoạn 15.12: Chữ "thán" chỉ có nghĩa là "thở dài" không hề có nghĩa là "quát" như VTN dịch. Chữ Chí Trừng Xà Lê chỉ có nghĩa là "Thầy Chí Trừng." Người Trung Hoa phiên âm chữ Phạm *acàrya* (đạo sư) ra thành A Xà Lê hay Xà Lê. VTN đọc lầm chữ "xà lê" thành "đồ lê" và dịch thành "Chí Trừng và Đồ Lê" là sai. (VTN 63).

Đọc và điểm cuốn sách này của VTN quả tình phí mất mấy tiếng đồng hồ của đời tôi. Song tôi đã từng thấy những người được cộng đồng người Việt, và nhất là cộng đồng Phật Giáo, xem là những bậc đại học giả, đại tư tưởng gia, đã trích dẫn cuốn sách này một cách nghiêm nghị, không hề nhìn ra được những sai lầm láo lếu của nó. Những người này mà còn như thế, huống hồ các độc giả ít hiểu biết hơn. Sự ngưỡng mộ tư tưởng hay đạo học Đông phương giữa người Việt Nam là một điều đáng mừng. Song giới độc giả này đã lại chỉ được cung cấp cho những cái gọi là các khảo cứu về "Thiền Tông," "Đại Thừa," "Mật Tông," song thật ra chỉ là những bôi bác láo lếu của mấy ông kỹ sư điện, luật sư, thợ trồng răng... chẳng có chút kiến thức đứng đắn nào cả. Do đó, những đóng góp của những trước tác bằng Việt ngữ vào lãnh vực này cũng là một việc hết sức đáng khuyến khích. Nhưng đây là một công việc đòi hỏi những người viết phải có khả năng chuyên môn và một sự thành thật tối thiểu. Bất cứ ai, dù là bác học cách mấy đi nữa, cũng không thể không có những lỗi lầm. Song những lỗi lầm

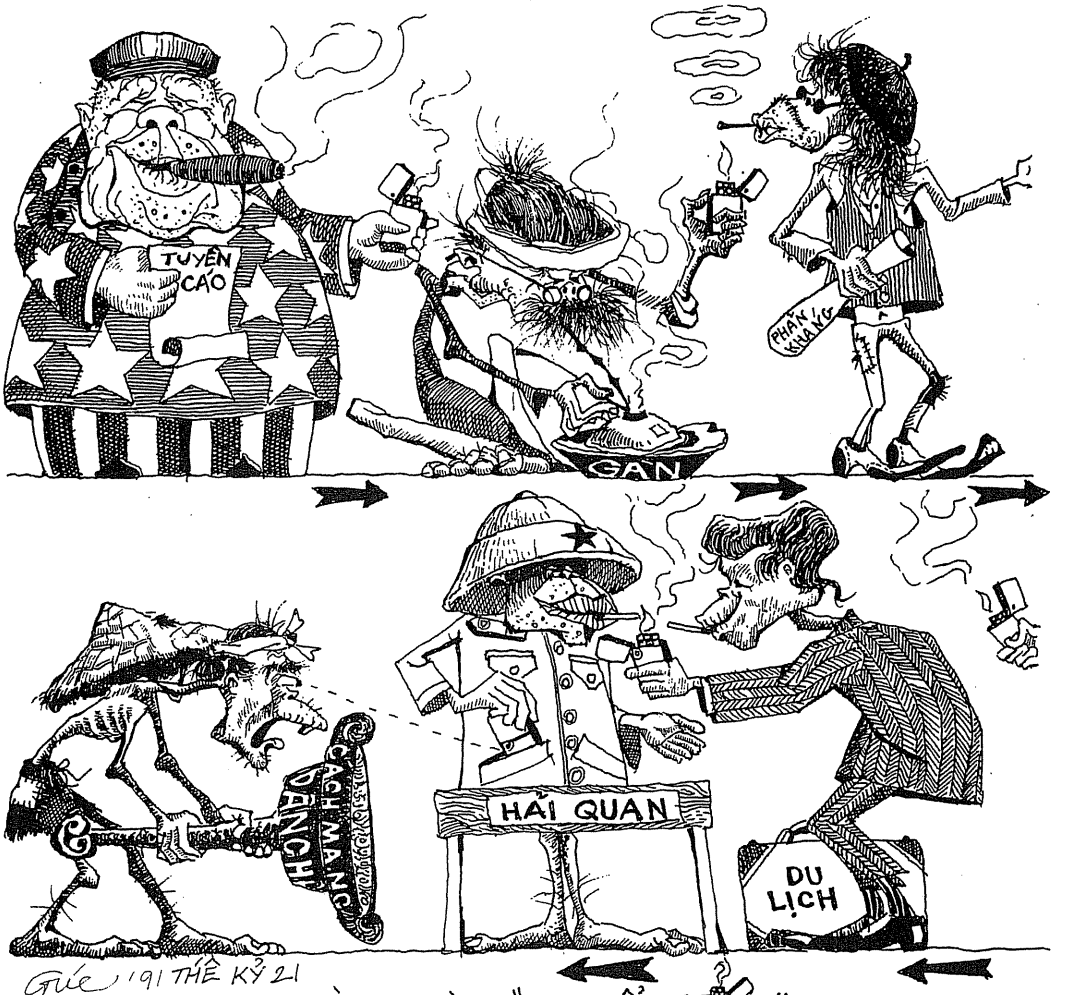

HÀNH TRÌNH "CHUYỂN LỬA"

thành thật khác hẳn với những lừa bịp cố ý.

Riêng về Thiền tông thì đây là một tông phái của Phật Giáo Trung Hoa và là một ngành tư tưởng có một giá trị đặc thù của nó trong lịch sử văn hóa *(intellectual history)* Trung Hoa. Do đó, muốn hiểu biết về Thiền, tối thiểu cũng phải có kiến thức căn bản về lịch sử cũng như văn hóa Trung Hoa, và dĩ nhiên về lịch sử tư tưởng Phật Giáo nữa. Người ta phải đối trị với Thiền một cách nghiêm cẩn và đứng đắn hơn. Và nếu có viết về Thiền, cũng nên viết một cách tỉnh táo và thành thật, không nên dở cái lối văn đồng bóng cải lương kia ra để tự lừa mình và lừa người khác nữa: Phải chấm dứt cái thói phong bừa phong mứa những nhân vật nào đó là giác ngộ và cố tạo cho độc giả cái ấn tượng là chỉ có "moi" mới hiểu họ.

Người viết về một vấn đề trí thức phải quan niệm rằng việc làm của mình chỉ là một chia sẻ và đóng góp công trình thật sự của mình với những người cùng ngành và với người đọc. Người viết khảo cứu ít nhất cũng phải có cái đạo đức tối thiểu là sự thành thực với chính mình và sự kính trọng độc giả. Những kẻ viết một cách bừa mứa thiếu cẩn trọng, nói về những điều mà mình không thật sự biết chỉ vì tham chút danh hão, tôi nghĩ việc ấy không những gây hiểu lầm cho người đọc mà còn tạo ra những tai hại cho các thế hệ

sau này nữa. Chúng ta hẳn ai cũng còn nhớ Lão Tử đã từng nhận định về cái tai hại của việc "lập ngôn" một cách bừa bãi là như thế nào.

CHÚ THÍCH

1. Mặc dù D.T. Suzuki là người đầu tiên ấn hành ra tác phẩm TQL, song chính ông cũng không hoàn toàn dám xác quyết rằng Bồ Đề Đạt Ma là tác giả TQL, vì đôi khi ông nghĩ Thần Hội hay một nhân vật nào đó trong các đời truyền thừa trực tiếp của họ là tác giả TQL. Sekiguchi Shindai đã thảo luận rất kỹ lưỡng về các ý kiến của Suzuki cũng như của chính ông về vấn đề liên quan đến tác giả của TQL trong cuốn *Daruma daishi non kenkyù* (Tokyo: Shunjùsha, 1969), các trang 85-93.

2. Nói như vầy không có nghĩa là tôi có ý mạ lỵ hay hạ thấp giá trị của Suzuki. Không ai chối cãi rằng Suzuki có công đem lại sự chú ý của người Tây phương đối với Thiền. Tuy là một cây viết rất *prolific* song Suzuki không có một chút dầu óc lịch sử nào cả. Trong các trước tác của ông Suzuki giải thích Thiền một cách hết sức chủ quan. Tệ hơn nữa, ông còn có xu hướng thần bí hóa Thiền và nhất định không chịu đặt Thiền trong khuôn khổ lịch sử văn hóa và tư tưởng Trung Hoa. (Chúng ta hẳn còn nhớ cuộc bút chiến giữa Suzuki và Hồ Thích). Suzuki lại cũng thường bướng bỉnh chấp nhận những dữ kiện của truyền thuyết như thể đó là những sự kiện lịch sử. Ngày nay ở Hoa Kỳ đã có những thế hệ học giả và Thiền giả (nếu chúng ta có thể dùng chữ này để chỉ những người ưa thích Thiền không phải chỉ thuần túy trên mặt trí thức và lịch sử) chín chắn hơn. Họ đã vượt qua được cái thái độ lãng mạn mù mờ thuở ban đầu để đi vào Thiền một cách tỉnh táo hơn.

Ở Việt Nam thì kể từ sau cuối thời nhà Trần trở đi, Thiền chỉ còn là một "lời dồn dãi trong các tự viện." (Tôi xin mượn lối nói của nhà xã hội học Hoa Kỳ Peter Berger, tác giả cuốn sách *Rumors of Angels*, nói về tôn giáo trong xã hội hiện đại). Gần đây trong những thập niên 60 và 70, những sách Thiền của Suzuki mới được dịch ra Việt ngữ. Từ đó trở đi Thiền mới lại được hồi sinh, các "dòng Thiền" mới mọc ra nhan nhản, thậm chí còn có cả "dòng Thiền Tây Tạng" nữa. (Điều khôi hài là từ ngữ "Thiền Tây Tạng" chính nó đã là một *oximoron*, một thứ "Aloha amigos" rồi!) Thật ra thì tất cả những "dòng Thiền" kia cũng chỉ phát xuất từ "Tổ Suzuki" mà thôi. Thời đó một nhà xuất bản lớn ở Saigon đã tự động phong cho Suzuki làm "Đại Sư," mặc dù ông này chỉ là một cư sĩ.

3. Trong một cuốn sách khác của ông, VTN còn láo lếu đến mức ông nói về một người mà tôi quen rất thân và rất mến, rằng người này là "đàn em" của ông. Người bạn kia của tôi đã bị Cộng Sản giết chết ở Việt Nam, đâu còn có thể cải chính được.

4. Xem chú thích #1

5. Túc cuốn *Buddhist Wisdom Books* (New York: Harper & Row, 1958).

6. Trong Duy Thức *(Vinnaptimàtra)*, chẳng hạn, tâm *(citta)* được đề cập đến bằng ba danh hiệu khác nhau tùy theo các phương diện tác năng khác nhau là tâm *(citta)*, ý *(manas)*, và thức *(vijnàna)* trong tiến trình kiến lập *(vijnapti)* thực tại. Các giai đoạn tu quán duy thức là chỉ để hành giả thể hiện được thực tính của tiến trình kiến lập này của tâm *(vijnaptimàtratà)* mà thôi. Do đó, đôi khi chữ tâm được dùng để chỉ tiến trình kiến lập thực tại (thức, đôi khi được dùng để chỉ thực tính của tâm. Xem, *inter alia*, L. de La Vallée Poussin, ed., "Trisvabhàvanirdésa," *Mélanges chinoises et boudhiques* 2 (1933): 147-161; Sylvain Lévi, ed., *Vijnaptimàtratàsiddhi: Deux traités de Vasubandhu: Vimsatikà et Trimsikà* (Paris: Honoré Champion, 1925). Để phân biệt, Shunryu Suzuki đã dùng hai chữ "Big Mind" và "small mind" trong cuốn sách của ông. Xem *Zen Mind, Beginner's Mind* (New York: Weatherhill, 1970), passim.

7. Ví dụ như trong Kinh *Pháp Hoa*. Xem bản dịch Anh ngữ của Leon Hurvitz từ bản Hán của Kumarajìva: *Scripture of the Lotus Blossom of the Fine Dharma* (New York: Columbia University Press, 1976), các trang 120-129; 157-167.

8. Theo truyền thống Thiền, Huệ Năng dạy trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* về định và huệ như sau: "Này các thiện trí thức, pháp môn của ta lấy định và huệ làm nền tảng. Tuyệt đối không được nói một cách sai lầm rằng định và huệ là khác nhau; định huệ cùng một thể không phải là hai: định là thể của huệ; huệ là dụng của định. Bất cứ khi nào có huệ, định hiện hữu trong huệ; bất cứ khi nào có định, huệ hiện hữu trong định. Các thiện tri thức, như thế có nghĩa là định và huệ giống nhau. Các người học đạo phải cẩn thận, đừng nói rằng có định trước rồi huệ sinh, hay có huệ trước rồi định sinh, hay định và huệ khác nhau." Nguyên tác Hán văn ở trang 6, trong Philip B. Yampolsky, *The Platform Sutra of the Sixth Patriarch* (New York: Columbia University Press, 1967).

Về đoạn văn này hai điểm sau đây cần được lưu ý:

(1) Một số học giả về Phật Giáo Trung Hoa nhận định rằng sự đồng nhất định và huệ là một độc sáng của Thiền Nam Tông chống lại quan điểm của Thần Tú. Điều này sai, vì đây là quan điểm đặc trưng của Phật Giáo Ấn Độ.

(2) Nhưng khi Huệ Năng (của PBĐK) nói rằng định là thể của huệ, ông đã lật ngược đầu Phật luận *(Buddhology)* của Đại Thừa Ấn Độ. Mặc dù hai khái niệm giải thích *(hermeneutic concepts)* "thể, dụng" là của Trung Hoa, nhưng nếu dựa trên đó để diễn dịch, chúng ta có thể giải thích như sau: theo quan điểm Đại Thừa, chân tính hay thể của Phật (Pháp Thân) là trí hay huệ *(jnàna)* và định *(samàdhi)* chỉ là tác năng của huệ mà thôi. Cho nên, mặc dù huệ và định không khác, song không thể nói định là thể của huệ được mà trái lại mới đúng.

HOÀNG THỤY AN

Cambridge, tháng Tư, 1991

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THÁNG SÁU 1991

Những biến chuyển mới ở Đông Dương & Đại hội 7 của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Đảng CSVN họp Đại hội toàn đảng lần thứ 7 từ ngày 24 đến 27 tháng Sáu năm 1991 tại thủ đô Hà Nội để cải tổ nhân sự và định hướng đi tương lai cho chế độ.

Trong cùng thời gian đó, nhiều biến chuyển quan trọng xẩy ra ở Á Châu.

*** Sự chuyển hướng của Trung Cộng**

Trung Cộng chuyển hướng để thích nghi với tình hình mới của thế giới, đồng thời tìm cách trở lại con đường canh tân kinh tế đã bị thiệt hại trầm trọng do biến cố Thiên An Môn. Đặng Tiểu Bình lại bắt đầu xuất hiện để tham gia việc nước. Nhiều phụ tá cũ của Triệu Tử Dương được phục hoạt chính trị, được tham gia chính phủ ở cấp phó thủ tướng. Bắc Kinh nồng nhiệt đón tiếp Ngoại trưởng Nhật Bản. Thủ tướng Nhật đã chấp nhận lời mời của Bắc Kinh để chính thức viếng thăm TC vào tháng Mười sắp tới. Có thể Nhật Hoàng sẽ công du TC vào năm 1992. Thái độ của TC đối với Cam Bốt cũng uyển chuyển, Bắc Kinh không còn cứng nhắc ủng hộ Khmer Đỏ như trước. TC cho thấy sẵn sàng ủng hộ một giải pháp hòa giải ở Cam Bốt.

*** Cuba và Bắc Hàn khó tồn tại**

Hai nước Cộng Sản Cuba và Bắc Hàn gặp khó khăn ngày một nghiêm trọng hơn. Cuba thiếu ăn, thiếu mặc tới mức tuyệt vọng, sự suy sụp của Fidel Castro chỉ là chuyện ngày giờ. Số phận Bắc Hàn không khá hơn, đang tìm cách sinh tồn qua thương thảo với Nhật để tìm cách được Mỹ bang giao thừa nhận. Người ta nói rằng thời gian đang nghiêng về phía Nam Hàn. Các thương gia Nam Hàn tiên đoán sự thống nhất hai miền có thể xảy ra vào năm 2000 qua con đường ngoại thương Nam Bắc.

*** Hoa Kỳ - Nhật tung hoành lãnh đạo châu Á**

Chiếm ưu thế độc tôn siêu cường, Hoa Kỳ ngự trị Á Châu. Liên kết với sức mạnh siêu quần kinh tế của Nhật, hai nước Mỹ - Nhật tung hoành tạo thế vương bá.

*** Thái Lan cực kỳ thịnh vượng**

Thái Lan, khai thác thời cơ và vị thế đặc biệt của mình, luôn luôn duy trì được tự chủ độc lập, đang thành công phát triển vượt bực ở Đông Nam Á. Đường lối phát triển của Thái khác hẳn bốn con rồng châu Á, Thái không theo đường thất lưng buộc bụng như Nam Hàn, Đài Loan, trái lại mở tung thị trường, đón nhận tư bản ngoại quốc, nguồn đầu tư chính là Nhật Bản. Các nhà lãnh đạo Thái chủ trương một nước Thái giàu mạnh về canh nông ngang hàng kỹ nghệ.

*** Hội thảo Trường Sa**

Các nước ĐNA tiên liệu tình hình biến chuyển ở ĐNA, vội vã hội họp nhau tính chia chác quần đảo Trường Sa, một quần đảo có vị thế chiến lược nằm trên hải lộ nối liền hai vùng dầu hỏa Trung Đông và Thái Bình Dương. Trường Sa cũng là vùng biển quan trọng về ngư nghiệp. Mới đây lại có nhiều khám phá về tiềm năng dầu hỏa.

*** Hòa Đàm Cam Bốt khai thông**

Ông Hoàng Sihanouk, cảm thấy có cơ hội lớn cho nước Cam Bốt, đã tích cực vận động bốn phe đối nghịch hội họp nhau ở vùng nghỉ mát Pattaya của Thái Lan để tiến đến một thỏa ước ngưng bắn vĩnh viễn cho Cam Bốt. Sihanouk họp báo tuyên bố: "Trên nguyên tắc, cuộc chiến kéo dài mười hai năm ở Cam Bốt đã kết thúc." Khieu Sam Phan, đại diện Khmer Đỏ, đã xác nhận thỏa thuận ngưng chém giết. Lần đầu tiên Hội Đồng Tối Cao Khmer với thành phần 12 hội viên, đại diện cho chủ quyền Cam Bốt, đã hội họp nghiêm chỉnh để đi đến một quyết định quan trọng thay đổi cục diện Cam Bốt.

Mặc dù còn một số bất đồng căn bản, 4 phe Cam Bốt đã đồng ý đưa Hội Đồng Tối cao Cam Bốt về Nam Vang, lấy trụ sở là Hoàng Cung cũ để hoạt động như một thứ siêu chính phủ. Thượng Hội Đồng này có sáu hội viên đại diện cho phe Nam Vang, và sáu cho phe kháng chiến, kể cả Miên Đỏ, mỗi phe hai ghế. Vai trò của Thượng Hội đồng có tính cách chuyển tiếp, và sẽ là cơ quan tối cao đại diện cho Cam Bốt tại LHQ, có

quốc kỳ và quốc ca riêng. Cơ quan này cũng sẽ tiếp các ủy nhiệm thư của các đại sứ, và sẽ cử đại diện Cam Bốt tại các hội nghị quốc tế. Thượng Hội đồng này sẽ không có thực quyền cai trị. Trên các vùng đất Cam Bốt, quyền kiểm soát vẫn thuộc Nam Vang và 3 phe Kháng chiến.

Ông Hoàng Sihanouk cho biết ông sẽ về Nam Vang vào tháng Tám. Ông mời các nước gửi đại sứ sang Cam Bốt. Nga đã đặt sứ quán tại Nam Vang. Các nước Pháp, Úc, Nhật đều cho biết đã sẵn sàng. Chức vụ chính thức của Sihanouk là Điều hợp Viên Thượng Hội đồng, thực tế ông có uy tín của một vị chủ tịch. Chính nhờ sự khôn khéo, đi dây giữa Miên Đỏ và Nam Vang, Sihanouk đã khai thông hòa đàm một cách ngoạn mục. Thời gian gần đây, Sihanouk đánh giá lại Miên Đỏ, ông thân thiện hơn với Hun Sen khiến Miên Đỏ lo ngại phải nhượng bộ. Thêm nữa, Miên Đỏ không tạo được thắng lợi quyết định trên chiến trường. Chế độ Nam Vang có vẻ được thừa nhận để tồn tại.

Tuy vậy, hòa bình Cam Bốt còn mong manh. Hun Sen vẫn chưa chấp nhận giải pháp của Ngũ Cường LHQ vì cho rằng giải giới Nam Vang để giao quyền cho LHQ sẽ đưa Miên Đỏ trở lại chính quyền. Nhưng không khí lạc quan vẫn bao trùm. Hà Nội phấn khởi, vui mừng đón nhận tin ngưng bắn. Bắc Kinh tỏ dấu hiệu hài lòng. Trong tháng Bẩy, 1991 bốn phe Cam Bốt sẽ họp lần đầu tại Bắc Kinh để cố giải quyết các khác biệt còn lại.

*** Đại hội 7 của Đảng CSVN**

Ngày 24 tháng Sáu, 1991, 1.176 đại biểu của đảng viên đảng CSVN đã tề tựu tại Hội trường Ba Đình nghe Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh đọc diễn văn khai mạc đại hội toàn đảng lần thứ 7.

Nguyễn Văn Linh tuyên bố Việt Nam tiếp tục con đường Mac-Lenin, dù biết XHCN trên toàn thế giới đang ở trong tình trạng suy sụp, khủng hoảng toàn diện về ý thức hệ, xã hội và kinh tế.

Theo Linh, Việt Nam không thể có dân chủ đa đảng, vì làm thế chỉ tạo ra rối loạn, đưa phản động cũ trở lại. Linh xác nhận Liên Xô đã cúp viện trợ, từ nay phải làm lấy mà sống, khó khăn đầy rẫy, phải hy sinh thắt lưng buộc bụng, tìm kiếm các nguồn giúp đỡ mới.

Phương thức của đảng là tiếp tục con đường kinh tế thị trường do đảng lãnh đạo. CSVN sẽ thân mật giao du với mọi nước, không phân biệt ý thức hệ và cựu thù. Để bày tỏ sự cởi mở của đảng, Linh nói: "Từ nay Đảng CSVN không phải chỉ là đảng của công, nông, vô sản chuyên chính, mà là của cả trí thức, chuyên gia." Nói khác đi đảng đã thay đổi, chủ trương "Chuyên hơn Hồng".

Sau đó Linh từ chức, nhường chức TBT lại cho đương kim Thủ tướng Đỗ Mười. Đại hội 7 kế tiếp tổ chức bỏ phiếu để cải tổ guồng máy lãnh đạo đảng. Quá nửa bộ Chính trị bị thay thế kể cả Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch, và Bộ trưởng Nội Vụ quyền uy nhất nước, Mai Chí Thọ. Hơn 60% ủy viên Ủy ban Trung ương cũng bị thay thế với mục tiêu *Thanh Đảng*, và trẻ trung hóa guồng máy đảng.

Trước khi đại hội khai mạc, đảng công bố chuyện thanh lọc 80 ngàn đảng viên trên toàn quốc trong vài năm vừa qua. Vài tháng gần đây, rất đông thành phần đối kháng bị bắt giữ hay bị khai trừ khỏi đảng.

Kết thúc đại hội 7, Tướng Lê Đức Anh đọc quyết nghị. Tân Tổng Bí Thư Đỗ Mười họp báo kêu gọi thế giới giúp đỡ Việt Nam, "*nước nghèo nàn nhất thế giới.*"

*** Phản ứng của dư luận đối với đại hội 7**

Đó là nội dung của đại hội lần thứ 7 của đảng CSVN được báo chí quốc tế theo dõi cặn kẽ. Dưới đây, Thời Sự xin tóm tắt phản ứng của dư luận:

-- Đại hội 7 chứng tỏ sự cô thế của đảng CSVN: chỉ có bốn nước tham dự -- Liên Xô, Cuba, Cam Bốt, Lào. Đại hội 6 có 36 nước tham dự. (BBC/Reuter)

-- Không có người Việt Nam nào đặt hy vọng ĐH7/ĐCSVN. (Wall Street Journal)

-- Đại hội 7 chỉ là một sự bày hàng, đảng chỉ lừa mị không đếm xỉa gì đến nguyện vọng của nhân dân. (Bùi Tín)

-- Trước khi Đảng CSVN họp đại hội, TC đặt bốn điều kiện tiên quyết trước khi tiến tới bình thường hóa quan hệ. (Le Monde)

-- Cuối cùng, đảng CSVN cũng sẽ phải đổi hóa. (Carlyle A. Thayer, Học giả Úc)

-- Đảng CSVN trải qua 61 năm chiến tranh, không thích hợp với hòa bình. (Reuter)

-- Nguyễn Cơ Thạch bị thay thế vì Hà Nội muốn chiều lòng Bắc kinh. (Le Monde)

-- Đại hội 7 đánh dấu sự chuyển tiếp của CSVN. Sẽ có sửa đổi hiến pháp để tách đảng khỏi nhà nước, đồng thời có sự phân quyền giữa quốc hội và chính phủ. (Le Monde)

-- Sự thay đổi lãnh đạo trong ĐH7 là một sự thỏa hiệp trong đảng trong thời kỳ chuyển tiếp. (Reuter)

-- Bây giờ người CSVN cần chuyên viên để xây dựng kinh tế. "Đa nguyên nhưng độc đảng." (AP)

-- Nguyễn Văn Linh toàn thắng trong việc cải cách nhân sự đảng. (AP)

-- Đỗ Mười: VN sẽ không còn phiêu lưu quân sự. (New York Times)

-- Cộng sản VN ngả sang phía Tàu hơn Nga Sô. (Times of London)

-- Đỗ Mười là nhân vật hòa giải giữa các phe nhóm trong đảng. (UPI)

-- ĐH7 cho thấy CSVN lâm vào ngõ cụt, chỉ còn biết tìm cách duy trì nguyên trạng cho qua ngày. (Le Monde)

THỜI SỰ THÁNG SÁU 1991

Thành phần người Mỹ gốc Á gia tăng mạnh mẽ nhất so với các khối thiểu số khác ở Mỹ. Người Việt có tỷ lệ cao nhất. Số người Mỹ gốc Việt ở Mỹ là 615 ngàn người.

Á châu nồng nhiệt đón nhận vai trò lãnh đạo của Mỹ trong vùng. Bài báo nêu lên nhiều mối lo ngại về sự đụng độ có thể xảy ra vì cạnh tranh kinh tế Mỹ - Nhật. [6/91, New York Times ( )].

Nguyễn Cơ Thạch tuyên bố sẽ rút khỏi công vụ trong các sắp xếp mới của đảng ở ĐH7. Tiếp Bobby Muller, giám đốc cựu chiến binh Mỹ, Thạch tiết lộ là đã gửi một văn thư chính thức cho Ngoại trưởng Baker ngày 20 tháng Tư, 1991. Thạch cho biết với văn thư đó, Việt Nam bác bỏ đề nghị mới của Mỹ về việc giải quyết vấn đề Cam Bốt để tiến tới bình thường hóa bang giao Mỹ - Việt. Thạch cho rằng Mỹ chỉ chú tâm tới giải quyết vấn đề Cam Bốt, không tha thiết đến bang giao Mỹ - Việt. Thạch từ chối cử đại diện sang Hồng Kông để gặp Thứ Trưởng Robert Kimmitt như Mỹ yêu cầu. Thạch yêu cầu Kimmitt đến Hà Nội thương thảo. Phía Việt Nam cho biết sẽ gặp Kimmitt bất cứ nơi nào trên lãnh thổ TC. Mỹ vẫn còn giữ kín lá thư Thạch gửi cho Ngoại trưởng Baker. [1-2/6/91, Washington Post & IHT ( ].

Hun Sen thỏa hiệp với Sihanouk. Thủ tướng Cam Bốt, Hun Sen đồng ý để Sihanouk làm chủ tịch Thượng Hội Đồng Khmer, và chịu giữ ngôi vị thứ hai trong hội đồng này. [3/6/91, IHT, UPI, AP ( ].

Ngân hàng Barclay PLC nộp đơn xin hoạt động tại Việt Nam. Hiện đã có 5 ngân hàng Pháp, 1 ngân hàng Anh, 1 ngân hàng Thái Lan có văn phòng đại diện tại Việt Nam. [11/6/91. IHT ( ].

Ngân hàng Crédit Lyonnais của Pháp hứa giúp Việt Nam mở thị trường chứng khoán trong vòng năm năm. Đại diện của Crédit Lyonnais ở Hồng Kông là Lê Trọng Nhi cho biết ngân hàng này sẽ khởi sự dự án bằng 100 triệu Mỹ Kim. Nam Vang cũng tỏ ý muốn cho Pháp khai thác dầu hỏa ở Cam Bốt. [14/6/91, IHT ( )].

Hòa đàm Cam Bốt không tiến triển vì Khmer Đỏ phá đám. Tờ báo tiết lộ là Miên Đỏ đã bác bỏ đề nghị của Bắc Kinh thúc dục Miên Đỏ thỏa hiệp với Nam Vang ở Jakarta. Tờ báo cho biết TC đã thay đổi thái độ không ủng hộ Miên Đỏ như trước nữa. [17-23/6/91, Japan Times ( )].

Những trở ngại cho hòa bình Cam Bốt. Bài báo đề cập đến những khó khăn khiến cho hòa bình Cam Bốt chưa được khai thông: sự bướng bỉnh của Khmer Đỏ, sự không nhượng bộ của Nam Vang, sự thù hận truyền kiếp Miên-Việt. Thế giới ở trong thế lưỡng nan -- không thể cho Miên Đỏ trở lại nắm quyền, cũng như chưa thể chấp nhận Hun Sen. [18/6/91, IHT & Washington Post

Ý nghĩa chuyến viếng thăm Việt Nam của ngoại trưởng Nhật Taro Nakayama. Bài báo cho biết Nhật muốn chính thức lãnh đạo, đại diện cho châu Á. Chiến lược của Tokyo là làm trung gian cho Mỹ và TC, và bắc cầu cho Hà Nội gặp gỡ Hoa Thịnh Đốn. [18/6/91, China Post)].

Các nước Á châu nỗ lực tìm cách giải quyết chủ quyền quần đảo Trường Sa. Sự quan trọng chiến lược của quần đảo này là ngư nghiệp, trục giao thông và kiểm soát hải lộ quốc tế, tiềm năng dầu hỏa. Á châu lo ngại rằng sau khi vấn đề Cam Bốt giải quyết xong, Trường Sa có thể là ngòi lửa đụng độ mới. [19/6/91, IHT ( )].

Buôn bán VN-Đài Loan gia tăng mạnh mẽ trong hai năm qua. [19/6/91, China Post (P20)].

Hà Nội bác bỏ 4 điều kiện tiên quyết do Bắc Kinh đặt ra đòi CSVN thi hành trước khi tiến tới bình thường hóa bang giao hai nước. Mặc dù có nhiều đồn đại về tiến triển ngoại giao giữa VN và TC, thực tế TC công khai đòi VN thực thi 4 điều căn bản trước khi đi tới bình thường hóa quan hệ.

Điều kiện 1 là Việt Nam không được theo đuổi chính sách Việt hóa Cam Bốt. Điều kiện 2, Việt Nam phải chấp nhận chủ quyền Trường Sa và Hoàng Sa thuộc TC. Điều 3, VN phải chấp nhận hồi hương 280 ngàn người Hoa mà CSVN đã trục xuất năm 1979. Điều 4, VN phải cho phép Hoàng Văn Hoan về nước tham chính. Hoan vừa chết tháng trước ở Bắc Kinh. [21/6/91, Le Monde

Người Việt Nam không tin tưởng là ĐH7/ĐCSVN sẽ thay đổi được tình hình xứ sở. WSJ cho biết đảng CSVN sẽ họp đại hội 7 vào cuối tháng Sáu. Đảng sẽ thay đổi 60% lãnh đạo trong Bộ Chính trị và Ủy Ban Trung Ương. Nhiều chuyên viên sẽ được đưa vào ngôi vị lãnh đạo, nhưng trọng tâm quyền lực vẫn nằm trong tay những người bảo thủ cứng rắn nhất.

Các khuynh hướng cải cách chỉ còn được an ủi

là đảng sẽ tiếp tục theo con đường kinh tế thị trường.

Trần Bạch Đằng cho WSJ biết là đảng CSVN sẽ chủ trương tách rời đảng khỏi nhà nước. Đằng nói hiến pháp sẽ được tu chính để đảng lãnh đạo và nhà nước chịu trách nhiệm cai trị, nếu đại hội chấp thuận. Đằng cho biết năm tới quốc hội Việt Nam sẽ được tự do bầu cử, mọi người có quyền ứng cử vào quốc hội; quốc hội sẽ có quyền truất bộ trưởng của nội các. Đằng hiện là cố vấn cho Nguyễn Văn Linh. [21/6/91, Wall Street Journal

Bùi Tín viết tham luận đánh lãnh đạo đảng CSVN trên báo Le Monde. Bùi Tín tố cáo lãnh đạo đảng cố tình bưng bít, lừa mị đảng viên. Bùi Tín nói phe bảo thủ ngoan cố tổ chức đại hội 7 chỉ nhằm tìm cách gối đầu ngủ yên. Bùi Tín kêu gọi đảng viên đại biểu dự đại hội nên bác bỏ dự thảo chính trị tiến lên XHCN. Bùi Tín khuyến cáo đại hội nên đấu tranh nhìn vào thực tế, nghiên cứu tình hình Đông Âu để đưa đảng tiến đến con đường dân chủ. Ông ta hô hào trả lại quyền làm chủ cho nhân dân. Bài báo này được Le Monde đăng tải hai ngày trước khi đảng CSVN nhóm đại hội 7 tại Hà Nội. [22/6/91, Le Monde ( )].

Giáo sư Carlyle A. Thayer của Viện Hàn lâm Quốc phòng Úc phân tích tình hình đảng CSVN trước thềm đại hội 7. Ông cho rằng đại hội 7 sẽ quyết định Việt Nam tiếp tục con đường cải cách kinh tế và mở cửa sang phía Tây phương. Ông tiên đoán đảng CSVN không chịu nhả quyền lãnh đạo, không chấp nhận dân chủ, đa đảng, nhưng sẽ cải cách để giảm quyền cai trị nhà nước của đảng. Quốc hội sẽ có vai trò kiểm soát nhà nước.

Đảng CSVN sẽ có thay đổi nhân sự lớn ở cấp lãnh đạo là Bộ Chính trị và UBTƯ Đảng. Ông nghĩ rằng đảng có những tranh chấp lớn giữa bảo thủ và phe đòi cải cách; và CSVN cảm thấy bị cô lập sau biến cố Đông Âu và Nga Sô. Ông kết luận là CSVN cố tránh chuyện đa nguyên chính trị, nhưng với các quyết định ở đại hội 7, đảng CSVN cố biến thể để đa nguyên hóa đảng. [22, 23/6/91, IHT ( )].

Tokyo và Hà Nội thỏa thuận hợp tác vãn hồi hòa bình Cam Bốt. Ngày 11 tháng Sáu, 1991 vừa qua ở Hà Nội, Ngoại trưởng Nakayama của Nhật và Nguyễn Cơ Thạch của Việt Nam đã thảo luận về tình hình Cam Bốt. Sau đó trong 45 phút, ông Nakayama đi họp với thủ tướng Đỗ Mười. Mười hứa sẽ hợp tác với Nhật để tìm cách vãn hồi hòa bình Cam Bốt. Ngoại trưởng Nhật xác nhận giải pháp của Ngũ Cường là giải pháp thực tiễn duy nhất để vãn hồi hòa bình Cao Miên. Ông ta cũng cho biết là VN và Nhật sẽ đóng vai trò quan trọng trong giải pháp này. Ông khuyên VN thuyết phục Nam Vang chấp nhận kế hoạch LHQ. Về phía Nhật sẽ thuyết phục Bắc Kinh ủng hộ chấm dứt cuộc chiến Cao Miên. Thạch bày tỏ lo ngại của Hà Nội về sự trở lại nắm quyền của Miên Đỏ, tuy nhiên Thạch xác nhận không thể loại Miên Đỏ ra khỏi một giải pháp chính trị cho Cao Miên. [24-30/6/91, Kyodo News & Japan Times ( )].

Bốn phe Cao Miên đã thỏa thuận một kế hoạch ngưng bắn vĩnh viễn khi đại diện bốn bên họp nhau ở Thái Lan. [24/6/91, Wall Street Journal ( )].

NY Times xác nhận tin ngưng bắn của WSJ. Sihanouk sau khi gặp Hun Sen đã chính thức cho biết sẽ kéo dài cuộc ngưng bắn, bắt đầu từ tháng Năm vừa qua, một cách vĩnh viễn. [24/6/91, New York Times ( )].

BBC lược diễn lại quá trình sinh hoạt của đảng CSVN trong 61 năm cai trị nước Việt. Hãng thông tấn Reuter theo dõi đại hội 7 đang nhóm ở Hà Nội để tóm tắt những khó khăn mà CSVN đang phải đương đầu. Phóng viên Reuter lược thuật 6 phiên đại hội cũ đánh dấu các giai đoạn của đảng CSVN. [24/6/91, Reuter ( )].

Bắc Hàn cũng như CSVN vẫn còn tin chế độ của mình sẽ tồn tại. [24/6/91, Washington Post, IHT ( )].

Ngưng bắn đưa triển vọng hòa bình của Cam Bốt đến chỗ hy vọng. Báo The Guardian cho biết là Sihanouk, Hun Sen, Khieu Sam Phan đều xác nhận là lệnh ngưng bắn ở Cam Bốt đã được duy trì nghiêm chỉnh sau khi bốn phe hội họp ở Pattaya, Thái Lan.

Bốn phe đang cố thỏa hiệp về thành phần vai trò, cách sinh hoạt của Thượng Hội Đồng Khmer. Hun Sen, Sihanouk cho biết là gần tiến tới chỗ thỏa hiệp hoàn toàn. Khieu Samphan hứa hẹn là sẽ hợp tác linh động.

Theo báo này, vấn đề quyết định cho giải pháp Cam Bốt lúc này ở trong tay TC. Chưa biết Bắc Kinh ủng hộ Sihanouk tới mức nào.

Trong công bố thỏa hiệp ngưng bắn vĩnh viễn, bốn phe loan báo chấm dứt nhận vũ khí từ các nước ngoài. Bốn phe đang thảo luận để tìm cách triển khai kế hoạch của Ngũ Cường. [24/6/91, The Guardian & IHT ( )].

Sở dĩ Miên Đỏ phải chấp nhận ngưng bắn vì Sihanouk dọa sẽ hợp tác với Hun Sen để loại Miên Đỏ ra khỏi chính trường Cam Bốt. [24/6/91, Times ( )].

Đại hội 7 Đảng CSVN khai mạc tại Hà Nội. Nguyễn Văn Linh đọc diễn văn khai mạc. Linh

tuyên bố: "*Trong điều kiện hiện nay của VN, việc đa đảng, đa nguyên không phải là mục tiêu cần thiết.*" Linh xác nhận là với cải tiến kinh tế, các thay đổi chính trị sẽ được chuyển hóa từng bước. Nếu cải cách chính trị gấp rút chỉ đưa đến bất ổn, gây cản trở cho các tiến triển kinh tế.

Chỉ có bốn phái đoàn CS quốc tế là Nga, Cuba, Lào, Cam Bốt tham dự đại hội, so với 36 nước trong đại hội 6.

Vài tuần trước khi đại hội khai mạc, CSVN lên án nặng nề Việt kiều ở Mỹ và Tây phương đang gia tăng phá hoại CSVN. Trong diễn văn khai mạc, Linh nói là trong các năm tới VN sẽ phải đương đầu với nhiều thách đố. Để chấm dứt các khủng hoảng kinh tế, xã hội hiện tại, Linh kêu gọi lòng yêu nước của mọi người. [24/6/91, AP ( )].

Reuter tường thuật đại hội 7. Nguyễn Văn Linh tuyên bố trước đại hội là VN nhất quyết theo đuổi con đường XHCN, nhưng tìm cách bang giao với Tây phương và các nước không cộng sản ở Á Châu. Linh cho biết là VN sẽ không còn trông chờ vào ngoại viện nữa mà phải tìm thế tự túc qua ngoại thương và sự trợ giúp của các nguồn giao hảo mới. Linh nói với 1.176 đại biểu: "*Chúng ta sẽ mở rộng chính sách đối ngoại, VN muốn làm bạn với mọi nước trên thế giới.*" Hà Nội muốn duy trì đồng minh với Sô Viết nhưng cũng muốn phát triển bang giao với TC và Mỹ. Lê Mai, thứ trưởng ngoại giao Hà Nội cho báo chí quốc tế biết là Hà Nội vui mừng đón nhận tin ngưng bắn ở Cam Bốt.

Linh nói với đại hội: "*...quả thật là XHCN đang lâm vào tình trạng khủng hoảng, nhưng đó là con đường duy nhất đem lại tự do, và hạnh phúc cho dân Việt.*" Linh nói thêm: "*Đa đảng chỉ đem lại các lực lượng phản động cũ. Có dân chủ hay không dân chủ không xuất phát từ độc đảng hay đa đảng; lúc này chủ trương đa đảng sẽ tạo ra hỗn loạn phá hỏng hết tất cả công trình xây dựng cải cách kinh tế.*" Đại hội họp ở Ba Đình. Trước khi khai mạc, các đại biểu xếp hàng dài đi viếng "lăng Bác". [24/6/91, Reuter ( )].

Ngân hàng Mỹ Citicorp thảo luận với các ngân hàng VN để chuyển tiền Việt kiều ở Mỹ về cho thân nhân ở VN. Bộ Ngân khố Mỹ cho phép Citicorp được chuyển tiền của Việt kiều về giúp thân nhân ở VN, kể từ tháng Ba vừa qua. Citicorp phải giao dịch bằng điện tín với VN vì luật cấm vận không cho phép ngân hàng Mỹ có trụ sở ở VN.

Mỗi người Việt được chuyển 300 Mỹ Kim cho mỗi thân nhân trong một tam cá nguyệt. Hà Nội vừa cho phép dân được quyền để Mỹ Kim trong trương mục nhà nước. Hiện nay Mỹ Kim được du khách lưu hành rộng rãi tại Việt Nam. [24/6/91, Reuter - AP].

Tiểu ban Ngoại thương - Kinh tế đối ngoại và tiểu ban Á châu, Thái Bình Dương Sự vụ trong ủy ban Ngoại giao Hạ Viện tổ chức một buổi họp khoáng đại để nghe điều trần về việc giải tỏa luật cấm vận đối với Việt Nam. Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng thuộc đại học George Mason tuyên bố là giải tỏa luật cấm vận lúc này là đi ngược lại quyền lợi của nước Mỹ và dân Việt Nam. [25/6/91, Ủy Ban Ngoại Giao Hạ Viện Mỹ ( )].

Báo Le Monde tường thuật đại hội 7. Ký giả Jean Claude Pomonti cho rằng Thạch được rút lui trong danh dự để Hà Nội tiến tới bang giao với TC. Đỗ Mười thay thế Nguyễn Văn Linh được coi như có nhiệm vụ giữ đền thờ CS. Jean Claude Pomonti cũng phân tích cho thấy đảng CSVN tỏ vẻ mềm dẻo không quá cứng nhắc như khi công bố dự thảo cương lĩnh xây dựng XHCN trong thời kỳ quá độ. Pomonti cho biết là hai phe bảo thủ và tiến bộ đã thỏa hiệp để thay đổi nhân sự và thảo hoạch chính sách.

Ông cho biết thêm là trong tháng Bẩy, Quốc hội CSVN sẽ nhóm để loan báo cải tổ hiến pháp, theo đó, quốc hội sẽ là cơ quan có thực quyền làm luật kiểm soát nhà nước. [25/6/91, Le Monde ( )].

Hà Nội tuyên bố lệnh cấm vận làm thiệt hại cho các công ty Mỹ, nhất là các công ty dầu hỏa. Đậu Ngọc Xuân, chủ tịch Ủy Ban Hợp tác Đầu tư Ngoại quốc, cho biết là các công ty Tây phương đã không để ý mấy đến lệnh cấm vận, tiếp tục đổ xô vào Việt Nam làm ăn. Lệnh cấm vận của chính phủ Bush là một chính sách lỗi thời làm thiệt hại cho các công ty Mỹ, nặng nề nhất là các công ty dầu hỏa Mỹ.

Xuân cho biết các công ty dầu hỏa Nhật, Pháp, Anh, Hòa Lan đang được Việt Nam chào đón để đầu tư vào Việt Nam thực hiện các xưởng dầu. Hai hãng AMOCO và MOBIL đã yêu cầu Việt Nam dành cho họ một số khu vực khai thác khi lệnh cấm vận được giải tỏa. Xuân nói, gần đây nhiều công ty dầu hỏa Mỹ gửi người tới Việt Nam dò dẫm tìm đường làm ăn tương lai. [25/6/91, Reuter ( )].

Bắc Hàn trao trả 11 thi hài lính Mỹ tử trận hồi chiến tranh Triều Tiên và hứa sẽ hợp tác giúp Mỹ tìm kiếm số phận của 9,000 hồ sơ mất tích khác. [25/6/91, IHT ( )].

Sihanouk chính thức yêu cầu Tổng thư ký LHQ gửi quân sang Cam Bốt để kiểm soát thực thi ngưng bắn đã được bốn phe thỏa thuận thi hành. Bốn phe Cam Bốt đã thỏa thuận thành lập HĐTC ó trụ sở ở Nam Vang, tuy nhiên, Hun Sen và Miên Đỏ vẫn công khai không muốn ngồi gần nhau. Sihanouk họp báo một mình mời tất cả các nước gửi đại sứ đến Nam Vang. Nhật và Úc sẽ đáp ứng ngay. Pháp có lẽ sẽ gửi đại sứ sớm.

Sihanouk tính chuyện gửi đại diện đi họp với Ngân hàng Quốc tế và Quỹ Tiền Tệ. Tuy nhiên tới nay Sihanouk vẫn chưa thành công thuyết phục Hun Sen chấp thuận kế hoạch của Ngũ Cường. [25/6/91, The Times - London ( )].

Nga Sô cúp viện trợ CSVN. Nguyễn Văn Linh tuyên bố công khai trong đại hội 7 là Việt Nam không còn dựa vào viện trợ Nga Sô được nữa. Việt Nam phải tìm nguồn giúp đỡ từ các thế lực khác và trông mong ở ngoại thương, xuất cảng, Đại hội 7 đặt trọng tâm vào thay đổi nhân sự, Mai Chí Thọ, Tổng trưởng Công An - Nội vụ, Nguyễn Cơ Thạch, Ngoại trưởng, Võ Chí Công, Chủ tịch nhà nước đều bị thay thế. [25/6/91, IHT)].

Dù lệnh ngưng bắn đã được thỏa thuận ban hành, nhưng bốn phe Cam Bốt còn lúng túng họp thảo luận tìm phương thức để thực thi việc kiểm soát ngưng bắn và giải giới. [25/6/91, Houston Chronicle & AP ( ].

Đại hội 7 chính thức bỏ phiếu bầu lãnh đạo mới. Đại hội bỏ phiếu kín. Hơn 1/2 Bộ chính trị và UBTƯ đảng bị thay thế. Người mới là trí thức và chuyên viên thay thế các "*chiến sĩ già*". Vào cuối phiên họp UBTƯ khóa 6 kỳ 12, Linh đã chính thức xin về hưu vì cho là quá ốm yếu và già nua. Nhiều viên chức đảng tiết lộ với Reuter là đại hội này chỉ có tính cách chuyển tiếp. Trong hai năm sẽ tiến tới sự thay thế toàn diện để cải cách trẻ trung hóa đảng hoàn toàn. Chính Linh là người cổ súy việc thanh đảng.

Đường lối của đảng đã được quyết định rõ là tiếp tục cải cách kinh tế trong khi lành mạnh hóa cơ chế toàn đảng. [26/6/91, Reuter ( )].

Đảng CSVN chính thức công bố là lãnh đạo phải ở trong tay khoa học gia và kỹ thuật để tái thiết đất nước. Theo lời tuyên bố của Nguyễn Văn Linh tại đại hội 7 thì: "*Đảng CSVN chủ trương có sự kết hợp của nông dân và trí thức để xây dựng đất nước chứ không thuần chỉ nông dân và công nhân trong chuyên chính vô sản như cũ.*"

Theo tinh thần đại hội 7 thì từ nay giới kỹ thuật, khoa học gia được phép gia nhập đảng để hợp tác với giai cấp công nhân điều khiển xây dựng đất nước.

Linh cũng đề nghị đại hội thay đổi chính sách hợp tác xã ruộng đất để cho phép các gia đình được thuê mướn đất đai canh tác dài hạn. Linh đề nghị mở thật rộng rãi trong lãnh vực kinh doanh để phát triển kinh tế quốc gia và cải thiện đời sống kinh tế nhân dân. [26/6/91, AP)].

Đậu Ngọc Xuân, chủ tịch Ủy ban Đầu tư Ngoại quốc cho biết từ 1987, Hà Nội đã chấp thuận 237 dự án đầu tư trị giá trên 2 tỉ Mỹ Kim; trong đó hơn 400 triệu đã được đầu tư vào Việt Nam. Xuân bảo lệnh cấm vận của Mỹ quá lạc hậu. [26/6/91, WSJ ( )].

Sihanouk tuyên bố từ Thái Lan là ông sẽ cấp thời về nước để thành lập một siêu chính phủ ở Nam Vang. Chính phủ mà Sihanouk đề cập sẽ có thẩm quyền trên chế độ Hun Sen hiện nay và ba phe Kháng chiến. Sihanouk nói rõ là có thể tháng Tám tới sẽ triệu tập HĐTC Khmer theo kế hoạch LHQ quy định. Theo đó thì các cơ chế hiện hữu tiếp tục tồn tại.

Các giới ngoại giao cho biết là TC đã áp lực Miên Đỏ chấp nhận thỏa hiệp với Hun Sen và Sihanouk. [26/6/91, Reuter ( ].

Lệnh ngưng bắn ở Cam Bốt tuy được chấp thuận nhưng đầy mong manh bất trắc. Pháp tỏ vẻ vui mừng vì tin ngưng bắn ở Cam Bốt, nhưng vẫn có thái độ thận trọng. Hà Nội hân hoan đón nhận tin ngưng bắn với hy vọng sẽ tiến tới bang giao với Mỹ.

Sự kiện tiến triển trong hòa bình Cam Bốt làm mọi phía ngạc nhiên. Ai nấy đều tin là nhờ uy tín của Sihanouk. Bài báo phân tích chiến thuật của Sihanouk đối với Miên Đỏ và Hun Sen, những điểm xuất sắc của ông hoàng với cái mong manh của giải pháp. Làm sao để Cam Bốt giữ được một khoảng cách đều đặn giữa Hà Nội và Bắc Kinh? [26/6/91, Le Monde ( )].

Trong khi đại hội 7 CSVN nhóm họp, Đậu Ngọc Xuân công bố thành quả đầu tư ngoại quốc vào Việt Nam. Trong khi đó, Bộ trưởng Canh Nông Nguyễn Công Tấn tiết lộ đại hội sẽ đề nghị lên quốc hội chấp thuận cho nông dân nghèo được quyền chuyển nhượng thừa kế ruộng đất. [26/6/91, IHT ( ].

Hòa bình Cam Bốt tiến bộ vượt bực. Ba phe kháng chiến sẽ thiết lập trụ sở ở Nam Vang vì HĐTC Khmer được thành lập và công nhận. Sihanouk tuyên bố vài tuần nữa ông sẽ làm việc ở Hoàng Cung. Không khí lạc quan bao trùm hòa đàm Cam Bốt. HĐTC Khmer có vẻ đã hoạt động hữu hiệu, có cờ riêng, quốc ca riêng, tiêu biểu chủ quyền Cam Bốt; nhưng chỉ là một cơ quan tượng trưng trong thời kỳ chuyển tiếp, không có thực quyền. Theo thỏa thuận chính quyền Hun Sen đồng ý để Khmer Đỏ về thiết lập trụ sở ở Nam Vang. Khieu Sam Phan và Son Sen sẽ đại diện Miên Đỏ ở Nam Vang.

Một cản trở lớn lao cho giải pháp là Hun Sen không chịu giải giới quân đội. Sở dĩ hội đàm đạt bước tiến dài vì Sihanouk đã tiến gần tới Hun Sen làm Miên Đỏ lo ngại. Thêm nữa Miên Đỏ không có thế quân sự mạnh để tiêu diệt Nam Vang, nên đành tìm thế chính trị. [26/6/91, Los Angeles Times ( ].

Mặc dù hội đàm Cam Bốt tiến bộ nhưng chế độ Nam Vang còn tiếp tục không chấp nhận kế hoạch Ngũ Cường. Bình luận gia Charles Wallace của LA Times kể lại cặn kẽ sự lão luyện của Sihanouk trong việc khai thông hòa đàm này. Nhưng Wallace cũng viết thêm là vấn đề Cam Bốt chưa giải quyết được hoàn toàn vì Hun Sen vẫn chưa chấp thuận giải pháp Ngũ Cường. Hun Sen triệt để phản đối việc giao binh quyền cho LHQ với lý do là LHQ không thể kiểm soát được Miên Đỏ vốn thiện nghệ chôn dấu vũ khí trong rừng rậm. [26/6/91, L.A. Times ( )].

Không khí lạc quan bao trùm hội đàm Cam Bốt ở Thái. HĐTC Khmer đã chính thức hoạt động và được lèo lái bởi vai trò con thoi giữa bốn phía của Sihanouk. Ngày 25 tháng Sáu, 1991, bốn phe đã đồng ý sẽ về lập trụ sở hoạt động công khai ở Nam Vang. Theo thỏa thuận mỗi nhóm có quyền đem quân hộ vệ dưới sự bảo đảm an ninh của Nam Vang. [26/6/91, L.A. Times].

Đỗ Mười được bầu làm Tổng bí thư thay thế Nguyễn Văn Linh. Trước đó Nguyễn Cơ Thạch loan báo là từ chức khỏi Bộ chính trị và chức vụ ngoại trưởng. Trong cuộc họp báo tại Hà Nội, Thạch chỉ trích Mỹ, Nhật một cách nặng nề vì đã phong tỏa Việt Nam. Có nhiều nguồn tin từ đảng CSVN cho biết Thạch bị thay thế vì không thiết lập nổi bang giao cho Việt Nam với Mỹ và TC. Chưa biết ai sẽ thay Thạch. Phải chờ Quốc Hội họp vào tháng Bẩy tới đây.

Bộ chính trị mới mẻ hơn Bộ cũ. Năm người trong Bộ chính trị mới thuộc miền Nam. Người quyền thế nhất chế độ là Mai Chí Thọ, trùm công an, bị thay thế bằng Bùi Thiện Ngộ, một nhân vật miền Nam vừa được bầu vào Bộ chính trị. Ngộ từng là phụ tá của Mai Chí Thọ.

Các đại biểu tiên đoán là QH sẽ cử Võ Văn Kiệt hay Phan Văn Khải vào chức vụ thủ tướng. Cả hai đều là dân miền Nam. [27/6/91, Reuter ( )].

Reuter viết về sự mất chức của Nguyễn Cơ Thạch. Ký giả Kathleen Callo thu lượm tin tức từ Hà Nội cho rằng Thạch là một vật tế thần của đảng. Đảng chê Thạch không tiên liệu được cho đảng thấy sự sụp đổ của Đông Âu, và không báo trước cho đảng biết việc Nga cắt viện trợ.

Các quan sát viên Tây phương tại Hà Nội cho rằng chính sách cứng rắn của chính quyền Mỹ đã vô tình loại bỏ Thạch, một nhân vật CSVN hòa hoãn nhất đối với Tây phương và thế giới bên ngoài. Một đại sứ phương Tây ở Hà Nội nói rằng: "Thạch là nạn nhân của chính sách Mỹ đối với Việt Nam."

Từ cuối 1990 đến đầu 91, tin đồn ở Hà Nội cho rằng Bắc Kinh cũng không ưa gì Thạch, đòi đuổi Thạch khỏi Bộ chính trị như điều kiện tiên quyết để thiết lập bang giao. Gần đây trong Đảng CSVN thường chê Thạch là hay đưa chân tay, gia đình vào làm trong Bộ ngoại giao.

Thạch sinh năm 1928, xuất thân tỉnh ủy Hà Nam Ninh, từng là tổng lãnh sự ở Ấn Độ. Thạch phục vụ trong ngành ngoại giao cộng sản hơn 30 năm. [27/6/91, Reuter ( )].

Những thay đổi quan trọng trong hàng ngũ lãnh đạo CSVN qua kết quả đại hội 7. Ký giả Peter Eng tường thuật và bình luận về ý nghĩa những thay đổi nhân sự của ĐH7:

* Nhận xét thứ nhất là Đỗ Mười làm tổng bí thư thay Nguyễn Văn Linh từ chức. Mười được bầu vì là người then chốt để thực hiện cải cách kinh tế.

* Linh ra khỏi Bộ chính trị cùng với Thạch, Thọ và bốn nhân vật khác. Cả 7 người này sẽ không còn chức vụ trong chính phủ.

* Trong các nhân vật mới, Phan Văn Khải được chú trọng nhiều, vì nổi tiếng là kỹ thuật gia có khả năng. Khải đang là chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

* Đảng CSVN sẽ tiếp tục con đường đổi mới của Nguyễn Văn Linh: sẽ giao quyền quyết định cho các xí nghiệp, tư nhân hóa xí nghiệp, giải thể hợp tác xã nông nghiệp.

* Thạch nói với Kyodo là ĐH7 sẽ tiến mạnh về kinh tế thị trường hơn trước.

* Tây phương ở Hà Nội đánh giá ĐH7 là một thành công lớn của Nguyễn Văn Linh, giao quyền lãnh đạo đảng cho thành phần trẻ có khả năng xây dựng đất nước, đồng thời giới hạn được những thái quá của phe bảo thủ cũng như tiến bộ phiêu lưu.

* Mục tiêu chính của ĐH7 là giải tỏa cấm vận, bang giao với Mỹ và TC.

* Theo Ngân Hàng Á Châu, Việt Nam là nước nghèo nhất ĐNA. Kinh tế Việt Nam suy thoái, tụt từ 5.5% (1989) xuống 2.4% (1990). [27/6/91, AP ( )].

Tân tổng bí thư đảng CSVN chính thức xin thế giới trợ giúp Việt Nam.

* Theo nhận xét của ký giả Philip Shenon thì việc làm đầu tiên của Đỗ Mười sau khi được bầu vào chức vụ là:

"*Xin thế giới giúp đỡ nước Việt Nam nghèo nàn khốn khổ.*"

* Các đại sứ phương tây ở Hà Nội cho rằng ĐH7 bầu Đỗ Mười vì đảng CSVN muốn phát triển theo con đường kinh tế thị trường và muốn bang giao với Mỹ.

* Linh từ chức và được đảng hết lời ca ngợi, nhưng Thạch và Thọ bị thay thế vì bị chỉ trích và coi như là vật tế thần.

* Đảng CSVN dưới quyền Đỗ Mười sẽ tiếp tục trung thành với con đường CS do HCM đề ra; nhưng sẽ cải cách kinh tế theo đường tư bản hay thị trường.

* Ngoài việc xin thế giới và đặc biệt đặt hy vọng vào Nhật giúp đỡ, Mười còn hứa sẽ không bành trướng quân sự ra khỏi biên giới. [27/6/91, NY Times ( )].

Để xây dựng lại nền kinh tế đang tan vỡ, đảng CSVN quyết định từ nay mọi kỹ thuật gia, khoa học gia được đươn gnhiên chấp thuận gia nhập đảng như giai cấp công nhân vô sản chuyên chính. Đảng có chính sách tư bản hóa công nhân hay vô sản hóa tư sản? [27/6/91 WSJ (P58)].

Kế hoạch hòa bình Cam Bốt của Sihanouk có vẻ thiên chế độ Hun Sen do Hà Nội tạo ra. Đặc phái viên Jean Claude Pomonti viết bài bình luận này từ Hà Nội. Theo ông, Sihanouk đã tận dụng xảo năng của mình trong hòa đàm bốn phe ở Pattaya, Thái Lan để áp đảo Miên Đỏ thỏa hiệp với Nam Vang và đặt Bắc Kinh trước một sự đã rồi. [27/6/91, Le Monde ( ].

Ở Nam Vang, sự buôn bán tấp nập kiểu "tư bản" ngày xưa sống lại mạnh mẽ chứng tỏ "Kinh tế thị trường" là con đường của Cam Bốt. [27/6/91, Washington Post ( ].

Thế giới vui mừng vì hòa bình Cam Bốt có vẻ ló dạng dù mong manh sau khi bốn phe đồng ý ngưng bắn vĩnh viễn. Ngưng bắn mong manh vì LHQ không có khả năng giúp đỡ Cam Bốt kiểm soát ngưng bắn khi bốn phe này chưa chấp nhận giải pháp Ngũ Cường. [27/6/91, AP - Reuter ( ].

Miên Đỏ đồng ý về thành lập phái bộ ở Nam Vang dưới sự bảo đảm của quốc tế và quân lính mình. Đây là một sự thú nhận bất lực về quân sự của Miên Đỏ. Bây giờ Miên Đỏ chỉ còn hy vọng dựa tối đa vào LHQ để tồn tại trong đấu tranh chính trị ở Cam Bốt.

Về phía Nam Vang, Hun Sen cũng nhượng bộ chấp nhận để quân LHQ vào giám sát ngưng bắn.

Theo các giới quan sát thì bốn phe Cam Bốt đã chấp nhận 80% kế hoạch của Ngũ Cường, chỉ còn từ 10 đến 20% khác biệt. Nam Vang lúc nào cũng ngại việc giải giới Miên Đỏ không thể thực hiện được. [27/6/91, Le Monde ( )].

L.A. Times bình luận về thay đổi nhân sự của CSVN ở đại hội 7.

* Ký giả Charles P. Wallace của L.A. Times cho rằng với sự thay đổi nhân sự lớn lao nhất từ 5 năm qua, VN đã quyết định kháng cự luồng gió cách mạng từ Đông âu tới để duy trì hệ thống độc đảng.

* Một nhà ngoại giao Tây phương theo dõi chính trị Việt Nam từ 20 năm nay cho rằng ĐH 7 là một quyết định tiếp tục con đường đổi mới đề ra từ 1986. Bây giờ CSVN tìm cách thực hiện đổi mới bằng các lãnh đạo có khả năng chuyên môn kỹ thuật. Đảng CSVN chú trọng *Chuyên hơn Hồng*.

Đỗ Mười: Tân Tổng Bí Thư CSVN

* Theo Wallace, thì Võ Văn Kiệt sẽ là thủ tướng kế vị Đỗ Mười và con đường đi của Việt Nam sẽ gần Tàu hơn Nga. [28/6/91, Los Angeles Times ( ].

Các quan sát viên chính trị Reuters và UPI cho rằng Đỗ Mười là nhân vật hòa giải giữa hai phe cải cách và bảo thủ.

* Reuters và UPI đều nghĩ rằng vai trò của Đỗ Mười là làm sao để Việt Nam tiến được từ chế độ CS sang đường mở cửa cạnh tranh với thế giới. Người ta tin Đỗ Mười có khả năng hòa giải và duy trì được sự sinh tồn của đảng CSVN.

* Đỗ Mười không phải là lý thuyết gia, nhưng một viên chức cao cấp đảng CSVN gọi ông ta là người thực tiễn và hành động.

* Tất cả đảng viên CS ở Hà Nội đều nghĩ vai trò của Đỗ Mười là chuyển tiếp, và có thể trong hai năm tới một nhân vật trẻ hơn sẽ thay thế ông ta.

* Các nhân vật ở Bộ Chính trị được bầu theo phiếu kín. Kết quả như sau:

1. Đỗ Mười, Tổng bí thư và thủ tướng.
2. Lê Đức Anh, tổng trưởng quốc phòng Canh nông.
3. Võ Văn Kiệt, phó thủ tướng.
4. Đào Duy Tùng, Phụ trách ý thức hệ.
5. Đoàn Khuê, thứ trưởng quốc phòng, Tham mưu liên quân.
6. Vũ Oanh, phụ trách tuyên huấn.
7. Lê Phước Thọ, phụ trách Canh Nông.
8. Phan Văn Khải, phụ trách Kế hoạch.
9. Bùi Thiện Ngộ, thứ trưởng Nội Vụ.
10. Nông Đức Mạnh, đặc trách Sắc Tộc.
11. Phạm Thế Duyệt, Bí thư Hà Nội.
12. Nguyễn Đức Bình, huấn luyện thanh niên.
13. Võ Trần Chí, Bí thư Sài Gòn. [28/6/91, UPI & Reuter ( )].

Bình luận của Le Monde về ĐH 7 và hướng đi của CSVN.

* Tờ báo cho rằng ĐH 7 dù có thay đổi lãnh đạo lớn lao chẳng qua chỉ là một sự dàn xếp các xung khắc giữa các người trong một gia đình. Đó là một sự nhỏ nhặt không tạo ra được thay đổi lớn lao nào trong nước.

* Tờ báo nhắc lại những khủng hoảng tranh chấp của người CSVN trong hai năm qua. Dưới áp lực suy sụp của CS trên thế giới, tan vỡ của Đông Âu và Liên Xô, đảng CSVN hoang mang, rối loạn, mất hướng đi.

* Đại hội 7 rút cuộc chỉ là một sự lẩn thẩn cố gắng duy trì nguyên trạng.

* Tương lai của Việt Nam thật bất trắc. CSVN không biết đi hướng nào.

* Trong khi thế giới thay đổi, tình hình Cam Bốt sẽ được giải quyết, cấm vận có thể được hủy bỏ. Nga có thể ra khỏi CS trước Tàu. Tương lai Việt Nam sẽ dựa vào Nhật, TC, Mỹ, vào các con rồng Á Châu. Các người lãnh đạo không thể quyết định cũng không thể chọn lựa. Cách hay nhất là lần lữa qua ngày để may rủi rơi vào số phận thuộc tương lai.

* Cho nên ĐH 7 chỉ là một sự nửa vời. Một mặt luyến tiếc quá khứ dù biết không còn thích hợp, một mặt nhìn về tương lai với đầy lo lắng. Muốn biết hướng đi của đảng CSVN cần phải chờ xem.

* Rồi đây với bầu cử quốc hội rộng rãi, với một chính phủ mới, với thành lập cơ chế T/Ư quốc gia, Việt Nam dù muốn hay không sẽ tiến vào vận hội mới của lịch sử. Đảng CSVN dù muốn độc quyền cũng không thể quên rằng cải cách kinh tế là sự sống còn của nước Việt. [28/6/91, Le Monde

Le Monde đánh giá tân Tổng bí thư đảng CSVN. Tờ báo qua dò hỏi các giới ngoại giao tây phương tại Hà Nội loan báo là Đỗ Mười là người thực tiễn. Nhìn lại hồ sơ tiểu sử Mười từ năm 1936, quá trình hoạt động của ông ta cho thấy Mười là người biết sống còn trong hệ thống CS. Ký giả Pháp cho rằng Mười là người biết nghe dù đó là các ý kiến mình không thích. Ông ta là người cần mẫn, siêng năng. Quan trọng hơn cả là kẻ được đảng tin cẩn.

Vai trò cố vấn của Nguyễn Văn Linh. Lược dẫn quá trình trong đảng của Linh, Le Monde cho biết Linh được bầu lên trong năm 86 vì là nhân vật được cả bảo thủ lẫn cải cách chấp nhận để theo đuổi cải cách, kiểu perestroika của Việt Nam. Mặc dù rút khỏi các chức vụ, Linh vẫn là nhân vật ảnh hưởng hòa giải trong đảng.

Về sự ra đi của Nguyễn Cơ Thạch. Thạch được người CSVN coi là khôn ngoan, một con cáo hai đầu từ khi tham gia cách mạng CS. Thạch là vây cánh của Lê Đức Thọ, rất đắc lực cho Thọ khi thương thuyết với Kissinger. Nhờ vậy Thạch lên chức vụ cao rất nhanh. Chính Thạch chủ trương từ 1976 là Việt Nam nên sát gần với Mỹ, nhưng không thành vì Mỹ tiến gần TC và Việt Nam xâm lăng Cam Bốt. Từ 1976, Thạch là người nắm giữ ngoại giao cho đảng. Từng là đệ tử của Thọ, Lê Duẩn, Thạch đã leo lên tột đỉnh quyền hành của đảng. Đối với tây phương, Thạch gây được nhiều thiện cảm và quen thuộc nhiều giới chức. Nhưng đối nội, Thạch bị nhiều ganh tị, đố kỵ. Mỹ không bang giao, Nga cắt viện trợ, Thạch trở thành vật tế thần.

Về tám nhân vật mới của Bộ chính trị. Bộ chính trị hiện hành có 13 nhân vật. Năm người được tái cử là Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Đoàn Khuê. Những nhân vật mới: Phạm Thế Duyệt, Võ Trần Chí, Lê Phước Thọ, Bùi Thiện Ngộ, Nguyễn Đức Bình, Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải, Vũ Oanh. [28/6/91, Le Monde (. `].

Nam Vang và Miên Đỏ còn tiếp tục bất đồng về thể thức để LHQ giám sát ngưng bắn. Trong khi đó Pháp phấn khởi về triển vọng hòa bình Cao Miên, chuẩn bị mở tòa đại sứ ở Nam Vang. Tổng thống Pháp Mitterrand chính thức mời ông hoàng Sihanouk sang Pháp. [28/6/91, Le Monde

Các phe phái Cam Bốt sẽ họp ở Bắc Kinh trong tháng Bẩy, 1991 để giải quyết các khác biệt còn lại trong việc chấp nhận kế hoạch của Ngũ Cường. Việc chọn Bắc Kinh có ý nghĩa là 4 phe đã đạt được nhiều kết quả thân thiện. Cuộc họp ở Bắc Kinh sẽ có đại diện của LHQ, Pháp và Indonesia. [29/6/91, Thẹ Times - London & Reuter (`].

Patrice de Beer điểm sách của Dương Thu Hương. Nước Pháp vận động tích cực để Hà Nội thả nhà văn này ra, nhưng không có kết quả. Bà Mitterrand khi viếng Hà Nội xin gặp DTH, nhưng Hà Nội không chấp thuận. [29/6/91, Le Monde (`].

Lãnh đạo mới của Hà Nội tìm cách bang giao với TC sẽ ủng hộ thỏa hiệp ngưng bắn của bốn phe Cam Bốt. Các tin tức ở Hà Nội loan truyền là đại hội 7 phải loại Nguyễn Cơ Thạch vì áp lực của Bắc Kinh. [29-30/6/91, IHT .].

Trung Cộng thay đổi chính sách ở Đông Dương không còn cứng nhắc ủng hộ Miên Đỏ khiến cho tình hình Cam Bốt trở nên sáng sủa. Ký giả Jean Claude Pomonti của Le Monde trình bày bối cảnh mới của Đông Dương với các tương quan Việt - Hoa - Nam Vang - Miên Đỏ - Sự linh động của Sihanouk, để cho thấy chiến tranh Cao Miên đã kết thúc, nhường chỗ cho một giải pháp chính trị. [1/7/91, IHT . `].

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH

Mùa gặt giữa hư vô, Dương Kiền. Thơ, Tiếng Việt xuất bản. Sách dày 80 trang. Ấn phí 8 Mỹ Kim.

Dương Kiền là một nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia. Những năm 60 ở Saigon, ông là người chủ trương tạp chí Văn Học. Cũng như những bạn hữu cùng thời với ông, Dương Kiền đã một thời dâng hết ý chí, tuổi trẻ của một đời cho cái đẹp, cho lý tưởng tự do, cho con đường trí tuệ mà ông đã lựa chọn. Mùa Gặt Giữa Hư Vô là tác phẩm mới nhất của ông.

Địa chỉ liên lạc:
Dương Kiền
Krabbedalen 25
5073 Skaalevikneset
Norway

Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản, Nguyễn Hưng Quốc. Biên khảo, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 386 trang. Đề giá 16 Mỹ Kim.

Nguyễn Hưng Quốc, một trong số ít người viết biên khảo văn học xuất sắc

trong sinh hoạt phê bình văn học hải ngoại, một lần nữa lại trình bày công trình nghiên cứu công phu mới mẻ của ông.

Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản của Nguyễn Hưng Quốc là một *đánh giá* nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa CSVN.

Cuốn sách gồm ba phần:

1-- Mấy vấn đề thuộc lãnh vực sinh hoạt văn học.

2-- Các giai đoạn phát triển

3-- Các thể loại văn học.

Ngay trong "lời nói đầu", tác giả khiêm tốn cho biết tự thâm tâm ông, ông coi quyển sách này chỉ là một phác thảo. Một ngày nào đó, khi nạn độc tài thuộc về dĩ vãng, ông -- hay bất cứ một người nào khác -- "sẽ viết lại một quyển sách đầy đủ hơn, thanh thản hơn, về cái thời kỳ văn học đầy máu và nước mắt này."

Văn học Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản là một tác phẩm nghiêm chỉnh, một công trình nghiên cứu khá hoàn chỉnh, có giá trị văn học và khoa học. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc Thế Kỷ 21.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683

Ngày Quanh Quẩn, Trần Long Hồ, Tập truyện, Nhà xuất bản Minh Văn, do Hồ Trường An, Trần Long Hồ, Nguyễn Đình Hùng chủ trương. Sách dày 210 trang. Đề giá 10 Mỹ Kim.

Ngày Quanh Quẩn, tác

phẩm đầu tay của nhà văn y sĩ Trần Long Hồ, gồm tám truyện ngắn, với bìa và minh họa của Đinh Cường, Ngọc Dũng.

Viết lời giới thiệu tác phẩm này, nhà văn Hồ Trường An cho biết "tuy là những truyện ngắn được khởi sự sáng tác từ năm 1972 cho đến cuối năm 1989, trải qua khoảng cách 17 năm, nhưng chúng vẫn kết hợp nhau thành một tập truyện đồng nhất về bút pháp. Nhưng người đọc có cảm tưởng đây là một truyện dài đúng nghĩa hơn, vì mỗi truyện ngắn chúng ta (Hồ Trường An) có thể coi như một chương của truyện dài."

Tác phẩm đầu tay của một nhà văn y sĩ, một A.J. Cronin mới của Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Minh Văn
P.O.Box 221076
Chantilly, VA 22022
Điện thoại / Fax (703) 204-9239.

Lịch sử Nội Chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802, Tạ Chí Đại Trường, Giải thưởng Văn Học Toàn Quốc bộ môn Sử 1973, nhà xuất bản Văn Sử Học 1973, An Tiêm 1991. Sách dày 414 trang. Đề giá 15 Mỹ Kim.

Tập biên khảo được tác giả viết vào các năm 1962, 1963, 1964. Năm 1969 tác giả có sửa chữa thêm vài chi tiết.

Cuốn sách ghi lại một giai đoạn lịch sử (hậu bán Thế Kỷ 18) -- một trong những giai đoạn rối ren nhất mà dân tộc Việt Nam sau đó thấy đất nước mình lớn hơn.

Tạ Chí Đại Trường là một tác giả còn trong nước, và những bài viết mới nhất của ông từ trong nước gửi ra đăng tải trên Tạp chí Văn Học đã có những đóng góp nhất định vào sinh hoạt văn hóa hải ngoại.

Địa chỉ liên lạc:
Văn Nghệ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

Các Cây Viết Quốc Gia Hành Chánh, do Ngô Đình Hoa, Tổng Thư Ký Tập San Hoài Bão Quê Hương thực hiện. Tuyển tập, thơ, truyện, họa, nhạc của các cây bút Quốc Gia Hành Chánh. Tập San Hoài Bão Quê Hương ấn hành. Sách dày trên 200 trang. Đề giá 10 Mỹ Kim.

Qua tuyển tập này người đọc sẽ được thưởng thức thơ truyện của Đỗ Tiến Đức, Lôi Tam, Nguyễn Bá Trạc, Tôn Thất Tuệ, Đào Văn Bình, Chu Tất Tiến...

Địa chỉ liên lạc:
Tập san Hoài Bão Quê Hương
P.O.Box 5851
Springfield, VA 22150

Lá Số Tử Vi 6 Lãnh Tụ Thế Giới, Vũ Công Lý. Biên khảo. Nhà xuất bản Thế Giới. Sách dày trên 300 trang. Không ghi giá.

Tác giả quan niệm "Tử Vi và Chính Trị luôn có những quan hệ khá mật thiết", và cuốn sách ghi lại lá số Tử Vi của 6 lãnh tụ thế giới và những chuyển biến chính trị cận đại qua lăng kính bộ môn Tử Vi Đẩu Số, mối giây liên hệ mật thiết giữa những cá tính bẩm sinh.

Bài *Phần Dẫn Nhập* dài trên 30 trang của tác giả Vũ Công Lý là phần lý thú nhất.

Địa chỉ liên lạc:
Tủ Sách Thế Giới
3023 Centerwood Way,
San Jose, CA 95148
Điện thoại
(408) 274-5171
(714) 638-7177.

Độc giả và toà soạn

*** Ô. KHANH NGUYỄN** - Thư viện Carrie Estelley Doheny Memorial, CA

Chúng tôi thành thực xin lỗi về sự chậm trễ vừa rồi. Đến hôm nay thì chắc chắn là quý Ông đã nhận được đầy đủ. Mong ông Khanh hài lòng. (TQ).

*** Ms. NGUYỄN THỊ NGA,** ITALY.

Xin chào mừng một độc giả mới. Như vậy chị là độc giả thứ năm của chúng tôi ở Ý. Xin chị trả tiền báo bằng USD dưới hình thức international money order. (TQ)

*** ÔNG PHẠM VĂN THANH,** Trưởng Ban Giáo Dục trại tỵ nạn Palawan, Phi Luật Tân.

Từ nhiều năm qua nhà xuất bản Người Việt và tạp chí Thế Kỷ 21 vẫn thường có dịp gửi sách báo tặng đồng bào tị nạn ở các trại Thái Lan, Hong Kong, Philippines, Mã Lai mỗi khi có phái đoàn hoặc cá nhân thiện nguyện có dịp sang đó. Vừa qua hồi trung tuần tháng Sáu 1991, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, tổng thư ký tạp chí TK21 có qua Phi cho hay thư viện của trung tâm Palawan đang sắp xếp lại. Chúng tôi hiện có nhiều hình ảnh về trại này. Xin cầu chúc đồng bào gặp nhiều may mắn. (TQ)

*** NHẮN TIN**

Anh LÊ ĐẠI LÃNG. Xin cho toà soạn TK21 biết tin. Trị sự vẫn còn giữ cái check của anh từ dạo ấy.

NHẮN TIN
TÌM CHỊ

Tìm chị **Nguyễn Thị Thanh Nga** trước ở 20 đường Mê Linh Nha Trang, Việt Nam, hiện nay ở đâu, mong chị liên lạc về em DIỆP THỊ THANH NGA (lớp tiếng Anh thầy Nhơn)

c/ Dr. Écomomist DIEP
11 Square Jean Esquirol
9400 CRETEIL, FRANCE

MỤC LỤC CHỈ DẪN THẾ KỶ 21

TỪ SỐ 25 ĐẾN SỐ 27

Xếp theo thứ tự: tác giả, tựa bài, thể loại, số báo, trang báo.

B

BÙI VĂN PHÚ, Tiến trình của việc bình thường hóa Quan hệ ngoại giao Mỹ-Việt, *Bình luận, 25,* 8-14.
BÙI HUỆ THU, Tống biệt hành, *Thơ, 27,* 63
BÍCH HUYỀN, Học sinh Việt tiếp tục đứng đầu, *Tin, 27,* 83.

C

CÙ LẦN, Đất nước tôi, *Thơ, 25,* 54.
CAO DAO, Những bông hoa huệ của tôi, *Thơ, 26,* 45.
CUNG TIẾN, Âm nhạc hiện đại: một sơ đồ tổng quát (Kỳ I,) *Biên Khảo, 27,* 23-27.

D

DORIANE POTTS, Nguyễn Đăng Thường dịch, Phấn son, Tạp chí và Cuốn truyện Người Xa Lạ, *Tạp bút, 25,* 58-59.
DƯƠNG NHƯ NGUYỆN, Tình yêu giữa hai dòng, *Truyện, 26,* 57-61.

Đ

ĐỖ THÔNG MINH, Một bộ Từ điển Bách Khoa phải có chín cái nhất, *Góp ý, 26,* 7-8.
ĐÀO TRUNG ĐẠO, Thực tại tân thế giới trong ngôn từ văn chương di dân, *Ghi chép 26,* 74-75.
ĐINH TUẤN, Còn giữ nụ cười, *Thơ, 27,* 44.

G

GÚC, Les Trois LAPDetaires, *Hí họa, 25,* 25.
GYULA ILLYÉS, Diễm Châu dịch, Một câu về độc tài, *Thơ, 25,* 60-62.
GÚC, *Hí họa, 26,* 21.
GÚC, Dân chủ đa nguyên, *Hí họa, 26,* 32.
GÚC, Tình tự dân tộc, *Hí họa, 27,* 84.

H

HÀ DƯƠNG CỰ, Bàn về việc soạn thảo một bộ Tự Điển Bách Khoa, *Góp ý, 25,* 74-76.
HOÀNG CHIÊU NHÂN, Thử đề nghị một đường hướng giáo dục, *Tiểu luận, 26,* 13-18.
HÀ ĐÌNH LAN, Nhớ, *Thơ, 26,* 50.
HOÀNG XUÂN SƠN, Chàng Ba Phải, *Thơ, 27,* 63.
HỒ ĐÌNH NGHIÊM, Đi biển, *Truyện, 27,* 67-71.

L

LÊ NGỌC MINH, Vài nét về hội ảnh nghệ thuật Việt Nam, *Tiểu luận, 25,* 34-39.
LÊ PHAN, Ảnh nghệ thuật Việt Nam đi về đâu? *Tiểu luận, 25,* 40-45.
LẠI HỮU ĐỨC, Nhớ lại cảnh xưa, *Tạp bút, 25,* 49-50.
LÊ TAM CA, Vòng chân trời văn học nghệ thuật, *Tin, 25,* 66-70.
LÊ THỤY, Thời sự tháng qua, *25,* 77-79.
LÊ THỊ HUỆ, Bạt cảm với Trân Sa, *Đọc thơ, 26,* 67-69.
LÊ TAM CA, Vòng chân trời văn học nghệ thuật, *Tin, 26,* 70-73.
LÊ THỤY, Thời sự tháng qua, *26,* 79-82.
LÊ TAM CA, Hội đồng Giám mục VN "góp ý" với đảng Cộng Sản, *Tường trình, 27,* 9-11.
LÊ NGỌC CHÂN, Truyền thống trong sáng tạo, *Biên khảo, 27,* 28-32.
LƯU VĂN VỊNH, Diễn trình trái tim Phật hóa, *Thơ, 27,* 62.
LÊ TAM CA, Sách báo trong tháng, *27,* 72-74.
LÊ TAM CA, Vòng chân trời văn học nghệ thuật, *27,* 75-78.
LÊ THỤY, Thời sự tháng qua, *27,* 79-82.

N

NGÔ THANH TÙNG, Nhìn lại ngành nhiếp ảnh Việt Nam, *Tiểu luận, 25,* 26-33.
NGUYÊN LẬP ĐÔNG, H.O, *Thơ, 25,* 63.
NGUYÊN ĐĂNG THƯỜNG, Cô gái Sài Gòn... đã tới Mỹ, *Tạp bút, 25,* 71-73.
NGUYÊN THANH TRANG, Vai trò giáo dục trong sứ mạng tái thiết và canh tân Việt Nam, *Tiểu luận, 26,* 19-20.
NGUYÊN LONG ĐẤT, Dựng lại niềm tin, *Góp ý 26,* 22-29.
NGUYÊN MẠNH HÙNG, Các chuyển động trong bang giao Việt Mỹ, *Bình luận, 26,* 30-33.
NGU YÊN, Sinh nhật Ba mươi tám, *Thơ, 26,* 53.
NHƯ CHI, Đường khuya, *Thơ, 26,* 60.
NGUYÊN NAM ANH, Sách báo trong tháng, *26,* 83-85.
NGUYỄN HỮU, Góp ý về biên tập và điều hành tự điển Bách Khoa, *Góp ý, 27,* 6-8.
NGUYÊN BÁ TÙNG, Phục vụ và phát triển con người toàn diện, *Bình luận, 27,* 12-15.
NGUYÊN HỮU CHUNG, Vĩnh biệt Leningrad, *Bình luận, 27,* 16-18.
NGUYÊN THUYẾT PHONG, Sáng tác: nhận định về ý niệm và thể loại (kỳ I), *Tiểu luận, 27,* 37-40.
NGUYỄN HOÀI AN, Phạm Duy vẫn sống, *Tạp ghi, 27,* 41-42.
NGUYÊN THỊ THANH BÌNH, Nha Trang biển động, *Truyện, 27,* 43-47.
NGUYÊN ĐĂNG THƯỜNG, Những nụ hồng của máu, *Thơ, 27,* 48-49.

NGUYÊN HƯNG QUỐC, Vấn đề tiếp nhận dòng văn học phản kháng trong nước, *Tiểu luận, 27,* 50-56.
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH, Tháng Tư của chúng tôi, *Thơ, 27,* 55.
NGUYÊN NGHĨA, Vai đời, *Thơ, 27,* 60.

P

PHAN ĐÌNH DIỆU, Kiến nghị về một chương trình cấp bách, *25,* 15-18.
PHẠM VĂN MÙI, Xem triển lãm ảnh tại Little Saigon, *25,* 46-48.
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN, Sương đầu ngõ, mây cuối trời, *Truyện, 26,* 47-56.
PHẠM XUÂN HY, Nét ngài hay nét người, *Chữ và Nghĩa, 27,* 85-87.

Q

QUÁN ANH, Từ hội luận về dân chủ ở Montreal đến nói chuyện về đấu tranh ở Ottawa, *Ghi chú, 26,* 76-78.

R

REGGIE NADELSON, Nguyễn Đăng Thường dịch, 40 năm rồi mà anh vẫn là Allen Ginsberg, *Tạp bút, 27,* 64-66.

S

SAKI, Nguyễn Thị Chân Quỳnh dịch, Con mèo Tobermory, *Truyện, 27,* 57-61.

T

TÔN THẤT THIỆN, Nếu Bác còn sống, *Tiểu luận, 25,* 21-24.
TRẦN DIỆU HẰNG, Hoa Quỳnh còn nở ở phương Đông, *Truyện, 25,* 51-57.
TRẦN NGỌC TUẤN, Nghĩa trang, *Thơ, 25,* 56.
TATYANA TOLSTAYA, Đăng Hoàng dịch, Những thời ăn thịt người, *Tiểu luận, 26,* 34-40.
TRỊNH Y THƯ, Mưa buổi sáng, *Thơ, 26,* 55.
THÁI VĂN KIỂM, Hoài niệm ký giả Nguyễn Ang Ca, *Hồi ký, 26,* 62-65.
THUYÊN NHÂN, Phong trào đấu tranh bảo vệ nhân quyền tại Pulau Bidong và Sungei Besi, *Tâm Thư* (4), *26,* 66.
TRẦN SA, Có gì để hãi sợ, *Thơ, 26,* 68.
TÔN THẤT THIỆN, Muốn cho VN thoát khỏi bế tắc, *Bình luận, 27,* 19-21.
TÊ ĐÊ, Nụ cười Saigon, *Ghi nhanh, 27,* 22.
TÔN THẤT TIẾT, Vài ý kiến góp vào việc tạo lập một lối sáng tác nhạc hiện đại, *Ý kiến, 27,* 33-36.
TRẦN TRUNG TÁ, Mắc cạn, *Thơ 27,* 53.
TRẦN SA, Chưa, *Thơ, 27,* 63.

V

VẸT, *Hí họa, 25,* 13.
VẸT, *Hí hoạ, 25,* 20.
VƯƠNG TIỂU MUỘI, Chuyện những người H.O, *Tạp bút, 25,* 63-65.
VƯƠNG HỮU BỘT, Khía cạnh kinh tế của nền giáo dục tương lai, *Tiểu luận, 26,* 9-12.
VÕ PHIẾN, Hoan Ca, *Tạp bút, 26,* 41-46.
VẸT, *Hí hoạ, 27,* 11.
VẸT, *Hí hoạ, 27,* 21.
VẸT, *Hí hoạ, 27,* 84.

Bài nhận được

VIÊN, Kopo Wakaba 101, Nhật - Viên và Cao Dao có phải "tuy hai mà một" không? Perestroika, Bàn Về Hội Họa đang đọc.

ĐOÀN NHẬT, W-8523 - Baiersdorf, Germany. Đã nhận được thư và thơ của anh (chị?). Toà soạn đang nghiên cứu đề nghị của bạn.

BÙI DIỄM ÂU, Westminster, CA. Chúng tôi đang đọc Nhạt Phai của cô. Sẽ có thư riêng.

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TÂM, Cần thơ, VN -- Rất cám ơn những bài thơ của cô. Chúng tôi đang đọc lại. Có thể sẽ đi bài Ngẫm Truyện Kiều. Mong cô sáng tác mạnh.

LÊ DUY LINH, San Jose, CA. Đã đọc John Cứu Độ. Sẽ đi trong vài số tới. Sẽ biên thư cho ông.

LÃ MỘNG THƯỜNG, Biloxi, MS. Linh mục người là ai? Truyện quá dài không hợp với khuôn khổ tờ TK21. Xin ông cho một truyện khác, ngắn hơn. Rất cám ơn ông.

TRẦN VĂN DŨNG, Montreal Canada -- Ngay trong số báo này bạn có thể đọc bài phỏng vấn nhà văn Thế Giang do nhà văn Thụy Khuê thực hiện. Đây là hai tác giả mà trong thư gửi về toà soạn bạn đã hỏi. Mong bạn hài lòng.

HỒNG NGỌC, Canoga Park, CA -- Thế Kỷ 21 đang nghiên cứu mở thêm nhiều mục thường xuyên nữa. Cám ơn sự đóng góp ý kiến quý báu của cô.

BẠN ĐÃ CÓ CHƯA?
BỘ SÁCH DẠY ANH VĂN THỊNH HÀNH
VÀ ĐƯỢC YÊU CHUỘNG NHẤT
TỪ NHIỀU NĂM QUA

NEW ENGLISH 900

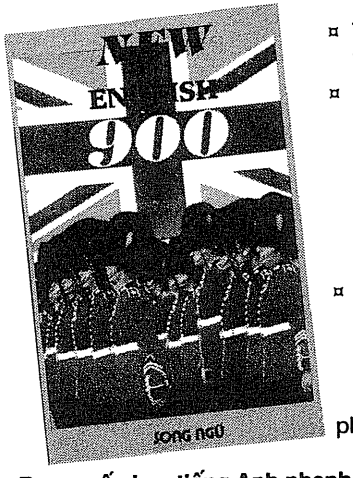

- Trọn bộ 6 cuốn sách và 12 cassette tapes.
- Sách luyện tập tiếng Anh từ văn phạm đến ngữ vựng, với nhiều bài tập và bài hướng dẫn rất hữu dụng và ích lợi cho những người muốn trau dồi thêm Anh văn.
- Sách được soạn thảo công phu bằng song ngữ, cassette với phần thực hành do xướng ngôn viên Mỹ với cách phát âm đúng nhất.

Bạn muốn học tiếng Anh nhanh và đúng, không gì bằng trọn bộ NEW ENGLISH 900 sẽ giúp bạn đạt được ý muốn trong thời gian ngắn nhất.
Trọn bộ 6 cuốn sách (từ số 1 đến số 6) và 12 tapes: $120.00
Mỗi bộ (1 sách và 2 tapes): $20.00
• Hãy tìm mua ngay tại các đại lý, hoặc liên lạc về:

Tú Quỳnh
BOOKS & MUSIC
9581-9583 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683
(714) 531-4284 (714) 531-6880

BẠN ĐÃ CÓ CHƯA? CUỐN SÁCH
HỮU DỤNG NHẤT CHO CÁC SINH VIÊN, HỌC SINH
ĐANG THEO HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG
TRUNG VÀ ĐẠI HỌC HOA KỲ:

TỰ ĐIỂN DANH TỪ Y KHOA ANH-VIỆT

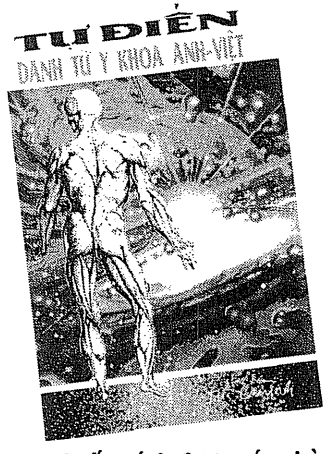

- Đầy đủ từ A tới Z những danh từ Y khoa thông dụng nhất.
- Được soạn thảo rất kỹ lưỡng và cập nhật hóa đều đặn để theo kịp với đà tiến của ngành Y Khoa.
- Từ Aspirin cho đến Zymohexase, được phân loại theo ABC, rất dễ tìm và theo dõi.
- Dầy hơn 250 trang, bìa màu rực rỡ.

Cuốn sách được các nhà Giáo dục khuyến khích nên có để theo kịp các chương trình giáo dục tại các bậc Trung Học và Đại Học.
Giá: $14.00
• Hãy tìm mua ngay tại các đại lý, hoặc liên lạc về:

Tú Quỳnh
BOOKS & MUSIC
9581-9583 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683
(714) 531-4284 (714) 531-6880

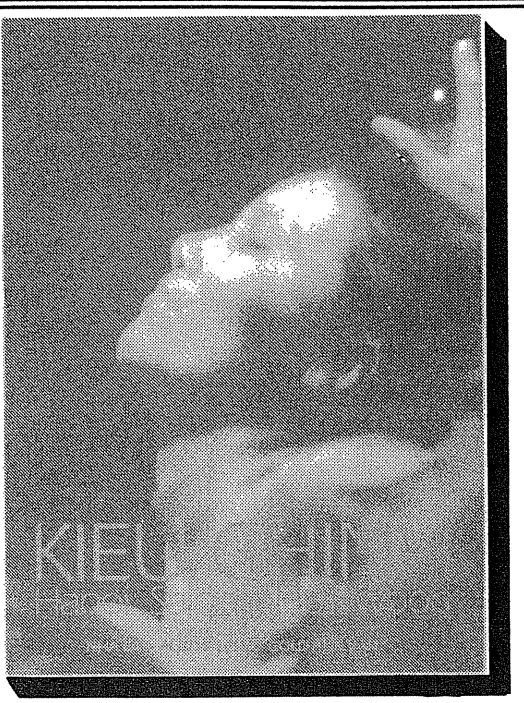

"..... Người Pháp tới Việt Nam. Cộng sản tới Việt Nam. Người Mỹ tới Việt Nam. Lớn lên từ đống gạch vụn của cùng một ngôi nhà, ba anh em nổi trôi theo số phận dân tộc, chia xa về ba phía.

Cuốn sách nhỏ này là câu chuyện về người con thứ ba của chủ nhân Kim Mã gia trang, nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh, nụ cười diễm lệ của những khổ đau mơ ước chung, sứ giả nghệ thuật và thiện chí của người Việt tự do trên thế giới."

NHÃ CA

Hãy tìm mua ngay
cuốn sách đẹp nhất trong năm:

KIỀU CHINH

Hanoi Saigon Hollywood

230 trang, khổ lớn, giấy quý

Hàng chục bài viết giá trị. Hằng trăm bức hình hấp dẫn.

Giá bán: $30 một cuốn.
Ngoài nước Mỹ thêm $3 cước phí.

Tổng phát hành:

NGƯỜI VIỆT

14891 Moran St., Westminster,CA 92683

Đ.T. (714) 892-9414

Attn: LOAN ĐỖ

Luật Sư

VŨ QUANG LÂM

ATTORNEY AT LAW

Với Sự Cộng Tác Của Luật Sư

JOSEPH P. DOWNS

Luật Sư tại các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ,
Tòa Án Tiểu Bang California và Indiana

Phụ Trách:

- **LUẬT DI TRÚ:**
  Đoàn Tụ O.D.P., Di Dân, Nhập Quốc Tịch
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
  Lập Công Ty, Tổ Hợp, Khế Ước, Thương Vụ, Xuất Nhập Cảng...
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
  Sang, Thuê Nhà Cửa, Cơ Sở Thương Mại
- **HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN:**
  Di Chúc, Thừa Kế, v.v...
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  Ly Dị, Cấp Dưỡng, Phân Chia Tài Sản
- **HÌNH LUẬT:**
  Say Rượu, Lừa Gạt, Trộm Cắp, v.v...
- **KHAI KHÁNH TẬN TÀI SẢN**
- **LUẬT THUẾ VỤ:**
  Thuế Cá Nhân, Thuế Thương Mại

TAI NẠN XE CỘ

TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP

TAI NẠN SIÊU THỊ

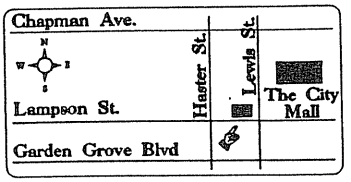

Tham Khảo Miễn Phí

QUÍ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ

12431 LEWIS ST., SUITE 102
GARDEN GROVE, CA 92640
(Trong khu Cityview Office Plaza)

Tel: (714) 748-4634

Fax: (714) 748-4637

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: *10 AM - 7 PM*
Chúa Nhật: *Làm việc theo hẹn*

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

hân hạnh giới thiệu

sách mới phát hành tháng 12 năm 1990:

Con Rồng Việt Nam (610p, bìa cứng) hồi ký chánh trị 1913-1987, của Bảo Đại	$30.00
Đại Nam Quấc Âm Tự Vị (1210p, bìa cứng) của Paulus Huỳnh Tịnh Của	32.00
Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Tự Điển (1474p, bìa cứng) của Trịnh Vân Thanh	40.00
Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến (2273p, trọn bộ 3 cuốn) của Nguyễn Tấn Long	60.00
Ba Chàng Tị Nạn Độc Thân (284p) tiểu thuyết, của Hoàng Việt	12.00
Cụm A22 (228p, tình báo chiến lược Hànội tại dinh Độc Lập) của Trần Trung Quân	13.00
Đệ Nhất Phu Nhân (1240p, trọn bộ 2 cuốn) của Hoàng Trọng Miên	32.00
Đi Về Nơi Hoang Dã (264p) tiểu thuyết, của Nhật Tuấn	11.00
Đỏ Và Vàng (524p) tiểu thuyết, của Xuân Vũ	16.00
Đường Về Dân Ca (192p) biên khảo, của Phạm Duy	12.00
Ký Sự Đi Tây (180p) của Đỗ Kh.	10.00
Lịch Tử Vi Năm Tân Mùi 1991 (490p)	13.00
Mạng Người Lá Rụng (459p, tức Đường Đi Không Đến tập 3) của Xuân Vũ	16.00
Một Tù Binh Mỹ Ở Việt Nam (316p) của Duyên Anh	13.00
Người Tù Trong Cấm Thành (The Last Emperor, 366p) cuộc đời vua Phổ Nghi	13.00
Nhục Bồ Đoàn (260p) thiên hạ đệ nhất phong lưu tiểu thuyết, của Lý Ngư	18.00
Ó Đen (538p) hồi ký vượt biên của Lý Tống	18.00
Tình Dục Cho Tuổi Trên 40 (312p) tủ sách giáo dục sinh lý, của Bác Sĩ Đỗ Thế Nhân	18.00
Tự Vị Thế Kỷ (390p) tập truyện ngắn, của Xuân Vũ	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 1: Tình Khúc Mùa Xuân	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 2: Giáng Sinh	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 3: Tình Khúc Mùa Thu	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 4: Nghệ Sĩ Với Cây Đàn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 5: Tình Khúc Buồn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 6: Chuyện Chúng Mình	14.00
(Tuyển Tập 1 cho đến 6 có phần hòa âm dành cho dương cầm)	
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 7: Độc Tấu Guitare	12.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 8: Những Tình Khúc Bất Tử	10.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 9: Nhạc Pháp Lời Việt	10.00
Văn Học Từ Điển (374p) phần tiểu sử tác giả, của Thanh Tùng	11.00
Văn Phạm Việt Nam (462p) có thêm phần ngôn ngữ học, của Bùi Đức Tịnh	16.00

Xin gửi thư về Nhà Xuất Bản Xuân Thu để nhận được Thư Mục đầy đủ.
Gửi thư mua sách thẳng tại Xuân Thu được bớt từ 10% đến 30%.

Nói đến sách, nghĩ ngay đến một địa chỉ đáng tin cậy:

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

Bộ Chữ Việt Nam

©Viet Nguyen 1984 ©VN Labs 1991

Trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Quốc Tế.

Corel Draw
Excel
Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word
PageMaker
PC-Write
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter
Wordstar
WordPerfect
Works
Ventura Publisher
vv..

Windows

DOS

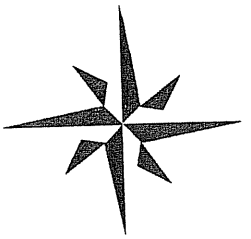

VN Labs

3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường

- ❑ **Dùng tiếng Việt với các áp dụng trên DOS V5 và Windows V3:** Corel Draw, Excel, Microsoft Word , PageMaker, Volkswriter, PC-Write, WordPerfect, Ventura Publisher, Dbase. Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ❑ **Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs** hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..

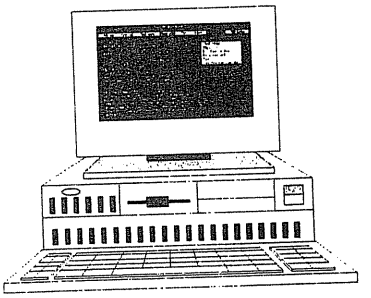

Bộ Chữ VN căn bản DOS	**$125**
Bộ Chữ VN WordPerfect	**$195**
Bộ Chữ VN Ventura	**$195**
Bộ Chữ VN Windows	**$195**

Shipping & Handling : $5 tại Mỹ, $20 Ngoại Quốc

عربي
Ελληνικά
עִבְרִית
Русский

International Desktop

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)

Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15

Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 27 kiểu chữ Việt tuyệt vời $159

Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher để layout.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

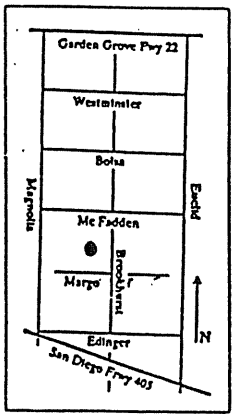

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

đã phát-hành khắp nơi
TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

VŨ MÔN

Nguyễn Trung Tâm

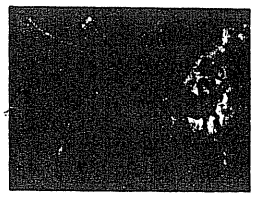

LÀNG VĂN

Giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim)
HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT
HOẶC LIÊN-LẠC:
LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9 Canada

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

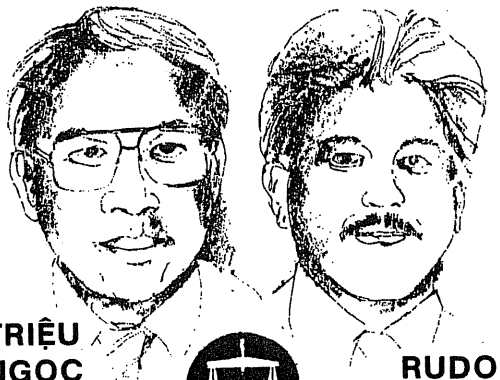

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

• 1001 tình huống bi đát nẩy sinh trong gia đình từ một cuộc đổi đời khốc liệt!

• 1001 vấn nạn cam go dồn đẩy và bức thiết từng cá nhân giữa một xã hội quay cuồng chóng mặt!

Tất cả đều đã có sẵn ít nhất là một giải đáp thỏa đáng trong tác phẩm

BẠN GÁI NHỎ TO

của BÙI BÍCH HÀ

Không kể giới tính, không kể tuổi tác, không kể trình độ...

Hãy tìm đọc tác phẩm

BẠN GÁI NHỎ TO

của BÙI BÍCH HÀ

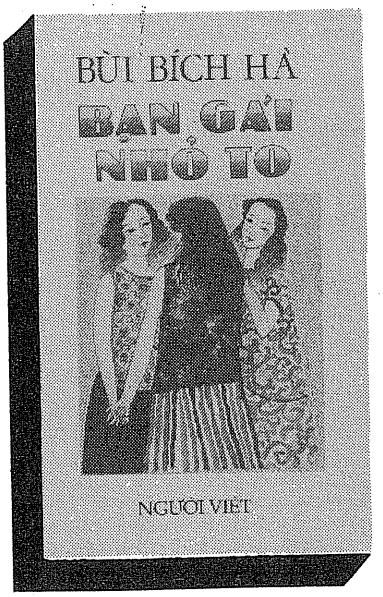

Sách dày 432 trang.
Giá tại Hoa Kỳ: **$14.00**
Ngoài Hoa Kỳ: **$15.00**

NHẬN VISA & MASTER CARD
CHECK & MONEY ORDER

WORLD JADE CO.

8902 Reseda Blvd., Northridge, CA 91324

(818) 886-1815 Fax: (818) 346-3364

Tel: (818) 347-8145 (Sau 8 giờ tối và ngày Chủ Nhật)

CÔNG TY CÓ UY TÍN LỚN TẠI NAM CALI ĐẢM NHẬN CÁC DỊCH VỤ

• DỊCH VỤ LIÊN LẠC ĐIỆN THOẠI VỀ VIỆT NAM

Bằng hệ thống viễn thông & điện toán hóa tối tân nhất hiện nay. Phục vụ nhanh chóng và hữu hiệu. Thân nhân quý khách sẽ được mời đến tại bưu điện gần nhất để điện đàm.

ĐẶC BIỆT CHỈ TÍNH TIỀN KHI BẮT ĐẦU ĐÀM THOẠI

THÀNH PHỐ: $6.95/1 Phút
NGOẠI Ô & TỈNH: $8.00/1 Phút

Tại thành phố: sẽ đàm thoại được ngay từ 12 đến 24 tiếng sau.
Từ ngoại ô: trong vòng 48 tiếng
Ngoài tỉnh: 3 ngày.

ĐẶC BIỆT: Nhà có phone sẵn, có thể liên lạc trong vòng 5 đến 10 phút sẽ đàm thoại được.

TOLL FREE # 1-800-666-8145

• DỊCH VỤ CHUYỂN FAX VỀ VIỆT NAM:

*** $9.95 Mỗi Fax khổ 8.1/2 X 14 tại Saigon**
*** $10.95 tại các tỉnh**

Trong vòng 30 phút, FAX sẽ về Việt Nam và 24 tiếng sau thân nhân sẽ nhận được.

*** CÔNG TY PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH 24/24 & 7 NGÀY MỘT TUẦN**

• Cần nhận thêm đại lý tại địa phương và các tiểu bang. Điều kiện dễ dàng và hoa hồng cao.

• DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN

Chuyển tiền Mỹ:	**Nhận 100 USA tiền mặt tại Việt Nam**
Thành phố:	**Trả 12 đồng tiền huê hồng (112 đồng)**
Ngoại ô:	**Trả 15 đồng tiền huê hồng (115 đồng)**
Ngoài tỉnh:	**Trả 18 đồng (118 đồng)**

• CHUYỂN TIỀN VIỆT NAM:

Thành phố: 100 Dollars: $700,000 VN
Ngoại ô: 100 Dollars: $680,000 VN

Giao tận nhà - Giá cao - Có biên nhận hồi báo từ 3 đến 7 ngày

• DỊCH VỤ CHUYỂN VÀNG:

VÀNG 9999 (BỐN SỐ 9): MỘT LƯỢNG VÀNG GIAO TẠI VIỆT NAM

Trả 510 $US (sẽ hạ hơn nếu giá vàng thị trường giảm)

Nhận thư hỏa tốc + Video Cassette

Trả tiền mỗi tháng

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

ABR — FACR — FACNM

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN,
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

10051 Bolsa Avenue, # A-2,
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 / 839-4321

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
- Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
- Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
- Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
- Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.
- Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
- Nguyên Bác sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
- Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- Truy tầm và hợp tác với các Bác Sĩ chuyên môn để trị liệu các Bệnh Ung Thư Ngực, Cổ, Tử Cung, Bao Tử, Ruột, Phổi v.v...

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.

Giá 3.00 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK